

# THƯ MỤC QUỐC GIA THÁNG 05 NĂM 2026

## THÔNG TIN HỌC VÀ TÁC PHẨM TỔNG QUÁT

1. Dương Thế Hùng. Tuyển tập phóng sự ký sự miền Tây : Miền Tây qua góc nhìn của người làm báo / Dương Thế Hùng. - H. : Lao động, 2025. - 246 tr. : ảnh, bản đồ ; 20 cm. - 99000đ. - 300b

Phụ lục cuối mỗi bài s627456

2. Đường sách Thành phố Hồ Chí Minh - Hành trình 10 năm lan tỏa tri thức và những giá trị văn hóa tốt đẹp / Lê Hoàng, Phan Xuân Thủy, Dương Anh Đức... - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 341 tr. : ảnh ; 19x26 cm. - 500b s628586

3. Lý Thị Ngọc Dung. Vai trò của cộng đồng trong hoạt động trưng bày bảo tàng : Sách chuyên khảo / Lý Thị Ngọc Dung. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 227 tr. : bảng, sơ đồ ; 24 cm. - 210000đ. - 250b

Thư mục: tr. 219-227 s626871

4. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật - 80 năm xây dựng và phát triển (1945 - 2025) / B.s.: Võ Văn Bé, Lê Thị Thực, Bùi Thị Ánh Hồng... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 462 tr. : minh họa ; 24 cm. - 1000b

Phụ lục: tr. 425-458 s627119

5. Phạm Thu Hằng. Lịch sử - Văn hóa địa phương trong hoạt động giáo dục của bảo tàng tỉnh, thành phố ở Việt Nam : Sách chuyên khảo / Phạm Thu Hằng. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 205 tr. : minh họa ; 24 cm. - 180000đ. - 250b

Thư mục: tr. 191-205 s626872

## TIN HỌC, TRI THỨC VÀ HỆ THỐNG

6. Bài tập Tin học cơ bản 1 / B.s.: Phạm Minh Tú (ch.b.), Vũ Thị Tuyết Lan, Nguyễn Thị Sinh Chi, Nguyễn Hoài Phương. - H. : Lao động, 2025. - 269 tr. : minh họa ; 21 cm. - 75000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Bộ Nội vụ. Trường Đại học Lao động - Xã hội s627464

7. Bí ẩn mãi mãi là bí ẩn. - In lần thứ 47. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 19 cm. - 50000đ. - 1500b

T.1. - 2025. - 158 tr. : ảnh s628607

8. Bí ẩn mãi mãi là bí ẩn. - In lần thứ 37, tái bản lần thứ 15. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 19 cm. - 50000đ. - 1000b

T.3. - 2025. - 175 tr. : ảnh s628608

9. Bùi Thị Thúy Chi. Giáo trình CorelDRAW / B.s.: Bùi Thị Thúy Chi (ch.b.), Đinh Thế An Huy. - H. : Lao động, 2025. - 173 tr. : minh họa ; 21 cm. - 79000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ. - Thư mục: tr. 173 s627466

10. Diệp Phương Chi. Phương pháp nghiên cứu khoa học : Sách tham khảo / Diệp Phương Chi. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 226 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 250b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục cuối mỗi chương s626926

11. Dương Thị Kim Oanh. Tư duy hệ thống / Dương Thị Kim Oanh. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 199 tr. : minh họa ; 24 cm. - 250b  
ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục: tr. 188-199 s626903
12. Dương Tôn Đàm. Toán cho công nghệ thông tin / Dương Tôn Đàm. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - ix, 181 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 100000đ. - 100b  
ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Trường Đại học Công nghệ thông tin. - Thư mục: tr. 175-181 s627533
13. Đặng Thành Tín. Hệ thống máy tính và lập trình / Đặng Thành Tín. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2023. - 791 tr. : minh họa ; 24 cm. - 236000đ. - 200b  
ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Trường Đại học Bách khoa. - Phụ lục: tr. 761-790.- Thư mục: tr. 791 s626881
14. Giáo trình Lập trình Blockchain và hợp đồng thông minh : Dành cho ngành Khoa học dữ liệu / B.s.: Trần Thế Vinh, Nguyễn Thị Khánh Tiên (ch.b.), Bùi Văn Thượng, Nguyễn Ngọc Thạch. - H. : Giao thông vận tải, 2025. - 240 tr. : minh họa ; 27 cm. - 218000đ. - 500b  
Đầu bìa sách ghi: Trường Đại học Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục: tr. 236-237. - Phụ lục: tr. 237-239 s627881
15. Giáo trình Nhập môn Công nghệ phần mềm / Vũ Thị Tuyết Lan (ch.b.), Nguyễn Thanh Huyền, Nguyễn Sao Mai... - H. : Lao động, 2025. - 472 tr. : minh họa ; 21 cm. - 123000đ. - 300b  
ĐTTS ghi: Bộ Nội vụ. Trường Đại học Lao động - Xã hội. - Thư mục: tr. 470-471 s627470
16. Giáo trình Phát triển hệ thống Web = Web systems development / Nguyễn Thanh Hải (ch.b.), Nguyễn Thị Thanh Hiền, Bùi Đăng Hà Phương, Sử Kim Anh. - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2026. - 189 tr. : bảng ; 24 cm. - 75000đ. - 50b  
Thư mục: tr. 187-189 s626846
17. Giáo trình Quản trị Windows Server / Trần Thị Bích Lan (ch.b.), Võ Văn Liệt, Lê Vũ Phương... - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2025. - 207 tr. : minh họa ; 28 cm. - 220000đ. - 50b  
Thư mục: tr. 207 s626632
18. Giáo trình Tin học cơ bản 1 / B.s.: Vũ Thị Tuyết Lan, Nguyễn Hoài Phương (ch.b.), Nguyễn Thị Sinh Chi... - H. : Lao động, 2025. - 391 tr. : minh họa ; 21 cm. - 105000đ. - 300b  
ĐTTS ghi: Bộ Nội vụ. Trường Đại học Lao động - Xã hội. - Thư mục: tr. 391 s627397
19. Giáo trình Tin học đại cương / Bùi Anh Tuấn, Trần Hữu Toán, Đặng Quốc Hưng (ch.b.), Vũ Thị Phương. - H. : Giao thông vận tải, 2026. - 239 tr. : minh họa ; 21 cm. - 150000đ. - 20b  
Thư mục: tr. 238 s627635
20. Hội thảo Quốc gia lần thứ XXVIII: Một số vấn đề chọn lọc của công nghệ thông tin và truyền thông : Chủ đề: Công nghệ và ứng dụng dựa trên dữ liệu : Toàn văn các báo cáo / Dinh Sinh Mai, Ta Van Dac, Dang Trong Hop... - H. : Khoa học - Công nghệ - Truyền thông, 2025. - xxvii, 968 tr. : minh họa ; 27 cm. - 200b  
ĐTTS ghi: Viện Công nghệ thông tin; Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật công nghiệp. - Thư mục cuối mỗi bài s626587
21. Hướng dẫn thực hành Powerpoint từ cơ bản đến nâng cao / Unica. - H. : Lao động, 2025. - 255 tr. : ảnh, bảng ; 21 cm. - 268000đ. - 5000b s627429

22. Kỷ yếu Hội thảo: Nghiên cứu khoa học giảng viên BETU lần thứ I năm - 2024 : Giải pháp phát triển bền vững trong kỹ thuật, kinh tế và giáo dục phù hợp điều kiện tỉnh Bình Dương / Phạm Tuấn Anh, Hoàng Quốc Tâm, Nguyễn Đăng Quang... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 282 tr. : minh họa ; 27 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương. - Thư mục cuối mỗi bài s627907

23. Kỷ yếu Hội thảo: Nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo trong sinh viên, cán bộ trẻ Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh mở rộng năm 2025 / Ngô Lương Hoàng Tùng, Nguyễn Tiến Thành, Nguyễn Cao Thị Minh Trang... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - viii, 223 tr. : minh họa ; 27 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Ban Cán sự Đoàn Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục cuối mỗi bài s627909

24. Lê Việt Hà. Giáo trình Kiểm thử phần mềm / Lê Việt Hà (ch.b.), Đặng Quốc Hữu, Trương Thị Chi. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2025. - xviii, 343 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 163000đ. - 250b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Thương mại. - Thư mục cuối mỗi chương s627152

25. Lê Vĩnh Thịnh. An toàn thông tin trong môi trường di động / Lê Vĩnh Thịnh. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 211 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 250b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh s626899

26. Ngân Tuệ. Người gieo hạt đầy khát vọng : Cuốn sách để đời dùng để thay đổi mọi cuộc đời / Ngân Tuệ. - H. : Thế giới, 2025. - 105 tr. ; 19 cm. - 1000b

Thư mục: tr. 104-105 s628714

27. Nguyễn Hữu Đạt. Data & AI thực chiến với Excel & Power BI / Nguyễn Hữu Đạt. - H. : Lao động, 2025. - 222 tr. : minh họa ; 21 cm. - 268000đ. - 5000b

ĐTTS ghi: Unica. - Thư mục: tr. 222 s627378

28. Nguyễn Hữu Trung. Lập trình Java web cơ bản : Giáo trình dùng cho sinh viên ngành Công nghệ thông tin / Nguyễn Hữu Trung (ch.b.), Mai Anh Thơ. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 383 tr. : minh họa ; 24 cm. - 250b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục: tr. 383 s626920

29. Nguyễn Hữu Trung. Lập trình Java web nâng cao : Giáo trình dùng cho sinh viên ngành Công nghệ thông tin / Nguyễn Hữu Trung. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 267 tr. : minh họa ; 24 cm. - 250b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục: tr. 267 s626917

30. Nguyễn Mạnh Hùng. Giáo trình Máy học / Nguyễn Mạnh Hùng. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 290 tr. : minh họa ; 24 cm. - 250b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh. - Phụ lục: tr. 285-289. - Thư mục: tr. 290 s626923

31. Nguyễn Ngọc Giang. Tích hợp Toán, Tin & Vật lí : Sách dành cho học sinh, sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh các chuyên ngành Toán, Tin và Vật lí... / Nguyễn Ngọc Giang. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 397 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 240000đ. - 1000b

Phụ lục: tr. 342-394. - Thư mục: tr. 395 s628154

32. Nguyễn Quốc Bảo. 30 ngày thành thạo Photoshop / Nguyễn Quốc Bảo. - H. : Lao động. - 21 cm. - 268000đ. - 3000b  
Cuốn 1: Làm chủ bộ công cụ. - 2025. - 239 tr. : ảnh s627427
33. Nguyễn Quốc Bảo. 30 ngày thành thạo Photoshop / Nguyễn Quốc Bảo. - H. : Lao động. - 21 cm. - 268000đ. - 3000b  
Cuốn 2: Ứng dụng và nâng cao kỹ năng. - 2025. - 231 tr. : ảnh s627428
34. Nguyễn Thị Thu Trang. Giáo trình Phương pháp luận nghiên cứu khoa học / Nguyễn Thị Thu Trang (ch.b.), Đặng Hữu Phúc. - Tái bản lần 1. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 193 tr. ; 24 cm. - 50000đ. - 2000b  
Thư mục: tr. 180-182. - Phụ lục: tr. 183-193 s626775
35. Nguyễn Văn Tuấn. Đi vào nghiên cứu khoa học / Nguyễn Văn Tuấn. - Tái bản lần thứ 8, có bổ sung. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 387 tr. : bảng ; 19 cm. - 150000đ. - 2000b s628629
36. Phạm Huỳnh Thế. Xây dựng các dự án IoT (giao thức) : Dành cho sinh viên chuyên ngành điện, điện tử - tự động hóa - robot - bưu chính viễn thông - công nghệ thông tin / Phạm Huỳnh Thế, Thái Hoàng Linh, Phạm Quang Huy. - H. : Lao động, 2026. - 431 tr. : minh họa ; 24 cm. - 204000đ. - 900b  
Thư mục: tr. 2 s627514
37. Phạm Quang Huy. Trí tuệ nhân tạo - Học máy và ứng dụng : Lý thuyết - Thực hành / Phạm Quang Huy, Nguyễn Tất Bảo Thiện, Nguyễn Quốc Huy. - H. : Lao động, 2026. - 431 tr. : minh họa ; 24 cm. - 205000đ. - 900b  
Thư mục: tr. 2. - Phụ lục: tr. 417-430 s627512
38. Sổ tay 250+ phím tắt & thủ thuật tin học văn phòng : x3 hiệu suất công việc / Unica. - H. : Tri thức, 2025. - 31 tr. : bảng ; 21 cm. - 60000đ. - 10000b s626720
39. Tài liệu ứng dụng công nghệ thông tin và năng lực số cơ bản / Lê Nhật Duy (ch.b.), Giảng Thanh Trọn, Từ Thị Xuân Hiền... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 331 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 130000đ. - 3000b  
Thư mục: tr. 331 s626770
40. Tatler - Nhã tập tinh hoa / Hải Đăng, Phuong Thanh Ngo, Yên Minh... - H. : Thông tấn. - 31 cm. - 299000đ. - 1500b  
Vol.9. - 2025. - 222 tr. : ảnh màu s626594
41. Trần Công Hùng. Giáo trình Điện toán đám mây / Trần Công Hùng (ch.b.), Huỳnh Đệ Thủ, Phan Thanh Hy. - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 117 tr. : minh họa ; 27 cm. - 110000đ. - 500b  
ĐTTS ghi: Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn. - Thư mục: tr. 116-117 s626585
42. Trần Tín Nghị. Ứng dụng AI trong nghiên cứu khoa học: Cẩm nang cho nhà nghiên cứu trẻ / Trần Tín Nghị, Nguyễn Văn Khả. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 159 tr. : bảng ; 24 cm. - 200000đ. - 1000b  
Thư mục: tr. 155-159 s626812
43. Trí tuệ nhân tạo vì mục đích tốt đẹp: Ứng dụng trong phát triển bền vững hoạt động nhân đạo và y tế / William B. Weeks, Juan M. Lavista Ferres, Caleb Robinson... ; Dịch: Bùi Văn Huy... ; H.đ.: Nguyễn Đức Nhật, Đào Duy Nghĩa. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 447 tr. : minh họa ; 24 cm. - 1000b  
Tên sách tiếng Anh: AI for good: Applications in sustainability, humanitarian action, and health s627112

44. Trương Quang Nghĩa. Lập trình bằng ngôn ngữ LabVIEW / Trương Quang Nghĩa (ch.b.), Trần Quang Trung. - Tái bản lần thứ 1. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - x, 302 tr. : minh họa ; 28 cm. - 500000đ. - 50b  
Phụ lục: tr. 293-301. - Thư mục: tr. 302 s626612

45. Trương Trần Hoàng Phúc. Triết học về trí tuệ nhân tạo = Philosophy of artificial intelligence : Sách chuyên khảo / Trương Trần Hoàng Phúc, Vũ Văn Thành. - H. : Lao động, 2025. - 396 tr. : bảng, biểu đồ ; 24 cm. - 866000đ. - 500b  
Thư mục: tr. 368-395 s627525

## TRIẾT HỌC

46. Aldridge, Ben. Tư duy kiên cường : 43 cách sống thoải mái trong bất an / Ben Aldridge ; Thái Dương dịch. - H. : Hồng Đức, 2026. - 287 tr. ; 21 cm. - 168000đ. - 1500b  
Tên sách tiếng Anh: How to be comfortable with being uncomfortable s627368

47. Anh Tấn. Người quản trị cảm xúc / Anh Tấn. - H. : Lao động, 2025. - 379 tr. : ảnh ; 21 cm. - 300000đ. - 2000b s627374

48. Bhan Yoo Wha. Tâm lý học dành cho phái nữ / Bhan Yoo Wha ; Minh Thùy dịch. - H. : Lao động, 2025. - 215 tr. ; 21 cm. - 129000đ. - 2000b  
Tên sách tiếng Hàn: 여자들을 위한 심리학. - Thư mục: tr. 213-215 s627438

49. Bono, Edward de. 6 chiếc mũ tư duy = Six thinking hats / Edward de Bono ; Nguyễn Hữu Dũng dịch. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Thế giới, 2026. - 243 tr. ; 21 cm. - (Tủ sách Tư duy và sáng tạo). - 119000đ. - 1000b s627693

50. Brewer, Judson. Tự chủ với âu lo, tự do với cảm xúc : Khoa học chữa lành để cảm xúc hỗ trợ thay vì chống lại bạn / Judson Brewer ; Phạm Trúc Quỳnh dịch. - H. : Lao động, 2023. - 435 tr. ; 21 cm. - 189000đ. - 2000b  
Tên sách tiếng Anh: Unwinding anxiety s627544

51. Bulkeley, Kelly. Năng lực tâm linh của giấc mơ / Kelly Bulkeley ; Âu Minh dịch. - H. : Thế giới, 2026. - 286 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 129000đ. - 5000b  
Tên sách tiếng Anh: The spirituality of dreaming s628196

52. Canfield, Jack. Sống với ước mơ = Living your dreams : Song ngữ Anh - Việt / Jack Canfield, Mark Victor Hansen ; First News biên dịch. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 175 tr. ; 21 cm. - (Hạt giống tâm hồn). - 76000đ. - 1000b s626788

53. Canfield, Jack. Theo dòng thời gian / Jack Canfield, Mark Victor Hansen ; Phương Hạ dịch. - Tái bản có chỉnh sửa, bổ sung. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 174 tr. ; 21 cm. - (Hạt giống tâm hồn; T.10). - 76000đ. - 1000b s626791

54. Carnegie, Dale. Quẳng gánh lo đi & vui sống = How to stop worrying and start living : Những ý tưởng tuyệt vời để sống thanh thản và hạnh phúc / Dale Carnegie ; Nguyễn Văn Phước dịch. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 359 tr. ; 21 cm. - 86000đ. - 5000b s626796

55. Clear, James. Thay đổi tí hon - Hiệu quả bất ngờ : Tạo thói quen tốt, bỏ thói quen xấu bằng phương pháp đơn giản mà hiệu quả / James Clear ; Dịch: Vũ Phi Yên, Trần Quỳnh Như. - Tái bản lần 8. - H. : Thế giới, 2026. - 385 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 189000đ. - 7000b  
Tên sách tiếng Anh: Atomic habits : An easy & proven way to build good habits & break bad ones. - Phụ lục: tr. 327-385 s628221

56. Cock, Tracey De. Sống vững vàng : Từ tâm lý học hành vi đến hiểu mình, hiểu người, hiểu đời để xây dựng cuộc sống thịnh vượng / Tracey De Cock. - H. : Thế giới, 2026. - 324 tr. : minh họa ; 24 cm. - 379000đ. - 1050b s628206

57. Cordeiro, Wayne. Thái độ quyết định thành công = Attitudes that attract success / Wayne Cordeiro ; Dịch: Kim Vân, Nhã Viện. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 143 tr. ; 21 cm. - 58000đ. - 1000b s626792

58. Daisuke Toda. Nghệ thuật kiên trì / Daisuke Toda ; Ien Dao dịch. - H. : Thế giới, 2026. - 164 tr. : bảng ; 18 cm. - 86000đ. - 1500b

Tên sách tiếng Nhật: 継続する技術 s628720

59. Dale, Carnegie. Đắc nhân tâm = How to win friends & influence people : Cuốn sách hay nhất mọi thời đại đưa bạn đến thành công / Carnegie Dale ; Nguyễn Văn Phước dịch. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 311 tr. : ảnh ; 21 cm. - 86000đ. - 10000b s626795

60. Denworth, Lydia. Lược sử về tình bạn : Khám phá bản năng gắn kết của loài người / Lydia Denworth ; Lương Xuân Bách dịch. - H. : Lao động, 2025. - 379 tr. ; 21 cm. - 182000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Anh: Friendship : An evolutionary biography s627580

61. Diệu Tâm. Quay vào bên trong : Khám phá thế giới nội tâm của bạn / Diệu Tâm. - H. : Thế giới, 2025. - 270 tr. ; 21 cm. - 268000đ. - 1000b

Tên thật tác giả: Trần Thị Thúy Hà s627666

62. Du Lượng. Ứng dụng Disc để hiểu từng người xung quanh bạn / Du Lượng ; Trần Thủy Tiên dịch. - H. : Hồng Đức, 2026. - 290 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 179000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Trung: 懂得: 影响你一生的DISC识人术 s627347

63. Du Lượng. Ứng dụng Disc để hiểu từng người xung quanh bạn / Du Lượng ; Trần Thủy Tiên dịch. - H. : Hồng Đức, 2026. - 251 tr. ; 21 cm. - 158000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Trung: 懂得: 影响你一生的DISC识人术 s627338

64. Duhigg, Charles. Sức mạnh của thói quen / Charles Duhigg ; Lê Thảo Ly dịch. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Lao động, 2025. - 433 tr. ; 21 cm. - 169000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Anh: The power of habit. - Phụ lục: tr. 417-433 s627571

65. Đặng Thành. Làm tốt hơn hay làm tốt nhất - Hướng đi nên chọn : Không phải hoàn hảo, mà là trưởng thành / Đặng Thành. - H. : Thế giới, 2026. - 202 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 99000đ. - 500b s627664

66. Đoàn kết : 6+ / Nguyễn Hữu Long (ch.b.), Phạm Quỳnh Anh, Trần Thanh Hóa, Trần Thị Hồng Hạnh ; Minh họa: Đỗ Thu Thảo. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 109 tr. : bảng, tranh vẽ ; 19 cm. - (Em lớn lên cùng ca dao, tục ngữ, thành ngữ). - 65000đ. - 1500b s628572

67. Đức Phong. Đại Học Phong dao = 大學風謠 / Đức Phong, Ngô Văn Chiệu. - H. : Tri thức, 2025. - 127 tr. ; 19 cm. - 85000đ. - 800b s628746

68. Eco, Umberto. Lịch sử cái đẹp / Umberto Eco ; Lê Thúy Hiền dịch. - H. : Thế giới, 2026. - 439 tr. ; 24 cm. - 589000đ. - 1000b

Dịch từ nguyên bản tiếng Italia: Storia della bellezza s627704

69. Farb, Norman. Trọn vẹn từng giác quan = Better in every sense : Những khám phá khoa học mới về cảm giác giúp bạn giành lại cuộc đời mình / Norman Farb, Zindel Segal ; Vũ

Minh Tú dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 310 tr. : hình vẽ, ảnh ; 20 cm. - 145000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 298-306 s626825

70. Farrow, Dave. Lập trình não bộ : Làm chủ trí nhớ, sự tập trung, cảm xúc và giải phóng thiên tài bên trong bạn / Dave Farrow ; Nguyễn Tú dịch. - H. : Hồng Đức, 2026. - 362 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 208000đ. - 1000b s627336

71. Gia Đình. Đánh thức trí tuệ trẻ - Định luật Murphy : 20 định luật giúp trẻ rèn tâm luyện tính / S.t., b.s.: Gia Đình, Trí Đức. - H. : Hồng Đức, 2026. - 175 tr. : tranh màu ; 24 cm. - 150000đ. - 5000b s627371

72. Giáo trình Tâm lý học quản lý / B.s.: Nguyễn Hữu Thụ (ch.b.), Nguyễn Quang Uẩn, Phạm Thành Nghị, Lê Thị Minh Loan. - Tái bản lần 3. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2026. - 307 tr. : bìa ; 24 cm. - (Tủ sách Khoa học). - 135000đ. - 500b

Thư mục: tr. 304-307 s628163

73. Hách Văn Long. Quy tắc Mehrabian : Để cơ thể, giọng nói và ngôn ngữ phối hợp hoàn hảo - Mở ra hành trình giao tiếp thú vị / Hách Văn Long ; Tri Văn dịch. - H. : Tri thức, 2026. - 128 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 128000đ. - 5000b

Tên sách tiếng Trung: 漫画梅拉兵法则 s626734

74. Hawkins, David R. Bản đồ về ý thức : Giải mã trường năng lượng, khai phá sức mạnh phi thường trong con người bạn / David R. Hawkins ; Quế Chi dịch. - H. : Hồng Đức, 2026. - 323 tr. : hình vẽ, bìa ; 21 cm. - 198000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Anh: The map of consciousness explained : A proven energy scale to actualize your ultimate potential s627337

75. Hiểu Minh. 999 lá thư gửi cho chính mình\* : Chìa khóa chữa lành tâm hồn bạn / Hiểu Minh. - H. : Tri thức, 2025. - 214 tr. ; 19 cm. - 98000đ. - 5000b s628745

76. Hiểu thảo : 6+ / Nguyễn Hữu Long (ch.b.), Phạm Quỳnh Anh, Trần Thanh Hóa, Trần Thị Hồng Hạnh ; Minh họa: Đỗ Thu Thảo. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 105 tr. : tranh vẽ ; 19 cm. - (Em lớn lên cùng ca dao, tục ngữ, thành ngữ). - 65000đ. - 1500b s628571

77. Hill Chase. Từ chối là nghệ thuật, im lặng là trí tuệ, tỉnh thức là sức mạnh / Chase Hill ; Nguyễn Minh Nguyệt dịch. - H. : Lao động, 2025. - 311 tr. ; 21 cm. - 195000đ. - 2000b s627409

78. Hill, Napoleon. Chiến thắng con quỷ trong bạn : Bí quyết tự do và thành công / Napoleon Hill ; Nguyễn Mạnh Hùng dịch. - H. : Công Thương, 2026. - 331 tr. ; 16 cm. - 139000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Outwitting the devil s628325

79. Hisako Tokita. Sức mạnh của sự nhạy cảm : Để nhạy cảm trở thành món quà / Hisako Tokita ; Trần Cẩm dịch. - H. : Lao động, 2025. - 207 tr. ; 20 cm. - (Merry go round). - 125000đ. - 2000b s627478

80. Hoa Dương. Không tức giận bạn đã thắng / Hoa Dương ; Tuyết Mai dịch. - Tái bản. - H. : Thế giới, 2026. - 327 tr. ; 20 cm. - 149000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 不生气, 你就赢了. - Tên thật tác giả: Lý Khiết s627694

81. Hoàng Lập. Lời thì thầm tinh tú = Star whispers : Sách hướng dẫn / Tác giả, minh họa: Hoàng Lập. - H. : Thế giới, 2026. - 118 tr. ; 13 cm. - 300000đ. - 1000b s628730

82. Huệ Như Hạm Đạm. Tôi là người ít nói trong căn phòng ồn ào / Huệ Như Hạm Đạm. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 222 tr. ; 17 cm. - 99000đ. - 2000b s628430

83. Ihara Saikaku. Nhị thập bát hiệu / Ihara Saikaku ; Đào Bạch Liên dịch. - H. : Lao động, 2025. - 150 tr. ; 18 cm. - 65000đ. - 5000b s628858

84. Jam. 64 kiểu tư duy ngược - Nghệ thuật lật ngược vấn đề / Jam ; Hương Bùi dịch. - H. : Thế giới, 2026. - 175 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 99000đ. - 1500b s628195

85. Jayun. Hỏi bằng Tarot, trả lời bằng tâm lý học : Tarot và nghệ thuật thấu hiểu bản thân. Hành trình chữa lành từ bên trong / Jayun ; Hoa Bốn Mùa dịch. - H. : Lao động, 2025. - 223 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tủ sách Tâm lý học ứng dụng). - 139000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Hàn: 타로로 묻고 심리학이 답하다; Tên sách tiếng Anh: Asking with Tarot, answering with psychology s627481

86. Kahneman, Daniel. Tư duy nhanh và chậm = Thinking, fast and slow : Nên hay không nên tin vào trực giác? / Daniel Kahneman ; Dịch: Hương Lan, Xuân Thanh. - Tái bản lần thứ 16. - H. : Thế giới, 2026. - 611 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 269000đ. - 3000b s627701

87. Kahneman, Daniel. Tư duy nhanh và chậm = Thinking, fast and slow : Nên hay không nên tin vào trực giác? / Daniel Kahneman ; Dịch: Hương Lan, Xuân Thanh. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Thế giới, 2026. - 578 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 179000đ. - 3000b s627682

88. Khắc kỷ thời hiện đại : Cẩm nang sống vững vàng trong thế giới biến động / Spiderum. - H. : Thế giới, 2026. - 197 tr. ; 21 cm. - 145000đ. - 3000b s627665

89. King, Patrick. Nghệ thuật từ chối tinh tế : Dám nói "không" để: Thiết lập ranh giới, tôn trọng bản thân, duy trì các mối quan hệ lành mạnh / Patrick King ; Ngọc Đoàn Trang dịch. - H. : Thế giới, 2026. - 175 tr. ; 21 cm. - 99000đ. - 5000b

Tên sách tiếng Anh: How to say no : Stand your ground, assert yourself, and make yourself be seen s628198

90. Làm bạn với cảm xúc - Nhật kí thấu hiểu bản thân : Minh sẽ đồng hành cùng các bạn nhỏ từ 10 - 15 tuổi vượt qua những "con sóng" cảm xúc một cách bình an / Nguyễn Thị Thắm, Đặng Minh Khuê, Trần Phúc Quỳnh, Nguyễn Anh Vũ. - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 143 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 95000đ. - 3000b

ĐTTS ghi: Institute of psychological - Educational research and Application for braincare s626853

91. Lão Tử. Đạo đức kinh = 道德經 : Hán - Việt - Anh / Lão Tử ; Vũ Thế Ngọc dịch. - H. : Thế giới, 2026. - 210 tr. ; 21 cm. - (Tủ sách Kinh điển). - 99000đ. - 3000b

Thư mục: tr. 209-210 s627686

92. Lâm Bảo Ngọc. Ngộ - Một người ngộ ngộ đôi điều = Sense - From nonsense to sense / Lâm Bảo Ngọc. - H. : Thế giới, 2025. - 207 tr. : tranh vẽ ; 16 cm. - 188000đ. - 1000b s628726

93. Lee Kookhwan. Sống trọn vẹn buổi sáng, buổi chiều là tương lai : Những bài học giá trị giúp vượt qua mọi khó khăn / Lee Kookhwan ; Như Nguyệt dịch. - H. : Hồng Đức, 2026. - 263 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 158000đ. - 1500b s627330

94. Levi, Jonathan A. Huấn luyện não bộ học siêu tốc : Đọc nhanh, nhớ lâu, hiểu sâu / Jonathan A. Levi ; Lê Nguyễn Thúy Vi dịch. - H. : Hồng Đức, 2026. - 196 tr. ; 21 cm. - 138000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Anh: The only skill that matters s627318

95. Lê Bảo Ngọc. Không phải sói nhưng cũng đừng là cừu / Lê Bảo Ngọc. - H. : Thế giới, 2026. - 290 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - (Tủ sách Sống khác). - 128000đ. - 1000b s628220

96. Lịch cát tường âm dương Bình Ngọc 2026 / Tiên Phong Books b.s. - H. : Tri thức, 2026. - 102 tr. : hình vẽ, bảng ; 19 cm. - 35000đ. - 20000b s628307

97. Lư Trung Từ. Bát môn độn thuật : Khảo dịch - Nghiên cứu / Lư Trung Từ. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 210 tr. : bìa ; 19 cm. - 500b  
Phụ lục: tr. 111-210 s628306
98. Maii. Người bình thường tập lớn / Maii. - H. : Văn học, 2026. - 166 tr. ; 17 cm. - 92000đ. - 2000b  
Tên thật tác giả: Nguyễn Ngọc Mai s628846
99. Miêu Công Tử. 999 lá thư gửi cho chính mình : Phiên bản tô chữ tiếng Trung phồn thể / Miêu Công Tử ; Quỳnh Nhi dịch. - H. : Lao động, 2025. - 103 tr. ; 21 cm. - 79000đ. - 1000b  
Tên sách tiếng Trung: 愿你成为最好的自己: 写给自己的999封信 s627577
100. Minirth, Frank. Trí nhớ minh mẫn, tư duy sắc sảo : Các chiến lược chống lão hoá cho bộ não của bạn / Frank Minirth ; Lê Trúc Anh dịch. - H. : Hồng Đức, 2026. - 353 tr. ; 21 cm. - 208000đ. - 1000b  
Tên sách tiếng Anh: Strong memory, sharp mind s627335
101. Murphy, Joseph. Sức mạnh tiềm thức = The power of your subconscious mind / Joseph Murphy ; Nguyễn Nguyễn dịch. - H. : Hồng Đức, 2026. - 315 tr. ; 21 cm. - 183000đ. - 1000b s627346
102. Natalie Ngọc Anh. Mother. Monster. Miracles : Cô ấy từng làm mẹ. Rồi cô ấy biến thành quỷ dữ. Cho đến khi cô ấy tìm được phép màu / Natalie Ngọc Anh. - H. : Thế giới, 2026. - 221 tr. ; 19 cm. - 126000đ. - 1000b s628715
103. Nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên môn Giáo dục công dân ở các trường đại học sư phạm đáp ứng yêu cầu Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 : Sách chuyên khảo / Phạm Thị Thúy Vân (ch.b.), Lại Quốc Khánh, Nguyễn Thị Toan... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2026. - 261 tr. : bìa, biểu đồ ; 24 cm. - 168000đ. - 150b  
Thư mục: tr. 255-261 s628130
104. Nâng cao đạo đức công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức các cấp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp : Sách chuyên khảo / Nguyễn Văn Sơn, Nguyễn Thái Ngọc (ch.b.), Nguyễn Văn Thu... - H. : Lý luận Chính trị, 2026. - 176 tr. : bìa, biểu ; 21 cm. - 150000đ. - 150b  
Phụ lục: tr. 157-163. - Thư mục: tr. 164-172 s626656
105. Nguyễn Chương Nhiếp. Thay tư duy đổi số phận / Nguyễn Chương Nhiếp. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 179 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 126000đ. - 500b s626929
106. Nguyễn Hạnh. Sống tử tế : 3+ / Nguyễn Hạnh, Trần Thị Thanh Nguyên ; Minh họa: Hiền Vy. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 117 tr. : tranh vẽ ; 19 cm. - (500 câu chuyện đạo đức). - 40000đ. - 2000b s628570
107. Nguyễn Hạnh. Tình bạn : 3+ / Nguyễn Hạnh, Hải Linh ; Minh họa: Lonie Nguyễn. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 81 tr. : tranh vẽ ; 19 cm. - (500 câu chuyện đạo đức). - 40000đ. - 2000b s628569
108. Nguyễn Hạnh. Việc nhỏ rèn chí lớn : 3+ / Nguyễn Hạnh, Trần Thị Thanh Nguyên ; Minh họa: Lonie Nguyễn. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 109 tr. ; 19 cm. - (500 câu chuyện đạo đức). - 40000đ. - 2000b s628568
109. Nguyễn Hiến Lê. Kinh Dịch - Đạo của người quân tử / Nguyễn Hiến Lê. - H. : Hồng Đức, 2026. - 509 tr. : hình vẽ, bìa ; 24 cm. - 288000đ. - 1000b  
Phụ lục trong chính văn s627354

110. Nguyễn Hiến Lê. Lão Tử - Đạo đức kinh / Nguyễn Hiến Lê. - H. : Hồng Đức, 2026. - 295 tr. ; 21 cm. - (Bách gia tranh minh). - 179000đ. - 1000b s627342
111. Nguyễn Hiến Lê. Liệt Tử và Dương Tử / Nguyễn Hiến Lê. - H. : Hồng Đức, 2026. - 219 tr. ; 21 cm. - (Bách gia tranh minh). - 138000đ. - 1000b s627343
112. Nguyễn Hiến Lê. Mặc Tử và Biệt Mặc / Nguyễn Hiến Lê. - H. : Hồng Đức, 2026. - 487 tr. ; 21 cm. - (Bách gia tranh minh). - 238000đ. - 1000b s627340
113. Nguyễn Hiến Lê. Tuân Tử / Nguyễn Hiến Lê, Giản Chi. - H. : Hồng Đức, 2026. - 413 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (Bách gia tranh minh). - 228000đ. - 1000b  
Phụ lục: tr. 411-413 s627341
114. Nguyễn Hoài. Hạt lành gieo lại đời mình : Hành trình hữu cơ chân thật của Nguyễn Hoài / Nguyễn Hoài. - H. : Thế giới, 2026. - 221 tr. ; 21 cm. - 159000đ. - 1000b  
Phụ lục cuối chính văn s628193
115. Nguyễn Thị Hồng Tuyền. Kỹ năng xử lý tình huống ở bộ môn Giáo dục công dân cấp trung học cơ sở / Nguyễn Thị Hồng Tuyền. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2025. - 246 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 75000đ. - 500b s627140
116. Nguyễn Thị Thu Thảo. Nghĩ to to, làm nho nhỏ, nhé! : Thiết kế bản đồ tuổi trẻ theo cách của bạn / Nguyễn Thị Thu Thảo. - H. : Công Thương, 2026. - 184 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 155000đ. - 1000b s627273
117. Nguyễn Thơ Sinh. Đặc điểm tâm lý học sinh, kinh nghiệm từ những bài học thực tế / Nguyễn Thơ Sinh. - H. : Lao động, 2025. - 208 tr. : ảnh ; 24 cm. - 250000đ. - 3000b  
Phụ lục: tr. 167-204 s627529
118. Nguyễn Trung Hải. Giáo trình Đạo đức nghề công tác xã hội / Nguyễn Trung Hải (ch.b.), Nguyễn Huyền Linh, Nguyễn Thị Huệ. - H. : Lao động, 2025. - iv, 208 tr. : bảng ; 21 cm. - 56000đ. - 300b  
ĐTTS ghi: Bộ Nội vụ. Trường Đại học Lao động - Xã hội. - Thư mục: tr. 203-205 s627403
119. Nguyễn Xuân Vĩnh. Chỉ cần bạn bắt đầu / Nguyễn Xuân Vĩnh. - H. : Thế giới, 2026. - 190 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 138000đ. - 1000b s628210
120. Nhật ký trưởng thành của những đứa trẻ ngoan : Dành cho trẻ từ 6 đến 16 tuổi / S.t.: An Chi, Hà Lê. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật. - 19 cm. - (Tủ sách Xã - Phường - Đặc khu). - 41000đ. - 5000b  
T.1: Sức mạnh của lòng trung thực. - 2026. - 67 tr. : hình vẽ s628818
121. Nhật ký trưởng thành của những đứa trẻ ngoan : Dành cho trẻ từ 6 đến 16 tuổi / S.t.: An Chi, Hà Lê. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật. - 19 cm. - (Tủ sách Xã - Phường - Đặc khu). - 41000đ. - 5000b  
T.2: Sức mạnh của lòng dũng cảm. - 2026. - 67 tr. : hình vẽ s628819
122. Nhật ký trưởng thành của những đứa trẻ ngoan : Dành cho trẻ từ 6 đến 16 tuổi / S.t.: An Chi, Hà Lê. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật. - 19 cm. - (Tủ sách Xã - Phường - Đặc khu). - 39000đ. - 5000b  
T.3: Sức mạnh của lòng bao dung. - 2026. - 63 tr. : hình vẽ s628820
123. Nhật ký trưởng thành của những đứa trẻ ngoan : Dành cho trẻ từ 6 đến 16 tuổi / S.t.: An Chi, Hà Lê. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật. - 19 cm. - (Tủ sách Xã - Phường - Đặc khu). - 39000đ. - 5000b  
T.4: Sức mạnh của lòng biết ơn. - 2026. - 64 tr. : hình vẽ s628821

124. Nhật ký trưởng thành của những đứa trẻ ngoan : Dành cho trẻ từ 6 đến 16 tuổi / S.t.: An Chi, Hà Lê. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật. - 19 cm. - (Tủ sách Xã - Phường - Đặc khu). - 39000đ. - 5000b

T.5: Vượt lên chính mình. - 2026. - 64 tr. : hình vẽ s628822

125. Nhật ký trưởng thành của những đứa trẻ ngoan : Dành cho trẻ từ 6 đến 16 tuổi / S.t.: An Chi, Hà Lê. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật. - 19 cm. - (Tủ sách Xã - Phường - Đặc khu). - 41000đ. - 5000b

T.6: Việc học không đáng sợ. - 2026. - 68 tr. : hình vẽ s628823

126. Nhật ký trưởng thành của những đứa trẻ ngoan : Dành cho trẻ từ 6 đến 16 tuổi / S.t.: An Chi, Hà Lê. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật. - 19 cm. - (Tủ sách Xã - Phường - Đặc khu). - 37000đ. - 5000b

T.7: Mẹ! Hãy để con tự làm. - 2026. - 60 tr. : hình vẽ s628824

127. Nhật ký trưởng thành của những đứa trẻ ngoan : Dành cho trẻ từ 6 đến 16 tuổi / S.t.: An Chi, Hà Lê. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật. - 19 cm. - (Tủ sách Xã - Phường - Đặc khu). - 41000đ. - 5000b

T.8: Trưởng thành cùng thói quen tốt. - 2026. - 68 tr. : hình vẽ s628825

128. Nhật ký trưởng thành của những đứa trẻ ngoan : Dành cho trẻ từ 6 đến 16 tuổi / S.t.: An Chi, Hà Lê. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật. - 19 cm. - (Tủ sách Xã - Phường - Đặc khu). - 37000đ. - 5000b

T.9: Cho đi là nhận lại. - 2026. - 60 tr. : hình vẽ s628826

129. Nhật ký trưởng thành của những đứa trẻ ngoan : Dành cho trẻ từ 6 đến 16 tuổi / S.t.: An Chi, Hà Lê. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật. - 19 cm. - (Tủ sách Xã - Phường - Đặc khu). - 39000đ. - 5000b

T.10: Tự tin dần bước. - 2026. - 63 tr. : hình vẽ s628827

130. Nhường nhịn / Tiên Phong ; Minh họa: Ngân Nục. - H. : Tri thức, 2025. - 39 tr. : tranh màu ; 19 cm. - (Gieo mầm tính cách cho bé). - 20000đ. - 5000b s628749

131. Nobuyuki Oshima. EQ cao : Sức mạnh của điềm tĩnh và thấu hiểu / Nobuyuki Oshima ; Trịnh Ngọc Lan dịch. - H. : Lao động, 2025. - 133 tr. ; 21 cm. - 99000đ. - 2000b s627414

132. Nữ quyền - Khí chất của phụ nữ hiện đại / Siribooks. - H. : Công Thương, 2026. - 253 tr. ; 24 cm. - 360000đ. - 10000b s627297

133. Pease, Allan. Cuốn sách hoàn hảo về ngôn ngữ cơ thể = The definitive book of body language / Allan Pease, Barbara Pease ; Lê Huy Lâm dịch. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 452 tr. : minh họa ; 22 cm. - 298000đ. - 3000b

Thư mục: tr. 445-452 s626799

134. Phan Hồ Điệp. Kỹ năng giải quyết vấn đề để trở thành đứa trẻ có EQ "cao" ngoài xã hội : 5 - 11 tuổi / Phan Hồ Điệp. - H. : Lao động, 2025. - 83 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Phát triển trí thông minh cảm xúc EQ). - 215000đ. - 10000b s627622

135. Phan Hồ Điệp. Kỹ năng giải quyết vấn đề để trở thành đứa trẻ có EQ "cao" trong gia đình & nhà trường : 5 - 11 tuổi / Phan Hồ Điệp. - H. : Lao động, 2025. - 174 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Phát triển trí thông minh cảm xúc EQ). - 358000đ. - 10000b s627621

136. Phan Văn Trường. Tư duy dã tràng : Tìm trí giao tranh / Phan Văn Trường. - In lần thứ 4. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 331 tr. : tranh vẽ ; 23 cm. - 160000đ. - 1500b s628237

137. Phụ nữ biết nói - Đạt được mọi thứ chỉ bằng lời nói / Siribooks. - H. : Công Thương, 2026. - 204 tr. ; 24 cm. - 360000đ. - 10000b s627295

138. Phụng Nghi. Thảo mộc tánh linh / Phụng Nghi. - H. : Lao động. - 19 cm. - 15000đ.  
- 1000b  
T.1. - 2025. - 155 tr. - Thư mục: tr. 155 s628844
139. Phước Tâm An. Hành trình chữa lành : Thức tỉnh và trở về chính mình / Phước Tâm An. - H. : Thế giới, 2026. - 164 tr. ; 19 cm. - 125000đ. - 500b  
Tên thật tác giả: Phạm Thị Ý Nhi s628719
140. Pink, Daniel H. Sức mạnh của sự hối tiếc = The power of regret / Daniel H. Pink ; Từ Uyển Linh dịch. - H. : Dân trí, 2025. - 338 tr. ; 19 cm. - 195000đ. - 2000b s628658
141. Quách Nghiê. Dòng sông của sự sống : Giải ảo Tâm linh 3000 năm - Đối thoại giữa khoa học và thế giới vô hình / Quách Nghiê. - H. : Tri thức, 2026. - 242 tr. ; 24 cm. - 219000đ. - 500b  
Thư mục: tr. 238-239 s626728
142. Quách Nghiê. Ngôn ngữ bản thể của sự sống: Ontoseme : Đưa ý thức, sáng tạo, tâm linh và siêu hình trở về với tự nhiên sống / Quách Nghiê. - H. : Tri thức, 2026. - 304 tr. ; 24 cm. - (Tủ sách Tự nhiên sống). - 259000đ. - 500b  
Thư mục: tr. 279-280. - Phụ lục: tr. 281-298 s626729
143. Quách Nghiê. Sáng tạo, hệ sinh thái sáng tạo : Năng lực sáng tạo Việt, từ cội nguồn tới tương lai / Quách Nghiê. - H. : Tri thức, 2026. - 252 tr. ; 24 cm. - (Tủ sách Tự nhiên sống). - 249000đ. - 500b  
Phụ lục: tr. 209-243. - Thư mục: tr. 244-248 s626730
144. Quách Nghiê. Tetraism - Bản thể học của tự nhiên sống : Từ Nhất nguyên, Nhị nguyên Lương tử đến Tứ nguyên tích hợp / Quách Nghiê. - H. : Tri thức, 2026. - 276 tr. ; 24 cm. - (Tủ sách Tự nhiên sống). - 349000đ. - 500b  
Thư mục: tr. 248-250. - Phụ lục: tr. 251-266 s626731
145. Roman, Sanaya. Nam châm tiền bạc : Khám phá sức mạnh nội tại, rèn luyện tâm trí, vận dụng luật hấp dẫn để thu hút sự giàu có / Sanaya Roman, Duane Packer ; Minh Tuệ dịch. - H. : Thế giới, 2026. - 362 tr. ; 19 cm. - 219000đ. - 2000b  
Tên sách tiếng Anh: Creating money s628729
146. Ross, Mike James. Intentions - Hành trình đi tìm chính mình / Mike James Ross, Sekoul Theodor Krastev, Dan Pilat ; Nguyễn Cao Kỳ Anh dịch. - H. : Lao động, 2025. - 399 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 229000đ. - 2000b  
Tên sách tiếng Anh: Intentions - The surprising psychology of high performers s627372
147. Sawyer, Heidi. Khi trực giác là món quà : 7 phẩm chất của não phải giúp phát huy sức mạnh trực giác = Highly intuitive people : 7 right brain traits to change the lives of intuitive sensitive people / Heidi Sawyer ; Ngân Nguyễn dịch. - H. : Hồng Đức, 2026. - 207 tr. ; 21 cm. - 128000đ. - 1500b s627332
148. Sở tay của một cô gái có phẩm giá. - H. : Thế giới, 2025. - 119 tr. ; 16 cm. - 86000đ. - 3000b s628703
149. Sư Lão Bối Nhĩ. 21 ngày phát triển thói quen tốt : Truyện tranh trẻ em / Sư Lão Bối Nhĩ ; Lemon dịch. - H. : Tri thức, 2026. - 63 tr. : tranh màu ; 19 cm. - 64000đ. - 5000b  
Tên sách tiếng Trung: 漫画21天养成好习惯 s628759
150. Tàn Trần. Dương mưu : Tu tâm dưỡng tính, làm chủ bản thân... / Tàn Trần, Triệu Từ Y. - H. : Lao động, 2025. - 395 tr. ; 21 cm. - 219000đ. - 2000b  
Tên sách tiếng Trung: 阳谋 s627411

151. Templar, Richard. Những quy tắc trong cuộc sống / Richard Templar ; Dương Kim Tuyền dịch. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Lao động, 2025. - 315 tr. ; 21 cm. - 129000đ. - 3000b  
 Tên sách tiếng Anh: The rules of life : A personal code for living a better, happier, more successful life s627565
152. Thảo Trần. Thức tỉnh con người lãnh đạo trong bạn : Từ lãnh đạo bản thân đến dẫn dắt tổ chức / Thảo Trần. - H. : Lao động, 2025. - 356 tr. : bảng ; 24 cm. - 279000đ. - 1000b s627518
153. Thích Nhất Hạnh. Ngày xuân bói Kiều : Một sinh hoạt văn hóa ngày Tết tại Làng Mai : Truyện Kiều / Thích Nhất Hạnh chọn quẻ, Nguyễn Du. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 83 tr. ; 18 cm. - 59000đ. - 2000b s628432
154. Thorpe, Scott. Tư duy như Einstein : Các phương pháp đơn giản để phá vỡ nguyên tắc và khám phá khả năng thiên tài tiềm ẩn trong bạn / Scott Thorpe ; Phạm Trần Long dịch. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Lao động, 2025. - 373 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - (Tủ sách Tư duy & Sáng tạo). - 159000đ. - 1000b  
 Tên sách tiếng Anh: How to think like Einstein : Simple ways to break the rules and discover your hidden genius. - Phụ lục: tr. 337-360 s627432
155. Thu Giang Nguyễn Duy Cần. Chu dịch huyền giải / Thu Giang Nguyễn Duy Cần. - In lần thứ 6. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 242 tr. : hình vẽ ; 19 cm. - (Tủ sách Thu Giang - Nguyễn Duy Cần). - 90000đ. - 1000b  
 Tên thật tác giả: Nguyễn Duy Cần. - Phụ lục: tr. 125-225. - Thư mục: tr. 226-234 s628604
156. Thu Giang Nguyễn Duy Cần. Thuật xử thế của người xưa / Thu Giang Nguyễn Duy Cần. - In lần thứ 24. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 134 tr. ; 19 cm. - 55000đ. - 2000b  
 Tên thật tác giả: Nguyễn Duy Cần. - Phụ lục: tr. 106-134 s628613
157. Tiên Phong. Chăm chỉ / Tiên Phong ; Minh họa: Hà Mai. - H. : Tri thức, 2025. - 35 tr. : tranh màu ; 19 cm. - (Gieo mầm tính cách cho bé). - 20000đ. - 5000b s628752
158. Tiên Phong. Dũng cảm / Tiên Phong ; Minh họa: Hà Mai. - H. : Tri thức, 2025. - 35 tr. : tranh màu ; 19 cm. - (Gieo mầm tính cách cho bé). - 20000đ. - 5000b s628751
159. Tiên Phong. Khiêm tốn / Tiên Phong ; Minh họa: Ngân Nụ. - H. : Tri thức, 2025. - 35 tr. : tranh màu ; 19 cm. - (Gieo mầm tính cách cho bé). - 20000đ. - 5000b s628757
160. Tiên Phong. Ngoan ngoãn / Tiên Phong ; Minh họa: Hà Mai. - H. : Tri thức, 2025. - 35 tr. : tranh màu ; 19 cm. - (Gieo mầm tính cách cho bé). - 20000đ. - 5000b s628750
161. Tiên Phong. Sạch sẽ / Tiên Phong ; Minh họa: Ngân Nụ. - H. : Tri thức, 2025. - 35 tr. : tranh màu ; 19 cm. - (Gieo mầm tính cách cho bé). - 20000đ. - 5000b s628755
162. Tiên Phong. Tiết kiệm / Tiên Phong ; Minh họa: Ngân Nụ. - H. : Tri thức, 2025. - 43 tr. : tranh màu ; 19 cm. - (Gieo mầm tính cách cho bé). - 20000đ. - 5000b s628756
163. Tiên Phong. Trung thực / Tiên Phong ; Minh họa: Ngân Nụ. - H. : Tri thức, 2025. - 39 tr. : tranh màu ; 19 cm. - (Gieo mầm tính cách cho bé). - 20000đ. - 5000b s628753
164. Tiên Phong. Tự tin / Tiên Phong ; Minh họa: Ngân Nụ. - H. : Tri thức, 2025. - 39 tr. : tranh màu ; 19 cm. - (Gieo mầm tính cách cho bé). - 20000đ. - 5000b s628754
165. Tiêu Thị Minh Hường. Giáo trình Tâm lý học người cao tuổi / Ch.b.: Tiêu Thị Minh Hường, Vũ Thúy Ngọc. - H. : Lao động, 2025. - 216 tr. ; 21 cm. - 56000đ. - 300b  
 ĐTTS ghi: Bộ Nội vụ. Trường Đại học Lao động - Xã hội. - Thư mục: tr. 207-215 s627416

166. Trách nhiệm : 6+ / Nguyễn Hữu Long (ch.b.), Phạm Quỳnh Anh, Trần Thanh Hóa, Trần Thị Hồng Hạnh ; Minh họa: Đỗ Thu Thảo. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 109 tr. : hình vẽ ; 19 cm. - (Em lớn lên cùng ca dao, tục ngữ, thành ngữ). - 65000đ. - 1500b s628573
167. Trang Tử. Nam Hoa Kinh / Trang Tử ; Nhượng Tống dịch ; Lâm Tây Trọng chú giải. - H. : Thế giới, 2026. - 486 tr. ; 21 cm. - 139000đ. - 1500b  
Tên thật tác giả: Trang Chu. - Tên sách tiếng Trung: 南華經 s627684
168. Trần Đăng Sinh. Giáo trình Lịch sử tư tưởng triết học Việt Nam và Tư tưởng triết học biện chứng Hồ Chí Minh / Trần Đăng Sinh, Trần Thị Hà Giang, Nguyễn Thị Thu Thủy. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 235 tr. ; 21 cm. - 100000đ. - 1000b  
Thư mục: tr. 228-233 s627079
169. Trần Văn Dân. Nghệ thuật thấu hiểu lòng người - Thuật nhìn người : Thấu hiểu người xung quanh bạn trong chớp mắt / Trần Văn Dân. - H. : Công Thương, 2026. - 221 tr. ; 21 cm. - 360000đ. - 20000b s627283
170. Trần Văn Dân. Trí tuệ cảm xúc cao thu phục lòng người : Bí quyết thành công... / Trần Văn Dân. - H. : Công Thương, 2026. - 255 tr. ; 21 cm. - 360000đ. - 20000b s627285
171. Trần Viết Hoàn. Đạo đức Bác Hồ - Tấm gương soi cho muôn đời / Trần Viết Hoàn. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 335 tr. ; 21 cm. - 198000đ. - 1000b s627054
172. Trí khôn của trẻ : 83 tư duy khôn ngoan giúp trẻ cạnh tranh tốt hơn trong cuộc sống : Truyện tranh / Siribooks. - H. : Công Thương, 2026. - 118 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 360000đ. - 5000b s627294
173. Trí Viễn. Sống đơn giản - Cội nguồn của tâm an / Trí Viễn. - H. : Công Thương, 2026. - 259 tr. ; 21 cm. - (Bách Trí Minh Đạo). - 168000đ. - 1000b s627281
174. Trí Viễn. Tề gia dưỡng người - Nền tảng của hạnh phúc / Trí Viễn. - H. : Công Thương, 2026. - 247 tr. ; 21 cm. - (Bách Trí Minh Đạo). - 168000đ. - 1000b s627282
175. Trí Viễn. Trí tuệ xử thế - Làm nên đại sự / Trí Viễn. - H. : Công Thương, 2026. - 275 tr. ; 21 cm. - (Bách Trí Minh Đạo). - 168000đ. - 1000b s627280
176. Trí Viễn. Tu dưỡng bản thân - Cách sống của người quân tử / Trí Viễn. - H. : Công Thương, 2026. - 263 tr. ; 21 cm. - (Bách Trí Minh Đạo). - 168000đ. - 1000b s627279
177. Trúc Mai. Hết mưa là nắng! / Trúc Mai. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 65 tr. : tranh vẽ ; 18 cm. - 50000đ. - 500b s628621
178. Trương Vũ. Tư duy thay đổi tư duy / Trương Vũ ; Tạ Hương Giang dịch. - Tái bản. - H. : Thế giới, 2026. - 229 tr. ; 20 cm. - 92000đ. - 2000b  
Tên sách tiếng Trung: 底层逻辑: 半秒钟看透问题本质. - Phụ lục: tr. 218-229 s627685
179. Tsuneko Nakamura. Nhân gian đáng giá / Tsuneko Nakamura, Hiromi Okuda ; Như Nữ dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 262 tr. ; 19 cm. - 128000đ. - 2000b s628343
180. Ứng xử lịch sự : Cuốn sách Phát triển kỹ năng giao tiếp ứng xử / Lia Books. - H. : Lao động, 2025. - 84 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 285000đ. - 5000b s627623
181. Văn Cát Nhi. Xé vài trang thanh xuân, đổi lấy một bản thân nỗ lực / Văn Cát Nhi ; Bạch Ngọc Sugar dịch. - H. : Hồng Đức, 2026. - 231 tr. ; 21 cm. - (Sống là không chờ đợi). - 138000đ. - 2000b  
Tên sách tiếng Trung: 撕几页青春,换一个努力的自己 s627339

182. Văn hóa phương Đông cổ đại: Trách nhật : Tìm hiểu ngày, giờ theo nguyên lý cổ phương Đông / S.t., soạn dịch: Võ Văn Ba. - Tái bản có sửa chữa. - H. : Hồng Đức, 2026. - 327 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 145000đ. - 1000b

Bút danh dịch giả: Tuệ Minh s627319

183. Watanabe Junichi. Bớt nhảy cảm để sống thanh thản : Nghệ thuật sinh tồn giữa đời chông gai / Watanabe Junichi ; Ngọc Chân dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 212 tr. ; 21 cm. - 108000đ. - 1500b

Dịch từ nguyên bản tiếng Nhật: 鈍感力 s626606

184. Weiss, Brian. Kiếp nào ta cũng tìm thấy nhau : Câu chuyện về những linh hồn tri kỷ vĩnh viễn không chia lìa / Brian Weiss ; Du An dịch. - In lần 23. - H. : Lao động, 2025. - 290 tr. ; 21 cm. - 129000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Anh: Only love is real s627579

185. Weiss, Brian L. Âm ảnh từ kiếp trước : Bí mật của sự sống và cái chết / Brian L. Weiss ; Trần Trung Hải dịch. - In lần 9. - H. : Lao động, 2025. - 317 tr. ; 21 cm. - 109000đ. - 1500b

Tên sách tiếng Anh: Many lives, many masters : The true story of a prominent psychiatrist, his young patient and the past-life therapy that changed both their lives s627572

186. Ý nghĩa cuộc sống / First News tổng hợp, thực hiện. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 143 tr. ; 21 cm. - (Hạt giống tâm hồn; T.6). - 76000đ. - 1000b s626790

187. Yamamoto Tsuyoshi. Mèo đi chân trần : Khi kết nối với đất mẹ, mọi việc đều trở nên thuận lợi / Yamamoto Tsuyoshi ; Dịch: Nguyễn Thị Tuyết Minh, Phan Thị Thùy Trang. - H. : Thế giới. - 21 cm. - 249000đ. - 500b

T.1. - 2026. - 221 tr. : minh họa s627663

188. Yoshihiro Ikeda. Tư duy thị giác / Yoshihiro Ikeda ; Lại Minh Tâm dịch. - H. : Đại học Kinh tế Quốc dân, 2025. - 238 tr. : minh họa ; 19 cm. - 179000đ. - 2000b s628334

## TÔN GIÁO

189. Bồ Đề tân văn / Trúc Lâm, Thường Chiếu, Thích Tâm Hạnh... - H. : Hồng Đức, 2026. - 335 tr. : ảnh màu ; 26 cm. - 1000b

ĐTTS ghi: Thiền viện Trúc Lâm Trí Đức s627357

190. Chadwick, David. Thiền ở ngay tại đây : Những câu chuyện giáo huấn và giai thoại của Shunryu Suzuki (1904 - 1971) / David Chadwick b.s. ; Nguyên Chân Việt Dũng dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 139 tr. : hình vẽ ; 19 cm. - 118000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Anh: Zen is right here : Teaching stories and anecdotes of Shunryu Suzuki s628713

191. Chân Quang. Đạo lý hay mỗi ngày = Daily moral insights / Chân Quang. - H. : Thế giới, 2025. - 319 tr. : hình vẽ ; 12 cm. - 50000đ. - 2000b s628702

192. Chùa Quảng Nghiêm (Trăm Gian) - Danh lam cổ tự / Thích Tiên Đạt, Thích Đàm Khoa (ch.b.), Thích Di Kiên... - H. : Thế giới, 2025. - 531 tr. : ảnh ; 24 cm. - 369000đ. - 500b  
ĐTTS ghi: Trung tâm Tư liệu Phật giáo Việt Nam. - Thư mục: tr. 527-528 s627675

193. Chùa Thiên Phúc (Chùa Bộc) - Di tích lịch sử, văn hóa / Thích Tiên Đạt, Thích Đàm Minh (ch.b.), Nguyễn Huy Khuyến... - H. : Thế giới, 2025. - 388 tr. : ảnh, bảng ; 24 cm. - 286000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trung tâm Tư liệu Phật giáo Việt Nam. - Phụ lục: tr. 273-377. - Thư mục: tr. 383-384 s627676

194. Di sản Hán nôm chùa Quảng Bá (Hoàng Ân tự) / Thích Tiến Đạt, Thích Thanh Phương (ch.b.), Thích Di Kiên... - H. : Thế giới, 2025. - 407 tr. : minh họa ; 24 cm. - 1000b

ĐTTS ghi: Trung tâm Tư liệu Phật giáo Việt Nam. - Phụ lục: tr. 373-404. - Thư mục: tr. 405-406 s627674

195. Giáo trình Tôn giáo và tín ngưỡng : Dùng cho hệ đào tạo Cao cấp lý luận chính trị / Đỗ Lan Hiền (ch.b.), Lê Văn Lợi, Hoàng Thị Lan... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Lý luận Chính trị, 2026. - 284 tr. ; 24 cm. - 81000đ. - 460b

ĐTTS ghi: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. - Thư mục cuối mỗi bài s626669

196. Goleman, Daniel. Tầm nhìn của Đức Đạt Lai Lạt Ma về thế giới / Daniel Goleman ; Diêu Nga dịch ; Pháp Huệ h.đ. - H. : Thế giới, 2026. - 351 tr. ; 24 cm. - 235000đ. - 2500b

Tên sách tiếng Anh: A force for good: The Dalai Lama's vision for our world s627700

197. Hà Vĩnh Thọ. Nghệ thuật và khoa học của sự chuyển hóa và biểu hiện : Minh kiến từ Phật giáo và thần kinh học / Hà Vĩnh Thọ ; Tùng dịch ; H.đ.: Nguyễn Phước Hải, Nguyễn Ngọc Thảo Nhi. - H. : Thế giới, 2026. - 270 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 145000đ. - 2000b s628104

198. Hae Min. Yêu những điều không hoàn hảo : Làm sao để chấp nhận chính mình trong một thế giới tuyệt vọng phấn đấu cho sự hoàn hảo / Hae Min ; Minh họa: Lee Eung Kyun ; Nguyễn Việt Tú Anh dịch. - H. : Thế giới, 2026. - 295 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 169000đ. - 5000b

Tên sách tiếng Anh: Love for imperfect things; Dịch từ nguyên bản tiếng Hàn: 완벽하지 않은 것들에 대한 사랑 s626802

199. Hải Triều Âm. Kinh Thủ Lăng Nghiêm giảng nghĩa / Thuyết giảng: Hải Triều Âm. - In lần thứ 2 có chỉnh sửa. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh. - 21 cm. - 2000b

Ph.1: Sa-ma-tha. - 2025. - 554 tr. s626780

200. Hải Triều Âm. Kinh Thủ Lăng Nghiêm giảng nghĩa / Thuyết giảng: Hải Triều Âm. - In lần thứ 2 có chỉnh sửa. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh. - 21 cm. - 2000b

Ph.2: Tam-ma. - 2025. - 451 tr. s626781

201. Hải Triều Âm. Kinh Thủ Lăng Nghiêm giảng nghĩa / Thuyết giảng: Hải Triều Âm. - In lần thứ 2 có chỉnh sửa. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh. - 21 cm. - 2000b

Ph.3: Thiên-na. - 2025. - 516 tr. s626782

202. Huệ Mẫn. Thấp sáng trí tuệ cho hạnh phúc cuộc đời / Huệ Mẫn, Trịnh Thạch Nham, Đào Tinh Oánh ; Hương Nguyễn dịch. - H. : Dân trí, 2025. - 75 tr. ; 15 cm. - (Đối thoại từ tâm - Cẩm nang trí tuệ). - 42000đ. - 1000b s628652

203. Kinh Nikāya tuyển tụng / Thi hóa: Minh Điệp. - Tái bản lần thứ 1. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh. - 24 cm. - 4000b

ĐTTS ghi: Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam. Trung tâm Nghiên cứu Phật giáo Khất sĩ

T.1. - 2025. - 460 tr. s628248

204. Kinh Pháp Cú = Dhammapada / Dịch: Thích Minh Châu, Narada. - H. : Tôn giáo, 2025. - 344 tr. ; 13 cm. - 40000đ. - 1000b s628698

205. Kinh thánh Cựu Ước và Tân Ước : Bản dịch mới. - H. : Tôn giáo, 2025. - 1427 tr. ; 17 cm. - 150000đ. - 5000b s628699
206. Kinh Thánh Tân Ước : Thêm phần lịch sử Sáng tạo cho đến thời Áp-ra-ham. Sáng thế 1:1-12:9 : Bản dịch mới. - H. : Tôn giáo, 2025. - 655 tr. ; 14 cm. - 40000b  
Phiên dịch từ nguyên bản Hy-bá-lai và Hy Lạp s628697
207. 15 năm Trí Đức Ni (2011 - 2026) / Thích Nhật Quang, Như Tịnh... ; Thiền phái Trúc Lâm Việt Nam Trí Đức Ni b.s. - H. : Hồng Đức, 2026. - 592 tr. : ảnh màu ; 26 cm. - 1500b s627356
208. Nguyễn Lê Sáu. Nghiên cứu văn bia Phật giáo xứ Đoài / Nguyễn Lê Sáu. - H. : Thế giới, 2025. - 365 tr. : ảnh, bảng ; 24 cm. - (Tùng thư Văn bia Việt Nam; Q.8). - 260000đ. - 300b  
ĐTTS ghi: Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Viện Nghiên cứu Hán Nôm; Viện Khảo cứu Cao cấp Pháp - EPHE. Dự án châu Âu Vietnamica. - Pháp danh tác giả: Thích Minh Tín. - Thư mục: tr. 253-261. - Phụ lục: tr. 262-359 s627702
209. Như Sầm. Hương quê cực lạc / Như Sầm ; Việt dịch: Thích Thiền Tâm. - H. : Hồng Đức, 2026. - 183 tr. ; 21 cm. - 50000đ. - 3000b  
Nguyên tác: Tư Quy Tập s627324
210. Osho. Cuộc đời chỉ là bong bóng xà phòng: 100 cách nhìn cuộc đời = Life is a soap bubble : 100 ways to look at life / Osho ; Nguyễn Đình Hách dịch. - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2025. - 242 tr. ; 21 cm. - 180000đ. - 2000b s626952
211. Osho. Về nhà / Osho ; Tùng dịch. - H. : Thế giới, 2026. - 147 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 129000đ. - 3000b  
Tên sách tiếng Anh: Coming home to yourself : A meditator's guide to blissful living s628194
212. Phật học Từ Quang / Thích Giác Toàn, Thích Thiện Đạo, Minh Lê (NT)... ; Thích Đồng Bổn ch.b. - H. : Hồng Đức. - 24 cm. - (Phật học Xá lợi). - 1500b  
T.55: Xuân Bính Ngọ 2026. - 2026. - 199 tr. : ảnh, tranh vẽ s627351
213. Shohaku Okumura. Sống bởi lời nguyện / Shohaku Okumura ; Bảo Nguyên Chí Thành dịch. - H. : Thế giới, 2026. - 315 tr. ; 24 cm. - 229000đ. - 1000b  
Tên sách tiếng Anh: Living by vow: A practical introduction to eight essential zen chants and texts s628205
214. Sujin Boriharnwanaket. Tìm hiểu mười ba la mật : Những phẩm chất đưa tới giác ngộ / Sujin Boriharnwanaket ; Dịch: Nina Van Gorkom, Vietnam Dhamma Home. - H. : Hồng Đức, 2026. - 333 tr. ; 21 cm. - 1000b s627370
215. Surya Das, Lama. Khai tâm mở trí : Rèn tâm sắc bén hơn gươm = The mind is mightier than the sword : Enlightening the mind, opening the heart / Lama Surya Das ; Lê Tiến Thành dịch. - H. : Hồng Đức, 2026. - 295 tr. ; 21 cm. - 178000đ. - 1500b s627326
216. Thánh Nghiêm. Dòng thiền pháp cổ = The Dharma Drum Lineage of Chan Buddhism / Thánh Nghiêm ; Diệu Hiền dịch. - H. : Dân trí, 2025. - 175 tr. ; 15 cm. - (Pháp âm pháp cổ). - 72000đ. - 1000b s628636
217. Thánh Nghiêm. Nhân quả và nhân duyên / Thánh Nghiêm ; Vạn Lợi dịch. - H. : Dân trí, 2025. - 183 tr. ; 15 cm. - (Học Phật nhập môn - Cẩm nang trí tuệ). - 70000đ. - 1000b s628635
218. Thánh Nghiêm. Phương pháp tọa thiền / Thánh Nghiêm ; Thích Di Kiên dịch. - H. : Thế giới, 2026. - 230 tr. : hình vẽ, bảng ; 19 cm. - 139000đ. - 1500b  
Phụ lục: tr. 204-230 s628717

219. Thánh Nghiêm. Sổ tay Bảo vệ môi trường lễ nghi / Thánh Nghiêm ; Như Ngọc dịch. - H. : Dân trí, 2025. - 87 tr. ; 15 cm. - (Ứng dụng cuộc sống - Cẩm nang trí tuệ). - 40000đ. - 1000b s628650
220. Thánh Nghiêm. Sự ảnh hưởng của Thiền định / Thánh Nghiêm ; Tuệ Mãn dịch. - H. : Dân trí, 2025. - 55 tr. ; 15 cm. - (Tinh tấn thiền định - Cẩm nang trí tuệ). - 32000đ. - 1000b s628651
221. Thánh Nghiêm. Sự đồng thuận của Pháp Cổ Sơn : Quan điểm, tinh thần, phương châm, phương pháp / Thánh Nghiêm ; Như Đức dịch. - H. : Dân trí, 2025. - 78 tr. ; 15 cm. - (Pháp âm pháp cổ). - 42000đ. - 1000b s628638
222. Thánh Nghiêm. Tại sao nên làm Phật sự? / Thánh Nghiêm ; Hạnh Huy dịch. - H. : Dân trí, 2025. - 63 tr. ; 15 cm. - (Ứng dụng cuộc sống - Cẩm nang trí tuệ). - 32000đ. - 1000b s628639
223. Thánh Nghiêm. Thiền trong từng hơi thở / Thánh Nghiêm ; Diệu Thường dịch. - H. : Dân trí, 2025. - 127 tr. ; 15 cm. - (Tinh tấn thiền định - Cẩm nang trí tuệ). - 45000đ. - 1000b s628637
224. Thích Chân Quang. Hướng dẫn thiền = The guidance on meditation : Tóm lược / Thích Chân Quang. - H. : Thế giới, 2025. - 159 tr. : hình vẽ ; 17 cm. - 50000đ. - 2000b s628704
225. Thích Hoằng Trí. Hiểu kính - Giá trị đạo đức ngàn đời / Thích Hoằng Trí. - H. : Dân trí, 2025. - 315 tr. ; 18 cm. - 130000đ. - 2000b  
Thư mục: tr. 314-315 s628640
226. Thích Lệ Minh. Hồng danh bửu sám / Thích Lệ Minh. - H. : Hồng Đức, 2025. - 67 tr. ; 29 cm. - 100000đ. - 7000b s626628
227. Thích Nhất Hạnh. Nhật tụng Thiền môn giảng giải - Công phu nở đóa sen ngàn cánh / Thích Nhất Hạnh. - H. : Thế giới. - 24 cm. - 399000đ. - 1500b  
T.5: Công phu ngày thứ Sáu. - 2026. - 541 tr. : hình vẽ. - Phụ lục: tr. 369-541 s628209
228. Thích Nhuận Đức. Hiểu về chính mình từ cái nhìn của Phật giáo / Thích Nhuận Đức. - H. : Thế giới. - 21 cm. - 189000đ. - 500b  
T.1. - 2026. - 334 tr. s627669
229. Thích Nhuận Đức. Hiểu về chính mình từ cái nhìn của Phật giáo / Thích Nhuận Đức. - H. : Thế giới. - 21 cm. - 189000đ. - 500b  
T.2. - 2026. - 351 tr. s627670
230. Thích Nhuận Sanh. Nghi thức trì tụng khai sáng tuệ giác / Thích Nhuận Sanh. - H. : Thế giới, 2025. - 73 tr. ; 19 cm. - 69000đ. - 500b  
Tên thật tác giả: Phạm Văn Trúc s628712
231. Thích Nhuận Sanh. Thiền định - Con đường tiến hóa cuối cùng của nhân loại / Thích Nhuận Sanh. - H. : Thế giới, 2025. - 157 tr. ; 19 cm. - 99000đ. - 500b s628721
232. Thích Quảng Tùng. Trở về nguồn sáng / Thích Quảng Tùng. - Xuất bản lần thứ 2. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 319 tr. ; 21 cm. - 122000đ. - 3000b  
ĐTTS ghi: Giáo hội Phật giáo Việt Nam s627077
233. Thích Thanh Từ. Tam quy ngũ giới / Thích Thanh Từ. - H. : Hồng Đức, 2025. - 63 tr. ; 19 cm. - 8000đ. - 10000b s628727
234. Thích Tịnh Hạnh. Mục lục Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh / Thích Tịnh Hạnh. - H. : Hồng Đức, 2026. - 265 tr. ; 21 cm. - 1000b s627325

235. Thích Trí Tịnh. Hương thiền đạo vị / Thích Trí Tịnh. - H. : Dân trí, 2025. - 190 tr. : tranh màu ; 19x21 cm. - 10000b s628661
236. Tinh Vân. Phật Quang giáo khoa thư / Tinh Vân ch.b. ; Hải Liên dịch. - H. : Văn hóa dân tộc. - 21 cm. - 83000đ. - 1000b  
ĐTTS ghi: Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam. Trung tâm Nghiên cứu Nữ giới Phật giáo Q.1: Phật Pháp Tăng Tam bảo. - 2026. - 179 tr. s626977
237. Tinh Vân. Phật Quang giáo khoa thư / Tinh Vân ch.b. ; Dịch: Nguyễn Liên, Tuệ Liên. - H. : Văn hóa dân tộc. - 21 cm. - 82000đ. - 1000b  
ĐTTS ghi: Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam. Trung tâm Nghiên cứu Nữ giới Phật giáo Q.2: Chân lý Phật giáo. - 2026. - 175 tr. s626978
238. Tinh Vân. Phật Quang giáo khoa thư / Tinh Vân ; Dịch: Tín Hòa, Hải Liên dịch. - H. : Văn hóa dân tộc. - 21 cm. - 92000đ. - 1000b  
ĐTTS ghi: Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam. Trung tâm Nghiên cứu Nữ giới Phật giáo Q.3: Công hạnh và quả vị Bồ Tát. - 2026. - 203 tr. s626979
239. Tinh Vân. Phật Quang giáo khoa thư / Tinh Vân ch.b. ; Dịch: Tuệ Liên... - H. : Văn hóa dân tộc. - 21 cm. - 122000đ. - 1000b  
ĐTTS ghi: Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam. Trung tâm Nghiên cứu Nữ giới Phật giáo Q.4: Phật giáo sử. - 2026. - 283 tr. s626980
240. Tinh Vân. Phật Quang giáo khoa thư / Tinh Vân ; Dịch: Tuệ Liên... - H. : Văn hóa dân tộc. - 21 cm. - 116000đ. - 1000b  
ĐTTS ghi: Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam. Trung tâm Nghiên cứu Nữ giới Phật giáo Q.5: Khái luận về tông phái. - 2026. - 263 tr. s626981
241. Tinh Vân. Phật Quang giáo khoa thư / Tinh Vân ch.b. ; Tuệ Liên dịch. - H. : Văn hóa dân tộc. - 21 cm. - 89000đ. - 1000b  
ĐTTS ghi: Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam. Trung tâm Nghiên cứu Nữ giới Phật giáo Q.6: Phật giáo ứng dụng. - 2026. - 195 tr. s626982
242. Tinh Vân. Phật Quang giáo khoa thư / Tinh Vân ch.b. ; Dịch: Nghiêm Liên, Hải Liên. - H. : Văn hóa dân tộc. - 21 cm. - 86000đ. - 1000b  
ĐTTS ghi: Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam. Trung tâm Nghiên cứu Nữ giới Phật giáo Q.7: Phật giáo thường thức. - 2026. - 187 tr. s626983
243. Tinh Vân. Phật Quang giáo khoa thư / Tinh Vân ; Tuệ Liên dịch. - H. : Văn hóa dân tộc. - 21 cm. - 94000đ. - 1000b  
ĐTTS ghi: Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam. Trung tâm Nghiên cứu Nữ giới Phật giáo Q.8: Phật giáo và thế học. - 2026. - 215 tr. s626984
244. Tinh Vân. Phật Quang giáo khoa thư / Tinh Vân ch.b. ; Dịch: Nguyễn Liên, Huệ Nghiêm. - H. : Văn hóa dân tộc. - 21 cm. - 93000đ. - 1000b  
ĐTTS ghi: Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam. Trung tâm Nghiên cứu Nữ giới Phật giáo Q.9: Luận về các vấn đề Phật giáo. - 2026. - 207 tr. s626985
245. Tinh Vân. Phật Quang giáo khoa thư / Tinh Vân ch.b. ; Nguyễn Thanh dịch. - H. : Văn hóa dân tộc. - 21 cm. - 103000đ. - 1000b  
ĐTTS ghi: Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam. Trung tâm Nghiên cứu Nữ giới Phật giáo Q.10: Tổng quan về tôn giáo. - 2026. - 231 tr. s626986
246. Tinh Vân. Phật Quang giáo khoa thư / Tinh Vân ch.b. ; Dịch: Nguyễn Liên, Thoại Liên. - H. : Văn hóa dân tộc. - 21 cm. - 112000đ. - 1000b  
ĐTTS ghi: Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam. Trung tâm Nghiên cứu Nữ giới Phật giáo

- Q.11: Phật quang học. - 2026. - 255 tr. s626987
247. Tinh Vân. Phật Quang giáo khoa thư / Tinh Vân ch.b. ; Nguyên Thanh dịch. - H. : Văn hóa dân tộc. - 21 cm. - 196000đ. - 1000b  
ĐTTS ghi: Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam. Trung tâm Nghiên cứu Nữ giới Phật giáo  
Q.12: Tuyển tập tác phẩm Phật giáo. - 2026. - 475 tr. s626988
248. Trúc Từ. Bình an mỗi ngày : Tĩnh tâm & an nhiên / Trúc Từ. - H. : Công Thương, 2026. - 175 tr. ; 19 cm. - 89000đ. - 1000b s628322
249. Viên Minh. Thư thầy trò / Viên Minh. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 19 cm. - 1000b  
Q.1. - 2025. - 357 tr. s628700
250. Viên Minh. Thư thầy trò / Viên Minh. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 19 cm. - 1000b  
Q.2. - 2025. - 307 tr. s628701
251. Vô ưu / Nguyên Căn, Thích Thiện Đạo, Hạnh Phương... ; B.s.: Thích Giác Phổ... - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh. - 27 cm. - 30000đ. - 3000b  
Đầu bìa sách ghi: Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Đắk Lắk  
T.86. - 2025. - 120 tr. : ảnh, tranh vẽ s627919
252. Vô Vô Huệ Đăng. Nhật ký lưu xuất / Vô Vô Huệ Đăng. - H. : Lao động, 2025. - 222 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 500b  
Tên thật tác giả: Nguyễn Thị Minh Thi s627484
253. Vu Lăng Ba. Từ điển Duy thức học / Nguyên tác: Vu Lăng Ba ; Biên dịch: Thích Hải Đức... - H. : Thế giới, 2026. - 976 tr. ; 24 cm. - 300b s627679

#### KHOA HỌC XÃ HỘI, XÃ HỘI HỌC, NHÂN LOẠI HỌC, DÂN TỘC HỌC VÀ VĂN HOÁ

254. Aral, Sinan. Cỗ máy thao túng : Mạng xã hội đã can thiệp vào cuộc sống của chúng ta như thế nào và chúng ta phải thích ứng ra sao / Sinan Aral ; Thảo Minh dịch ; Thúy Ái h.đ. - Tái bản lần thứ 1. - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2025. - 478 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - (Tủ sách Hiểu thực tại). - 450000đ. - 1000b  
Tên sách tiếng Anh: The hype machine s626970
255. Bác Hồ với thiếu niên nhi đồng / Võ Văn Lộc s.t., b.s. - Xuất bản lần thứ 3, có sửa chữa. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 308 tr. ; 21 cm. - 62000đ. - 1000b s627055
256. Báo cáo thường niên SETY số 02: Góc nhìn của giới trẻ về chuyển đổi sinh thái - xã hội ở các nước Đông Nam Á: Khoa học có phải là một trò chơi của tuổi trẻ? = SETY annual report No.02: The perspective of young people on social - ecological transformation in Southeast Asian countries: Is science a game of youth? / Phạm Huyền Trang, Nguyễn Thị Quỳnh Anh, Nguyễn Thu Trang... ; Ch.b.: Đỗ Hương Lan, Nguyễn Thị Quỳnh Anh. - H. : Lao động, 2025. - 192 tr. : minh họa ; 24 cm. - 300b  
Thư mục cuối mỗi bài s627493
257. Bonnafont, Louis. Muôn hạng dân Bắc Kỳ = Types tonkinois / Louis Bonnafont ; Thanh Thư dịch. - H. : Thế giới, 2026. - 164 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 123000đ. - 2000b s627671
258. Bùi Minh Đức. Lời mẹ kể - Hành trình của những ước mơ / Bùi Minh Đức. - H. : Giao thông vận tải, 2026. - 93 tr. ; 21 cm. - 500b  
Phụ lục: tr. 90-93 s627634
259. Cao Xuân Liễu. Giáo trình Xã hội học đại cương / Cao Xuân Liễu (ch.b.), Đinh Thị Thoá. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2026. - 250 tr. : bảng ; 24 cm. - 84000đ. - 50b  
ĐTTS ghi: Học viện Quản lý giáo dục. - Thư mục: tr. 247-250 s628146

260. Descola, Philippe. Bên kia tự nhiên và văn hóa = Par-delà nature et culture / Philippe Descola ; Dịch: Phạm Văn Quang, Võ Thị Ánh Ngọc. - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 675 tr. ; 24 cm. - 420000đ. - 500b

Thư mục: tr. 613-648. - Phụ lục: tr. 674-675 s627649

261. Đặng Thị Lan Anh. Giáo trình Xã hội học văn hóa / Đặng Thị Lan Anh ch.b. - H. : Lao động, 2025. - 187 tr. ; 21 cm. - 53000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Bộ Nội vụ. Trường Đại học Lao động - Xã hội. - Thư mục: tr. 183-187 s627404

262. Đinh Xuân Lâm. Văn hóa và triết lý phát triển trong tư tưởng Hồ Chí Minh / Đinh Xuân Lâm, Bùi Đình Phong. - Xuất bản lần thứ 4. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 483 tr. ; 21 cm. - 247000đ. - 1000b s627062

263. Giáo trình Dân số và phát triển với quản lý / B.s.: Nguyễn Nam Phương, Ngô Quỳnh An (ch.b.), Võ Nhất Trí... - Tái bản lần thứ 2, có chỉnh sửa, bổ sung. - H. : Đại học Kinh tế Quốc dân, 2025. - 521 tr. : minh họa ; 24 cm. - 160000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Đại học Kinh tế Quốc dân. Trường Kinh doanh. Khoa Kinh tế và Quản lý nguồn nhân lực. - Thư mục cuối mỗi chương s627024

264. Giáo trình Giới trong lãnh đạo, quản lý : Dành cho hệ đào tạo Cao cấp lý luận chính trị / Lương Thu Hiền (ch.b.), Lê Thị Thục, Phùng Thị An Na... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Lý luận Chính trị, 2026. - 212 tr. : bảng, biểu đồ ; 24 cm. - 65000đ. - 400b

ĐTTS ghi: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. - Thư mục cuối mỗi bài s626671

265. Giáo trình Lý luận dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam : Dành cho hệ đào tạo Cao cấp lý luận chính trị / Hồ Trọng Hoài, Phạm Thị Hoàng Hà, Nguyễn Thị Hà (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Lý luận Chính trị, 2026. - 224 tr. ; 24 cm. - 66000đ. - 430b

ĐTTS ghi: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh s626672

266. Giáo trình Phát triển cộng đồng / B.s.: Nguyễn Tấn Đạt, Nguyễn Ngọc Huyền (ch.b.), Nguyễn Thị Hồng Tuyền... - H. : Y học, 2025. - 135 tr. : minh họa ; 27 cm. - 395000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Khoa Y tế công cộng. - Thư mục: tr. 134-135 s628044

267. Giáo trình Văn hóa và phát triển : Dành cho hệ đào tạo Cao cấp lý luận chính trị / Vũ Thị Phương Hậu, Nguyễn Toàn Thắng (ch.b.), Phạm Duy Đức... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Lý luận Chính trị, 2026. - 256 tr. ; 24 cm. - 76000đ. - 440b

ĐTTS ghi: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. - Thư mục cuối mỗi bài s626677

268. Giáo trình Xã hội học trong lãnh đạo, quản lý : Dành cho hệ đào tạo Cao cấp lý luận chính trị / Bùi Phương Đình (ch.b.), Nguyễn Đình Tấn, Nguyễn Tất Giáp... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Lý luận Chính trị, 2026. - 240 tr. ; 24 cm. - 70000đ. - 450b

ĐTTS ghi: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. - Thư mục cuối mỗi bài s626679

269. Hayes, Megan C. Khám phá nghệ thuật sống cân bằng của 30 nền văn hóa / Megan C. Hayes ; Yuki dịch ; Minh họa: Amelia Flower. - H. : Thế giới, 2026. - 134 tr. : tranh màu ; 20 cm. - 129000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: The serenity passport - A world tour of peaceful living in 30 words s627668

270. Hoàng Hương. Dành cho đôi bạn / Hoàng Hương b.s. - H. : Công Thương, 2025. - 211 tr. ; 19 cm. - 12599b

ĐTTS ghi: Chi cục Dân số, Trẻ em và Phòng, chống tệ nạn xã hội. - Thư mục: tr. 211 s628327

271. Hoàng Mộc Lan. Giáo trình Tâm lý học xã hội / Hoàng Mộc Lan. - Tái bản lần 2. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2026. - 310 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - (Tủ sách Khoa học). - 140000đ. - 500b

Thư mục: tr. 307-310 s628162

272. Hội An - Những người con trung hiếu vẹn toàn / Văn Công Lý, Nguyễn Văn Tấn, Huỳnh Đắc Hương... - Huế : Nxb. Thuận Hóa, 2026. - 351 tr. ; 21 cm. - 700b

ĐTTS ghi: Trung tâm Bảo tồn Di sản văn hóa thế giới Hội An. - Phụ lục: tr. 350-351 s628264

273. Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Văn hóa Việt Nam trong các chiều kích biến đổi / Nguyễn Thị Phương Châm, Hà Bá Tâm, Lê Thị Phương... - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 707 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 24 cm. - 320000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Viện Nghiên cứu Văn hóa. - Thư mục cuối mỗi bài s626866

274. Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Xây dựng, phát triển văn hóa học đường trong bối cảnh chuyển đổi số / Huỳnh Văn Sơn, Phạm Ngọc Thắng, Vụ Học sinh, sinh viên... - H. : Đại học Kinh tế Quốc dân, 2025. - 470 tr. ; 27 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Hội đồng Quốc gia Giáo dục và Phát triển nhân lực. - Thư mục cuối mỗi bài s627826

275. Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế DHV-2025: Văn hóa và con người trong kỷ nguyên hội nhập - vươn mình / Nguyễn Thanh Hiền, Trần Thị Mỹ Linh, Nguyễn Quỳnh Như... - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 699 tr. ; 24 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Hùng Vương Thành phố Hồ Chí Minh s628257

276. Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế: Văn hóa, xã hội và nhân văn hướng đến phát triển bền vững = International scientific conference proceedings: Culture, Society and Humanities towards sustainable development / Phạm Thị Hương, Trần Văn Vy, Nguyễn Thị Kiều Oanh... ; Ch.b.: Bùi Thanh Thảo... - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ. - 26 cm. - 100b

T.1. - 2025. - x, 1064 tr. - Thư mục cuối mỗi bài s626972

277. Kỷ yếu Hội thảo khoa học "Tương lai của truyền thông thị giác trong kỷ nguyên số" = Academic conference the future of visual communication in the digital age / Huỳnh Quốc Thắng, Nguyễn Đức Sơn, Nguyễn Văn Nhân... - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 208 tr. : minh họa ; 28 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Văn Lang. - Thư mục cuối mỗi bài s626588

278. Lê My. The Immigration - Kỷ nguyên mới của dòng vốn đầu tư di trú : Ấn bản Q1/2026 / Lê My ch.b. - H. : Thế giới, 2025. - 140 tr. : ảnh màu ; 28 cm. - 290000đ. - 2000b s627866

279. Lê Văn Thương. Kế thừa tư tưởng Lê Lợi - Quang Trung trong triết lý xây dựng và phát triển Tập đoàn Halotimes / Lê Văn Thương. - H. : Tri thức, 2025. - 114 tr. : minh họa ; 21 cm. - 186000đ. - 500b

Phụ lục cuối chính văn s626735

280. Lowndes, Leil. Nghệ thuật giao tiếp để thành công : 92 thủ thuật giúp bạn trở thành bậc thầy trong giao tiếp / Leil Lowndes ; Trương Quang Huy dịch. - Tái bản lần thứ 19. - H. : Lao động, 2025. - 438 tr. ; 21 cm. - 169000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Anh: How to talk to anyone : 92 little tricks for big success in relationships s627569

281. Luke Ngo. Whakapapa: Rễ của Nước / Luke Ngo. - H. : Thế giới, 2026. - 535 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 199000đ. - 500b

Thư mục: tr. 521-524. - Phụ lục: tr. 525-535 s627673

282. Lý Thùy Trang. AI chiếc gương không mã hóa : Một tác phẩm văn học - Triết học về con người trong kỷ nguyên AI / Lý Thùy Trang. - H. : Lao động, 2025. - 221 tr. ; 21 cm. - 149000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 219-221 s627461

283. Mauss, Marcel. Luận về biếu tặng : Hình thức và lý do của sự trao đổi trong các xã hội cổ sơ / Marcel Mauss ; Nguyễn Tùng dịch. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Tri thức, 2026. - 491 tr. ; 20 cm. - (Tủ sách Tinh hoa tri thức thế giới). - 289000đ. - 1000b

Dịch từ nguyên bản tiếng Pháp: Essai sur le don: forme et raison de l'échange dans les sociétés archaïques. - Thư mục: tr. 441-491 s626719

284. Mô hình quản lý phát triển xã hội Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045: Cơ sở lý luận và thực tiễn / Phạm Văn Đức (ch.b.), Hồ Sĩ Quý, Lê Hữu Nghĩa... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 382 tr. ; 24 cm. - 1000b

Thư mục: tr. 370-380 s627105

285. Nghiên cứu văn hóa, văn học Tây Nguyên / Lê Hồng Phong, Mai Minh Nhật (ch.b.), Buôn Krông Tuyết Nhung... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - vi, 517 tr. : bìa ; 24 cm. - 369000đ. - 150b

Thư mục cuối mỗi bài s626885

286. Nguyễn Cảnh Danh. Đề Come Out, hãy Come In : Cẩm nang Come Out trên nền tảng tâm lý học dành cho người trẻ LGBTQ+ / Nguyễn Cảnh Danh, Nguyễn Văn Trường. - H. : Tri thức, 2025. - 219 tr. : hình vẽ, bìa ; 21 cm. - 187000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 217-219 s626722

287. Nguyễn Hữu Đoạt. Rạng rỡ Việt Nam / B.s.: Nguyễn Hữu Đoạt, Nguyễn Công Hoan, Trần Thị Bằng. - H. : Lao động, 2025. - 582 tr. : ảnh ; 27 cm. - 2500b

ĐTTS ghi: Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương s627803

288. Nguyễn Thị Hiền. Giáo trình Kỹ năng giao tiếp / Nguyễn Thị Hiền (ch.b.), Đỗ Thị An. - H. : Lao động, 2025. - 343 tr. : minh họa ; 21 cm. - 90000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Bộ Nội vụ. Trường Đại học Lao động - Xã hội. - Thư mục: tr. 340-343 s627380

289. Những điều cần biết trong quan hệ với người khác giới. - H. : Công Thương, 2025. - 175 tr. : bìa ; 19 cm. - 14678b

ĐTTS ghi: Sở Y tế Hà Nội. Chi cục Dân số, Trẻ em và Phòng, chống tệ nạn xã hội. - Phụ lục: tr. 163-168 s628326

290. Niên giám thống kê Ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch năm 2024 / B.s.: Lê Hồng Phong, Đinh Quang Kiểm, Phạm Công Chức, Đỗ Thị Lương. - H. : Văn hóa dân tộc, 2025. - 323 tr. : ảnh, bìa ; 29 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Phụ lục: tr. 256-323 s626592

291. Phạm Minh Sơn. Sách thường thức: Kỹ năng truyền thông : Tài liệu tham khảo / Phạm Minh Sơn (ch.b.), Nguyễn Thúy Hà, Lương Đông Sơn. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 211 tr. : minh họa ; 21 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Học viện Báo chí và Tuyên truyền. - Lưu hành nội bộ. - Thư mục: tr. 192-205 s627045

292. Phạm Văn Hưng. Văn hóa tính dục ở Việt Nam từ thế kỷ X đến đầu thế kỷ XX = Culture of sexuality in Vietnam from the 10th century to the early 20th century / Phạm Văn Hưng. - H. : Thế giới, 2026. - 531 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 269000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 493-516 s627699

293. Phan Văn Trường. Công dân toàn cầu - Công dân vũ trụ / Phan Văn Trường. - In lần thứ 6. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 188 tr. : tranh vẽ ; 23 cm. - 90000đ. - 1000b s626843

294. Thành phố Đà Nẵng trên đường trở thành trung tâm văn hóa / Tần Hoài Dạ Vũ (ch.b.), Nguyễn Hữu Đông, Vu Gia... - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2025. - 294 tr. ; 20 cm. - 150000đ. - 600b

Phụ lục: tr. 265-292 s626953

295. Thành phố Hồ Chí Minh 5 năm thi đua yêu nước (giai đoạn 2020 - 2025). - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 455 tr. : ảnh màu, bảng ; 29 cm. - 600b

ĐTTS ghi: Thành ủy - Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân - Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh s627921

296. Tổng ôn lý thuyết trọng tâm theo định hướng đánh giá năng lực học sinh trung học phổ thông - Khoa học xã hội / Nguyễn Thị Lệ Phương, Đặng Minh Xuân, Triệu Thị Dung, Đặng Thị Thanh Tâm. - H. : Hồng Đức, 2026. - 287 tr. : minh họa ; 27 cm. - 2000b s627773

297. Trần Ngọc Thêm. Cơ sở văn hóa Việt Nam / Trần Ngọc Thêm. - Tái bản lần thứ 5, có sửa chữa, bổ sung. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 361 tr. : minh họa ; 24 cm. - 140000đ. - 2000b

Thư mục cuối chính văn s626750

298. Trần Thị Kim Xuyên. Biến đổi hôn nhân, gia đình ở Nam Bộ: Nghiên cứu xã hội học tại vùng ven đô : Sách chuyên khảo / Trần Thị Kim Xuyên. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 295 tr. : bảng, biểu đồ ; 24 cm. - 240000đ. - 250b

Thư mục: tr. 284-295 s626868

299. Trần Thị Thanh Thủy. Chính sách ngôn ngữ ở Nhật Bản thời cận đại / Trần Thị Thanh Thủy. - H. : Công Thương, 2026. - 111 tr. ; 24 cm. - 200000đ. - 15b

Thư mục: tr. 105-111 s627296

300. Văn hóa Nam Bộ - Tiếp cận liên ngành và ứng dụng : Sách chuyên khảo / Huỳnh Văn Tới, Lâm Nhân, Phan Đình Dũng... ; Lâm Nhân ch.b. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 873 tr. ; 24 cm. - 200b

ĐTTS ghi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục cuối mỗi bài s626882

301. Văn hóa truyền thống dân tộc Dao tỉnh Bắc Giang / B.s.: Phùng Thị Mai Anh, Dương Thị Ánh, Trần Thị Thủy, Nguyễn Thị Thu Hiền. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 240 tr. : ảnh ; 21 cm. - 400b s627171

302. Văn kiện Đại hội đại biểu Phụ nữ thành phố Hà Nội lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2025 - 2030. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 158 tr., 10 tr. ảnh màu : bảng ; 19 cm. - 1000b

ĐTTS ghi: Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố Hà Nội s628433

303. Vũ Trọng Lâm. Trao quyền: Từ lý thuyết đến thực tế : Sách chuyên khảo / Vũ Trọng Lâm, Lê Thanh Tùng. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 335 tr. ; 24 cm. - 1000b

Thư mục: tr. 307-333 s627100

304. Xây dựng thôn, bản, xóm văn hóa kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn hiện nay / Nguyễn Thị Loan, Ngô Thị Vân, Nguyễn Quý Linh... - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 359 tr. ; 24 cm. - 140b

ĐTTS ghi: Tỉnh ủy Nghệ An. Trường Chính trị tỉnh s628287

## THỐNG KÊ

305. Hệ thống chỉ tiêu thống kê thành phố Hải Phòng năm 2024 / B.s.: Phạm Xuân Phương, Vũ Thị Việt Hà, Phùng Thị Hương Lý... - H. : Thống kê, 2025. - 115 tr. : bảng ; 29 cm. - 250b

ĐTTS ghi: Cục Thống kê thành phố Hải Phòng s626597

306. Niên giám thống kê 2024 (tóm tắt) = Statistical summary book of Viet Nam 2024. - H. : Thống kê, 2025. - 547 tr. ; 16 cm. - 1143b

ĐTTS ghi: Cục Thống kê s628320

307. Niên giám thống kê Thành phố Hồ Chí Minh 2024 = Statistical yearbook of Ho Chi Minh City 2024. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 450 tr. ; 24 cm. - 110b

ĐTTS ghi: Cục Thống kê Thành phố Hồ Chí Minh s626785

308. Niên giám thống kê Việt Nam năm 2024 = Statistical yearbook of Viet Nam 2024. - H. : Thống kê, 2025. - 1267 tr. : bảng, tranh màu ; 25 cm. - 923b

ĐTTS ghi: Cục Thống kê s627157

309. Tư liệu kinh tế - xã hội qua các thời kỳ giai đoạn 1954 - 2024 tỉnh Bắc Ninh / B.s.: Phòng Thống kê Tổng hợp, Phòng Nghiệp vụ. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2026. - 515 tr. : minh họa ; 24 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Thống kê tỉnh Bắc Ninh s627143

## CHÍNH TRỊ

310. ASEAN và Việt Nam trước tác động cạnh tranh nước lớn tại khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương đến năm 2030 : Sách chuyên khảo / B.s.: Lê Viết Duyên (ch.b.), Nguyễn Phú Tân Hương, Nguyễn Đồng Trung, Huỳnh Thị Mai Dung. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 303 tr. : minh họa ; 24 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Học viện Ngoại giao. - Thư mục: tr. 299-301 s627136

311. Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong kỷ nguyên mới / Mai Đức Ngọc, Phạm Minh Sơn, Nguyễn Thị Trường Giang... ; B.s.: Mai Đức Ngọc... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 303 tr. ; 24 cm. - 350b

ĐTTS ghi: Học viện Báo chí và Tuyên truyền s627085

312. Bar-Zohar, Michael. Mossad - Chiến dịch tình báo huyền thoại : Những điệp vụ kinh điển làm rung động thế giới / Michael Bar-Zohar, Nissim Mishal ; Dịch: Trịnh Trung, Nguyễn Linh Chi. - H. : Thế giới, 2026. - 339 tr. ; 24 cm. - 229000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Anh: Mossad. - Thư mục: tr. 338-339 s628204

313. 70 năm truyền thống vẻ vang Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp (1955 - 2025) / Nguyễn Phước Dũng, Nguyễn Quốc Trung (ch.b.), Võ Thị Tuyết Hoa... - H. : Lao động, 2025. - 229 tr. : ảnh, bảng ; 24 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Tỉnh ủy Đồng Tháp. Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp. - Phụ lục: tr. 167-225 s627617

314. Biên niên sự kiện lịch sử Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh (1975 - 2015) / B.s.: Lê Hữu Phước (ch.b.), Đỗ Thị Lan Anh, Phạm Ngọc Bích... - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh. - 27 cm. - 1000b

ĐTTS ghi: Đảng Cộng sản Việt Nam. Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh T.1. - 2025. - 1114 tr. s626601

315. Biên niên sự kiện lịch sử Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh (1975 - 2015) / B.s.: Phan Xuân Biên (ch.b.), Đinh Thị Thanh Thủy, Lê Thị Thanh Hương... - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh. - 27 cm. - 1000b

ĐTTS ghi: Đảng Cộng sản Việt Nam. Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh T.2: 1986 - 1996. - 2025. - 999 tr. s626602

316. Bồi dưỡng kỹ năng cho đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên / B.s.: Nguyễn Hoài Thân (ch.b.), Hoàng Đình Cán, Mai Đặng Thảo Nguyễn... - H. : Dân trí, 2025. - 119 tr. : hình vẽ ; 19 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy Long An. - Thư mục cuối mỗi chương s628641

317. Chan, Steve. Văn hóa, tăng trưởng kinh tế và dịch chuyển quyền lực giữa các quốc gia: Sự cạnh tranh giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc : Sách tham khảo / Steve Chan ; Dịch: Tô Hoàng Việt Linh, Nguyễn Duy Long ; Nguyễn Anh Đức h.đ. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 399 tr. ; 24 cm. - 1000b

Tên sách tiếng Anh: Culture, economic growth, and interstate power shift : Implications for competition between China and the United States. - Thư mục: tr. 357-399 s627096

318. Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương của Mỹ: Bước chuyển từ Joe Biden đến Donald Trump 2.0 và hàm ý chính sách cho Việt Nam / B.s.: Nguyễn Thị Thanh Vân, Nguyễn Thu Hà, Đoàn Thị Mai Liên (ch.b.)... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 407 tr. ; 24 cm. - 1000b

Lưu hành nội bộ. - Thư mục: tr. 400-405 s627110

319. Công tác tham mưu của các cơ quan Đảng trung ương trên lĩnh vực kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật Đảng qua gần 40 năm thực hiện công cuộc đổi mới / Nguyễn Quốc Hiệp (ch.b.), Nguyễn Thị Thu Nga, Trần Duy Hưng... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 419 tr. ; 24 cm. - 1000b

Thư mục: tr. 412-416 s627097

320. Đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong giai đoạn mới / Nguyễn Viết Thảo, Phạm Văn Linh, Tạ Ngọc Tấn... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 420 tr. ; 21 cm. - 166000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Hội đồng Lý luận Trung ương s627061

321. Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam : Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI thông qua ngày 19 tháng 01 năm 2011. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 71 tr. ; 15 cm. - 15000đ. - 20000b s628768

322. Đỗ Thị Kim Hoa. Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ và thực hành dân chủ : Sách chuyên khảo / Đỗ Thị Kim Hoa. - H. : Khoa học xã hội, 2022. - 199 tr. ; 21 cm. - 128000đ. - 200b

Thư mục: tr. 183-199 s626863

323. Giáo trình Chính trị học : Dùng cho hệ đào tạo Cao cấp lý luận chính trị / Ngô Huy Đức, Lưu Văn Quảng (ch.b.), Phan Xuân Sơn... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Lý luận Chính trị, 2026. - 296 tr. : bảng ; 24 cm. - 82000đ. - 480b

ĐTTS ghi: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. - Thư mục cuối mỗi bài s626680

324. Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam : Dùng cho hệ đào tạo Cao cấp lý luận chính trị / Nguyễn Ngọc Hà, Nguyễn Danh Tiên (ch.b.), Mạch Quang Thắng... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Lý luận Chính trị, 2026. - 312 tr. ; 24 cm. - 84000đ. - 470b

ĐTTS ghi: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. - Thư mục cuối mỗi bài s626657

325. Giáo trình Nhà nước và pháp luật Việt Nam : Dành cho hệ đào tạo Cao cấp lý luận chính trị / Trương Hồ Hải (ch.b.), Trịnh Đức Thảo, Nguyễn Văn Mạnh... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Lý luận Chính trị, 2026. - 516 tr. ; 24 cm. - 157000đ. - 530b  
ĐTTS ghi: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. - Thư mục cuối mỗi bài s626668
326. Giáo trình Quan hệ quốc tế : Dành cho hệ đào tạo Cao cấp lý luận chính trị / Nguyễn Viết Thảo, Phan Văn Rân (ch.b.), Trịnh Thị Hoa... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Lý luận Chính trị, 2026. - 280 tr. ; 24 cm. - 80000đ. - 500b  
ĐTTS ghi: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. - Thư mục cuối mỗi bài s626670
327. Giáo trình Trung cấp lý luận chính trị: Đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam / Hoàng Phúc Lâm, Phan Văn Rân, Tường Duy Kiên... ; Nguyễn Viết Thảo ch.b. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Lý luận Chính trị, 2026. - 480 tr. ; 21 cm. - 110000đ. - 700b  
ĐTTS ghi: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. - Thư mục cuối mỗi bài s626665
328. Giáo trình Trung cấp lý luận chính trị: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam / Nguyễn Danh Tiên (ch.b.), Trần Trọng Thơ, Nguyễn Mạnh Hà... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Lý luận Chính trị, 2026. - 248 tr. ; 21 cm. - 58000đ. - 650b  
ĐTTS ghi: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. - Thư mục cuối mỗi bài s626666
329. Hà Đức Quy. Lịch sử Đảng bộ xã Diễn Hải (1954 - 2024) / B.s.: Hà Đức Quy, Lê Hồng Trân ; S.t.: Đào Hiền... - H. : Lao động, 2026. - 186 tr. : ảnh, bảng ; 24 cm. - 300b  
ĐTTS ghi: Ban Chấp hành Đảng bộ xã Diễn Hải. - Phụ lục: tr. 157-181. - Thư mục: tr. 182 s627521
330. Hà Minh Hồng. Bác Hồ với các kỳ đại hội Đảng / Hà Minh Hồng (ch.b.), Trần Thuận, Lưu Văn Quyết. - In lần thứ 4. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 143 tr. : ảnh ; 21 cm. - 65000đ. - 1000b s626828
331. Hoa sen và dương xỉ bạc: Hành trình 50 năm quan hệ Việt Nam - New Zealand relations / Michael Arnold, Trần Thị Kim Dung, Nguyễn Tuấn Anh... ; Transl.: Nguyễn Hồng Hải. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 368 tr. : minh họa ; 23x24 cm. - 1000b s627125
332. Hoàn thiện phương thức cầm quyền và nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam trong tình hình mới / Lại Xuân Môn, Nguyễn Tân Cương, Phạm Tất Thắng... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 791 tr. : biểu đồ ; 24 cm. - 1000b  
ĐTTS ghi: Ban Tổ chức Trung ương s627116
333. Kiến thức bổ trợ : Giáo trình Trung cấp lý luận chính trị / Nguyễn Thị Thanh Nhân, Bùi Văn Huyền, Thái Văn Long... ; Ch.b.: Dương Trung Ý... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Lý luận Chính trị, 2026. - 532 tr. ; 21 cm. - 120000đ. - 650b  
ĐTTS ghi: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. - Thư mục cuối mỗi bài s626662
334. Kỷ yếu Diễn đàn của Quốc hội về hoạt động giám sát - Giám sát của Quốc hội để kiến tạo phát triển / Ban Chính sách - Chiến lược Trung ương, Thường trực Ủy ban Quốc phòng - An ninh và Đối ngoại của Quốc hội, Bộ Ngoại Giao... - H. : Tư pháp, 2026. - 578 tr. ; 27 cm. - 100b  
ĐTTS ghi: Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam s627923
335. Kỷ yếu Đại hội đại biểu Đảng bộ xã Quảng Tân lần thứ I (nhiệm kỳ 2025 - 2030) / B.s., s.t.: Nguyễn Thị Hoa, Trần Văn Huân, Vũ Minh Thành... - H. : Lao động, 2025. - 242 tr. : ảnh màu ; 24 cm. - 250b  
ĐTTS ghi: Ban Chấp hành Đảng bộ xã Quảng Tân s627599

336. Kỷ yếu Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Nghệ An khóa XV, nhiệm kỳ 2021 - 2026. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 206 tr. : ảnh ; 20x25 cm. - 300b s626944

337. Kỷ yếu Hội thảo khoa học giảng viên lý luận chính trị với nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong giai đoạn hiện nay / Đỗ Văn Hòa, Ngô Khắc Ngọc, Đặng Luận... - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2025. - 295 tr. : bìa ; 27 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Tỉnh ủy Gia Lai. Trường Chính trị. - Thư mục cuối mỗi bài s627824

338. Kỷ yếu Huyện ủy - Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân - Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện Quỳnh Châu (1947 - 2025). - H. : Lao động, 2025. - 117 tr. : minh họa ; 27 cm. - 150b

ĐTTS ghi: Huyện ủy - Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân - Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện Quỳnh Châu. - Phụ lục: tr. 116-117 s627805

339. Lê Mậu Hãn. Các đại hội và hội nghị Trung ương của Đảng Cộng sản Việt Nam (1930 - 2025) / Lê Mậu Hãn, Võ Văn Bé. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 427 tr. ; 24 cm. - 1000b s627099

340. Lê Minh Quân. Tư tưởng chính trị của C. Mác, Ph. Ăngghen, V. I. Lênin và Hồ Chí Minh : Sách chuyên khảo / Lê Minh Quân. - Xuất bản lần thứ 5. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 295 tr. ; 21 cm. - 101000đ. - 1500b s627047

341. Lê Ngọc Lưu. Lịch sử Đảng bộ xã Quỳnh Văn (1946 - 2025) / Lê Ngọc Lưu b.s. ; S.t.: Hoàng Nguyên Năm... - Tái bản lần thứ 1, có bổ sung. - H. : Lao động, 2025. - 205 tr., 16 tr. ảnh màu : bìa ; 24 cm. - 60b

ĐTTS ghi: Ban Chấp hành Đảng bộ xã Quỳnh Văn. - Phụ lục: tr. 160-201. - Thư mục cuối chính văn s627594

342. Lê Thanh Liêm. Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng lãnh đạo thực hiện dân chủ ở cơ sở từ năm 2005 đến năm 2015 : Sách chuyên khảo / Lê Thanh Liêm. - H. : Lao động, 2025. - 140 tr. ; 21 cm. - 65000đ. - 50b s627443

343. Lịch sử Ban Tổ chức Tỉnh ủy Trà Vinh (1930 - 2020). - H. : Lý luận Chính trị, 2025. - 344 tr. : hình vẽ, ảnh ; 24 cm. - 500b

ĐTTS ghi: Tỉnh ủy Trà Vinh. Ban Tổ chức. - Thư mục: tr. 323-324. - Phụ lục: tr. 325-340 s626659

344. Lịch sử Đảng bộ huyện Bảo Lâm (1930 - 2025) / B.s.: Phạm Hồng Chương (ch.b.), Nguyễn Hữu Cát, Phùng Đức Thắng... ; S.t.: Hoàng Văn Páo... - H. : Lao động, 2025. - 404 tr. : ảnh, bìa ; 24 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Đảng bộ tỉnh Cao Bằng. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bảo Lâm. - Phụ lục: tr. 368-399. - Thư mục: tr. 400-402 s627600

345. Lịch sử Đảng bộ huyện Quỳnh Châu (1947 - 2025). - Tái bản có bổ sung. - H. : Lao động, 2025. - 331 tr., 24 tr. ảnh màu : bìa ; 24 cm. - 400b

ĐTTS ghi: Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Quỳnh Châu. - Phụ lục: tr. 287-326. - Thư mục: tr. 327-328 s627592

346. Lịch sử Đảng bộ xã Cẩm Hà (1930 - 2025) / B.s.: Hoàng Hữu San, Nguyễn Đức Chánh, Trương Vĩnh Từ (ch.b.)... - H. : Lao động, 2025. - 293 tr., 13 tr. ảnh màu ; 21 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Ban Chấp hành Đảng bộ xã Cẩm Hà. - Phụ lục: tr. 249-288 s627585

347. Lịch sử Đảng bộ xã Cẩm Hưng (1975 - 2025) / B.s.: Trương Vĩnh Từ (ch.b.), Phan Thị Lục, Đậu Thị Suong, Trần Văn Thòa. - H. : Lao động, 2025. - 283 tr., 11 tr. ảnh ; 21 cm. - 200b

ĐTTS ghi: Ban Chấp hành Đảng bộ xã Cẩm Hưng. - Phụ lục: tr. 255-279 s627587

348. Lịch sử Đảng bộ xã Diễn Phong (1954 - 2025) / B.s.: Trần Văn Tiến, Phạm Thanh Vương, Trần Thị Minh... - H. : Lao động, 2025. - 230 tr., 16 tr. ảnh màu : bìa ; 24 cm. - 100b  
ĐTTS ghi: Ban Chấp hành Đảng bộ xã Diễn Phong. - Phụ lục: tr. 201-230. - Thư mục cuối chính văn s627602

349. Lịch sử Đảng bộ xã Diễn Thịnh (1954 - 2025). - H. : Lao động, 2025. - 208 tr., 16 tr. ảnh màu : bìa ; 24 cm. - 500b

ĐTTS ghi: Ban Chấp hành Đảng bộ xã Diễn Thịnh. - Phụ lục: tr. 169-208. - Thư mục cuối chính văn s627589

350. Lịch sử Đảng bộ xã Đà Sơn (1954 - 2025) / B.s.: Nguyễn Thanh Tâm (ch.b.), Lê Trọng Bình, Nguyễn Văn Châu... - H. : Lao động, 2025. - 200 tr., 24 tr. ảnh màu : bìa ; 24 cm. - 70b

ĐTTS ghi: Ban Chấp hành Đảng bộ xã Đà Sơn. - Phụ lục: tr. 163-193. - Thư mục: tr. 194-196 s627593

351. Lịch sử Đảng bộ xã Tam Giang (1975 - 2025) / B.s.: Lê Năng Đông (ch.b.), Huỳnh Văn Côi, Phạm Thị Vũ Thảo... - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2025. - 263 tr. : ảnh ; 21 cm. - 150b

ĐTTS ghi: Đảng bộ huyện Núi Thành. Đảng ủy xã Tam Giang. - Phụ lục: tr. 231-256 s626965

352. Lịch sử Đảng bộ xã Xuân Giang (1930 - 2025) / B.s.: Vương Sâm (ch.b.), Đinh Văn Lý, Trần Anh Tuấn... - H. : Lao động, 2025. - 255 tr., 23 tr. màu ; 21 cm. - 200b

ĐTTS ghi: Ban Chấp hành Đảng bộ xã Xuân Giang. - Phụ lục: tr. 209-249. - Thư mục: tr. 250 s627584

353. Lịch sử Đảng bộ Y tế huyện Cẩm Xuyên (1945 - 2025) / B.s.: Trương Vĩnh Từ (ch.b.), Bùi Văn Bốn, Nguyễn Văn Sơn... - H. : Lao động, 2025. - 199 tr. : ảnh, bìa ; 21 cm. - 200b

ĐTTS ghi: Đảng bộ huyện Cẩm Xuyên. Ban Chấp hành Đảng bộ Trung tâm Y tế. - Phụ lục: tr. 182-186 s627612

354. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam : Sách tham khảo / Phùng Thế Anh, Lê Quang Chung, Đỗ Thị Ngọc Lê... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 215 tr. ; 24 cm. - 250b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh - 65 năm xây dựng và phát triển. - Thư mục: tr. 214-215 s626906

355. Lịch sử Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và phong trào thanh thiếu nhi huyện Bồ Trạch (1930 - 2025). - H. : Lao động, 2025. - 350 tr. ; 24 cm. - 200b

ĐTTS ghi: Đoàn TNCS Hồ Chí Minh huyện Bồ Trạch. - Thư mục và phụ lục cuối chính văn s627620

356. Lý luận, thực tiễn về nhà nước thế tục trên thế giới và một số gợi mở cho Việt Nam / Đâu Công Hiệp (ch.b.), Nguyễn Thị Quỳnh Trang, Nguyễn Thị Hồng Thúy... - Xuất bản lần thứ 2, có sửa chữa, bổ sung. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 183 tr. ; 21 cm. - 74000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 162-182 s627060

357. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội : Giáo trình Trung cấp lý luận chính trị / Nguyễn Văn Thắng, Cẩm Thị Lai (ch.b.), Nguyễn Thị Thanh Nhân... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Lý luận Chính trị, 2026. - 232 tr. ; 21 cm. - 56000đ. - 800b

ĐTTS ghi: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. - Thư mục cuối mỗi bài s626660

358. Một số vấn đề cơ bản về nghiệp vụ công tác nội chính Đảng / B.s.: Hồ Sỹ Thắng, Đoàn Văn Công, Nguyễn Văn Hải, Nguyễn Thị Phương Thảo. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 271 tr. ; 24 cm. - 450b

ĐTTS ghi: Tỉnh ủy Nghệ An. Ban Nội chính. - Phụ lục: tr. 159-252. - Thư mục: tr. 253-265 s628292

359. Mulder, Nicholas. Vũ khí kinh tế : Sự trỗi dậy của các biện pháp trừng phạt kinh tế như một công cụ chiến tranh hiện đại : Sách tham khảo / Nicholas Mulder ; Biên dịch: Nguyễn Tuấn Anh... ; Nguyễn Thị Thúy Nga h.đ. - Xuất bản lần thứ 3. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 534 tr. : ảnh, bảng ; 24 cm. - 255000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: The economic weapon : The rise of sanctions as a tool of modern war s627106

360. Ngành Tuyên giáo và Dân vận trong nhiệm kỳ Đại hội XIII của Đảng : Bước chuyển từ tư duy lý luận đến hành động thực tiễn. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 311 tr. : minh họa ; 24 cm. - 1000000đ. - 2000b

ĐTTS ghi: Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương s627138

361. Nguyễn Phú Trọng. Xây dựng chính phủ liêm chính, vững mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững / Nguyễn Phú Trọng. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 499 tr. ; 24 cm. - 20000b s627114

362. Nguyễn Phước Đoàn Tuấn Kiệt. Lịch sử Đảng bộ xã Bình Mỹ (1975 - 2025) / Nguyễn Phước Đoàn Tuấn Kiệt, Nguyễn Huỳnh Bảo Ngọc. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 371 tr. : ảnh màu, bảng ; 21 cm. - 145b

ĐTTS ghi: Huyện ủy Bình Sơn, Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Bình Mỹ. - Phụ lục cuối chính văn s627135

363. Nguyễn Quang Trung. Một số tư tưởng giá trị truyền thống Việt Nam / Nguyễn Quang Trung. - H. : Lao động, 2025. - 43 tr. : bảng ; 21 cm. - 36000đ. - 300b s627463

364. Nguyễn Tất Viễn. Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn / Nguyễn Tất Viễn. - H. : Tư pháp, 2025. - 251 tr. ; 21 cm. - 130000đ. - 500b

Thư mục: tr. 240-248 s628242

365. Nguyễn Thanh Xuân. Lịch sử Đảng bộ xã Diên Lợi (1954 - 2025) / Nguyễn Thanh Xuân b.s. - H. : Lao động, 2025. - 190 tr., 20 tr. ảnh màu : bảng ; 24 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Ban Chấp hành Đảng bộ xã Diên Lợi. - Phụ lục: tr. 169-190. - Thư mục cuối chính văn s627601

366. Nguyễn Thị Minh Giang. Lịch sử Đảng bộ xã Kỳ Trung (2004 - 2020) / Nguyễn Thị Minh Giang b.s. ; S.t.: Nguyễn Trọng Thuần... - H. : Lao động, 2026. - 188 tr., 11 tr. ảnh màu : bảng ; 21 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Ban Chấp hành Đảng bộ xã Kỳ Trung. - Phụ lục: tr. 167-187. - Thư mục: tr. 188 s627551

367. Nguyễn Thị Minh Giang. Lịch sử Đảng bộ xã Mã Thành (1953 - 2025) / Nguyễn Thị Minh Giang b.s. ; S.t.: Bùi Trọng Long... - H. : Lao động, 2025. - 238 tr., 31 tr. ảnh màu : bảng ; 24 cm. - 250b

ĐTTS ghi: Ban Chấp hành Đảng bộ xã Mã Thành. - Phụ lục: tr. 175-238. - Thư mục cuối chính văn s627598

368. Nguyễn Thị Minh Giang. Lịch sử Đảng bộ xã Tiên Phong (1977 - 2025) / Nguyễn Thị Minh Giang b.s. ; S.t.: Sầm Việt Hùng... - H. : Lao động, 2025. - 183 tr., 16 tr. ảnh màu : bảng ; 24 cm. - 200b

ĐTTS ghi: Ban Chấp hành Đảng bộ xã Tiên Phong. - Phụ lục: tr. 169-183. - Thư mục cuối chính văn s627591

369. Nguyễn Thị Tường. Lịch sử Đảng bộ xã Thọ Hợp (1965 - 2025) / Nguyễn Thị Tường (b.s.) ; S.t.: Trương Thị Phòng... - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 197 tr. : ảnh ; 21 cm. - 150b

ĐTTS ghi: Ban Chấp hành Đảng bộ xã Thọ Hợp. - Phụ lục: tr. 173-197. - Thư mục cuối chính văn s628278

370. Nguyễn Văn Hương. Thế giới đang thay đổi / Nguyễn Văn Hương. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 559 tr. ; 21 cm. - 1450b

Thư mục trong chính văn s626649

371. Những người cộng sản đầu tiên của tỉnh Hưng Yên / B.s.: Đào Hồng Vận (ch.b.), Phạm Văn Nghệ, Trần Quốc Việt... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật. - 24 cm. - 1000b

ĐTTS ghi: Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Hưng Yên

T.2: 1941 - 1945. - 2024. - 163 tr. : ảnh s627095

372. Nội dung cơ bản về Nhà nước và pháp luật Việt Nam : Giáo trình Trung cấp lý luận chính trị / Trương Hồ Hải (ch.b.), Trịnh Đức Thảo, Tào Thị Quyên... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Lý luận Chính trị, 2026. - 184 tr. ; 21 cm. - 46000đ. - 700b

ĐTTS ghi: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. - Thư mục cuối mỗi bài s626663

373. Nye, Joseph S. Sống trong thế kỷ Mỹ : Sách tham khảo / Joseph S. Nye ; Trần Huyền Trang dịch. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 343 tr. : ảnh ; 24 cm. - 1000b

Tên sách tiếng Anh: A life in the American century s627101

374. Phan Xuân Thành. Bang giao giữa sứ thần người Nghệ An với Trung Quốc / Phan Xuân Thành. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 207 tr. : ảnh ; 24 cm. - 1800b

Thư mục: tr. 202-205 s628284

375. Phùng Chí Kiên. Hai cực hay đa cực - Quan hệ chính trị quốc tế 1945 - 1955 và tác động tới cách mạng Việt Nam : Sách chuyên khảo / Phùng Chí Kiên. - Xuất bản lần thứ 2. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 264 tr. : minh họa ; 21 cm. - 101000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 242-261 s627058

376. Quá trình phát triển tư duy lý luận và lãnh đạo tổ chức thực hiện của Đảng Cộng sản Việt Nam về quản lý phát triển xã hội và phát triển văn hóa, con người Việt Nam : Sách chuyên khảo / Lê Thúy Hằng, Nguyễn Thanh Bình, Trần Thị Minh Ngọc... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 850 tr. ; 24 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Học viện Chính trị khu vực I. - Thư mục: tr. 843-847 s627129

377. Quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ: 30 năm xây dựng nền tảng vì tương lai / Nguyễn Chiến Thắng, Lê Thị Thu, Hoàng Thị Hương... - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 498 tr. : minh họa ; 27 cm. - 50b

ĐTTS ghi: Viện Nghiên cứu Châu Âu và Châu Mỹ; Đại học Duy Tân. - Thư mục: tr. 498 s627876

378. Rạng rỡ Việt Nam - Dấu ấn thành tựu nhiệm kỳ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng / B.s.: Đỗ Phương Thảo (ch.b.), Nguyễn Việt Thông, Thái Văn Long... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 218 tr. : minh họa ; 25 cm. - 270b

ĐTTS ghi: Ban Chỉ đạo Trung ương về Công tác thông tin đối ngoại. Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương s627126

379. Rudd, Kevin. Chủ nghĩa dân tộc Mácxít của Tập Cận Bình đang định hình Trung Quốc và thế giới như thế nào? : Sách tham khảo / Kevin Rudd ; Dịch: Vũ Lê Thái Hoàng... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 1056 tr. ; 24 cm. - 500b

Tên sách tiếng Anh: On Xi Jinping : How Xi's Marxist nationalism is shaping China and the world. - Lưu hành nội bộ. - Thư mục: tr. 823-1056 s627122

380. Sổ tay Đảng viên. - H. : Tri thức, 2025. - 56 tr. : ảnh, bảng ; 21 cm. - 55000đ. - 20000b  
Đầu bìa sách ghi: Đảng bộ Quân chủng Hải quân. Tên sách ngoài bìa: Sổ tay Đảng viên 2026 s626737

381. Tạ Phú Vinh. Chính sách ngoại giao của Trung Quốc đối với khu vực Đông Nam Á trong bối cảnh đại dịch COVID-19 : Sách chuyên khảo / Tạ Phú Vinh (ch.b.), Hoàng Hải. - H. : Công an nhân dân, 2026. - 183 tr. ; 21 cm. - 100b

Thư mục: tr. 167-180 s627019

382. Tài liệu hướng dẫn Bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XVI và Đại biểu Hội đồng Nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 thành phố Hải Phòng. - H. : Tài nguyên - Môi trường và Bản đồ Việt Nam, 2026. - 177 tr. : minh họa ; 27 cm. - 3200b

ĐTTS ghi: Ủy ban Bầu cử thành phố Hải Phòng s627901

383. Tô Lâm. 135 câu nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam / Tô Lâm. - Xuất bản lần thứ 3, có bổ sung. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 86 tr. ; 15 cm. - 25000đ. - 3000b s628767

384. Tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh - "Trường học xã hội chủ nghĩa của thanh niên Việt Nam" với việc giáo dục lý tưởng cách mạng và bản lĩnh chính trị cho thế hệ trẻ Thành phố Hồ Chí Minh trong kỷ nguyên mới / Ngô Minh Hải, Phùng Thị Diệu Hương, Nguyễn Đình Quốc Cường... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 499 tr. : bảng ; 24 cm. - 1000b

ĐTTS ghi: Thành đoàn Thành phố Hồ Chí Minh s627137

385. Trần Ngọc Nhiều. Giáo dục lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp cơ sở ở tỉnh Quảng Nam hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh : Sách chuyên khảo / Trần Ngọc Nhiều. - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2025. - 255 tr. : bảng, biểu đồ ; 24 cm. - 200b

Thư mục: tr. 159-171. - Phụ lục: tr. 172-255 s626967

386. Trần Thị Hợi. Xây dựng Đảng về đạo đức theo tư tưởng Hồ Chí Minh / Trần Thị Hợi. - Xuất bản lần thứ 2. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 302 tr. ; 21 cm. - 144000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 290-300 s627046

387. Trịnh Thị Dung. Lịch sử Đảng bộ huyện Lộc Hà (2007 - 2024) / B.s.: Trịnh Thị Dung, Nguyễn Thanh Xuân. - H. : Lao động, 2024. - 348 tr. : ảnh, bảng ; 24 cm. - 800b

ĐTTS ghi: Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Lộc Hà. - Phụ lục: tr. 281-342. - Thư mục: tr. 343-344 s627520

388. Trịnh Thị Dung. Lịch sử Đảng bộ xã Nam Giang (1954 - 2025) / B.s.: Trịnh Thị Dung, Vương Thị Sâm. - Tái bản, có bổ sung lần thứ 1. - H. : Lao động, 2025. - 259 tr., 17 tr. ảnh màu : bảng ; 24 cm. - 200b

ĐTTS ghi: Ban Chấp hành Đảng bộ xã Nam Giang. - Phụ lục: tr. 229-258. - Thư mục: tr. 259 s627596

389. Tự hào cơ đồ Việt Nam = Pride in Viet Nam's achievements / Tô Lâm, Tạ Ngọc Tấn, Trần Đức Cường... ; Đinh Trọng Minh dịch ; H.đ.: Nguyễn Thái Phúc, Nguyễn Thị Thùy Dương. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 591 tr. : ảnh ; 29 cm. - 1000b

ĐTTS ghi: Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương; Nhà Xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật s627854

390. Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 259 tr. : bảng ; 19 cm. - 525b

ĐTTS ghi: Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương s628829

391. Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ phường Phương Liệt lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 / B.s.: Trần Lan Hương, Đinh Huy Niệm, Nguyễn Công Bách, Nguyễn Thị Song Lan. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 138 tr. : ảnh, bảng ; 19 cm. - 150b

ĐTTS ghi: Đảng bộ thành phố Hà Nội. Đảng bộ phường Phương Liệt. - Tài liệu lưu hành nội bộ s628447

392. Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tây Ninh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030. - S.l. : S.n., 2025. - 272 tr. ; 21 cm. - 4700b

ĐTTS ghi: Đảng Cộng sản Việt Nam. Đảng bộ tỉnh Tây Ninh s626769

393. Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ xã Đồng Lê lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 119 tr., 18 tr. ảnh màu : ảnh, bảng ; 19 cm. - 500b

ĐTTS ghi: Đảng bộ tỉnh Quảng Trị. Đảng bộ xã Đồng Lê. - Phụ lục: tr. 107-119 s628342

394. Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ xã Vĩnh Thanh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 163 tr. : ảnh, bảng ; 19 cm. - 500b

ĐTTS ghi: Đảng bộ thành phố Hà Nội. Đảng ủy xã Vĩnh Thanh s628434

395. Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ xã Vĩnh Tường lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030. - H. : Lao động, 2025. - 164 tr. : ảnh, bảng ; 21 cm. - 500b

ĐTTS ghi: Ban Chấp hành Đảng bộ xã Vĩnh Tường. - Phụ lục: tr. 155-164 s627448

396. Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ xã Yên Lãng lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030. - H. : Lao động, 2025. - 75 tr., 11 tr. màu : bảng ; 21 cm. - 70b

ĐTTS ghi: Đảng bộ tỉnh Phú Thọ. Đảng bộ xã Yên Lãng s627573

397. Văn kiện Đại hội đại biểu phường An Lộc lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 146 tr. : ảnh, bảng ; 19 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Đảng bộ tỉnh Đồng Nai. Đảng ủy phường An Lộc. - Phụ lục: tr. 133-146 s628620

398. Vận dụng quan điểm chỉ đạo của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng trong nghiên cứu, giảng dạy lí luận chính trị : Sách chuyên khảo / Nguyễn Xuân Phong, Hà Thị Thùy Dương (ch.b.), Nguyễn Trọng Bình... - H. : Lao động, 2025. - 472 tr. ; 24 cm. - 268000đ. - 300b s627527

399. Võ Khánh Vinh. Nhà nước pháp quyền và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam : Lý luận và hiện thực / Võ Khánh Vinh. - H. : Tư pháp, 2025. - 847 tr. ; 27 cm. - 650000đ. - 300b

Thư mục: tr. 828-847 s627859

400. Vũ Trọng Lâm. Trao quyền: Từ lý thuyết đến thực tế : Sách chuyên khảo / Vũ Trọng Lâm, Lê Thanh Tùng. - Xuất bản lần thứ 2. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 302 tr. ; 24 cm. - 184000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 278-300 s627086

401. Vững bước dưới lá cờ Đảng : Lan tỏa các bài viết tham gia Cuộc thi chính luận về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng / Trương Vĩnh Xuân, Nguyễn Thành Hưng, Nguyễn Văn Dũng... ; B.s.: Nguyễn Xuân Phong... - H. : Lý luận Chính trị, 2025. - 422 tr. ; 24 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Học viện Chính trị khu vực IV s626658

402. Vương Thị Sâm. Lịch sử Đảng bộ và nhân dân xã Kỳ Đồng (1986 - 2024) / Vương Thị Sâm b.s., chỉnh lí, bổ sung. - Tái bản lần thứ 1, có chỉnh lí, bổ sung. - H. : Lao động, 2025. - 198 tr., 15 tr. màu ; 21 cm. - 200b

ĐTTS ghi: Đảng ủy - Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân - Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã Kỳ Đồng. - Phụ lục: tr. 175-197. - Thư mục: tr. 198 s627588

403. Vương Thị Sâm. Lịch sử Đảng bộ xã Cẩm Muộn (1949 - 2025) / B.s.: Vương Thị Sâm, Nguyễn Thanh Xuân ; S.t.: Lữ Thanh Bình... - H. : Lao động, 2025. - 165 tr., 15 tr. ảnh màu : bảng ; 24 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Ban Chấp hành Đảng bộ xã Cẩm Muộn. - Phụ lục: tr. 145-165. - Thư mục cuối chính văn s627595

404. Vương Thị Sâm. Lịch sử Đảng bộ xã Diễn Đồng (1953 - 2025) / Vương Thị Sâm b.s. ; S.t.: Bùi Thị Hồng... - H. : Lao động, 2025. - 284 tr., 18 tr. ảnh màu : bảng ; 24 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Ban Chấp hành Đảng bộ xã Diễn Đồng. - Phụ lục: tr. 239-284. - Thư mục cuối chính văn s627590

405. Vương Thị Sâm. Lịch sử Đảng bộ xã Lục Dạ (1948 - 2025) / B.s.: Vương Thị Sâm, Nguyễn Thanh Xuân ; S.t.: Vi Văn Hiền... - H. : Lao động, 2025. - 249 tr., 16 tr. màu ; 21 cm. - 200b

ĐTTS ghi: Ban Chấp hành Đảng bộ xã Lục Dạ. - Phụ lục: tr. 206-244. - Thư mục: tr. 245 s627586

406. Vương Thị Sâm. Lịch sử Đảng bộ xã Nam Xuân (1954 - 2025) / B.s.: Vương Thị Sâm (ch.b.), Nguyễn Trâm Anh. - H. : Lao động, 2025. - 191 tr., 12 tr. ảnh màu : bảng ; 24 cm. - 200b

ĐTTS ghi: Ban Chấp hành Đảng bộ xã Xuân Nam. - Phụ lục: tr. 167-185. - Thư mục: tr. 186-187 s627597

## KINH TẾ

407. 10th CSI - Dấu ấn trên hành trình kiến tạo doanh nghiệp bền vững = 10th CSI - Key milestones in advancing sustainable business : 100 doanh nghiệp bền vững 2025 / Nguyễn Quang Vinh, Minh Ngọc, Quỳnh Anh... - H. : Lao động, 2025. - 169 tr. : minh họa ; 28 cm. - 1000b

ĐTTS ghi: Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam s627783

408. Acocella, Nicola. Chính sách kinh tế trong thế kỷ XXI: Bốn thách thức lớn / Nicola Acocella ; Dịch: Nguyễn Văn Phúc... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 291 tr. : minh họa ; 24 cm. - 1000b

Tên sách tiếng Anh: Economic policy in the 21st century : The four great challenges. - Thư mục: tr. 264-291 s627102

409. Bannatyne, Duncan. Tiền "đề ra" tiền - Đầu tư tài chính thông minh : Bí quyết thành công của triệu phú Anh / Duncan Bannatyne ; Đặng Thùy Linh dịch. - H. : Hồng Đức, 2026. - 285 tr. : biểu đồ ; 21 cm. - (Bizbooks - Sách dành cho doanh nhân). - 168000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Anh: How to be smart with your money s627316

410. Bảo tồn đa dạng sinh học trong bối cảnh biến đổi khí hậu / Lê Khánh Vũ, Trần Lý Tường (ch.b.), Lê Thị Thu Hiền... - H. : Lao động, 2025. - 235 tr. : minh họa ; 21 cm. - 120000đ. - 300b

Thư mục: tr. 231-235 s627381

411. Báo cáo Điều tra lao động việc làm năm 2024 / B.s.: Nguyễn Thị Thanh Mai, Nguyễn Huy Minh, Nguyễn Thị Ngọc Lan... - H. : Lao động, 2025. - 231 tr. : bảng, biểu ; 29 cm. - 710b  
ĐTTS ghi: Cục Thống kê. - Phụ lục: tr. 211-231 s627782

412. Báo cáo sơ bộ kết quả Tổng Điều tra nông thôn, nông nghiệp năm 2025. - H. : Lao động, 2025. - 136 tr. : minh họa ; 27 cm. - 710b  
ĐTTS ghi: Cục Thống kê s627781

413. Blustein, Paul. Đôla Mỹ và quyền lực thống trị toàn cầu: Từ quá khứ đến tương lai : Sách tham khảo / Paul Blustein ; Dịch, h.đ.: Lê Tùng, Trọng Minh. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 478 tr. ; 24 cm. - 500b

Tên sách tiếng Anh: King dollar: The past and future of the world's dominant currency s626591

414. Chiến lược bút phá 9+ Địa lí : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới... / Trần Văn Tài. - H. : Lao động, 2025. - 510 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 300000đ. - 5000b s627796

415. Chính sách kinh tế của Trung Quốc đối với các nước Đông Nam Á giai đoạn 2017 - 2024 : Sách chuyên khảo / Hoàng Thị Tuấn Oanh, Hà Việt Anh, Hà Thị Huyền Trang... ; Ch.b.: Đỗ Mai Lan, Nguyễn Thị Việt Mỹ. - H. : Thế giới, 2026. - 235 tr. : bảng ; 24 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Học viện Ngoại giao. - Phụ lục: tr. 186-203. - Thư mục: tr. 204-235 s628218

416. Coggan, Philip. Hiểu thuật ngữ kinh tế để nắm bắt biến động thời cuộc / Philip Coggan ; Nguyễn Vũ dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 391 tr. ; 21 cm. - 170000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Anh: Economics: The economist guide s626823

417. Dùng tiền - Nhân tiền : Bí quyết hết nợ - dư tiền / Lã Anh Kiên, Nguyễn Mai Anh, Lê Tuấn, Hoàng Trọng Nghĩa. - H. : Lao động, 2025. - 247 tr. : minh họa ; 21 cm. - 686000đ. - 1000b s627454

418. Điểm bùng phát của những vùng đất : Từ quy luật đô thị đến giá trị đất đai / Dataland. - H. : Công Thương, 2026. - 263 tr. ; 21 cm. - 350000đ. - 1000b s627275

419. Đoàn Đức Hân. Những điểm mới của Điều lệ Công đoàn Việt Nam khóa XIII / B.s.: Đoàn Đức Hân, Trần Tố Hào. - H. : Lao động, 2025. - 112 tr. ; 21 cm. - 22000b s627472

420. Đỗ Thị Thanh Mến. Bản đồ vận hành spa : Cẩm nang cho tất cả các chủ spa / Đỗ Thị Thanh Mến. - H. : Công Thương, 2026. - 246 tr. : ảnh ; 24 cm. - 599000đ. - 2000b s627292

421. Giáo dục môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học : Sách tham khảo / B.s.: Dương Thị Bích Ngọc, Nguyễn Thị Bích Hào, Bùi Thế Đồi.... - H. : Nông nghiệp, 2025. - 233 tr. : minh họa ; 24 cm. - 450b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Lâm nghiệp. - Thư mục: tr. 204-216. - Phụ lục: tr. 217-233 s627430

422. Giáo trình Định giá tài sản : Dùng cho trình độ đại học / B.s.: Lánh Thị Hòa, Lương Văn Tô (ch.b.), Vũ Thị Phương, Nguyễn Thị Thơm. - H. : Công Thương, 2026. - 223 tr. : bảng ; 27 cm. - 250b

ĐTTS ghi: Bộ Công Thương. Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh. - Thư mục cuối chính văn s627893

423. Giáo trình Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp được : Sách đào tạo sau đại học / B.s.: Vũ Đức Lợi (ch.b.), Đỗ Thị Hà, Phùng Thanh Long, Phạm Thị Anh. - H. : Y học, 2025. - 239 tr. : minh họa ; 27 cm. - 310000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam. Khoa Dược. Bộ môn Dược cổ truyền. - Thư mục: tr. 237-239 s628049

424. Giáo trình Kinh tế vi mô / Doãn Thị Mai Hương, Lương Xuân Dương (ch.b.), Nguyễn Thị Vân Anh... - H. : Lao động, 2025. - 390 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 105000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Bộ Nội vụ. Trường Đại học Lao động - Xã hội. - Thư mục: tr. 383 s627390

425. Giáo trình Marketing du lịch / Lê Kim Anh (ch.b.), Đoàn Kim Thêu, Trần Tuệ An, Nguyễn Thị Minh Hương. - H. : Lao động, 2026. - 291 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 98000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp. - Thư mục: tr. 290-291 s627499

426. Giáo trình Phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh : Dùng cho trình độ đại học / B.s.: Lương Văn Tộ (ch.b.), Trần Thị Thu Lan, Hoàng Thị Thúy... - H. : Công Thương, 2026. - 180 tr. : bảng, biểu đồ ; 27 cm. - 250b

ĐTTS ghi: Bộ Công Thương. Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh. - Thư mục: tr. 177 s627892

427. Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học / Phan Đình Nguyên, Nguyễn Huỳnh Mai Xuân, Nguyễn Nhật Duy, Lê Nhật Tiên. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2026. - xi, 203 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 300000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Đại học Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh s627154

428. Giáo trình Quản lý và phân tích thị trường bất động sản = Real estate management and analysis / Nguyễn Thị Song Bình (ch.b.), Phạm Thanh Vũ, Phan Chí Nguyễn... - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2025. - 215 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 75000đ. - 100b

Thư mục: tr. 213-215 s626844

429. Giáo trình Tài chính tiền tệ / Phạm Đức Tài, Phạm Thị Phương Thảo (ch.b.), Nguyễn Thị Bích Ngọc, Lê Mạnh Thắng. - H. : Lao động, 2026. - 433 tr. : bảng ; 24 cm. - 134000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp. - Thư mục: tr. 432-433 s627505

430. Giáo trình Thị trường bất động sản / B.s.: Hoàng Văn Cường (ch.b.), Phạm Lan Hương, Nguyễn Thị Hải Yến... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Đại học Kinh tế Quốc dân, 2025. - 603 tr. : minh họa ; 24 cm. - 234000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Đại học Kinh tế Quốc dân. Trường Kinh doanh. Khoa Bất động sản và Kinh tế tài nguyên. - Thư mục cuối mỗi chương. - Phụ lục: tr. 531-603 s627031

431. Giáo trình Thị trường vốn / B.s.: Phạm Văn Hùng (ch.b.), Phan Thị Thu Hiền, Nguyễn Duy Tuấn, Đinh Anh Tuấn. - H. : Đại học Kinh tế Quốc dân, 2025. - 372 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 158000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Đại học Kinh tế Quốc dân. Trường Kinh tế và Quản lý công. Khoa Đầu tư. - Thư mục: tr. 372 s627029

432. Giáo trình Tiếng Anh chuyên ngành kinh tế lao động / B.s.: Lê Anh Tuấn (ch.b.), Kiều Linh, Nguyễn Thị Thanh Hương... - H. : Lao động, 2025. - 358 tr. : bảng ; 21 cm. - 100000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Bộ Nội vụ. Trường Đại học Lao động - Xã hội. - Phụ lục: tr. 348-356.- Thư mục: tr. 357-358 s627389

433. Giữ rừng, giữ muôn loài, giữ tương lai = Conserve the forest, protect the species, secure the future. - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2025. - 15 tr. : ảnh ; 21x30 cm. - 250b

Đầu bìa sách ghi: Trung tâm Bảo tồn Đa dạng sinh học Nước Việt Xanh s626968

434. Hiểu hết về tiền = How money works / Julian Sims, Marianne Curphey, Emma Lunn... ; Bùi Thị Quỳnh Chi dịch. - Tái bản. - H. : Thế giới, 2025. - 255 tr. : minh họa ; 23 cm. - 330000đ. - 1500b s628222

435. Hoàng Thanh Tùng. Bài tập Kinh tế vi mô / Ch.b.: Hoàng Thanh Tùng, Nguyễn Thị Vân Anh. - H. : Lao động, 2025. - 383 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 100000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Bộ Nội vụ. Trường Đại học Lao động - Xã hội. - Tên sách ghi: "Kinh tế vi mô", nhưng nội dung trình bày về kinh tế vĩ mô. - Thư mục: tr. 382-383 s627385

436. Howes, Lewis. Hiểu tiền đúng, kiếm tiền dễ : Tạo lập tự do tài chính và sống cuộc đời giàu có hơn / Lewis Howes ; Tú Lan dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 316 tr. ; 21 cm. - 160000đ. - 1500b s626822

437. Hỗ trợ nông dân sản xuất chè tại tỉnh Thái Nguyên kinh doanh trên sàn thương mại điện tử : Sách chuyên khảo / B.s.: Phạm Thị Tuấn Linh (ch.b.), Phạm Hữu Khiêm, Ma Thế Ngân... - H. : Lao động, 2025. - 130 tr. : bảng ; 21 cm. - 168000đ. - 300b

Thư mục: tr. 113-129 s627447

438. Hướng dẫn trả lời câu hỏi và bài tập Địa lí lớp 12 : Biên soạn theo Chương trình GDPT mới : Bám sát SGK Kết nối tri thức với cuộc sống / Đoàn Xuân Tú. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 204 tr. : bảng, biểu đồ ; 24 cm. - 98000đ. - 1000b s628174

439. Hướng dẫn và thúc đẩy thương lượng tập thể : Dành cho hòa giải viên lao động / Nguyễn Duy Phúc (ch.b.), Hoàng Thị Thu Huyền, Phạm Văn Phúc... - H. : Lao động, 2025. - 96 tr. : bảng, sơ đồ ; 21 cm. - 1000b

ĐTTS ghi: CIRĐ - Trung tâm Hỗ trợ phát triển quan hệ lao động. - Phụ lục: tr. 80-95 s627400

440. James, Harold. Bảy cuộc khủng hoảng định hình toàn cầu hóa : Sách tham khảo / Harold James ; Dịch, h.đ.: Tuấn Trung, Thoan Thu. - Xuất bản lần thứ 2. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 467 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 248000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Seven crashes : The economic crises that shaped globalization s627087

441. Jennifer Nguyễn. Đầu tư như một quý cô / Jennifer Nguyễn. - H. : Tri thức, 2026. - 307 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 129000đ. - 1000b

Thư mục cuối mỗi phần. - Phụ lục: tr. 274-305 s626721

442. Karchin, Lindsay. Marketing mỹ phẩm : Chiến lược và đổi mới trong ngành làm đẹp = Cosmetics marketing : Strategy and innovation in the beauty industry / Lindsay Karchin, Delphine Horvath ; Thành Trung dịch. - H. : Hồng Đức, 2026. - 215 tr. : minh họa ; 27 cm. - 275000đ. - 1000b s627766

443. Kết quả điều tra cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể 2024 / Ban Thống kê Dịch vụ và Giá b.s. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2025. - 203 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 200b

ĐTTS ghi: Cục Thống kê s627832

444. Khan, Parves. Quyền lực của phụ nữ = The power of women : Hành trình tỏa sáng tại nơi làm việc / Parves Khan ; Linh Phụng dịch. - H. : Hồng Đức, 2026. - 215 tr. ; 21 cm. - 128000đ. - 1500b s627328

445. Kiyosaki, Robert T. Dạy con làm giàu / Robert T. Kiyosaki ; Nguyễn Minh Thiên Kim dịch. - In lần thứ 28. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 21 cm. - 110000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Anh: Rich dad's - Who took my money?

T.7: Ai đã lấy tiền của tôi?. - 2026. - 313 tr. : hình vẽ, bảng s626609

446. Kỷ yếu Đề tài khoa học cấp Bộ năm 2022 - 2023 / Chủ Thị Liên, Trần Hải Nam, Nguyễn Duy Cường... - H. : Văn hóa dân tộc, 2025. - 179 tr. ; 24 cm. - 300b  
ĐTTS ghi: Bộ Nội vụ s626975
447. Kỷ yếu Hội thảo khoa học Kinh tế - Kinh doanh quốc tế : Lần 5 năm 2025 / Trần Quang Văn, Lương Thị Hoa, Cao Ngọc Văn... - H. : Tài chính, 2025. - 366 tr. : hình vẽ, bảng ; 28 cm. - 500b  
Đầu bìa sách ghi: Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục cuối mỗi bài s627833
448. Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Du lịch xanh - Giải pháp phát triển bền vững vùng, địa phương / Nguyễn Văn Lưu, Lê Văn Tấn, Nguyễn Thị Hương... - Hải Phòng : Nxb. Hàng hải, 2025. - 1261 tr. : minh họa ; 30 cm. - 5b  
Thư mục cuối mỗi bài s627858
449. Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cho phát triển bền vững = Proceedings of the national conference on applying science, technology and innovation for sustainable development / Vu Hoang Phuong, Nguyen Duc Quy, Nguyen Thanh Vinh... - H. : Giao thông vận tải, 2025. - 263 tr. : minh họa ; 27 cm. - 60b  
Thư mục cuối mỗi bài s627883
450. Làm chủ kiến thức Địa lí trọng tâm : Theo Chương trình mới Kết nối tri thức - Cảnh Diệu - Chân trời sáng tạo / Hoàng Thị Mai Anh. - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2025. - 159 tr. ; 24 cm. - 3000b s626959
451. Lê Ngọc Thơm. Đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh theo định hướng phát triển bền vững của Việt Nam : Sách chuyên khảo / Lê Ngọc Thơm (ch.b.), Phan Lê Nga, Đào Thị Hồng Xiêm. - H. : Lao động, 2025. - 219 tr. : bảng ; 24 cm. - 198000đ. - 200b  
ĐTTS ghi: Học viện Chính sách và phát triển. - Thư mục cuối chính văn s627618
452. Lê Thanh Huyền. Phát triển tài chính và tăng trưởng bền vững tại các quốc gia Đông Nam Á / Lê Thanh Huyền (ch.b.), Nguyễn Văn Duy, Ngô Quý Bằng. - H. : Thế giới, 2025. - 148 tr. ; 21 cm. - 80000đ. - 300b  
Thư mục: tr. 136-148 s627688
453. Lê Văn Công. Sự thích ứng về việc làm của thanh niên ngoại thành Thành phố Hồ Chí Minh : Sách chuyên khảo / Lê Văn Công (ch.b.), Tạ Thị Thanh Thủy, Đỗ Quang Thông. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 142 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 90000đ. - 100b  
Thư mục: tr. 108-115. - Phụ lục: tr. 116-141 s627531
454. Lịch sử phong trào công nhân và Công đoàn tỉnh Hà Tĩnh / B.s.: Đinh Văn Thiềm, Ngô Đình Vân (ch.b.), Nguyễn Ngọc Nhuận... - Nghệ An : Nxb. Nghệ An. - 21 cm. - 500b  
ĐTTS ghi: Liên đoàn Lao động tỉnh Hà Tĩnh  
T.3: 2011 - 2025. - 2025. - 236 tr. : ảnh, bảng s628283
455. Lịch sử phong trào công nhân viên chức, lao động và công đoàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 1996 - 2023 / B.s.: Huỳnh Thị Thu Thủy, Nguyễn Thị Thu Ba, Lê Minh Hiếu... - H. : Lao động, 2025. - 207 tr., 35 tr. ảnh màu : bảng ; 24 cm. - 250b  
ĐTTS ghi: Liên đoàn Lao động tỉnh Đồng Tháp. - Phụ lục: tr. 181-202. - Thư mục: tr. 203 s627494
456. Lương Thị Mỹ Dung. Ai cũng có thể kiếm được nhiều tiền, giàu có và sống hạnh phúc / Lương Thị Mỹ Dung. - H. : Lao động, 2025. - 295 tr. ; 21 cm. - 199000đ. - 500b s627431

457. Mai Lê. Dám dẫn dắt : Khai mở tiềm năng lãnh đạo trong môi trường ngân hàng / Mai Lê. - H. : Lao động, 2025. - 279 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 198000đ. - 1000b  
 Tên thật tác giả: Lê Thanh Mai. - Phụ lục: tr. 237-277 s627467
458. McGee, Patrick. Apple in China : Khi gã khổng lồ bị trời buộc / Patrick McGee ; Nhật An dịch. - H. : Thế giới, 2026. - 603 tr. ; 24 cm. - 333000đ. - 1200b s628207
459. Mickle, Tripp. Apple hậu Steve Jobs : Di sản sáng tạo vĩ đại và hành trình xây dựng đế chế nghìn tỉ đô / Tripp Mickle ; Diệp Ngôn dịch. - H. : Lao động, 2025. - 435 tr. ; 24 cm. - 299000đ. - 2000b  
 Tên sách tiếng Anh: After Steve - How Apple became a trillion-dollar company and lost its soul s627517
460. Nghiên cứu đô thị và nông thôn để phát triển bền vững - Giải quyết mối quan hệ giữa kinh tế, văn hóa và xã hội trong kỷ nguyên mới : Sách chuyên khảo / Trần Xuân Bình, Trương Trần Hoàng Phúc, Nguyễn Văn Phương (ch.b.)... - H. : Lao động, 2026. - 408 tr. ; 24 cm. - 899000đ. - 150b  
 Thư mục cuối mỗi chương s627606
461. Ngô Hải Ninh. Phát triển du lịch bền vững trong bối cảnh biến đổi khí hậu - Nghiên cứu trường hợp tỉnh Quảng Ninh : Sách chuyên khảo / Ngô Hải Ninh. - H. : Khoa học xã hội, 2026. - 259 tr. : bản đồ, bảng ; 21 cm. - 186000đ. - 100b  
 Thư mục: tr. 242-251. - Phụ lục: tr. 252-259 s627639
462. Nguồn gốc của bất bình đẳng và các chính sách kiểm soát / Joseph E. Stiglitz, Ravi Kanbur, Michael Doyle... ; Dịch: Trương Quang Đức... ; Hoàng Thị Ba h.đ. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - xxiii, 1443 tr. ; 24 cm. - 1000b  
 Tên sách tiếng Anh: The origin of inequality, and policies to contain it. - Thư mục: tr. 1353-1440 s627123
463. Nguyễn Đức Trọng. Quản lý di sản thế giới Khu trung tâm Hoàng thành Thăng Long - Hà Nội gắn với phát triển du lịch : Sách chuyên khảo / Nguyễn Đức Trọng. - H. : Lao động, 2026. - 315 tr. : minh họa ; 21 cm. - 150000đ. - 300b  
 Phụ lục: tr. 196-295.- Thư mục: tr. 296-315 s627439
464. Nguyễn Minh Tú. Bàn về bản chất tổ chức hợp tác xã : Hợp tác đem lại lợi ích tối đa cho thành viên hợp tác mang lại giá trị / Nguyễn Minh Tú. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 132 tr. ; 21 cm. - 500b s627173
465. Nguyễn Ngọc Dung. Giáo trình Quản trị nguồn nhân lực du lịch / Nguyễn Ngọc Dung, Trần Đức Thanh (ch.b.), Vũ Hương Lan. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2026. - 328 tr. : minh họa ; 24 cm. - 268000đ. - 100b  
 ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Hà Nội. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn. - Thư mục: tr. 299-306. - Phụ lục: tr. 307-328 s628145
466. Nguyễn Ngọc Sơn. Giáo trình Chính sách phát triển / Ch.b.: Nguyễn Ngọc Sơn, Bùi Thị Thanh Huyền. - H. : Đại học Kinh tế Quốc dân, 2025. - 411 tr. : minh họa ; 24 cm. - 159000đ. - 300b  
 ĐTTS ghi: Đại học Kinh tế Quốc dân. Trường Kinh tế và Quản lý công. Khoa Kế hoạch và Phát triển. - Thư mục cuối mỗi chương s627027
467. Nguyễn Phú Trọng. Xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam / Nguyễn Phú Trọng. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 687 tr. ; 24 cm. - 20000b s627115

468. Nguyễn Quang Hiền. Một số vấn đề cơ bản về tiền tệ và ngân hàng : Sách chuyên khảo / Nguyễn Quang Hiền. - H. : Lao động, 2025. - 291 tr. ; 21 cm. - 179000đ. - 500b  
Thư mục: tr. 290-291 s627415
469. Nguyễn Quang Lộc. Ngân hàng số / Nguyễn Quang Lộc. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 279 tr. ; 21 cm. - 189000đ. - 1000b s626779
470. Nguyễn Thị Bích Ngọc. Giáo trình Thị trường chứng khoán / Nguyễn Thị Bích Ngọc, Ngô Thanh Loan (ch.b.), Trần Ngọc Vân. - H. : Lao động, 2026. - 437 tr. : minh họa ; 24 cm. - 134000đ. - 500b  
ĐTTS ghi: Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp. - Thư mục: tr. 435--436 s627500
471. Nguyễn Thị Hạnh. Giáo trình Các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế : Giáo trình dùng cho sinh viên đại học / Ch.b.: Nguyễn Thị Hạnh, Đinh Văn Nhã. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2025. - 184 tr. : bảng ; 24 cm. - 120000đ. - 100b  
ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội. Khoa Tài chính. - Thư mục: tr. 184 s627150
472. Nguyễn Thị Thu Hằng. Giáo trình Văn hóa kinh doanh : Dùng cho trình độ đại học / Ch.b.: Nguyễn Thị Thu Hằng, Nguyễn Thị Huệ. - H. : Công Thương, 2026. - 180 tr. : minh họa ; 27 cm. - 250b  
ĐTTS ghi: Bộ Công Thương. Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh. - Thư mục: tr. 174-175 s626617
473. Nguyễn Thị Thu Hường. Nguồn lực con người và tài chính trong công nghiệp hóa: Tham chiếu từ Singapore và Hàn Quốc (1961 - 1979) : Sách chuyên khảo / Nguyễn Thị Thu Hường. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 218 tr. ; 24 cm. - 200b s628135
474. Nguyễn Thùy Phương. Giáo trình Đánh giá tác động môi trường / Nguyễn Thùy Phương, Trần Thanh Đức (ch.b.), Nguyễn Trung Hải. - Huế : Đại học Huế, 2025. - 200 tr. : minh họa ; 27 cm. - 75000đ. - 50b  
ĐTTS ghi: Đại học Huế. Trường Đại học Nông Lâm. - Thư mục cuối mỗi chương. - Phụ lục: tr. 169-200 s626627
475. Nguyễn Tiến Đức. Cơ cấu nguồn vốn của các doanh nghiệp ngành Dầu khí tại Việt Nam : Sách chuyên khảo / Nguyễn Tiến Đức. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2026. - 208 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 50000đ. - 200b  
Thư mục: tr. 197-207 s627155
476. Nguyễn Văn Chương. Giáo trình Thổ nhưỡng / Nguyễn Văn Chương (ch.b.), Ngô Ngọc Hưng, Đoàn Vĩnh Phúc. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 224 tr. ; 24 cm. - 150000đ. - 100b  
ĐTTS ghi: Trường Đại học An Giang. - Thư mục: tr. 201-204 s626888
477. Nhập môn Du lịch = Introduction to tourism / Trần Đức Thanh, Phạm Hồng Long, Vũ Hương Lan (ch.b.)... - Tái bản lần 2. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2026. - 447 tr. : minh họa ; 24 cm. - 160000đ. - 500b  
Thư mục: tr. 418-441 s628166
478. Phạm Minh Chính. Kinh tế Việt Nam - Thăng trầm và đột phá / Phạm Minh Chính, Vương Quân Hoàng. - Xuất bản lần thứ 4. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 505 tr. : minh họa ; 24 cm. - 270000đ. - 1032b  
Thư mục: tr. 491-500. - Phụ lục: tr. 501-505 s627072

479. Phạm Thị Nhạn. Nguồn nhân lực nữ trong du lịch cộng đồng tại tỉnh Thái Nguyên : Sách chuyên khảo / Phạm Thị Nhạn. - H. : Lao động, 2025. - 257 tr. : minh họa ; 21 cm. - 300b  
Thư mục: tr. 219-252 s627440
480. Phan Văn Trường. Một đời quản trị / Phan Văn Trường. - In lần thứ 24. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 495 tr. : hình vẽ ; 23 cm. - 200000đ. - 2000b s626842
481. Phát triển kinh tế - xã hội các vùng ở Việt Nam: Vấn đề và giải pháp chính sách : Sách chuyên khảo / Lê Văn Hùng, Trần Thị Thu Hương (ch.b.), Bùi Việt Cường... - H. : Lao động, 2025. - 340 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 200b  
ĐTTS ghi: Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Viện Địa lý Nhân văn và Phát triển bền vững. - Thư mục: tr. 333-340 s627616
482. Piketty, Thomas. Tư bản thế kỷ 21 = Le capital au XXI<sup>e</sup> siècle / Thomas Piketty ; Dịch: Trần Thị Kim Chi, Hoàng Thạch Quân ; Vũ Thành Tựu Anh h.đ. - In lần thứ 4. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 805 tr. : bảng, biểu đồ ; 23 cm. - 300000đ. - 1000b s628238
483. Prasad, Eswar S. Tương lai của tiền tệ: Cuộc cách mạng kỹ thuật số đang biến đổi tiền tệ và tài chính như thế nào / Eswar S. Prasad ; Biên dịch: Tuấn Anh... ; Thúy Nga h.đ. - Xuất bản lần thứ 2. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 599 tr. ; 24 cm. - 298000đ. - 2500b  
Tên sách tiếng Anh: The future of money: How the digital revolution is transforming currencies and finance. - Thư mục: tr. 579-596 s627107
484. Quy hoạch không gian biển để Việt Nam trở thành quốc gia mạnh về biển, giàu từ biển, bền vững, thịnh vượng và an toàn / Nguyễn Đức Toàn, Mai Trọng Nhuận (ch.b.), Trương Quang Hải... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 494 tr. : minh họa ; 24 cm. - 1000b  
Thư mục: tr. 464-486 s627118
485. Quy trình đánh giá nội bộ về mức đủ thanh khoản tại các ngân hàng thương mại : Sách chuyên khảo / Nguyễn Thị Thu Trang (ch.b.), Nguyễn Thùy Dương, Lê Hải Trung... - H. : Đại học Kinh tế Quốc dân, 2026. - 314 tr. : minh họa ; 24 cm. - 225000đ. - 200b  
ĐTTS ghi: Học viện Ngân hàng. - Thư mục: tr. 240-247. - Phụ lục: tr. 248-314 s627035
486. Sanders, Bernie. Tức giận với tư bản là chuyện bình thường / Bernie Sanders ; Kiều Anh Tú dịch. - H. : Công Thương, 2026. - 370 tr. ; 21 cm. - 199000đ. - 2000b  
Tên sách tiếng Anh: It's OK to be angry about capitalism s627272
487. Sắc lệnh giá tối đa / Nhóm 9B biên dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 182 tr. : minh họa ; 19 cm. - 89000đ. - 1000b  
Thư mục: tr. 179 s628716
488. Sinh kế trong bối cảnh biến đổi khí hậu: Chuyển đổi và thích ứng của hộ gia đình miền núi thành phố Đà Nẵng theo tiếp cận nghiên cứu có sự tham gia của cộng đồng / Nguyễn Phú Thắng (ch.b.), Tsutsui Kazunobu, Nguyễn Thị Kim Thoa... - H. : Thế giới, 2025. - 187 tr. : minh họa ; 24 cm. - 140000đ. - 300b  
Thư mục: tr. 173-187 s627698
489. Smith, Adam. Sự thịnh vượng của các quốc gia / Adam Smith ; Dịch: Tạ Ngọc Thạch, Phạm Thị Ngọc Trâm ; Vũ Hoàng Linh h.đ. - H. : Thế giới, 2026. - 958 tr. ; 25 cm. - 550000đ. - 1500b  
Dịch từ nguyên bản tiếng Anh: An inquiry into the nature and causes of the wealth of nations s627705
490. Song Hong Bing. Chiến tranh tiền tệ / Song Hong Bing ; Đặng Hồng Quân dịch. - H. : Lao động. - 24 cm. - 185000đ. - 3000b  
Ph.2: Sự thống trị của quyền lực tài chính. - 2026. - 630 tr. : ảnh, biểu đồ s627611

491. Sư Lễ Bồi Nhĩ. Giáo dục tài chính cho trẻ em : Truyện tranh trẻ em / Sư Lễ Bồi Nhĩ ; Lemon dịch. - H. : Tri thức, 2026. - 62 tr. : tranh màu ; 19 cm. - 64000đ. - 5000b

Tên sách tiếng Trung: 漫画给孩子的财商启蒙书 s628758

492. Tài nguyên thiên nhiên và chuyển đổi xanh ở Việt Nam / Trương Quang Học, Nguyễn Ngọc Sinh (ch.b.), Nguyễn Đức Ngữ... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 426 tr. : minh họa ; 24 cm. - 1000b

ĐTTS ghi: Hội Bảo vệ Thiên nhiên và Môi trường Việt Nam. - Thư mục: tr. 413-421 s627109

493. Templar, Richard. Những quy tắc để giàu có : Cách kiếm tiền, tiêu tiền và duy trì sự thịnh vượng / Richard Templar ; Nguyễn Thu Trang dịch. - Tái bản lần thứ 7. - H. : Lao động, 2025. - 343 tr. : bìa ; 21 cm. - 149000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Anh: Rules of wealth s627566

494. Thẩm Dự Băng. Tiềm thức về tiền : Tại sao người giàu luôn nợ? / Thẩm Dự Băng. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2025. - 174 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 118000đ. - 1000b s626759

495. Thực trạng kinh tế - xã hội tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2021 - 2025 / Phòng Thống kê tổng hợp - Thống kê tỉnh Ninh Bình b.s. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2026. - 202 tr. : bìa, tranh màu ; 24 cm. - 535b

ĐTTS ghi: Cục Thống kê tỉnh Ninh Bình. - Phụ lục: tr. 83-202 s627156

496. Thực trạng kinh tế - xã hội Việt Nam so với các nước trong khu vực giai đoạn 2010 - 2024. - H. : Lao động, 2025. - 140 tr. : bìa, biểu đồ ; 27 cm. - 527b

ĐTTS ghi: Cục Thống kê s627788

497. Tiền "đẻ ra" tiền : Con đường dẫn đến tự do tài chính... / Siribooks. - H. : Công Thương, 2026. - 255 tr. ; 21 cm. - 360000đ. - 5000b s627284

498. Tiền mã hóa : Sách chuyên khảo / B.s.: Ngô Thị Hằng (ch.b.), Trần Thị Xuân Anh, Phạm Tiên Mạnh... - H. : Lao động, 2025. - 221 tr. : hình vẽ, bìa ; 24 cm. - 120000đ. - 300b  
Thư mục: tr. 192-221 s627492

499. Tổng hợp và khai thác cơ sở dữ liệu tài nguyên đất đai cho phát triển nông nghiệp bền vững vùng Đồng bằng sông Cửu Long, Việt Nam / Phạm Thanh Vũ (ch.b.), Trương Trí Quang, Phan Chí Nguyễn... - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2025. - 67 tr. : minh họa ; 24 cm. - 39000đ. - 100b

Thư mục: tr. 62-67 s626971

500. Trần Huy Phương. Giáo trình Kinh tế lao động / Ch.b.: Trần Huy Phương, Nguyễn Phương Mai. - H. : Đại học Kinh tế Quốc dân, 2025. - 812 tr. : minh họa ; 24 cm. - 304000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Đại học Kinh tế Quốc dân. Trường Kinh doanh. Khoa Kinh tế và Quản lý nguồn nhân lực. - Thư mục cuối mỗi chương s627032

501. Trần Văn Dân. Đắc tài trí : Kiếm - Giữ - Nhân... / Trần Văn Dân. - H. : Công Thương, 2026. - 287 tr. ; 21 cm. - 360000đ. - 10000b s627287

502. Trịnh Anh Tuấn. Phát triển nông nghiệp công nghệ cao trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ở tỉnh Hà Nam : Sách chuyên khảo / Trịnh Anh Tuấn. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 206 tr. : bìa, biểu đồ ; 24 cm. - 200000đ. - 250b

Thư mục: tr. 194-206 s626869

503. Trương Quang Ngọc. Thiên nhiên và đa dạng sinh học Việt Nam / Trương Quang Ngọc, Hồ Thanh Hải. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 755 tr. : minh họa ; 27 cm. - 1000b

Thư mục: tr. 715-752 s627852

504. Vì sao bạn chưa giàu? : Cẩm nang tài chính cá nhân giúp bạn tiêu xài đúng cách, tiết kiệm khôn ngoan và đầu tư hiệu quả / The Simple Sum ; Tú Nhi biên dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 342 tr. : tranh màu ; 24 cm. - 210000đ. - 5000b s627672

505. Việc làm cho người lao động cao tuổi trong bối cảnh già hóa dân số hiện nay tại Việt Nam : Sách chuyên khảo / B.s.: Phương Hữu Khiêm (ch.b.), Đinh Hồng Linh, Phương Hữu Tùng... - H. : Lao động, 2025. - 168 tr. : bảng, biểu đồ ; 21 cm. - 168000đ. - 300b  
Thư mục: tr. 155-163 s627377

506. Vũ Hồng Phong. Đào tạo nhân lực trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 : Sách chuyên khảo / Vũ Hồng Phong, Lê Trung Hiếu (ch.b.), Vũ Thị Ánh Tuyết. - H. : Lao động, 2025. - 382 tr. : bảng, biểu đồ ; 21 cm. - 100000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Bộ Nội vụ. Trường Đại học Lao động - Xã hội. - Phụ lục: tr. 363-372. - Thư mục: tr. 373-381 s627451

507. Zhou Yi. Tôi sinh ra để giao dịch - Từ kẻ mộng mơ đến chuyên gia : Cuốn sách phù hợp với tất cả các lĩnh vực giao dịch: Cổ phiếu, hợp đồng tương lai, ngoại hối... / Zhou Yi ; Đinh Thị Bích Ly dịch. - H. : Lao động, 2025. - 197 tr. : minh họa ; 24 cm. - 349000đ. - 1000b  
Tên sách tiếng Trung: 我为交易而生 s627490

## CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CÁC HỆ THỐNG LIÊN QUAN

508. Đào Đình Tuấn. Nghệ thuật lãnh đạo Hồ Chí Minh / Đào Đình Tuấn. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 327 tr. ; 21 cm. - 106000đ. - 1000b  
Thư mục: tr. 315-325 s627053

509. Đinh Xuân Lâm. Góp phần tìm hiểu tư tưởng độc lập tự do của Chủ tịch Hồ Chí Minh / Đinh Xuân Lâm, Lê Mậu Hãn. - Xuất bản lần thứ 3. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 119 tr. ; 19 cm. - 53000đ. - 1000b s628775

510. Giá trị và sự vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay / Trần Thị Minh Tuyết (ch.b.), Doãn Thị Chín, Lê Đình Năm... - Xuất bản lần thứ 3, có sửa chữa, bổ sung. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 268 tr. ; 21 cm. - 120000đ. - 1000b  
ĐTTS ghi: Học viện Báo chí và Tuyên truyền. Khoa Tư tưởng Hồ Chí Minh. - Thư mục: tr. 261-264 s627049

511. Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học : Dùng cho hệ đào tạo Cao cấp lý luận chính trị / Bùi Thị Ngọc Lan, Đỗ Thị Thạch (ch.b.), Nguyễn An Ninh... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Lý luận Chính trị, 2026. - 300 tr. ; 24 cm. - 82000đ. - 520b  
ĐTTS ghi: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. - Thư mục cuối mỗi bài s626667

512. Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin : Dùng cho hệ đào tạo Cao cấp lý luận chính trị / Ngô Tuấn Nghĩa (ch.b.), Phạm Anh, Nguyễn Quốc Dũng... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Lý luận Chính trị, 2026. - 300 tr. ; 24 cm. - 82000đ. - 550b  
ĐTTS ghi: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. - Thư mục cuối mỗi bài s626673

513. Giáo trình Triết học Mác - Lênin : Dùng cho hệ đào tạo Cao cấp lý luận chính trị / Nguyễn Hùng Hậu, Trần Văn Phòng, Trần Thành... ; Đặng Quang Định ch.b. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Lý luận Chính trị, 2026. - 328 tr. ; 24 cm. - 89000đ. - 500b  
ĐTTS ghi: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. - Thư mục cuối mỗi bài s626678

514. Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh : Dùng cho hệ đào tạo Cao cấp lý luận chính trị / Trần Minh Trường (ch.b.), Phạm Hồng Chương, Phạm Ngọc Anh... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Lý luận Chính trị, 2026. - 244 tr. ; 24 cm. - 71000đ. - 430b

ĐTTS ghi: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. - Thư mục cuối mỗi bài s626681

515. Hệ thống câu hỏi trắc nghiệm hướng dẫn ôn tập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học : Theo Chương trình Lý luận chính trị năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, dùng cho bậc đại học chuyên và không chuyên về lý luận chính trị / Tiêu Thị Hồng Mỹ (ch.b.), Trần Thị Thu Huyền, Vũ Thị Thanh Nga... - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 107 tr. : bảng ; 24 cm. - 50000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 105-107 s626860

516. Hồ Chí Minh. Đường cách mệnh / Hồ Chí Minh. - In lần thứ 5. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 143 tr. ; 13 cm. - 40000đ. - 1500b s628401

517. Hồ Chí Minh. Đường cách mệnh / Nguyễn Ái Quốc. - Xuất bản lần thứ 7. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 102 tr. ; 19 cm. - 25000đ. - 5000b s628778

518. Hồ Chí Minh. 5 tác phẩm bảo vật quốc gia : Đường cách mệnh. Nhật ký trong tù. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến. Lời kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước. Di chúc / Hồ Chí Minh. - Tái bản. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 271 tr. ; 21 cm. - 90000đ. - 2000b s627059

519. Lê Thu Hằng. Hướng dẫn ôn tập môn Triết học Mác - Lênin / Lê Thu Hằng (ch.b.), Bùi Tá Thanh, Nguyễn Thị Quỳnh. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 399 tr. ; 27 cm. - 164000đ. - 2000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Văn Lang. - Thư mục: tr. 396-397 s627930

520. Nguyễn Hải Trung. Giáo dục kỹ năng mềm cho sinh viên trong dạy học môn Tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường đại học hiện nay theo quan điểm tích hợp : Sách chuyên khảo / Nguyễn Hải Trung. - H. : Khoa học xã hội, 2026. - 242 tr. ; 24 cm. - 198000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 200-212. - Phụ lục: tr. 213-242 s628256

521. Nguyễn Phú Trọng. Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam / Nguyễn Phú Trọng. - Xuất bản lần thứ 4. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 463 tr. ; 24 cm. - 199000đ. - 1000b s627068

522. Nhân cách Bác Hồ : Mỗi người có thể học ở Bác một số điều / Trần Văn Giàu, Trần Bạch Đằng, Võ Nguyên Giáp... - In lần thứ 6. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 159 tr. : ảnh ; 21 cm. - (Di sản Hồ Chí Minh). - 60000đ. - 1000b s626829

523. Nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin : Giáo trình Trung cấp lý luận chính trị / Trần Văn Phòng (ch.b.), Đặng Quang Định, Vũ Hồng Sơn... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Lý luận Chính trị, 2026. - 620 tr. ; 21 cm. - 130000đ. - 550b

ĐTTS ghi: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. - Thư mục cuối mỗi bài s626661

524. Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh : Giáo trình Trung cấp lý luận chính trị / Trần Minh Trường (ch.b.), Lý Việt Quang, Đỗ Xuân Tuất... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Lý luận Chính trị, 2026. - 200 tr. ; 21 cm. - 50000đ. - 700b

ĐTTS ghi: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. - Thư mục cuối mỗi bài s626664

525. Phạm Văn Đồng. Học Chủ tịch Hồ Chí Minh - Chúng ta học gì / Phạm Văn Đồng. - Xuất bản lần thứ 11. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 142 tr. ; 19 cm. - 51000đ. - 1000b s628779

526. Phạm Văn Linh. Một số vấn đề lý luận và thực tiễn qua 50 năm đất nước thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội (1975 - 2025) : Sách chuyên khảo / Phạm Văn Linh ch.b. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 559 tr. ; 24 cm. - 500b

Thư mục: tr. 546-556 s627117

527. Phong cách làm việc Hồ Chí Minh / Bảo tàng Hồ Chí Minh s.t., tuyển chọn. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 155 tr. : ảnh ; 15 cm. - 41000đ. - 1000b s628764

528. Tài liệu học tập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học : Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị / Hồ Văn Đức (ch.b.), Lê Thanh Hòa, Trương Ngọc Liên... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 172 tr. ; 24 cm. - 50000đ. - 7000b

Thư mục: tr. 93 s626771

529. Tài liệu học tập môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin / Bùi Thị Hào (ch.b.), Hoàng Thị Duyên, Trương Thị Chuyên, Lê Đình Trường. - Tái bản lần 1. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 187 tr. : bảng ; 24 cm. - 40000đ. - 5000b

Thư mục: tr. 187 s626777

530. Tài liệu học tập môn Triết học Mác - Lênin : Dành cho bậc đại học không chuyên lý luận chính trị / Phạm Thị Lan, Nguyễn Thị Thúy Cường (ch.b.), Huỳnh Ngọc Bích... - Tái bản lần 1. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 174 tr. ; 24 cm. - 45000đ. - 7000b

Thư mục: tr. 173-174 s626776

531. Tài liệu học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh : Dành cho khối không chuyên các môn lý luận chính trị / Đặng Thị Minh Phượng (ch.b.), Lê Thị Quỳnh Hương, Nguyễn Thị Hồng Lợi... - Tái bản lần 1 có sửa chữa bổ sung. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 216 tr. ; 24 cm. - 40000đ. - 5000b

Thư mục: tr. 215-216 s626774

532. Trần Viết Hoàn. Bác Hồ chúc Tết / Trần Viết Hoàn. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 183 tr. ; 19 cm. - 71000đ. - 1000b

Phụ lục: tr. 165-181 s628777

533. Vũ Thị Phương Dung. Hướng dẫn học tập môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin : Tài liệu tham khảo / B.s.: Vũ Thị Phương Dung, Nguyễn Trọng Tuấn (ch.b.), Lê Quỳnh Lan. - H. : Lao động, 2026. - 209 tr. ; 21 cm. - 79000đ. - 300b s627442

534. Vương Liêm. Bác Hồ nói và làm / Vương Liêm. - Xuất bản lần thứ 2, có sửa chữa. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 120 tr. ; 21 cm. - 55000đ. - 740b s627048

535. نجوين فو ترونج. عض القضايا النظرية والواقعية حول الاشتراكية والمسار إلى الاشتراكية في فيتنام. ترجمة. نجوين كوانج خاي فام ثي ثوي فان، نجوين لينه تشي، هوانج ثو منه لي لي خوين، فان لي ثو فونج نجوين في هونج هانه نجوين كيم انه، فونج ثي ثو تدقيق لغوي د. مصطفى هليل، د. سامي أبو صمادة / نجوين فو ترونج. تدقيق لغوي: نجوين طبع 1000 cm. - دار الحقيقة السياسية الوطنية للنشر، 2025. - 506 صفحة. H. : 24. - لينه تشي، فان لي ثو فونج s627120

## PHÁP LUẬT

536. Bảo vệ quyền của người chưa thành niên trong pháp luật Việt Nam / Phan Trung Hiền, Nguyễn Phan Khôi (đồng ch.b.), Lâm Vĩ Khang... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 383 tr. ; 24 cm. - 169000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 364-380 s627083

537. Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025) / Trần Văn Biên, Đinh Thế Hưng, Lê Quang Thành... - H. : Lao động, 2025. - 919 tr. ; 27 cm. - 656000đ. - 5000b s627791

538. Bình luận khoa học Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021, 2024, 2025) / Trần Văn Biên, Đinh Thế Hưng, Đàm Quang Ngọc... - H. : Lao động, 2025. - 707 tr. ; 27 cm. - 568000đ. - 1000b s627790

539. Cẩm nang Pháp luật kinh doanh trong kỷ nguyên mới / Công ty Luật TNHH DNP Việt Nam b.s. - H. : Giao thông vận tải, 2026. - 107 tr. : minh họa ; 21 cm. - 150b s627637

540. Đinh Thanh Phương. Giáo trình Luật Hiến pháp 2 / Ch.b.: Đinh Thanh Phương, Nguyễn Nam Phương, Võ Thị Phương Uyên. - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2026. - 250 tr. ; 24 cm. - 110000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 242-250 s626848

541. Đoàn Thị Ngọc Hải. Hoàn thiện pháp luật về quyền hiến, nhân mô, bộ phận cơ thể người và hiến, lấy xác trong pháp luật dân sự Việt Nam / Đoàn Thị Ngọc Hải. - H. : Tư pháp, 2025. - 415 tr. ; 21 cm. - 260000đ. - 300b

Thư mục: tr. 396-409 s628241

542. Giáo trình Luật Đất đai / Trần Quang Huy (ch.b.), Nguyễn Thị Dung, Nguyễn Thị Nga... - Tái bản lần thứ 20, có sửa đổi, bổ sung. - H. : Tư pháp, 2025. - 439 tr. ; 22 cm. - 92000đ. - 2000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Luật Hà Nội. - Thư mục: tr. 437-439 s626685

543. Giáo trình Luật Hành chính Việt Nam / Phạm Hồng Thái, Nguyễn Thị Minh Hà (ch.b.), Nguyễn Cửu Việt... - Tái bản lần 5. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 615 tr. ; 24 cm. - (Tủ sách Khoa học). - 215000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Hà Nội. Trường Đại học Luật. - Thư mục: tr. 611-615 s626749

544. Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam / Thái Vĩnh Thắng, Tô Văn Hòa (ch.b.), Lê Minh Tâm... - Tái bản lần thứ 7, có sửa đổi, bổ sung. - H. : Tư pháp, 2025. - 679 tr. ; 22 cm. - 143000đ. - 1500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Luật Hà Nội. - Thư mục cuối mỗi chương s626684

545. Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam / Vũ Trọng Lân (ch.b.), Nguyễn Văn Động, Đinh Ngọc Thắng... - Xuất bản lần thứ 4, có chỉnh sửa, bổ sung. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 234 tr. ; 24 cm. - 134000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 227-234 s627084

546. Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam : Phần các tội phạm / Nguyễn Ngọc Hòa (ch.b.), Lê Thị Sơn, Trương Quang Vinh... - Tái bản lần thứ 5, có sửa đổi, bổ sung. - H. : Tư pháp. - 21 cm. - 92000đ. - 3000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Luật Hà Nội

Q.1. - 2025. - 471 tr. s626682

547. Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam : Phần các tội phạm / Nguyễn Ngọc Hòa (ch.b.), Lê Thị Sơn, Nguyễn Văn Hương... - Tái bản lần thứ 4, có sửa đổi, bổ sung. - H. : Tư pháp. - 21 cm. - 80000đ. - 2000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Luật Hà Nội

Q.2. - 2025. - 406 tr. s626683

548. Giáo trình Luật Tổ tụng hành chính Việt Nam / Phạm Hồng Thái, Bùi Tiến Đạt (ch.b.), Nguyễn Cửu Việt... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2026. - 417 tr. ; 24 cm. - (Tủ sách Khoa học). - 145000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Hà Nội. Trường Đại học Luật. - Thư mục: tr. 415-417 s628165

549. Giáo trình Lý luận và pháp luật về quyền con người : Dành cho hệ đào tạo Cao cấp lý luận chính trị / Tường Duy Kiên (ch.b.), Đặng Dũng Chí, Hoàng Hùng Hải... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Lý luận Chính trị, 2026. - 320 tr. ; 24 cm. - 86000đ. - 550b

ĐTTS ghi: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. - Thư mục cuối mỗi bài s626674

550. Giáo trình Pháp luật đại cương / Phan Trung Hiền (ch.b.), Diệp Thành Nguyên, Huỳnh Thị Sinh Hiền. - Xuất bản lần thứ 3, có sửa chữa, bổ sung. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 398 tr. ; 24 cm. - 117000đ. - 3000b

Thư mục: tr. 389-398 s627065

551. Giáo trình Quy định pháp luật và đạo đức nghề nghiệp chăm sóc sắc đẹp : Dành cho đào tạo cao đẳng - Ngành Chăm sóc sắc đẹp / B.s.: Nguyễn Trọng Tấn (ch.b.), Phạm Thị Huệ, Triệu Thị Thủy... - H. : Y học, 2025. - 131 tr. : bảng ; 27 cm. - 555000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 128-130 s627959

552. Hà Thị Hoa Phượng. Pháp luật lao động Việt Nam về bình đẳng giới : Sách chuyên khảo / Hà Thị Hoa Phượng. - H. : Tư pháp, 2025. - 307 tr. ; 21 cm. - 200000đ. - 300b

Thư mục: tr. 280-303 s628240

553. Hiến pháp Việt Nam qua các thời kỳ (Các bản Hiến pháp năm 1946, 1959, 1980, 1992, 2013). - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 220 tr. ; 21 cm. - 90000đ. - 1000b s627080

554. Hỏi đáp về bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 / B.s.: Tạ Thị Yên, Trần Văn Lâm, Bế Trung Anh, Bùi Lê Thu. - H. : Quân đội nhân dân, 2025. - 392 tr. ; 19 cm. - 50000b

ĐTTS ghi: Hội đồng Bầu cử Quốc gia. - Phụ lục: tr. 359-371 s628312

555. Hỏi đáp về bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 / B.s.: Tạ Thị Yên, Trần Văn Lâm, Bế Trung Anh, Bùi Lê Thu. - H. : Tài nguyên Môi trường và Bản đồ Việt Nam, 2026. - 303 tr. : bảng ; 21 cm. - 68000đ. - 10000b

ĐTTS ghi: Hội đồng Bầu cử Quốc gia. - Phụ lục: tr. 268-280 s627647

556. Hỏi và đáp về Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ : Dành cho đào tạo, sát hạch lái xe hạng A, A1. - H. : Lao động, 2026. - 111 tr. ; 21 cm. - 30000đ. - 5000b s628835

557. Hướng dẫn trả lời câu hỏi và bài tập Giáo dục công dân (Tự luận và trắc nghiệm) : Luyện thi THPT Quốc gia : Dành chung cho các bộ SGK hiện hành / Châu Thị Quỳnh Thy. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 128 tr. : ảnh, bảng ; 24 cm. - 65000đ. - 1000b s628149

558. Kết hôn và ly hôn có yếu tố nước ngoài - Những vấn đề lý luận và thực tiễn : Sách tham khảo / B.s.: Nguyễn Sơn Hà, Vũ Thị Hương (ch.b.), Nguyễn Thị Lê Huyền... - H. : Công an nhân dân, 2026. - 207 tr. ; 24 cm. - 200000đ. - 109b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Luật, Đại học Huế. - Thư mục: tr. 198-207 s627020

559. Kỷ yếu Hội thảo quốc gia "Hoàn thiện pháp luật về thi hành án dân sự - góp ý cho dự thảo năm 2025" / Xa Kiều Oanh, Nguyễn Phạm Thanh Hoa, Phan Nguyễn Bảo Ngọc... ; Ch.b.: Nguyễn Văn Tiến, Lê Vĩnh Châu. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 423 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 250000đ. - 110b

Thư mục: tr. 404-418 s626595

560. Kỹ năng nghiên cứu, phân tích, bình luận bản án trong luận văn thạc sĩ chuyên ngành Luật : Sách chuyên khảo / Vũ Thế Hoài (ch.b.), Vũ Thị Hồng Yến, Đinh Thị Thanh Nga... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 283 tr. : minh họa ; 21 cm. - 115000đ. - 300b

Thư mục cuối mỗi bài s628125

561. Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn thi hành. - H. : Lao động, 2025. - 434 tr. ; 27 cm. - 395000đ. - 1500b s627785

562. Luật Đấu thầu quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công : Giải đáp các tình huống thường gặp về đấu thầu. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2026. - 416 tr. ; 27 cm. - 350000đ. - 5000b

ĐTTS ghi: Bộ Tài chính s627829

563. Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) và các văn bản hướng dẫn thi hành. - H. : Lao động, 2025. - 258 tr. ; 21 cm. - 110000đ. - 2000b s627388

564. Lưu Hải Yến. Trách nhiệm hình sự của pháp nhân dưới góc độ so sánh luật : Sách chuyên khảo / Lưu Hải Yến. - H. : Tư pháp, 2025. - 279 tr. ; 21 cm. - 180000đ. - 300b

Thư mục: tr. 264-275 s628243

565. Ngô Duy Hiếu. Cẩm nang Pháp luật lao động : Luật Công đoàn năm 2024, Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024, Luật Việc làm năm 2025 và Bộ Luật Lao động năm 2019 / Ngô Duy Hiếu (ch.b.), Bùi Thị Thoa, Phan Nghiêm Long. - H. : Lao động, 2025. - 132 tr. : bảng ; 21 cm. - 14000b s627406

566. Nguyễn Thanh Lý. Pháp luật về bảo vệ người tiêu dùng đối với hàng hóa nhập khẩu : Sách chuyên khảo / Ch.b.: Nguyễn Thanh Lý, Nguyễn Trọng Điệp, Bùi Trọng Thanh. - H. : Công an nhân dân, 2026. - 423 tr. ; 21 cm. - 262000đ. - 129b

ĐTTS ghi: Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Học viện Khoa học xã hội. - Thư mục: tr. 406-423 s627016

567. Nguyễn Thị Thu Hoài. Tài liệu ôn tập môn Luật Thương mại / Ch.b.: Nguyễn Thị Thu Hoài, Nguyễn Lộc Phúc. - Tái bản lần 2, có sửa chữa, bổ sung. - H. : Công an nhân dân. - 21 cm. - 145000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Đà Lạt

T.1. - 2026. - 336 tr. s627005

568. Nội dung tóm tắt các đề tài nghiên cứu Khoa học pháp lý của Bộ Tư pháp / B.s.: Nguyễn Văn Cương (ch.b.), Nguyễn Thị Thu Hương, Trần Thu Anh, Lê Thị Thùy Dương. - H. : Tư pháp. - 27 cm. - 850b

ĐTTS ghi: Bộ Tư pháp. Viện Chiến lược và Khoa học pháp lý

T.1. - 2025. - 131 tr. s627856

569. Nội dung tóm tắt các đề tài nghiên cứu Khoa học pháp lý của Bộ Tư pháp / B.s.: Nguyễn Văn Cương (ch.b.), Nguyễn Thị Thu Hương, Trần Thu Anh, Lê Thị Thùy Dương. - H. : Tư pháp. - 27 cm. - 850b

ĐTTS ghi: Bộ Tư pháp. Viện Chiến lược và Khoa học pháp lý

T.2. - 2025. - 131 tr. s627857

570. Phạm Hoài Huấn. Quản trị công ty thực chiến: Bản án và bình luận / Phạm Hoài Huấn. - Xuất bản lần thứ 2, có sửa chữa, bổ sung. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 383 tr. : bảng ; 21 cm. - 169000đ. - 1000b s627056

571. Phạm Thanh Hữu. Cẩm nang tra cứu 654 lỗi vi phạm giao thông đường bộ và mức phạt theo Nghị định số 168/2024/NĐ-CP / Phạm Thanh Hữu (ch.b.), Nguyễn Thành Trung,

Nguyễn Trúc Anh. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 335 tr. ; 21 cm. - 132000đ. - 1000b s627076

572. Phùng Trung Tập. Phân tích - Luận giải những chế định phức tạp trong Bộ luật Dân sự năm 2015 / Phùng Trung Tập. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 378 tr. ; 24 cm. - 212000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 369-370 s627082

573. Quy định hệ thống mục lục ngân sách nhà nước (Theo Thông tư số 130/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ký ngày 24/12/2025). - H. : Kinh tế - Tài chính, 2025. - 400 tr. : bảng ; 27 cm. - 455000đ. - 5000b

ĐTTS ghi: Bộ Tài chính. - Phụ lục: tr. 21-137 s627830

574. Quy định văn bản pháp luật mới về phân cấp, phân quyền quản lý nhà nước về giáo dục trong tổ chức bộ máy chính quyền địa phương hai cấp / Nguyễn Danh Khoa hệ thống. - H. : Khoa học - Công nghệ - Truyền thông, 2025. - 399 tr. : bảng ; 27 cm. - 395000đ. - 3000b

ĐTTS ghi: Viện Khoa học an toàn Việt Nam. - Phụ lục trong chính văn s626584

575. Tạ Đình Tuyên. So sánh Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 qua các lần sửa đổi, bổ sung (năm 2021, 2024, 2025) / Tạ Đình Tuyên. - H. : Lao động, 2026. - 474 tr. ; 27 cm. - 425000đ. - 5000b s627795

576. Thanh Bình. Bảo vệ kết cấu hạ tầng, hành lang an toàn đường bộ, đường sắt / Thanh Bình b.s. - H. : Lao động, 2025. - 32 tr. ; 15 cm. - 2600b s628833

577. Thanh Bình. Cẩm nang Quy định về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ dừng, đỗ xe đúng nơi quy định giữ gìn trật tự đô thị / Thanh Bình b.s. - H. : Lao động, 2025. - 32 tr. : ảnh, bảng ; 21 cm. - 12000b s627483

578. Tổng hợp Luật Đất đai & các nghị định, thông tư hướng dẫn thi hành / Hệ thống: Quang Đại, Thu Phương. - H. : Lao động, 2025. - 935 tr. : bảng ; 27 cm. - 895000đ. - 3000b s627800

579. Tra cứu mức xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn : Quy định mới về Luật Quản lý thuế, Luật Xử lý vi phạm hành chính (hiện hành) / Hệ thống: Nguyễn Tài Thành. - H. : Hồng Đức, 2026. - 406 tr. ; 27 cm. - 395000đ. - 1900b s627768

580. Trần Linh Huân. Hệ thống câu hỏi trắc nghiệm ôn tập pháp luật về hàng không / Trần Linh Huân. - H. : Công an nhân dân, 2026. - 371 tr. ; 21 cm. - 230000đ. - 1000b s626712

581. Trần Văn Hà. Tuyển tập các văn bản quy phạm pháp luật mới được Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ban hành có hiệu lực từ 01 - 7 - 2025 / Trần Văn Hà b.s. - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 463 tr. : bảng ; 27 cm. - 450000đ. - 5500b

Phụ lục trong chính văn s626583

582. Trương Thị Tường Vi. Bảo hộ quyền tác giả đối với chương trình máy tính / Trương Thị Tường Vi. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 167 tr. : bảng ; 24 cm. - 250b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục: tr. 151-159. - Phụ lục: tr. 161-167 s626898

583. Tuyển tập văn bản sử dụng để học tập môn Công pháp quốc tế / Lê Đức Phương tuyển chọn. - H. : Hồng Đức, 2026. - 351 tr. ; 28 cm. - 170000đ. - 1000b s627776

584. ULAW - Dòng thời gian / Võ Thị Kim Oanh, Nguyễn Thanh Bình, Trần Việt Dũng... ; Ch.b.: Vũ Văn Nhiêm, Lê Trường Sơn. - H. : Công an nhân dân, 2026. - 423 tr. : ảnh màu ; 21 cm. - 1015b s626640

585. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021, 2024, 2025). - H. : Lao động, 2025. - 511 tr. ; 19 cm. - 185000đ. - 2500b s628843

586. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật An ninh mạng năm 2025. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 84 tr. ; 19 cm. - 31000đ. - 5000b s628798

587. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Bảo hiểm tiền gửi năm 2025. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 47 tr. ; 19 cm. - 25000đ. - 1000b s628790

588. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2025. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 47 tr. ; 19 cm. - 25000đ. - 1000b s628789

589. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (sửa đổi, bổ sung năm 2022, 2023, 2024, 2025). - H. : Lao động, 2026. - 348 tr. ; 19 cm. - 80000đ. - 1000b s628842

590. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Báo chí năm 2025. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 59 tr. ; 19 cm. - 29000đ. - 1000b s628828

591. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). - H. : Tài nguyên Môi trường và Bản đồ Việt Nam, 2026. - 110 tr. ; 21 cm. - 40000đ. - 10000b s627646

592. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). - H. : Quân đội nhân dân, 2025. - 120 tr. ; 19 cm. - 35000đ. - 10000b s628310

593. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Chuyên đổi số năm 2025. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 59 tr. ; 19 cm. - 23000đ. - 2000b s628795

594. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù năm 2025. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 64 tr. ; 19 cm. - 30000đ. - 1000b s628808

595. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Công nghệ cao năm 2025. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 63 tr. ; 19 cm. - 30000đ. - 1000b s628806

596. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Dân số năm 2025. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 36 tr. ; 19 cm. - 26000đ. - 2000b s628786

597. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Dẫn độ năm 2025. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 50 tr. ; 19 cm. - 26000đ. - 1000b s628780

598. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Dự trữ quốc gia năm 2025. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 42 tr. ; 19 cm. - 24000đ. - 1000b s628792

599. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Đất đai năm 2024 (sửa đổi, bổ sung năm 2024, 2025). - H. : Công an nhân dân, 2026. - 551 tr. ; 19 cm. - 120000đ. - 1000b s628313

600. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Đầu tư năm 2025. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 136 tr. ; 19 cm. - 51000đ. - 5000b

Phụ lục: tr. 85-130 s628801

601. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Đấu thầu năm 2023 (sửa đổi, bổ sung năm 2024, 2025). - H. : Lao động, 2026. - 213 tr. ; 19 cm. - 60000đ. - 1000b s628836

602. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Đường bộ năm 2024. - H. : Lao động, 2025. - 136 tr. : bảng ; 21 cm. - 29000đ. - 1500b s627459

603. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Giám định tư pháp năm 2025. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 71 tr. ; 19 cm. - 32000đ. - 1000b s628781
604. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Giao dịch điện tử năm 2023 (sửa đổi, bổ sung năm 2024). - H. : Lao động, 2026. - 67 tr. ; 19 cm. - 35000đ. - 1000b s628838
605. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Giáo dục đại học năm 2025. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 60 tr. ; 19 cm. - 19000đ. - 5000b s628797
606. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2025. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 59 tr. ; 19 cm. - 23000đ. - 2000b s628783
607. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Hàng không dân dụng Việt Nam năm 2025. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 127 tr. ; 19 cm. - 73000đ. - 1000b s628809
608. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2025. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 76 tr. ; 19 cm. - 39000đ. - 2000b s628796
609. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Hộ tịch. - H. : Lao động, 2026. - 63 tr. ; 19 cm. - 35000đ. - 1000b s628840
610. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). - H. : Lao động, 2025. - 111 tr. ; 19 cm. - 35000đ. - 2000b s628841
611. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). - H. : Lao động, 2026. - 47 tr. ; 19 cm. - 35000đ. - 1000b s628839
612. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Nuôi con nuôi. - H. : Lao động, 2026. - 111 tr. ; 19 cm. - 40000đ. - 1000b s628837
613. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Phòng bệnh năm 2025. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 60 tr. ; 19 cm. - 29000đ. - 1000b s628800
614. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Phòng, chống ma túy năm 2025. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 80 tr. ; 19 cm. - 27000đ. - 2000b s628805
615. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia (hiện hành). - H. : Tư pháp, 2025. - 39 tr. ; 19 cm. - 20000đ. - 500b s628314
616. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Phục hồi, phá sản (được thông qua ngày 11/12/2025). - H. : Tư pháp, 2026. - 123 tr. ; 19 cm. - 45000đ. - 500b s628634
617. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Phục hồi, phá sản năm 2025. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 135 tr. ; 19 cm. - 77000đ. - 1000b s628802
618. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Quản lý thuế năm 2025. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 131 tr. ; 19 cm. - 39000đ. - 2000b s628803
619. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Quy hoạch năm 2025. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 107 tr. : bảng ; 19 cm. - 33000đ. - 2000b  
Phụ lục: tr. 98-102 s628804
620. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Thi hành án dân sự năm 2025. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 199 tr. ; 19 cm. - 64000đ. - 2000b s628811
621. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Thi hành án hình sự năm 2025. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 279 tr. ; 19 cm. - 109000đ. - 2000b s628812

622. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú năm 2025. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 98 tr. ; 19 cm. - 32000đ. - 2000b s628799

623. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Thuế thu nhập cá nhân năm 2025. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 36 tr. ; 19 cm. - 14000đ. - 5000b s628793

624. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Thương mại (hiện hành) (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2019, 2025). - H. : Lao động, 2026. - 127 tr. ; 21 cm. - 50000đ. - 10000b s627473

625. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Thương mại điện tử năm 2025. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 63 tr. ; 19 cm. - 24000đ. - 2000b s628810

626. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Tiếp công dân. Luật Khiếu nại. Luật Tố cáo và Luật Thanh tra : Hệ thống các văn bản quy định chi tiết thi hành. - H. : Hồng Đức, 2026. - 438 tr. : bảng ; 27 cm. - 395000đ. - 1990b

ĐTTS ghi: Quốc hội s627767

627. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Tiết kiệm, chống lãng phí năm 2025. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 50 tr. ; 19 cm. - 26000đ. - 1000b s628782

628. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Tình trạng khẩn cấp năm 2025. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 44 tr. ; 19 cm. - 24000đ. - 1000b s628794

629. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Tòa án chuyên biệt tại Trung tâm tài chính quốc tế năm 2025. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 43 tr. ; 19 cm. - 24000đ. - 1000b s628787

630. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025. - H. : Tài nguyên Môi trường và Bản đồ Việt Nam, 2026. - 103 tr. ; 21 cm. - 40000đ. - 10000b s627645

631. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025. - H. : Quân đội nhân dân, 2025. - 132 tr. ; 19 cm. - 47000đ. - 60000b s628309

632. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2020, 2025). - H. : Quân đội nhân dân, 2025. - 92 tr. ; 19 cm. - 21000đ. - 20000b s628311

633. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 52 tr. ; 19 cm. - 21000đ. - 2000b s628791

634. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Tương trợ tư pháp về dân sự năm 2025. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 36 tr. ; 19 cm. - 22000đ. - 1000b s628788

635. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Tương trợ tư pháp về hình sự năm 2025. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 48 tr. ; 19 cm. - 20000đ. - 2000b s628784

636. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Viên chức năm 2025. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 47 tr. ; 19 cm. - 25000đ. - 5000b s628785

637. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Xây dựng năm 2025. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 131 tr. ; 19 cm. - 39000đ. - 2000b s628807

638. Võ Khánh Vinh. Định tội danh: Lý luận và pháp luật : Giáo trình sau đại học / Võ Khánh Vinh. - H. : Công an nhân dân, 2026. - 424 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 265000đ. - 512b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Kiểm sát. - Thư mục: tr. 415-423 s627014

639. Vũ Thanh Minh. Pháp luật về ngân hàng số ở Việt Nam : Sách chuyên khảo / Vũ Thanh Minh. - H. : Thế giới, 2025. - 206 tr. ; 21 cm. - 360000đ. - 500b  
Thư mục: tr. 177-206 s627691

640. Vũ Thế Hoài. Kỹ năng xác lập, thực hiện và giải quyết tranh chấp về hợp đồng : Sách chuyên khảo / Vũ Thế Hoài (ch.b.), Nguyễn Phạm Thanh Hoa. - H. : Khoa học xã hội, 2026. - 251 tr. : bìa ; 21 cm. - 105000đ. - 299b  
Thư mục: tr. 244-251 s627640

## HÀNH CHÍNH CÔNG VÀ QUÂN SỰ

641. Báo cáo đánh giá việc thực hiện thủ tục hành chính thuế thông qua kết quả B-READY và khuyến nghị cho Việt Nam. - H. : Công Thương, 2025. - 130 tr. : bìa, biểu đồ ; 26 cm. - 360b s627887

642. Các nghị quyết của Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 400 tr. ; 24 cm. - 223000đ. - 1000b s627071

643. Cao Văn Thống. Đổi mới và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ và công tác cán bộ trong giai đoạn mới : Sách chuyên khảo / Cao Văn Thống, Vũ Trọng Lâm. - Xuất bản lần thứ 4. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 395 tr. ; 21 cm. - 196000đ. - 1000b  
Thư mục: tr. 388-393 s627057

644. Cẩm nang Tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh / Phạm Thị Huệ, Phạm Tuấn Anh (ch.b.), Tạ Thu Thủy... - H. : Tư pháp, 2026. - 315 tr. ; 21 cm. - 235000đ. - 300b s628239

645. Chèo lái trong thế giới VUCA - Nền hành chính thích ứng thế nào trong thế giới biến động, không chắc chắn, phức tạp và mơ hồ? : Sách chuyên khảo / Trương Công Hòa, Nguyễn Trang Thu (ch.b.), Nguyễn Hoàng Anh... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 180 tr. : minh họa ; 24 cm. - 200b

ĐTTS ghi: Phân hiệu Học viện Hành chính và Quản trị công tại Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục: tr. 170-179 s627530

646. Công tác quốc phòng và an ninh : Sách tham khảo / Nguyễn Đức Đăng (ch.b.), Dương Văn Chiến, Nguyễn Công Nghị... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2026. - 214 tr. ; 24 cm. - 128000đ. - 450b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Hà Nội. Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh. - Thư mục: tr. 211-214 s628132

647. Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam : Sách tham khảo / Nguyễn Đức Đăng (ch.b.), Dương Văn Chiến, Nguyễn Công Nghị... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2026. - 311 tr. ; 24 cm. - 180000đ. - 450b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Hà Nội. Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh. - Thư mục: tr. 309-311 s628137

648. Giáo trình Giáo dục quốc phòng và an ninh : Dùng cho hệ đào tạo Cao cấp lý luận chính trị / Trần Quốc Dương (ch.b.), Nguyễn Xuân Thành, Trần Đăng Thanh... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Lý luận Chính trị, 2026. - 320 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 86000đ. - 450b

ĐTTS ghi: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. - Thư mục cuối mỗi bài s626675

649. Giáo trình Kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính / B.s.: Phan Hải Hồ (ch.b.), Nguyễn Thị Bưởi, Nguyễn Duy Vĩnh... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 183 tr. : bìa ; 24 cm. - 175000đ. - 400b

ĐTTS ghi: Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh. Học viện Cán bộ. - Thư mục: tr. 182-183 s626889

650. Giáo trình Quản lý kinh tế : Dành cho hệ đào tạo Cao cấp lý luận chính trị / Bùi Văn Huyền, Nguyễn Quốc Thái (ch.b.), Trần Thị Minh Châu... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Lý luận Chính trị, 2026. - 248 tr. : bảng, sơ đồ ; 24 cm. - 72000đ. - 480b

ĐTTS ghi: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. - Thư mục cuối mỗi bài s626676

651. Hội thảo khoa học Nâng cao chất lượng quản lý, rèn luyện sinh viên theo nếp sống quân sự, môi trường quân đội trong công tác giáo dục quốc phòng và an ninh / Trần Ngọc Thanh, Cao Ngọc Báu, Ngô Nhã Lam Duy... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 603 tr. : bảng ; 27 cm. - 150b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh. - Thư mục cuối chính văn s627914

652. Nguyễn Hữu Văn. Giáo trình Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành Giáo dục đào tạo / Nguyễn Hữu Văn. - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2025. - 218 tr. ; 24 cm. - 168000đ. - 100b

Thư mục: tr. 213-218 s626845

653. Nguyễn Mạnh Trường. Quản lý nhân lực trong cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế cấp tỉnh ở Sơn La : Sách chuyên khảo / Nguyễn Mạnh Trường. - H. : Lao động, 2025. - 250 tr. : bảng, biểu đồ ; 21 cm. - 99000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 226-240.- Phụ lục: tr. 241-250 s627426

654. Nguyễn Ngọc Phương Đông. Minh đồng da sắt : Lược sử về giáp trụ Việt Nam = Bronze flesh iron skin : A brief history of Vietnamese armour / Nguyễn Ngọc Phương Đông b.s. ; H.đ.: Nguyễn Thanh Vân... - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 298 tr. : hình vẽ, ảnh ; 25 cm. - 390000đ. - 2000b

Phụ lục: tr. 270-273. - Thư mục: tr. 274-293 s626648

655. Nguyễn Thái Bình. Đơn vị hành chính Việt Nam sau sắp xếp và vận hành chính quyền địa phương hai cấp / Nguyễn Thái Bình, Trương Hải Long. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 343 tr. ; 24 cm. - 169000đ. - 1000b s627070

656. Nguyễn Thị Tịnh Áu. Giáo trình Quản lý môi trường : Giáo trình dành cho sinh viên ngành Môi trường / Nguyễn Thị Tịnh Áu, Nguyễn Mỹ Linh, Nguyễn Thị Ngọc Quyên. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 250 tr. : hình vẽ, bảng . - 250b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục: tr. 248-250 s626921

657. Nguyễn Văn Hậu. Quan hệ công chúng của Chính phủ trong bối cảnh cải cách hành chính nhà nước ở Việt Nam : Sách chuyên khảo / Ch.b.: Nguyễn Văn Hậu, Nguyễn Quỳnh Nga. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 283 tr. : bảng, biểu đồ ; 24 cm. - 168000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 275-283 s627067

658. Quản trị địa phương ở Việt Nam: Tiếp cận liên ngành và khu vực học / Vũ Minh Giang, Phạm Hồng Tung, Phạm Văn Lợi... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 610 tr. : minh họa ; 24 cm. - 360000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Hà Nội. Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển s628147

659. Tài liệu Huấn luyện quân sự và sử dụng công cụ hỗ trợ : Ban hành kèm theo Quyết định số: 1059/QĐ-X03-P8 ngày 18/2/2022 / B.s.: Lê Hồng Hiệp, Nguyễn Đức Miên, Nguyễn Khắc Phong... - Tái bản lần 1. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 736 tr. : minh họa ; 29 cm. - 3475b

ĐTTS ghi: Bộ Công an. - Lưu hành nội bộ. - Phụ lục: tr. 677-701. - Thư mục: tr. 702 s627860

660. 80 năm xây dựng Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Thực tiễn và một số vấn đề đặt ra trong tổ chức, vận hành chính quyền địa phương hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả ở Nghệ An trong giai đoạn mới / Lê Anh Tuấn, Đỗ Xuân Tất, Hoàng Thị Thu Trang... ; B.s.: Vương Quang Minh (ch.b.)... - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 415 tr. ; 24 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Tỉnh ủy Nghệ An s628286

661. Thái Xuân Sang. KPI trong khu vực công: Đo lường hiệu suất để nâng cao chất lượng phục vụ công dân / Thái Xuân Sang. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 107 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 168000đ. - 200b

Thư mục: tr. 97-98 s628294

662. Thái Xuân Sang. KPI và cải cách hành chính công / Thái Xuân Sang. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 107 tr. : bảng ; 21 cm. - 162000đ. - 200b

Phụ lục: tr. 90-95. - Thư mục: tr. 96-99 s628279

663. Thiết chế lãnh đạo tập thể và vai trò người đứng đầu trong hoạt động của Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp : Sách chuyên khảo / Nguyễn Quốc Sừ (ch.b.), Nguyễn Bá Chiển, Nguyễn Minh Phương... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 279 tr. ; 24 cm. - 1000b

Thư mục: tr. 263-277 s627103

664. Trần Thị Bích Nga. Quản lý nhà nước về lao động nước ngoài làm việc ở Việt Nam hiện nay : Sách chuyên khảo / Ch.b.: Trần Thị Bích Nga, Hồ Trần Hùng. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - xii, 208 tr. : bảng ; 24 cm. - 105000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục: tr. 197-207 s626887

665. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chính quyền địa phương và vận dụng xây dựng, hoàn thiện chính quyền địa phương ở Việt Nam hiện nay : Sách chuyên khảo / Phạm Minh Tuấn, Trương Cộng Hòa, Quách Thị Minh Phương (ch.b.)... - Xuất bản lần thứ 2, có sửa chữa, bổ sung. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 271 tr. ; 21 cm. - 139000đ. - 531b

Thư mục: tr. 263-270 s627052

666. Vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp - Thực trạng và giải pháp : Sách chuyên khảo / Nguyễn Huỳnh Bảo Khánh, Cao Vũ Minh, Trần Thị Lệ Thu... ; Ch.b.: Nguyễn Huỳnh Bảo Khánh, Nguyễn Thị Phương Hà. - H. : Công an nhân dân, 2026. - 263 tr. : bảng ; 21 cm. - 300000đ. - 200b

Thư mục: tr. 246-260 s627017

667. Vũ Trọng Lâm. Hoàn thiện thể chế, chính sách về phát huy nguồn lực tôn giáo ở Việt Nam / Vũ Trọng Lâm, Đỗ Lan Hiền. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 234 tr. ; 24 cm. - 1000b

Thư mục: tr. 225-232 s627098

668. Xây dựng và hoàn thiện nền quản trị quốc gia Việt Nam hiện đại, hiệu lực, hiệu quả: Cơ sở lý luận, thực tiễn và định hướng chính sách : Sách chuyên khảo / Lương Thanh Cường (ch.b.), Phùng Hữu Phú, Phạm Hồng Thái... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 287 tr. ; 24 cm. - 300b

Thư mục: tr. 278-285 s627088

## CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI VÀ DỊCH VỤ XÃ HỘI

669. An sinh xã hội của thành phố Hà Nội - Định hướng và giải pháp đến năm 2030 : Sách chuyên khảo / Bùi Văn Huyền (ch.b.), Nguyễn Ngọc Toàn, Ngô Thị Ngọc Anh... - H. : Đại học Kinh tế Quốc dân, 2025. - 183 tr. : minh họa ; 24 cm. - 1000b

Thư mục: tr. 182-183 s627026

670. Biên niên sự kiện lịch sử Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh Đồng Tháp (1976 - 2015) / B.s.: Phạm Thanh Nhân, Phạm Văn Đoàn, Đào Minh Tuấn... - H. : Công an nhân dân, 2025. - 375 tr. : minh họa ; 24 cm. - 50b

ĐTTS ghi: Công an tỉnh Đồng Tháp. Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. - Lưu hành nội bộ s627022

671. Biên niên sự kiện lịch sử Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Đồng Tháp (1975 - 2015) / B.s.: Võ Thanh Tùng, Nguyễn Thị Nga, Nguyễn Thị Phương Thảo, Nguyễn Huỳnh Xuân Thượng. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 400 tr. : minh họa ; 24 cm. - 40b

ĐTTS ghi: Công an tỉnh Đồng Tháp. Phòng Hồ sơ nghiệp vụ. - Lưu hành nội bộ. - Thư mục: tr. 380 s627021

672. Biến đổi khí hậu và rủi ro thiên tai / Phan Văn Phú (ch.b.), Đào Ngọc Bích, Phùng Thái Dương, Nguyễn Hồ. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 159 tr. : minh họa ; 24 cm. - 85000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục: tr. 156-159 s628674

673. Bùi Văn Nam. Tự hào về truyền thống 80 năm chiến đấu, xây dựng và trưởng thành của lực lượng tình báo Công an nhân dân Việt Nam (21/2/1946 - 21/2/2026) / Bùi Văn Nam. - H. : Công an nhân dân, 2026. - 135 tr. ; 24 cm. - 312b

ĐTTS ghi: Bộ Công an. - Lưu hành nội bộ s627015

674. Dấu ấn Việt Nam trên bản đồ di sản thế giới / Vũ Trọng Lâm (ch.b.), Nguyễn Thái Bình, Cù Thị Thúy Lan... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 331 tr. : ảnh màu ; 29 cm. - 1000b s627855

675. Đặng Minh. Sổ hướng dẫn sử dụng xe đạp điện, xe máy điện an toàn : Dành cho học sinh trung học phổ thông / Đặng Minh b.s. - H. : Lao động, 2025. - 32 tr. : minh họa ; 21 cm. - 30000đ. - 20000b s627475

676. Đặng Minh. Sổ hướng dẫn sử dụng xe đạp, xe đạp điện an toàn : Dành cho học sinh trung học cơ sở / Đặng Minh b.s. - H. : Lao động, 2025. - 32 tr. : minh họa ; 21 cm. - 30000đ. - 20000b s627474

677. Đoàn Đình Đăng. Dấu vết khó xóa / Đoàn Đình Đăng. - H. : Công an nhân dân, 2026. - 359 tr. ; 21 cm. - 185000đ. - 312b s626999

678. Đồng Đại Lộc. Phòng tránh lừa đảo trên mạng : Từ nhận thức đến hành động / Đồng Đại Lộc. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2025. - 252 tr. ; 21 cm. - 170000đ. - 300b

Phụ lục: tr. 235-239.- Thư mục: tr. 240-244 s627139

679. Đường. Hồ sơ máu : Vén màn 13 vụ án rùng động mọi thời đại : 18+ / Đường b.s. - Tái bản. - H. : Thế giới, 2026. - 302 tr. : ảnh ; 21 cm. - (Tủ sách Người trẻ Việt). - 139000đ. - 1000b s627690

680. Giảm sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần hướng đến phát triển kinh tế xanh tại Việt Nam : Sách tham khảo / Phạm Hương Giang (ch.b.), Trương Tuấn Anh, Mai Nguyên Ngọc... - H. : Lao động, 2025. - 219 tr. : minh họa ; 21 cm. - 165000đ. - 300b

Thư mục: tr. 201-219 s627441

681. Giáo trình An toàn lao động / B.s.: Lê Hoàng Thanh (ch.b.), Nguyễn Thị Kiều Diễm, Hồ Mỹ Hạnh, Bùi Thị Phương Tâm. - H. : Lao động, 2026. - 163 tr. : minh họa ; 21 cm. - 120000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ. - Thư mục: tr. 163 s627446

682. Giáo trình Bảo hiểm / Hà Văn Sỹ (ch.b.), Nguyễn Thị Chính, Phạm Hồng Nhung... - H. : Đại học Kinh tế Quốc dân, 2025. - 285 tr. : bảng, sơ đồ ; 24 cm. - 66000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Công đoàn. - Thư mục: tr. 281-285 s627030

683. Giáo trình Công tác xã hội với cá nhân và gia đình / B.s.: Nguyễn Trung Hải (ch.b.), Đỗ Thị Ngọc Bích, Nguyễn Phương Anh, Nguyễn Thị Liên. - H. : Lao động, 2025. - 370 tr. : bảng, sơ đồ ; 21 cm. - 105000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Bộ Nội vụ. Trường Đại học Lao động - Xã hội. - Thư mục cuối mỗi chương s627382

684. Giáo trình Kỹ năng làm việc nhóm liên ngành trong công tác xã hội / B.s.: Lê Thị Thủy (ch.b.), Nguyễn Huyền Linh, Nguyễn Thị Hoài An... - H. : Lao động, 2025. - vi, 437 tr. : bảng, sơ đồ ; 21 cm. - 115000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Bộ Nội vụ. Trường Đại học Lao động - Xã hội. - Phụ lục: tr. 417-428. - Thư mục: tr. 429-436 s627384

685. Giáo trình Lý thuyết y tế cộng đồng : Dành cho đào tạo cao đẳng - Ngành Y sĩ đa khoa / B.s.: Phạm Thị Mỹ Dung (ch.b.), Hà Diệu Linh, Nguyễn Thị Hiếu... - H. : Y học, 2025. - 160 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 680000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 129-131. - Phụ lục: tr. 132-160 s627957

686. Giáo trình Nhập môn an sinh xã hội / B.s.: Phạm Hồng Trang (ch.b.), Nguyễn Trung Hải, Phạm Thị Thu Trang, Vũ Thị Lan Anh. - H. : Lao động, 2025. - 347 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 95000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Bộ Nội vụ. Trường Đại học Lao động - Xã hội. - Thư mục: tr. 345-347 s627396

687. Giáo trình Quản lý người nước ngoài theo chức năng của lực lượng Cảnh sát nhân dân : Dành cho đào tạo trình độ thạc sĩ, chuyên ngành Quản lý nhà nước về an ninh trật tự / B.s.: Trần Thành Hưng (ch.b.), Phạm Văn Minh, Đào Công Chức, Trương Thị Hồng Nhung. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 183 tr. ; 21 cm. - 110b

Lưu hành nội bộ s626715

688. Giáo trình Tham vấn cho phụ nữ bị bạo lực gia đình / Lê Thị Thủy (ch.b.), Nguyễn Thị Hiền, Nguyễn Thị Huệ, Vũ Thị Lan Anh. - H. : Lao động, 2025. - 475 tr. : bảng ; 21 cm. - 120000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Bộ Nội vụ. Trường Đại học Lao động - Xã hội. - Thư mục: tr. 447-456. - Phụ lục: tr. 457-475 s627379

689. Giáo trình thực hành Kỹ năng thực hành tại cơ sở bán lẻ thuốc : Dành cho đào tạo cao đẳng - Ngành Dược / B.s.: Ninh Bảo Yến, Phạm Thị Hương Lý (ch.b.), Nguyễn Thị Kim Chi... - H. : Y học, 2025. - 119 tr. : bảng ; 27 cm. - 550000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 66-67. - Phụ lục: tr. 69-119 s628027

690. Giáo trình Tổ chức quản lý y tế - Chương trình y tế quốc gia : Dành cho sinh viên khối ngành Khoa học sức khỏe / B.s.: Phạm Thị Tâm, Lê Trung Hiếu, Trần Văn Đệ (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 2. - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2026. - 308 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 130000đ. - 700b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Bộ môn Tổ chức và Quản lý Y tế. - Thư mục: tr. 307-308 s627819

691. Giáo trình Tổ chức và quản lý khoa xét nghiệm : Dành cho sinh viên ngành Cử nhân Xét nghiệm / B.s.: Trần Đỗ Hùng, Nguyễn Hồng Phong (ch.b.), Trịnh Thị Hồng Cửa, Nguyễn Thị Hồng. - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2025. - 101 tr. : minh họa ; 27 cm. - 310000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Bộ môn Xét nghiệm. - Thư mục: tr. 101 s627821

692. Kỹ yếu Hội thảo khoa học "Đổi mới công tác khảo thí, kiểm định và bảo đảm chất lượng đào tạo tại Trường Đại học Phòng cháy chữa cháy trong giai đoạn hiện nay" / Lê Quang Bốn, Trần Minh Hường, Phạm Văn Long... - H. : Công an nhân dân, 2025. - 367 tr. : bảng ; 30 cm. - 85b

ĐTTS ghi: Bộ Công an. Trường Đại học Phòng cháy chữa cháy. - Lưu hành nội bộ. - Thư mục cuối mỗi bài s626596

693. Kỹ yếu Hội thảo khoa học "Giáo dục bảo vệ môi trường trong giáo dục phổ thông hiện nay" / Đỗ Thành Trí, Nguyễn Như Hoa, Lại Thị Diễm Phúc... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 472 tr. : minh họa ; 27 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục cuối mỗi bài s627896

694. Kỹ yếu Hội thảo khoa học quốc tế: Tiếp cận liên ngành trong chăm sóc sức khỏe tâm thần cho phụ nữ và gia đình = Proceedings of the International Conference: Interdisciplinary perspectives on mental health care for women and families / Nguyễn Thị Thu Hương, Đặng Hoàng Minh, Trần Thành Nam... ; B.s.: Nguyễn Dương Thanh Nhân... - H. : Lao động, 2025. - 1031 tr. : minh họa ; 27 cm. - 50b

ĐTTS ghi: Viện Ứng dụng Khoa học Tâm lý - Giáo dục... - Thư mục trong chính văn s627806

695. Kỹ yếu Hội thảo khoa học: Thực trạng và giải pháp xử lý các vấn đề cấp bách trong công tác bảo vệ môi trường Thủ đô Hà Nội / Sở Nông nghiệp và Môi trường, Lưu Thế Anh, Phạm Ngọc Đăng... - H. : Thế giới, 2025. - 939 tr. : minh họa ; 27 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội. - Thư mục trong chính văn s627868

696. Một số giải pháp đẩy lùi tình trạng tham nhũng vặt trong giải quyết các thủ tục hành chính ở nước ta hiện nay : Sách chuyên khảo / Nguyễn Quang Trường (ch.b.), Nguyễn Duy Bắc, Nguyễn Văn Tùng... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 230 tr. ; 21 cm. - 109000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 222-228 s627073

697. Nguyễn Minh Thu. Giáo trình Giáo dục phạm nhân (HP1) : Dùng cho đào tạo trình độ đại học, hệ chính quy, ngành Thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp / B.s.: Nguyễn Minh Thu (ch.b.), Trần Kim Lượng. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 215 tr. ; 21 cm. - 210b

ĐTTS ghi: Bộ Công an. Trường Đại học Cảnh sát nhân dân. - Lưu hành nội bộ. - Thư mục: tr. 206-213 s626714

698. Nguyễn Minh Tuấn. Giáo trình Công tác xã hội trong bệnh viện : Dùng đào tạo trình độ cử nhân đại học / Nguyễn Minh Tuấn (ch.b.), Đỗ Thị Bích Ngọc. - H. : Lao động, 2025. - 371 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 100000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Bộ Nội vụ. Trường Đại học Lao động - Xã hội. - Thư mục: tr. 364-370 s627455

699. Nguyễn Thị Bình An. Kỹ năng quản lý và lãnh đạo trong y tế : Sách tham khảo giảng dạy sau đại học / B.s.: Nguyễn Thị Bình An (ch.b.), Đỗ Quang Tuyền. - H. : Y học, 2026. - 62 tr. : minh họa ; 27 cm. - 295000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Thăng Long. Khoa Khoa học sức khỏe. - Thư mục cuối mỗi bài s628011

700. Nguyễn Thị Bình An. Nguyên lý quản lý và quản lý bệnh viện : Sách giáo trình cho giảng dạy sau đại học / B.s.: Nguyễn Thị Bình An, Trương Việt Dũng (ch.b.), Đỗ Quang Tuyền. - H. : Y học, 2026. - 113 tr. : minh họa ; 27 cm. - 345000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Thăng Long. Khoa Khoa học sức khỏe. - Thư mục cuối mỗi bài s628012

701. Phương pháp luận nghiên cứu khoa học trong môi trường và phát triển bền vững : Giáo trình phục vụ đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Môi trường và phát triển bền vững của Viện Tài nguyên và Môi trường / Lưu Thế Anh (ch.b.), Võ Thanh Sơn, Lê Thị Vân Huệ, Bùi Ngọc Quý. - Tái bản lần 1 có sửa chữa. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2026. - 388 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Tủ sách Khoa học). - 195000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Hà Nội. Viện Tài nguyên và Môi trường. - Thư mục cuối mỗi chương s628144

702. Tài liệu huấn luyện an toàn - vệ sinh lao động : Dành cho nhóm 3 & nhóm 6 - Người lao động làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động & an toàn, vệ sinh viên. - H. : Lao động, 2025. - 159 tr. : minh họa ; 24 cm. - 5000b

ĐTTS ghi: Bộ Nội vụ. Cục Việc làm. Trung tâm Quốc gia về An toàn - Vệ sinh lao động s627488

703. Thanh Bình. Cẩm nang tuyên truyền đảm bảo an toàn giao thông khu vực nông thôn, miền núi / Thanh Bình b.s. - H. : Lao động, 2025. - 64 tr. ; 15 cm. - 20000đ. - 1500b s628834

704. Thanh Bình. Cẩm nang Văn hóa giao thông an toàn : Tài liệu dành cho học sinh cấp THCS và THPT / Thanh Bình b.s. - H. : Lao động, 2025. - 56 tr. : minh họa ; 21 cm. - 40000đ. - 1500b

Đầu bìa sách ghi: Ban An toàn giao thông s627482

705. Tiểu Mạch Đông Thái. 100++ kỹ năng tự bảo vệ bản thân cho trẻ - Ứng phó với nguy hiểm : Dành cho trẻ em từ 3 - 9 tuổi / Tiểu Mạch Đông Thái ; Thu Ngân dịch. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 219 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (Tủ sách Cùng con trưởng thành). - 109000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Trung: 我会保自己-危险的事情我不做 s626605

706. Tiểu Mạch Đông Thái. 100++ kỹ năng tự bảo vệ bản thân cho trẻ - Ứng phó với thiên tai : Dành cho trẻ em từ 3 - 9 tuổi / Tiểu Mạch Đông Thái ; Thu Ngân dịch. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 131 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - (Tủ sách Cùng con trưởng thành). - 79000đ. - 1000b s627264

707. Tô Lâm. 125 câu nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh về công an nhân dân / Tô Lâm (ch.b.), Nguyễn Cao Sơn, Nguyễn Việt Hùng. - Xuất bản lần thứ 5, có chỉnh sửa, bổ sung. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 51 tr. ; 15 cm. - 28000đ. - 715b s628770

708. Tô Lâm. Tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và Nhân dân - Sáng ngời tư cách người Công an cách mạng / Tô Lâm. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 775 tr. : ảnh ; 24 cm. - 8010b s626716

709. Trần Thị Ngọc Anh. Giáo trình Nguyên lý bảo hiểm / Trần Thị Ngọc Anh (ch.b.), Trần Thanh Phúc, Lê Phương Hoa. - H. : Lao động, 2025. - 333 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 108000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp. - Thư mục: tr. 333 s627497

710. Trần Thị Phương Dịu. Dịch vụ khám chữa bệnh bảo hiểm y tế ở Tây Bắc Bộ: Phân tích các nhân tố quyết định và hàm ý chính sách : Sách chuyên khảo / Trần Thị Phương Dịu. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2025. - 304 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 98000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Học viện Tài chính. - Thư mục: tr. 253-265. - Phụ lục: tr. 266-303 s627148

711. Vũ Thị Thanh Trang. Đề cương tuyên truyền kỷ niệm 80 năm Ngày truyền thống lực lượng An ninh đối ngoại (12/7/1946-12/7/2026) / B.s.: Vũ Thị Thanh Trang, Lê Việt Hà. - H. : Công an nhân dân, 2026. - 40 tr. : ảnh ; 24 cm. - 500b

ĐTTS ghi: Bộ Công An. Cục An ninh đối ngoại. - Lưu hành nội bộ s626713

## GIÁO DỤC

712. Bài tập củng cố kiến thức và phát triển năng lực môn Tiếng Việt 1 / Phạm Thị Hồng, Nguyễn Thị Thanh Bình, Nguyễn Thị Thu Thủy. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 26000đ. - 1000b

T.1. - 2025. - 64 tr. : minh họa s626744

713. Bài tập củng cố kiến thức và phát triển năng lực môn Tiếng Việt 1 / Phạm Thị Hồng, Nguyễn Thị Thanh Bình, Nguyễn Thị Thu Thủy. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 26000đ. - 1000b

T.2. - 2025. - 64 tr. : minh họa s626745

714. Bài tập củng cố kiến thức và phát triển năng lực môn Tiếng Việt 2 / Ngô Thị Thu Mai, Phạm Thị Phương, Nguyễn Thị Thu Thủy. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 26000đ. - 1000b

T.2. - 2025. - 64 tr. : minh họa s626746

715. Bài tập củng cố kiến thức và phát triển năng lực môn Tiếng Việt 3 / Cao Thị Minh Hiền, Đặng Thị Mai Hương, Lê Thị Thu Hương. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 26000đ. - 1000b

T.1. - 2025. - 68 tr. : minh họa s626747

716. Bài tập củng cố kiến thức và phát triển năng lực môn Tiếng Việt 3 / Cao Thị Minh Hiền, Đặng Thị Mai Hương, Lê Thị Thu Hương. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 26000đ. - 1000b

T.2. - 2025. - 68 tr. : minh họa s626748

717. Bài tập củng cố kiến thức và phát triển năng lực môn Toán 1 / Trần Thị Minh Chung, Nguyễn Thị Chín, Lê Thị Thu Hương. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 26000đ. - 1000b

T.1. - 2025. - 60 tr. : hình vẽ, bảng s626740

718. Bài tập củng cố kiến thức và phát triển năng lực môn Toán 1 / Trần Thị Minh Chung, Nguyễn Thị Chín, Lê Thị Thu Hương. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 26000đ. - 1000b

T.2. - 2025. - 60 tr. : hình vẽ, bảng s626741

719. Bài tập củng cố kiến thức và phát triển năng lực môn Toán 2 / Đỗ Thị Lan Hương, Hà Thanh Lệ, Lê Thị Thu Hương. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 26000đ. - 1000b

T.1. - 2025. - 56 tr. : hình vẽ, bảng s626742

720. Bài tập củng cố kiến thức và phát triển năng lực môn Toán 3 / Nguyễn Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Thanh, Nguyễn Thị Thu Thủy. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 26000đ. - 1000b

- T.1. - 2025. - 56 tr. : hình vẽ, bảng s626743
721. Bài tập hằng ngày Tiếng Việt 1 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Nguyễn Văn Quyền, Uyên Uyên, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 60000đ. - 5000b
- T.2. - 2026. - 116 tr. : minh họa s627739
722. Bài tập hằng ngày Tiếng Việt 2 : Biên soạn theo Chương trình Kết nối tri thức / Nguyễn Văn Quyền, Uyên Uyên, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 60000đ. - 5000b
- T.2. - 2026. - 112 tr. : minh họa s627740
723. Bài tập hằng ngày Tiếng Việt 3 : Biên soạn theo Chương trình Kết nối tri thức / Nguyễn Văn Quyền, Uyên Uyên, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 60000đ. - 10000b
- T.2. - 2026. - 120 tr. : minh họa s627741
724. Bài tập hằng ngày Toán 1 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Văn Quân, Uyên Uyên. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 60000đ. - 5000b
- T.2. - 2026. - 104 tr. : hình vẽ, bảng s627742
725. Bài tập hằng ngày Toán 2 : Biên soạn theo Chương trình Kết nối tri thức / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Văn Quân, Uyên Uyên. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 60000đ. - 5000b
- T.2. - 2026. - 92 tr. : hình vẽ, bảng s627745
726. Bài tập hằng ngày Toán 2 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Văn Quân, Uyên Uyên. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 60000đ. - 5000b
- T.2. - 2026. - 108 tr. : hình vẽ, bảng s627743
727. Bài tập hằng ngày Toán 3 : Biên soạn theo Chương trình Kết nối tri thức / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Văn Quân, Uyên Uyên. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 60000đ. - 5000b
- T.2. - 2026. - 92 tr. : hình vẽ, bảng s627746
728. Bài tập hằng ngày Toán 3 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Văn Quân, Uyên Uyên. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 60000đ. - 5000b
- T.2. - 2026. - 112 tr. : hình vẽ, bảng s627744
729. Bài tập hằng ngày Toán 5 : Biên soạn theo Chương trình Kết nối tri thức / Nguyễn Văn Quyền, Uyên Uyên, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 60000đ. - 5000b
- T.2. - 2026. - 92 tr. : hình vẽ, bảng s627747
730. Bài tập tuần Tiếng Việt 1 : Biên soạn theo Chương trình Kết nối tri thức / Nguyễn Văn Quyền, Uyên Uyên, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 40000đ. - 5000b
- T.2. - 2026. - 51 tr. : bảng, hình vẽ s627752
731. Bài tập tuần Toán 1 : Biên soạn theo Chương trình Kết nối tri thức / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Văn Quân, Uyên Uyên. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 40000đ. - 5000b
- T.2. - 2026. - 64 tr. : hình vẽ, bảng s627748
732. Bé học chữ cái : Dành cho bé học mẫu giáo / Đào Trinh. - H. : Lao động, 2026. - 14 tr. : hình vẽ ; 23x25 cm. - (Bộ viết xoá thông minh). - 40000đ. - 5000b s627560
733. Bé học chữ số : Dành cho bé học mẫu giáo / Đào Trinh. - H. : Lao động, 2024. - 14 tr. : hình vẽ ; 23x25 cm. - (Bộ viết xoá thông minh). - 40000đ. - 5000b s627561
734. Bé học chữ số : Phát triển tư duy toán học / Hải Nhuận Dương Quang ; Hạ Vũ dịch. - H. : Dân trí, 2025. - 67 tr. : tranh màu ; 19x26 cm. - (Bộ sách Nét bút đầu tiên của bé). - 60000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Trung: 幼儿学前运笔能力训练 s628675

735. Bé học Toán : Dành cho bé 5 - 6 tuổi / Lê Tuệ Minh, Lê Thu Ngọc. - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 23 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Bé vào Lớp 1). - 10000đ. - 10000b s627654

736. Bé học Toán : Dành cho bé 5 - 6 tuổi / Thùy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 24 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 12000đ. - 20000b s627224

737. Bé học vần và tập viết / Minh Tâm. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa. - 24 cm. - 13000đ. - 5000b

Q.1. - 2026. - 24 tr. : tranh vẽ s626754

738. Bé làm quen Toán : Dành cho bé 5 - 6 tuổi / Thùy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 12000đ. - 20000b

T.1. - 2026. - 16 tr. : tranh vẽ s627238

739. Bé làm quen Toán : Dành cho bé 5 - 6 tuổi / Thùy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 12000đ. - 20000b

T.2. - 2026. - 16 tr. : tranh vẽ s627239

740. Bé tập tô chữ cái : Dành cho trẻ 5 - 6 tuổi / Minh Tâm. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2025. - 32 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Bé chuẩn bị vào lớp Một). - 14000đ. - 5000b s626752

741. Bé tập tô số / Minh Tâm. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2026. - 24 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Bé chuẩn bị vào lớp Một). - 14000đ. - 5000b s626756

742. Bé tập tô và ghép vần : Dành cho trẻ chuẩn bị vào lớp 1 / Thùy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 24 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 12000đ. - 20000b s627227

743. Bé tập viết chữ : Theo mẫu chữ viết cái cách lớp 1 : Dành cho bé 5 - 6 tuổi / Chính An, Nhóm Giáo viên ĐHSPT. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa. - 24 cm. - (Chuẩn bị cho bé vào Lớp 1). - 10000đ. - 10000b

Q.2. - 2025. - 23 tr. s628274

744. Bé tập viết chữ cái / Minh Tâm. - Huế : Nxb. Thuận Hóa, 2025. - 31 tr. ; 24 cm. - (Bé chuẩn bị vào Lớp 1). - 14000đ. - 5000b s628276

745. Bé tập viết chữ số / Minh Tâm. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2025. - 32 tr. ; 24 cm. - (Tủ sách Bé chuẩn bị vào lớp Một). - 14000đ. - 5000b s626766

746. Bé tập viết nét cơ bản / Minh Tâm. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2025. - 31 tr. ; 24 cm. - (Bé chuẩn bị vào lớp Một). - 14000đ. - 5000b s626767

747. Bé tô chữ mẫu giáo lớn / Minh Tâm. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2026. - 24 tr. ; 24 cm. - (Tủ sách Bé chuẩn bị vào lớp Một). - 14000đ. - 5000b s626755

748. Bé tự tin tập viết chữ ghép : Phổ cập giáo dục Mầm non / Nam Thuận. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2025. - 32 tr. ; 24 cm. - (Tủ sách Chuẩn bị cho bé vào lớp Một). - 14000đ. - 5000b s628275

749. Bộ đề kiểm tra Tiếng Anh lớp 5 : Có đáp án : Biên soạn theo sách giáo khoa Tiếng Anh Global Success / Nguyễn Thị Thu Huế. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - (Tủ sách Học tốt Tiếng Anh). - 89000đ. - 3000b

T.2. - 2026. - 159 tr. : minh họa s627711

750. Bộ đề luyện thi Violympic Trang nguyên Tiếng Việt trên Internet lớp 1 / Phạm Huy Hoàng. - Tái bản lần 2. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 116 tr. : minh họa ; 24 cm. - 59000đ. - 1500b s628187

751. Bồi dưỡng học sinh giỏi Toán 5 : Bám sát SGK Kết nối tri thức với cuộc sống / Nguyễn Đức Tấn, Nguyễn Hạ Hà Uyên, Nguyễn Hạ Hà Quyên. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 208 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 115000đ. - 1000b s626577

752. Bồi dưỡng kỹ năng giải Toán lớp 3 : Kiến thức trọng tâm. Bài tập rèn luyện theo từng chủ đề / Trần Ngọc Bích (ch.b.), Đoàn Thị Minh Thái. - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 160 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 135000đ. - 2000b s627874

753. Cảm nhận hạnh phúc ở trường học của học sinh trung học phổ thông trong bối cảnh đổi mới giáo dục / Kiều Thị Trang Trà (ch.b.), Võ Văn Ngọc Huy, Võ Phú Toàn, Hồ Thu Hà. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 155 tr. : bảng ; 24 cm. - 300000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục: tr. 131-150. - Phụ lục: tr. 151-155 s626931

754. Chinh phục đề thi vào lớp 6 trường THCS chất lượng cao môn Toán : Bám sát theo đổi mới của các trường trung học cơ sở... / Nguyễn Xuân Nam s.t., tuyển chọn. - H. : Dân trí, 2026. - 222 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Tủ sách Tự học đột phá). - 119000đ. - 3500b s627813

755. Chinh phục ngữ pháp Tiếng Anh - Dành cho học sinh tiểu học : Hệ thống toàn bộ kiến thức ngữ pháp, từ vựng Tiếng Anh tiểu học... : 6 - 10 tuổi / Hương, Hoa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 112 tr. : minh họa ; 27 cm. - 80000đ. - 5000b s627708

756. Chinh phục số và phép tính : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới : Dành cho học sinh lớp 1 / Hương Giang, Trung Anh. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 48000đ. - 20000b T.2. - 2026. - 48 tr. : hình vẽ, bảng s627731

757. Chuẩn bị cho bé vào lớp Một : Làm quen với chữ số : Dành cho bé 5 - 6 tuổi / Thùy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 12000đ. - 20000b T.1. - 2026. - 24 tr. : tranh vẽ s627219

758. Chuẩn bị cho bé vào lớp Một : Dành cho trẻ từ 5 - 6 tuổi / Thùy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 12000đ. - 20000b T.1: Làm quen với chữ cái. - 2026. - 16 tr. : tranh vẽ s627236

759. Chuẩn bị cho bé vào lớp Một : Làm quen với chữ số : Dành cho bé 5 - 6 tuổi / Thùy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 12000đ. - 20000b T.2. - 2026. - 24 tr. : tranh vẽ s627220

760. Chuẩn bị cho bé vào lớp Một : Dành cho trẻ từ 5 - 6 tuổi / Thùy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 12000đ. - 20000b T.2: Làm quen với chữ số. - 2026. - 16 tr. : tranh vẽ s627237

761. Cơ sở Tiếng Việt ở tiểu học : Ngữ âm & Từ vựng - Ngữ nghĩa / Vũ Thị Ân (ch.b.), Lê Văn Trung, Bạch Linh Trang, Lê Thị Thanh Thủy. - Tái bản có chỉnh sửa, bổ sung. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 235 tr. : bảng ; 24 cm. - 110000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục: tr. 216-217. - Phụ lục: tr. 218-235 s626821

762. Cơ sở tự nhiên và xã hội : Hệ thống kiến thức hỗ trợ dạy học các môn học: Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lí ở tiểu học / Nguyễn Thị Thần (ch.b.), Nguyễn Trọng Đức, Phan Thanh Hà... - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 283 tr. : minh họa ; 24 cm. - 110000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 278-280 s627652

763. Cựu giáo chức Nghệ An / Phạm Huy Đức, Nguyễn Trọng Hoàn, Trần Hữu Hy... - Nghệ An : Nxb. Nghệ An. - 27 cm. - 520b  
ĐTTS ghi: Hội Cựu giáo chức Nghệ An  
T.21: 2025. - 2025. - 83 tr. : ảnh s627809
764. Diệp Phương Chi. Phát triển kỹ năng làm việc hợp tác trong dạy và học đại học / Diệp Phương Chi. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 175 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 250b  
ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục cuối mỗi chương s626910
765. Diệp Phương Chi. Phát triển năng lực dạy học trực tuyến cho giảng viên : Sách chuyên khảo về Khoa học giáo dục / Ch.b.: Diệp Phương Chi, Hoàng Anh, Dương Thị Kim Oanh. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 335 tr. : minh họa ; 24 cm. - 250b  
ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục cuối mỗi chương s626900
766. Dương Thị Kim Oanh. Giáo trình Đánh giá trong giáo dục / Dương Thị Kim Oanh. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 307 tr. : minh họa ; 24 cm. - 250b  
ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục cuối mỗi chương s626915
767. Đề kiểm tra Tiếng Anh 3 - English Discovery : CTGDPT 2018. - H. : Thông tấn, 2025. - 78 tr. : minh họa ; 28 cm. - 150000đ. - 2000b s626622
768. Đề kiểm tra Tiếng Anh 4 - English Discovery : CTGDPT 2018. - H. : Thông tấn, 2025. - 89 tr. : minh họa ; 28 cm. - 150000đ. - 2000b s626623
769. Đề kiểm tra Tiếng Anh 5 - English Discovery : CTGDPT 2018. - H. : Thông tấn, 2025. - 84 tr. : minh họa ; 28 cm. - 150000đ. - 2000b s626624
770. Đề kiểm tra Tiếng Việt 1 - Cả năm : Biên soạn theo Chương trình Chân trời sáng tạo / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Hương Ly, Uyên Uyên. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 100 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 60000đ. - 5000b s627736
771. Đề kiểm tra Tiếng Việt 1 - Học kì 2 : Biên soạn theo Chương trình Kết nối tri thức / Nguyễn Văn Quyền, Uyên Uyên, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 64 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 40000đ. - 10000b s627753
772. Đề kiểm tra Tiếng Việt 2 - Cả năm : Biên soạn theo Chương trình Chân trời sáng tạo / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Hương Ly, Uyên Uyên. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 92 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 60000đ. - 5000b s627737
773. Đề kiểm tra Tiếng Việt 2 - Học kì 2 : Biên soạn theo Chương trình Kết nối tri thức / Nguyễn Văn Quyền, Uyên Uyên, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 67 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 40000đ. - 5000b s627754
774. Đề kiểm tra Tiếng Việt 3 - Học kì 2 : Biên soạn theo Chương trình Kết nối tri thức / Nguyễn Văn Quyền, Uyên Uyên, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 64 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 40000đ. - 5000b s627755
775. Đề kiểm tra Toán 1 - Cả năm : Biên soạn theo Chân trời sáng tạo / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Văn Quân, Uyên Uyên. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 92 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 60000đ. - 5000b s627733

776. Đề kiểm tra Toán 1 - Học kì 2 : Biên soạn theo Chương trình Kết nối tri thức / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Văn Quân, Uyển Uyển. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 62 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 40000đ. - 10000b s627749

777. Đề kiểm tra Toán 2 - Học kì 2 : Biên soạn theo Chương trình Kết nối tri thức / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Văn Quân, Uyển Uyển. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 62 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 40000đ. - 5000b s627750

778. Đề kiểm tra Toán 5 - Học kì 2 : Biên soạn theo Chương trình Kết nối tri thức với cuộc sống / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 62 tr. : hình vẽ, tranh vẽ ; 27 cm. - 40000đ. - 10000b s627751

779. Đề giới Toán con phải giới tính : Dành cho học sinh chuẩn bị vào lớp 1 và bắt đầu vào lớp 1 / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Văn Quân, Uyển Uyển. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 72 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 40000đ. - 10000b s627712

780. Em tập viết chữ ghép : Phổ cập giáo dục mầm non / Minh Tâm. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2025. - 24 tr. ; 24 cm. - 13000đ. - 5000b s626763

781. Giáo trình Quản lý trường học với trẻ em bị xâm hại trong trường học / B.s.: Lê Thị Nhung (ch.b.), Nguyễn Thị Ánh Nguyệt, Nguyễn Quốc Giang... - H. : Lao động, 2025. - viii, 418 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 110000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Bộ Nội vụ. Trường Đại học Lao động - Xã hội. - Thư mục: tr. 410-417 s627394

782. Giáo trình Tâm lí học giáo dục / Nguyễn Đức Sơn, Lê Minh Nguyệt, Nguyễn Thị Huệ... - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 319 tr. : bảng ; 24 cm. - 89000đ. - 2000b  
Thư mục: tr. 317-319 s626862

783. Giới tính để giới Toán - Phép trừ mượn 10 theo phương pháp tách gộp / Trang Bùi b.s. - H. : Tri thức, 2025. - 63 tr. ; 24 cm. - 38000đ. - 3000b s628379

784. Giới tính để giới Toán - Tách gộp số trong phạm vi 10 / Trang Bùi b.s. - H. : Tri thức, 2025. - 63 tr. ; 24 cm. - 38000đ. - 3000b s627629

785. Giúp bé học Toán cộng trừ trong phạm vi 50 / Minh Tâm. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2025. - 32 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 14000đ. - 5000b s626761

786. Giúp em học giới từ và câu Tiếng Việt lớp 2 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới. Dùng chung cho các bộ SGK hiện hành / Võ Thị Minh Trang. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 87 tr. : bảng ; 24 cm. - 48000đ. - 1000b s628161

787. Hình khối màu sắc : Dành cho bé học mẫu giáo / Đào Trinh. - H. : Lao động, 2024. - 14 tr. : hình vẽ ; 23x25 cm. - 40000đ. - 5000b s627559

788. Hoàng Khôi. Chu Văn An / Hoàng Khôi. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 190 tr. ; 19 cm. - 80000đ. - 2000b  
Phụ lục: tr. 149-190 s628814

789. Hồ Chí Minh. Những bức thư của Bác Hồ nhân dịp đầu năm học mới / Hồ Chí Minh. - Xuất bản lần thứ 2. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 55 tr. ; 15 cm. - 20000đ. - 1500b s628771

790. Huỳnh Mai Trang. Rối loạn học tập chuyên biệt / Huỳnh Mai Trang. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 199 tr. : minh họa ; 24 cm. - 180000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục: tr. 188-199 s626932

791. Khánh Vân. Mỗi câu chuyện là một bước trưởng thành : Giáo viên mầm non phát triển bản thân 1% mỗi ngày / Khánh Vân. - H. : Lao động, 2025. - 236 tr. : minh họa ; 21 cm. - 1000b

Phụ lục: tr. 236 s627417

792. Kỳ thi Toán quốc tế Kangaroo - Các chuyên đề chọn lọc cấp độ 1 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Hoàng Quế Hương, Vũ Văn Luân, Lê Quang Quân. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2026. - 129 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 60000đ. - 7500b

Thư mục: tr. 129 s626582

793. Kỳ thi Toán quốc tế Kangaroo - Các chuyên đề chọn lọc cấp độ 2 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Hoàng Quế Hương, Vũ Văn Luân, Lê Quang Quân. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2026. - 177 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 70000đ. - 4500b

Thư mục: tr. 177 s626581

794. Kỳ thi Toán quốc tế Kangaroo - Các chuyên đề chọn lọc cấp độ 3 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Hoàng Quế Hương, Vũ Văn Luân, Lê Quang Quân. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2026. - 196 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 80000đ. - 2100b

Thư mục cuối chính văn s626578

795. Kiến thức cần nhớ môn Tiếng Anh tiểu học : Dùng chung cho các bộ SGK hiện hành / Nguyễn Hoàng Thanh Ly, Phi Quỳnh. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 13 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 68000đ. - 1000b s626857

796. Kiến thức cần nhớ môn Toán lớp 1, lớp 2, lớp 3 / Nguyễn Đức Tấn. - In lần thứ 2. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 9 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 60000đ. - 1500b s626855

797. Kỳ yếu Hội thảo khoa học: Các mô hình nhà trường hiện đại trong giáo dục phổ thông / Nguyễn Thị Mỹ Lộc, Hoàng Ngọc Vinh, Vụ Giáo dục phổ thông... - H. : Đại học Kinh tế Quốc dân, 2025. - 361 tr. : bảng ; 27 cm. - 60b

ĐTTS ghi: Hội đồng Quốc gia Giáo dục và Phát triển nhân lực. - Thư mục cuối mỗi bài s627827

798. Kỳ yếu Hội thảo khoa học: Định hướng giá trị nhân cách cho học sinh, sinh viên trong bối cảnh chuyển đổi số, xã hội số / Huỳnh Văn Sơn, Đỗ Tất Thiên, Phan Lê Minh Khuê... - H. : Đại học Kinh tế Quốc dân, 2025. - 327 tr. : bảng ; 27 cm. - 50b

ĐTTS ghi: Hội đồng Quốc gia Giáo dục và Phát triển nhân lực. - Thư mục cuối mỗi bài s627828

799. Làm quen với chữ cái / Minh Tâm. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa. - 24 cm. - (Tủ sách Bé chuẩn bị vào lớp Một). - 12000đ. - 5000b

T.1. - 2026. - 24 tr. : tranh vẽ s626757

800. Lê Thị Thanh Thủy. Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non / Lê Thị Thanh Thủy. - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 269 tr. : hình vẽ, tranh vẽ ; 21 cm. - 80000đ. - 1000b s627928

801. Lịch sử ngành Giáo dục huyện Càng Long (1930 - 2020). - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 391 tr. : ảnh, bảng ; 21 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân huyện Càng Long. Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Càng Long. - Phụ lục: tr. 314-386. - Thư mục: tr. 387-388 s626880

802. Luyện chuyên sâu ngữ pháp và từ vựng Tiếng Anh 4 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới - Global Success / Vũ Thanh Hoa. - H. : Thế giới, 2026. - 187 tr. : bảng, tranh vẽ ; 27 cm. - 155000đ. - 5000b s627936

803. Luyện đọc : Phiên bản mới : Hướng dẫn đọc các từ, tiếng và câu / Thanh Hương. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 91 tr. : hình vẽ, bảng ; 30 cm. - (Tâm thế vào Lớp 1)(Hành trang cho bé tự tin vào Lớp 1). - 90000đ. - 5000b s627756
804. Luyện đọc tư duy - ngôn ngữ : Bí quyết đọc sớm - đọc nhanh cho bé từ 3 - 6 tuổi... / Hương Giang, Trung Anh. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - (Hành trang vào Lớp 1). - 50000đ. - 10000b  
Q.1. - 2026. - 48 tr. : hình vẽ, bảng s627730
805. Luyện viết chữ - Cỡ nhỏ 1 ô ly : Theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Thúy Hà, Thanh Hương. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 44 tr. ; 24 cm. - (Luyện viết đúng, viết đẹp). - 22000đ. - 5000b s627221
806. Luyện viết chữ thường, chữ hoa cỡ nhỏ, theo nhóm : Dành cho học sinh Tiểu học / Thanh Hương. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 64 tr. ; 27 cm. - 45000đ. - 5000b s627726
807. Luyện viết cỡ chữ nhỏ : Luyện chữ thường, chữ hoa cỡ nhỏ theo nhóm. Luyện viết từ và câu / Bùi Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 59 tr. ; 27 cm. - 44000đ. - 5000b s627727
808. Luyện viết Tiếng Anh 1 / Nguyễn Hoàng Thanh Ly. - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 68 tr. : minh họa ; 27 cm. - 48000đ. - 1500b s628081
809. Luyện viết Tiếng Anh 2 / Nguyễn Hoàng Thanh Ly, Hồ Tấn Mẫn. - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 64 tr. : hình vẽ, ảnh ; 27 cm. - 420000đ. - 2000b s628082
810. Luyện viết Tiếng Anh 3 / Nguyễn Hoàng Thanh Ly, Hồ Tấn Mẫn. - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 64 tr. : hình vẽ, ảnh ; 27 cm. - 450000đ. - 2000b s628083
811. Mô hình dịch vụ công tác xã hội trong trường tiểu học: Từ lý thuyết đến thực tiễn : Sách chuyên khảo / Hà Văn Hoàng (ch.b.), Nguyễn Hữu Minh, Trịnh Thị Nguyệt... - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2025. - 222 tr. : bảng ; 24 cm. - 70000đ. - 200b  
Thư mục: tr. 215-222. - Phụ lục cuối chính văn s626966
812. Mô hình liên kết hiệu quả giữa trường đại học và doanh nghiệp trong nâng cao chất lượng đào tạo tại các trường đại học khu vực Tây Bắc / Ch.b.: Nguyễn Thị Lan Anh, Đào Thị Vân Anh, Nguyễn Văn Duy, Nguyễn Ngọc Đạt. - H. : Thế giới, 2026. - 137 tr. : bảng ; 21 cm. - 120000đ. - 300b  
Thư mục: tr. 135-137 s627687
813. Một số biện pháp giúp học sinh viết đúng chính tả / Lê Phương Liên. - Tái bản lần 3. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 111 tr. : bảng ; 24 cm. - 60000đ. - 1000b s628191
814. 199 bài và đoạn văn hay lớp 5 : Biên soạn theo Chương trình giáo dục phổ thông mới... / Lê Xuân Soan. - H. : Dân trí, 2026. - 175 tr. ; 27 cm. - 99000đ. - 5000b s627814
815. 162 bài tập làm văn chọn lọc 5 / Lê Phương Liên. - Tái bản lần 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2026. - 148 tr. ; 24 cm. - 65000đ. - 1500b s628159
816. Nét bút đầu tiên : Dành cho bé học mẫu giáo / Đào Trinh. - H. : Lao động, 2024. - 14 tr. : hình vẽ ; 23x25 cm. - (Bộ viết xoá thông minh). - 40000đ. - 5000b s627562
817. Nguyễn Danh Khoa. Cẩm nang Chăm sóc, bảo vệ sức khỏe học đường và phòng chống bệnh truyền nhiễm trong các cơ sở giáo dục / Nguyễn Danh Khoa b.s. - H. : Khoa học - Công nghệ - Truyền thông, 2025. - 478 tr. : minh họa ; 27 cm. - 395000đ. - 3000b  
ĐTTS ghi: Viện Khoa học an toàn Việt Nam s626589
818. Nguyễn Thanh Nga. Phát triển mô hình lớp học đảo ngược trong điều kiện chuyên đổi số và ứng dụng AI : Một mô hình học tập hướng tới tương lai bền vững / Nguyễn Thanh

Nga. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 219 tr. : minh họa ; 24 cm. - 145000đ. - 1000b s626807

819. Nguyễn Thị Dung. Hoạt động trải nghiệm trong dạy đọc văn bản văn học ở tiểu học / Nguyễn Thị Dung. - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 207 tr. : minh họa ; 24 cm. - 90000đ. - 500b

Thư mục: tr. 202-205 s628247

820. Nguyễn Thị Hương Lan. Nghiên cứu ngôn ngữ đánh giá trong sách giáo khoa bậc tiểu học (So sánh sách Tiếng Anh tiểu học ở Singapore và sách Tiếng Việt tiểu học ở Việt Nam) : Sách chuyên khảo / Nguyễn Thị Hương Lan. - H. : Khoa học xã hội, 2026. - 242 tr. : minh họa ; 24 cm. - 240000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 161-166. - Phụ lục: tr. 167-242 s628254

821. Nguyễn Thị Ly Kha. Cơ sở môn Tiếng Việt ở tiểu học (từ loại, cú pháp, ngữ pháp văn bản) / Nguyễn Thị Ly Kha (ch.b.), Phạm Hải Lê. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 200 tr. : bảng ; 24 cm. - 126000đ. - 1000b s626810

822. Nguyễn Thị Xuân Yến. Giáo trình Phát triển chương trình môn Tiếng Việt ở tiểu học / Nguyễn Thị Xuân Yến (ch.b.), Lê Ngọc Tường Khanh, Lê Văn Trung. - Tái bản lần 1, có chỉnh sửa bổ sung. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 195 tr. : minh họa ; 24 cm. - 95000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục: tr. 141-143. - Phụ lục: tr. 144-195 s626930

823. Nhật kí ngày hè vui - Tiếng Anh 5 / Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đỗ Thị Tố Nga, Ninh Thị Kim Oanh. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 118 tr. : hình vẽ, bảng ; 15x24 cm. - 40000đ. - 5000b s628339

824. Nhật kí ngày hè vui - Tiếng Việt 5 / Trần Thị Hiền Lương (ch.b.), Đặng Thị Lanh, Đặng Thị Lệ Tâm. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 120 tr. : bảng, tranh vẽ ; 15x24 cm. - 40000đ. - 5000b s628338

825. Nhật kí ngày hè vui - Toán 5 / Nguyễn Thủy Chung, Trần Thị Kim Cương, Dương Vũ Khánh Thuận. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 120 tr. : minh họa ; 15x24 cm. - 40000đ. - 5000b s628340

826. Những bài làm văn mẫu hay nhất lớp 2 : Theo Chương trình SGK Kết nối tri thức / Nguyễn Văn Quyền, Uyên Uyên, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 96 tr. : minh họa ; 27 cm. - 50000đ. - 10000b s627713

827. Những bài văn miêu tả lớp 5 : Giúp học sinh tự đọc và học, vươn lên học khá, học giỏi. Tài liệu tham khảo của giáo viên tiểu học và các vị phụ huynh : Dùng chung cho các bộ SGK hiện hành / Tuyển chọn, b.s.: Tạ Thanh Sơn, Lê Thanh Hải, Nguyễn Ngọc Hà... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 112 tr. ; 24 cm. - 48000đ. - 1000b s628184

828. Niên lịch đào tạo năm 2025 : Hiện tại - Đổi mới sáng tạo - Trách nhiệm - Hội nhập / B.s.: Hoàng Thị Mai, Đậu Bá Thìn, Ngô Chí Thành... - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2025. - 328 tr. : bảng ; 27 cm. - 3020b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa. Trường Đại học Hồng Đức. - Phụ lục: tr. 57-59 s626629

829. Ôn luyện môn Tiếng Việt lớp 4 / Nguyễn Thị Vân, Lại Văn Thu. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh. - 27 cm. - 38000đ. - 3000b

Q.1. - 2025. - 108 tr. : minh họa s627900

830. Ôn luyện môn Toán lớp 2 / Lê Thị Hồng Gấm, Phạm Thị Dân, Lại Vân Thu. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh. - 27 cm. - 32000đ. - 3000b  
Q.1. - 2025. - 96 tr. : hình vẽ, bảng s627902
831. Ôn luyện môn Toán lớp 4 / Nguyễn Thị Vân, Lại Vân Thu. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh. - 27 cm. - 38000đ. - 3000b  
Q.1. - 2025. - 112 tr. : hình vẽ, bảng s627903
832. Phạm Hoàng Phúc. Hồi tưởng gần 10 năm nghề "rệp" và những câu chuyện đằng sau tấm thẻ Platinum/Diamond / Phạm Hoàng Phúc. - H. : Thế giới, 2026. - 189 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 168000đ. - 500b s627661
833. Phan Văn Trường. Việc giáo dục học vấn trong dân tộc An Nam / Phan Văn Trường. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 76 tr. ; 19 cm. - 65000đ. - 1000b s628624
834. Phát triển giáo dục mầm non ngoài công lập: Từ chính sách đến thực tiễn : Sách chuyên khảo / Trịnh Thị Anh Hoa (ch.b.), Đỗ Minh Thư, Nguyễn Thị Nga... - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 219 tr. : bảng, biểu đồ ; 24 cm. - 180000đ. - 200b  
Thư mục: tr. 208-216. - Phụ lục: tr. 217-219 s627642
835. Phát triển năng lực tư duy ngôn ngữ: Tập đánh vần tiếng Việt : Theo bộ SGK sử dụng thống nhất toàn quốc : 3 - 6 tuổi / Chính An, Nhóm giáo viên ĐHSP. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2025. - 126 tr. : minh họa ; 21x30 cm. - (Sẵn sàng vào Lớp 1). - 120500đ. - 5000b s626768
836. Phiếu bài tập củng cố Toán theo tuần 2 : Chương trình mới, phương pháp mới theo Bộ Giáo dục và Đào tạo / Mai Thanh Hằng. - H. : Hồng Đức, 2025. - 95 tr. : minh họa ; 30 cm. - 68000đ. - 2800b s626600
837. Phương pháp học tập Feynman : Truyện tranh trẻ em / Sư Lỗ Bối Nhĩ ; Lemon dịch. - H. : Tri thức, 2026. - 63 tr. : tranh vẽ ; 19 cm. - 64000đ. - 5000b  
Tên sách tiếng Trung: 漫画费曼学习法 s628747
838. Rèn kỹ năng giải Toán lớp 4 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Vũ Quốc Chung (ch.b.), Phạm Thị Diệu Thùy, Lê Duy Cường. - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 139 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 159000đ. - 3000b s627933
839. Sách luyện thi Hội thi Tin học trẻ với Python : Bảng A: Thi kỹ năng lập trình cấp Tiểu học. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 268 tr. : minh họa ; 26 cm. - 350000đ. - 1000b  
ĐTTS ghi: Học viện VIETSTEM. - Phụ lục: tr. 242-268 s627201
840. Sổ bé ngoan : Dành cho trẻ mầm non / Huệ Minh. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 36 tr. ; 15 cm. - 6000đ. - 50000b s628341
841. Sổ tay Sketchnote Tiếng Việt 2 - 3 / Hoàng Thị Hồng Châm b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 42 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 110000đ. - 5000b s627208
842. Sổ tay Sketchnote Tiếng Việt 4 / Hoàng Thị Hồng Châm b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 37 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 110000đ. - 10000b s627209
843. Sổ tay Sketchnote Tiếng Việt 5 / Hoàng Thị Hồng Châm b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 33 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 110000đ. - 10000b s627210
844. Tách - Gộp số trong phạm vi 20 : Bộ Toán tư duy : Dành cho bé 3 - 6 tuổi / Thủy Tiên b.s. - H. : Dân trí, 2025. - 77 tr. : hình vẽ ; 15x21 cm. - (Hành trang giúp bé lên Tiểu học dễ dàng). - 39000đ. - 5000b s628642

845. Tách - Gộp số trong phạm vi 10 : Bộ Toán tư duy : Dành cho bé 3 - 6 tuổi / Thủy Tiên b.s. - H. : Dân trí, 2025. - 77 tr. : hình vẽ ; 15x21 cm. - 39000đ. - 5000b s628643
846. Tập đánh vần Tiếng Việt theo sơ đồ tư duy : Bí quyết giúp con đọc Tiếng Việt thông thạo : Biên soạn theo chương trình Sách giáo khoa mới : Phiên bản mới 5.0 / Thanh Hương. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 112 tr. : hình vẽ, bảng ; 21x30 cm. - (Bé tự tin vào Lớp 1)(Tư duy - Ngôn ngữ). - 110000đ. - 5000b s627203
847. Tập tô : Luyện viết theo mẫu chữ mới : Dành cho trẻ chuẩn bị vào lớp 1 / Thùy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - 12000đ. - 20000b  
T.1. - 2026. - 24 tr. : tranh vẽ s627229
848. Tập tô chữ : Dành cho trẻ chuẩn bị vào lớp 1 / Thùy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 12000đ. - 20000b  
T.1. - 2026. - 16 tr. : tranh vẽ s627232
849. Tập tô chữ : Dành cho trẻ chuẩn bị vào lớp 1 / Thùy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 12000đ. - 20000b  
T.2. - 2026. - 16 tr. : tranh vẽ s627233
850. Tập tô chữ 1 : Dành cho trẻ chuẩn bị vào lớp 1 / Thùy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 12000đ. - 20000b  
T.1. - 2026. - 24 tr. : tranh vẽ s627230
851. Tập tô chữ 1 : Dành cho trẻ chuẩn bị vào lớp 1 / Thùy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 12000đ. - 20000b  
T.2. - 2026. - 24 tr. : tranh vẽ s627231
852. Tập tô chữ mẫu giáo : Dành cho trẻ chuẩn bị vào lớp 1 / Thùy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 16 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 12000đ. - 20000b s627240
853. Tập tô nét cơ bản : Dành cho trẻ chuẩn bị vào lớp 1 / Thùy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 24 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 12000đ. - 20000b s627226
854. Tập tô nét cơ bản : Dành cho trẻ chuẩn bị vào lớp 1 / Thùy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 16 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 12000đ. - 20000b s627228
855. Tập tô số : Dành cho trẻ chuẩn bị vào lớp 1 / Thùy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 12000đ. - 20000b  
T.1. - 2026. - 16 tr. : tranh vẽ s627234
856. Tập tô số : Dành cho trẻ chuẩn bị vào lớp 1 / Thùy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 12000đ. - 20000b  
T.2. - 2026. - 16 tr. : tranh vẽ s627235
857. Tập tô số 1 : Dành cho trẻ chuẩn bị vào lớp 1 / Thùy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 24 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 12000đ. - 20000b s627225
858. Tập viết chữ hoa - Cỡ nhỏ, theo nhóm : Dành cho học sinh tiểu học / Thúy Hà, Thanh Hương. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 44 tr. ; 24 cm. - (Luyện viết đúng, viết đẹp). - 22000đ. - 5000b s627222
859. Thách thức tư duy thuật toán Bebras 2025 : Dành cho cấp độ 1 và 2 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Trần Ngọc Hưng, Nguyễn Bích Ngọc. - H. : Lao động, 2025. - 169 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 180000đ. - 10000b  
Thư mục: tr. 170 s627797
860. Thu Giang Nguyễn Duy Cần. Tôi tự học / Thu Giang Nguyễn Duy Cần. - In lần thứ 32. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 367 tr. ; 19 cm. - 120000đ. - 3000b

- Tên thật tác giả: Nguyễn Duy Cần. - Phụ lục: tr. 321-362. - Thư mục: tr. 363-367 s628231
861. Thư viện hình ảnh song ngữ đầu tiên của bé: Phương tiện giao thông / Hồng Ân. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2026. - 36 tr. : tranh màu ; 27 cm. - 40000đ. - 5000b s627810
862. Thư viện hình ảnh song ngữ đầu tiên của bé: Thế giới khủng long / Hồng Ân. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2026. - 36 tr. : tranh màu ; 27 cm. - 40000đ. - 5000b s627811
863. Tiếp cận các mô hình lớp học đảo ngược đồng kiến tạo / Trần Ái Cẩm (ch.b.), Nguyễn Thị Kim Ngân, Lương Thị Nhung... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 171 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 150000đ. - 200b  
Thư mục: tr. 159-171 s628131
864. Trọn bộ Tiếng Việt - Luyện đọc 1 : Đọc mở rộng / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 20 tr. : minh họa ; 27 cm. - 10000đ. - 10000b s627716
865. Trọn bộ Tiếng Việt - Luyện từ và câu 1 / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 24 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 10000đ. - 10000b s627714
866. Trọn bộ Tiếng Việt - Mở rộng vốn từ 1 / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 20 tr. : minh họa ; 27 cm. - 10000đ. - 10000b s627718
867. Trọn bộ Tiếng Việt - Vở bài tập chính tả 1 / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 16 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 10000đ. - 10000b s627717
868. Trọn bộ Tiếng Việt - Vở tập viết chính tả 1 / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 24 tr. ; 27 cm. - 10000đ. - 10000b s627715
869. Trọn bộ Toán lớp 1 - Chuyên đề Các số trong phạm vi 10 : Theo Chương trình SGK mới nhất / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Văn Quân, Uyển Uyển. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 20 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 10000đ. - 10000b s627720
870. Trọn bộ Toán lớp 1 - Chuyên đề Các số trong phạm vi 100 : Theo Chương trình SGK mới nhất / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Văn Quân, Uyển Uyển. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 20 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 10000đ. - 10000b s627724
871. Trọn bộ Toán lớp 1 - Chuyên đề Giải bài toán có lời văn : Theo Chương trình SGK mới nhất / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Văn Quân, Uyển Uyển. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 20 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 10000đ. - 10000b s627719
872. Trọn bộ Toán lớp 1 - Chuyên đề Hình học và đo lường : Theo Chương trình SGK mới nhất / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Văn Quân, Uyển Uyển. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 20 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 10000đ. - 10000b s627723
873. Trọn bộ Toán lớp 1 - Chuyên đề Phép cộng phép trừ trong phạm vi 100 : Theo Chương trình SGK mới nhất / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Văn Quân, Uyển Uyển. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 20 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 10000đ. - 10000b s627721
874. Trọn bộ Toán lớp 1 - Chuyên đề Phép trừ trong phạm vi 10 : Theo Chương trình SGK mới nhất / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Văn Quân, Uyển Uyển. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 20 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 10000đ. - 10000b s627725
875. Trọn bộ Toán lớp 1 - Chuyên đề Phép trừ trong phạm vi 10 : Theo Chương trình SGK mới nhất / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Văn Quân, Uyển Uyển. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 20 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 10000đ. - 10000b s627722

876. Trương Tấn Đạt. Quản trị trường học hiện đại: Mô hình, chiến lược và nghệ thuật vận hành trường tư thục tại Việt Nam / Ch.b.: Trương Tấn Đạt, Trần Quốc Giang. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 239 tr. : bảng, biểu đồ ; 24 cm. - 250000đ. - 290b

Thư mục: tr. 225-239 s628255

877. Tuyển chọn đề kiểm tra các trường - Toán 2 : Tuyển chọn đề kiểm tra định kì theo ma trận hay nhất các trường... / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Văn Quân, Uyên Uyên. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 64 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 40000đ. - 10000b s627734

878. Tuyển chọn đề kiểm tra Tiếng Việt các trường 3 : Tuyển chọn đề kiểm tra định kì theo ma trận hay nhất các trường... / Nguyễn Văn Quyền, Uyên Uyên, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 96 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 50000đ. - 10000b s627738

879. Tuyển chọn đề kiểm tra Toán các trường 3 : Tuyển chọn đề kiểm tra định kì theo ma trận hay nhất các trường... / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Văn Quân, Uyên Uyên. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 64 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 40000đ. - 10000b s627735

880. Vé tập tô chữ 2 : Phổ cập giáo dục mầm non / Minh Tâm. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2025. - 32 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tủ sách Bé chuẩn bị vào lớp Một). - 17000đ. - 5000b s626764

881. Vở bài tập chính tả : Phân biệt âm - vần : Giúp con học tốt tiếng Việt 1 : Biên soạn theo Chương trình SGK mới / Thanh Hương, Minh Phương. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 64 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 48000đ. - 5000b s627729

882. Vở bài tập thực hành Tiếng Việt 1 : Dùng cho bộ sách Cánh Diều / Nguyễn Khánh Chi, Hoàng Minh Trang, Đặng Thảo Nguyên. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 28000đ. - 6000b

T.1. - 2025. - 72 tr. : minh họa s627841

883. Vở bài tập thực hành Tiếng Việt 1 : Dùng cho bộ sách Cánh Diều / Nguyễn Khánh Chi, Hoàng Minh Trang, Đặng Thảo Nguyên. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 28000đ. - 5000b

T.2. - 2025. - 60 tr. : minh họa s627842

884. Vở bài tập thực hành Tiếng Việt 2 : Dùng cho bộ sách Cánh Diều / Nguyễn Khánh Chi, Hoàng Minh Trang, Đặng Thảo Nguyên. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 28000đ. - 6000b

T.1. - 2025. - 76 tr. : minh họa s627843

885. Vở bài tập thực hành Tiếng Việt 2 : Dùng cho bộ sách Cánh Diều / Nguyễn Khánh Chi, Hoàng Minh Trang, Đặng Thảo Nguyên. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 28000đ. - 5000b

T.2. - 2025. - 76 tr. : minh họa s627844

886. Vở bài tập thực hành Tiếng Việt 3 : Dùng cho bộ sách Cánh Diều / Nguyễn Khánh Chi, Hoàng Minh Trang, Đặng Thảo Nguyên. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 29000đ. - 6000b

T.1. - 2025. - 76 tr. s627845

887. Vở bài tập thực hành Tiếng Việt 3 : Dùng cho bộ sách Cánh Diều / Nguyễn Khánh Chi, Hoàng Minh Trang, Đặng Thảo Nguyên. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 29000đ. - 5000b

T.2. - 2025. - 72 tr. : minh họa s627846

888. Vở bài tập thực hành Tiếng Việt 4 : Dùng cho bộ sách Cánh Diều / Nguyễn Thanh Huyền, Phạm Anh Mỹ, Đào Trúc Quỳnh. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 29000đ. - 6000b

T.1. - 2025. - 72 tr. : minh họa s627847

889. Vở bài tập thực hành Tiếng Việt 4 : Dùng cho bộ sách Cánh Diều / Nguyễn Thanh Huyền, Phạm Anh Mỹ, Đào Trúc Quỳnh. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 29000đ. - 5000b

T.2. - 2025. - 88 tr. : minh họa s627848

890. Vở bài tập thực hành Tiếng Việt 5 : Dùng cho bộ sách Cánh Diều / Nguyễn Thanh Huyền, Phạm Anh Mỹ, Đào Trúc Quỳnh. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 29000đ. - 6000b

T.1. - 2025. - 75 tr. : minh họa s627849

891. Vở bài tập thực hành Tiếng Việt 5 : Dùng cho bộ sách Cánh Diều / Nguyễn Thanh Huyền, Phạm Anh Mỹ, Đào Trúc Quỳnh. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 29000đ. - 5000b

T.2. - 2025. - 84 tr. : bảng s627850

892. Vở bài tập thực hành Toán 1 : Dùng cho bộ sách "Kết nối tri thức với cuộc sống" / Huỳnh Bích Thảo, Nguyễn Huy Mạnh, Nguyễn Mạnh Dũng. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 28000đ. - 6000b

T.1. - 2025. - 56 tr. : hình vẽ, bảng s627834

893. Vở bài tập thực hành Toán 1 : Dùng cho bộ sách "Kết nối tri thức với cuộc sống" / Huỳnh Bích Thảo, Nguyễn Huy Mạnh, Nguyễn Mạnh Dũng. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 28000đ. - 6000b

T.2. - 2025. - 59 tr. : hình vẽ, bảng s627835

894. Vở bài tập thực hành Toán 3 : Dùng cho bộ sách "Kết nối tri thức với cuộc sống" / Huỳnh Bích Thảo, Nguyễn Huy Mạnh, Nguyễn Mạnh Dũng. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 29000đ. - 6000b

T.1. - 2025. - 80 tr. : hình vẽ, bảng s627836

895. Vở bài tập thực hành Toán 3 : Dùng cho bộ sách "Kết nối tri thức với cuộc sống" / Huỳnh Bích Thảo, Nguyễn Huy Mạnh, Nguyễn Mạnh Dũng. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 29000đ. - 6000b

T.2. - 2025. - 80 tr. : hình vẽ, bảng s627837

896. Vở bài tập thực hành Toán 4 : Dùng cho bộ sách "Kết nối tri thức với cuộc sống" / Huỳnh Bích Thảo, Nguyễn Huy Mạnh, Nguyễn Mạnh Dũng. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 29000đ. - 6000b

T.1. - 2025. - 84 tr. : hình vẽ, bảng s627838

897. Vở bài tập thực hành Toán 4 : Dùng cho bộ sách "Kết nối tri thức với cuộc sống" / Huỳnh Bích Thảo, Nguyễn Huy Mạnh, Nguyễn Mạnh Dũng. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 29000đ. - 6000b

T.2. - 2025. - 84 tr. : hình vẽ, bảng s627839

898. Vở bài tập thực hành Toán 5 : Dùng cho bộ sách "Kết nối tri thức với cuộc sống" / Huỳnh Bích Thảo, Nguyễn Huy Mạnh, Nguyễn Mạnh Dũng. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 29000đ. - 6000b

T.1. - 2025. - 84 tr. : hình vẽ s627925

899. Vở bài tập thực hành Toán 5 : Dùng cho bộ sách "Kết nối tri thức với cuộc sống" / Huỳnh Bích Thảo, Nguyễn Huy Mạnh, Nguyễn Mạnh Dũng. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 29000đ. - 6000b  
T.2. - 2025. - 84 tr. : hình vẽ, bảng s627840
900. Vở Bé làm quen với chữ cái : Dành cho trẻ mẫu giáo / Lê Hồng Đăng, Lê Thị Ngọc Ánh. - In lần thứ 13. - H. : Đại học Sư phạm. - 24 cm. - (Mai em vào Lớp 1). - 15000đ. - 10000b  
T.2. - 2026. - 31 tr. : hình vẽ s627653
901. Vở ô li bài tập Toán 2 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / B.s.: Nguyễn Đức Tấn (ch.b.), Nguyễn Thị Thanh Phụng. - H. : Đại học Sư phạm. - 27 cm. - 65000đ. - 2000b  
Q.2. - 2026. - 88 tr. : hình vẽ, bảng s627875
902. Vở ô li Toán tư duy tiền tiểu học : Bí quyết học giỏi toán cho trẻ từ 5 - 6 tuổi... / Hương Giang, Trung Anh. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 64 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - (Hành trang vào Lớp 1. Chào Lớp 1). - 65000đ. - 10000b s627732
903. Vở ô ly mẫu chữ đẹp : Hành trang cho bé chuẩn bị vào lớp 1 / Thùy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 17000đ. - 5000b  
Q.1. - 2026. - 48 tr. s627223
904. Vở rèn chữ cỡ nhỏ : Chữ đứng nhỏ chuẩn : Luyện chữ cho học sinh tiểu học và người yêu chữ : Biên soạn theo Chương trình SGK mới nhất / Bích Ngọc, Thu Huyền. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 64 tr. ; 27 cm. - 49000đ. - 10000b s627728
905. Vở tập tô chữ mẫu giáo : Dành cho trẻ 5 - 6 tuổi / Lê Hồng Đăng, Lê Thị Ngọc Ánh. - In lần thứ 17. - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 31 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Mai em vào Lớp 1). - 15000đ. - 10000b s626858
906. Vở tập tô nét cơ bản : Dành cho trẻ 3 - 4 tuổi / Minh Tâm. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2025. - 32 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Bé chuẩn bị vào lớp Một). - 14000đ. - 10000b s626751
907. Vở tập tô nét cơ bản : Dành cho trẻ mẫu giáo / Lê Hồng Đăng, Lê Thị Ngọc Ánh. - In lần thứ 16. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 31 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Mai em vào Lớp 1). - 15000đ. - 10000b s628250
908. Vở tập tô nét cơ bản : Dành cho trẻ 5 tuổi / Phạm Thị Hồng. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 19000đ. - 1000b  
T.1. - 2026. - 43 tr. s628152
909. Vở tập tô nét cơ bản : Dành cho trẻ 5 tuổi / Phạm Thị Hồng. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 19000đ. - 1000b  
T.2. - 2026. - 43 tr. : tranh vẽ s628153
910. Vở tập viết có mẫu chữ / Minh Tâm. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa. - 24 cm. - (Bé chuẩn bị vào lớp Một). - 17000đ. - 5000b  
Q.1. - 2025. - 40 tr. s628273
911. Vở tập viết có mẫu chữ / Minh Tâm. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa. - 24 cm. - (Bé chuẩn bị vào lớp Một). - 17000đ. - 5000b  
Q.2. - 2026. - 40 tr. s626765

## THƯƠNG MẠI, CÁC PHƯƠNG TIỆN TRUYỀN THÔNG VÀ GIAO THÔNG VẬN TẢI

912. Báo cáo Logistics Việt Nam 2025 : Logistics thông minh / B.s.: Trần Thanh Hải, Nguyễn Thị Mai Linh, Nguyễn Thị Phương Hiền... - H. : Công Thương, 2025. - 191 tr. : minh họa ; 27 cm. - 800b

ĐTTS ghi: Bộ Công Thương. - Phụ lục: tr. 179-186. - Thư mục: tr. 187-191 s627885

913. Biểu thuế xuất khẩu - nhập khẩu năm 2026 = Import - Export tax 2026 : Song ngữ Việt - Anh / Hồng Phương hệ thống. - H. : Lao động, 2026. - 1407 tr. : bảng ; 30 cm. - 950000đ. - 2000b

Phụ lục trong chính văn s627807

914. Caputo, Sara. Dấu xưa trên biển lớn = Tracks on the ocean : Một lịch sử của sự tiên phong, bản đồ học và hành trình trên biển / Sara Caputo ; Hồng Quyên dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 389 tr. : minh họa ; 20 cm. - 170000đ. - 1000b

Phụ lục: tr. 359-377 s628227

915. Chuyên đề xe điện: Cơ bản về công nghệ, chính sách và kinh doanh xe điện = Special topic on electric vehicles: Fundamental of policy, technology and business / Ngô Đức Kiên, Bùi Văn Hùng (ch.b.), Đỗ Phú Nguru, Lê Thị Bích Ngọc. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 227 tr. : minh họa ; 24 cm. - 159000đ. - 300b

Thư mục: tr. 207-224 s626876

916. Giáo trình Hàng hóa vận tải : Tài liệu dùng cho hệ đại học ngành Kinh tế vận tải, Khai thác vận tải, Logistics và quản lý chuỗi cung ứng / Nguyễn Văn Hình (ch.b.), Đặng Bích Hoài, Nguyễn Thị Hồng Thu... - H. : Giao thông vận tải, 2025. - 216 tr. : minh họa ; 27 cm. - 228000đ. - 500b

Đầu bìa sách ghi: Trường Đại học Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục: tr. 213-215 s627880

917. Giáo trình Tiếng Trung ngoại thương - Kinh doanh thành công = 卓越汉语 - 商务致胜 / Ch.b.: Vương Huệ Linh, Chu Hồng ; Dịch: Trần Dương Văn Anh... - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh. - 28 cm. - 149000đ. - 1000b

T.2. - 2026. - 244 tr. : minh họa s627922

918. Halogi. Chill cùng logistics : Học không áp lực, làm cực mát tay / Halogi. - H. : Công Thương, 2026. - 202 tr. : minh họa ; 21 cm. - 279000đ. - 1000b s627274

919. Hoàng Thanh Tùng. Giáo trình Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu / Hoàng Thanh Tùng ch.b. - H. : Lao động, 2025. - 439 tr. : bảng, sơ đồ ; 21 cm. - 120000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Bộ Nội vụ. Trường Đại học Lao động - Xã hội. - Phụ lục: tr. 419-435. - Thư mục: tr. 436-439 s627392

920. Hồ Thị Hương Lan. Trải nghiệm của sinh viên đối với giáo dục đại học: Nghiên cứu trường hợp ngành Marketing của Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế : Sách chuyên khảo / Hồ Thị Hương Lan. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2026. - 185 tr. ; 24 cm. - 126000đ. - 100b

Thư mục: tr. 142-154. - Phụ lục: tr. 155-185 s627151

921. Hướng dẫn nâng cao về phân tích chính sách thương mại: Mô hình trọng lực cấu trúc : Sách tham khảo / Yoto V. Yotov, Roberta Piermartini, José-Antonio Monteiro, Mario Larch ; Dịch: Nguyễn Hương Giang... - H. : Đại học Kinh tế Quốc dân, 2025. - 206 tr. ; 24 cm. - 200b

ĐTTS ghi: Tổ chức Thương mại Thế giới - Liên Hợp Quốc. - Thư mục: tr. 192-204 s627036

922. Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia (CLSCM-2025) về Logistics và quản lý chuỗi cung ứng Việt Nam lần thứ 5 : Khánh Hòa, 17-18/10/2025 / Lê Ngọc Phương Trâm, Trương Đình Quốc Bảo, Hồ Đức Tuấn... - Hải Phòng : Nxb. Hàng hải, 2025. - x, 537 tr. : hình vẽ, bảng ; 30 cm. - 5b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Nha Trang. - Thư mục cuối mỗi bài s626598

923. Lịch sử Cục Bưu điện Trung ương (1965 - 2025) / B.s.: Lê Văn Phong (ch.b.), Nguyễn Thị Lệ Hà, Trần Nam Trung... - H. : Công Thương, 2026. - 451 tr. ; 24 cm. - 500b s627298

924. Nguyễn Hồng Long. Chợ đầu mối - Quản trị, vận hành và phát triển / Nguyễn Hồng Long, Trần Anh Dũng. - Huế : Nxb. Thuận Hóa, 2025. - 386 tr. ; 24 cm. - 368000đ. - 150b  
Thư mục: tr. 383-386 s628271

925. Quy định về thẩm định chuỗi cung ứng của thị trường châu Âu - Ảnh hưởng tới xuất khẩu Việt Nam. - H. : Công Thương, 2025. - 104 tr. : minh họa ; 26 cm. - 500b  
Thư mục: tr. 102 s627888

926. Thông tin giới thiệu về thị trường Ả Rập Xê Út và các quy định hiện hành nhập khẩu trong lĩnh vực thủy hải sản của Ả Rập Xê Út. - H. : Công Thương, 2025. - 198 tr. : minh họa ; 28 cm. - 30b

ĐTTS ghi: Bộ Công Thương. Vụ Phát triển thị trường nước ngoài. - Tên sách ngoài bìa: Thông tin giới thiệu về thị trường Ả Rập Xê Út và các quy định hiện hành trong lĩnh vực xuất khẩu thủy hải sản của Việt Nam tới Ả Rập Xê Út. - Phụ lục: tr. 181-186. - Thư mục: tr. 187-198 s626616

927. Thông tin thị trường phục vụ doanh nghiệp thúc đẩy thương mại và đầu tư sang thị trường Liên bang Nga : Ban hành kèm theo Quyết định số 512/QĐ-BCT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2025. - 176 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 400b

ĐTTS ghi: Bộ Công Thương. Vụ Phát triển thị trường nước ngoài s627145

## PHONG TỤC, NGHI LỄ VÀ VĂN HOÁ DÂN GIAN

928. Aladin và cây đèn thần = Aladdin and the magic lamp : Truyện tranh / Thùy Trang b.s. ; Minh họa: Đoàn Minh Nghĩa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tủ sách Song ngữ Việt - Anh)(Truyện cổ tích nổi tiếng thế giới). - 12000đ. - 10000b s627191

929. Alibaba và 40 tên cướp = Alibaba and the forty thieves : Truyện tranh / Thùy Trang b.s. ; Minh họa: Đoàn Minh Nghĩa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tủ sách Song ngữ Việt - Anh)(Truyện cổ tích nổi tiếng thế giới). - 12000đ. - 10000b s627188

930. Amy Nguyen Art. Thế giới trong một chén trà : Khám phá trà, trà đạo và văn hóa trà trên thế giới / Amy Nguyen Art, Vũ Ngọc Vượng. - H. : Thế giới, 2026. - 214 tr. : minh họa ; 24 cm. - 379000đ. - 1000b

Phụ lục: tr. 204-208. - Thư mục: tr. 209-210 s628202

931. Ba chú lợn con = Three little pigs : Truyện tranh / Thùy Trang b.s. ; Minh họa: Đoàn Minh Nghĩa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tủ sách Song ngữ Việt - Anh)(Truyện cổ tích nổi tiếng thế giới). - 12000đ. - 10000b s627189

932. Ba người lùn trong rừng = Three dwarfs in the woods : Truyện tranh / Thùy Trang b.s. ; Minh họa: Đoàn Minh Nghĩa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tủ sách Song ngữ Việt - Anh)(Truyện cổ tích nổi tiếng thế giới). - 12000đ. - 10000b s627176

933. Ba sợi tóc vàng của quỷ = Three golden hairs of the devil : Truyện tranh / Thùy Trang b.s. ; Minh họa: Đoàn Minh Nghĩa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tủ sách Song ngữ Việt - Anh)(Truyện cổ tích nổi tiếng thế giới). - 12000đ. - 10000b s627179

934. Bà chúa Tuyết = The mother Holle : Truyện tranh / Thùy Trang b.s. ; Minh họa: Đoàn Minh Nghĩa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tủ sách Song ngữ Việt - Anh)(Truyện cổ tích nổi tiếng thế giới). - 12000đ. - 10000b s627175

935. Các loại hình văn hóa, văn nghệ truyền thống với Truyện Kiều / Phan Thu Hiền s.t., khảo cứu. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An. - 21 cm. - 195000đ. - 200b  
T.1. - 2025. - 431 tr. s626950

936. Chú lính chì dũng cảm = The brave lead soldier : Truyện tranh / Thùy Trang b.s. ; Minh họa: Đoàn Minh Nghĩa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tủ sách Song ngữ Việt - Anh)(Truyện cổ tích nổi tiếng thế giới). - 12000đ. - 10000b s627185

937. Chú mèo đi hia = Puss in boots : Truyện tranh / Thùy Trang b.s. ; Minh họa: Đoàn Minh Nghĩa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tủ sách Song ngữ Việt - Anh)(Truyện cổ tích nổi tiếng thế giới). - 12000đ. - 10000b s627190

938. Chuyện kể ngày xuân / Trần Văn Thường, Kiều Quốc Khánh, Lê Thái Dũng, Nguyễn Đình Hào. - H. : Lao động, 2025. - 192 tr. : ảnh ; 21 cm. - 99000đ. - 1500b  
Thư mục: tr. 187-189 s627477

939. Cóc kiện trời = The toad who sued the heaven : Truyện tranh / Thùy Trang b.s. ; Minh họa: Đoàn Minh Nghĩa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tủ sách Song ngữ Việt - Anh)(Truyện cổ tích Việt Nam). - 12000đ. - 10000b s627182

940. Cô bé bán diêm = The little match girl : Truyện tranh / Thùy Trang b.s. ; Minh họa: Đoàn Minh Nghĩa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tủ sách Song ngữ Việt - Anh)(Truyện cổ tích nổi tiếng thế giới). - 12000đ. - 10000b s627187

941. Cô bé Lọ Lem = Cinderella : Truyện tranh / Thùy Trang b.s. ; Minh họa: Đoàn Minh Nghĩa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tủ sách Song ngữ Việt - Anh)(Truyện cổ tích nổi tiếng thế giới). - 12000đ. - 10000b s627186

942. Cô bé quàng khăn đỏ = Little red riding hood : Truyện tranh / Thùy Trang b.s. ; Minh họa: Đoàn Minh Nghĩa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tủ sách Song ngữ Việt - Anh)(Truyện cổ tích nổi tiếng thế giới). - 12000đ. - 10000b s627180

943. Dân ca Sán Diu tỉnh Bắc Ninh / B.s.: Dương Thị Ánh, Trần Thị Thủy, Nguyễn Thị Châm... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 518 tr. : ảnh ; 21 cm. - 500b  
ĐTTS ghi: Bảo tàng Bắc Ninh số 1 s627081

944. Đặng Quốc Minh Dương. Vấn đề cái chết trong văn học dân gian người Việt / Đặng Quốc Minh Dương. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 375 tr. ; 24 cm. - 1200b  
ĐTTS ghi: Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam s628253

945. H Za Wut Buôn Yă. Lời nói vắn trong dân ca và truyện cổ Êđê / H Za Wut Buôn Yă. - H. : Lao động, 2025. - 109 tr. ; 21 cm. - 125000đ. - 500b s627405

946. Hà Đình Hùng. Tục thờ nhân vật tham dự hội thề Lũng Nhai : Sách chuyên khảo / Hà Đình Hùng. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 191 tr. : biểu đồ ; 24 cm. - 165000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa. Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa. - Thư mục: tr. 164-175. - Phụ lục: tr. 176-191 s628134

947. Hoàng tửẾch = The Frog prince : Truyện tranh / Thùy Trang b.s. ; Minh họa: Đoàn Minh Nghĩa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tủ sách Song ngữ Việt - Anh)(Truyện cổ tích nổi tiếng thế giới). - 12000đ. - 10000b s626655
948. Huỳnh Chí Viễn. Hương vị Chợ Lớn - Ký ức từng món ăn / Huỳnh Chí Viễn. - H. : Thế giới, 2026. - 240 tr. : ảnh ; 21 cm. - 180000đ. - 1000b s627667
949. Mẫu Đệ Nhất Thượng Thiên. - H. : Hồng Đức, 2026. - 56 tr. ; 21 cm. - 2000b s627322
950. "Mùng ba tháng ba" trong văn hóa truyền thống Trung Hoa / Nghiêm Chi dịch ; Hoàng Đông Siêu h.đ. - H. : Lao động, 2025. - 266 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 140000đ. - 500b  
Dịch từ bản tiếng Trung: 中华传统文化里的"三月三" s627387
951. Nàng Bạch Tuyết và 7 chú lùn = Snow White and the seven dwarfs : Truyện tranh / Thùy Trang b.s. ; Minh họa: Đoàn Minh Nghĩa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tủ sách Song ngữ Việt - Anh)(Truyện cổ tích nổi tiếng thế giới). - 12000đ. - 10000b s627184
952. Nàng tiên cá = The little mermaid : Truyện tranh / Thùy Trang b.s. ; Minh họa: Đoàn Minh Nghĩa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tủ sách Song ngữ Việt - Anh)(Truyện cổ tích nổi tiếng thế giới). - 12000đ. - 10000b s627174
953. Nàng tiên gạo = The rice fairy : Truyện tranh / Thùy Trang b.s. ; Minh họa: Đoàn Minh Nghĩa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tủ sách Song ngữ Việt - Anh)(Truyện cổ tích Việt Nam). - 12000đ. - 10000b s627178
954. Nghệ thuật trang trí trên trang phục dân tộc Mông ở Lào Cai = Decorative art on Mong ethnic costumes in Lao Cai. - H. : Văn hóa dân tộc, 2025. - 239 tr. : ảnh ; 21x24 cm. - 700b  
ĐTTS ghi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Lào Cai. - Thư mục: tr. 234 s626976
955. Ngọc Linh. 365 chuyện kể trước giờ đi ngủ - Những câu chuyện phát triển chỉ số thông minh IQ : Dành cho trẻ em từ 2 - 12 tuổi / Ngọc Linh b.s. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Thế giới, 2025. - 238 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tủ sách Người kể chuyện). - 78000đ. - 2000b s627683
956. Nguyễn Thị Oanh. Vận dụng luật tục các dân tộc thiểu số trong hoạt động của ủy ban nhân dân tại các tỉnh khu vực Tây Nguyên hiện nay : Sách chuyên khảo / Nguyễn Thị Oanh. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 251 tr. ; 21 cm. - 500b  
ĐTTS ghi: Khoa Luật học - Trường Đại học Đà Lạt. - Thư mục: tr. 238-249 s627078
957. Nguyễn Tuấn Vũ. Văn khấn gia tiên thông dụng / Nguyễn Tuấn Vũ s.t., b.s. - H. : Tri thức, 2025. - 131 tr. ; 24 cm. - 98000đ. - 30000b s626736
958. Người đẹp và quái vật = Beauty and the beast : Truyện tranh / Thùy Trang b.s. ; Minh họa: Đoàn Minh Nghĩa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tủ sách Song ngữ Việt - Anh)(Truyện cổ tích nổi tiếng thế giới). - 12000đ. - 10000b s627177
959. Ông lão đánh cá và con cá vàng = The tale of the fisherman and the golden fish : Truyện tranh / Thùy Trang b.s. ; Minh họa: Đoàn Minh Nghĩa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tủ sách Song ngữ Việt - Anh)(Truyện cổ tích nổi tiếng thế giới). - 12000đ. - 10000b s627183
960. Pháp Tuệ. Văn cúng gia đình : Dâng lời khấn nguyện, cầu mong an lành / Pháp Tuệ. - H. : Hồng Đức, 2025. - 102 tr. ; 25 cm. - 20000b s627355

961. Sợi rom vàng = The golden straw : Truyện tranh / Thùy Trang b.s. ; Minh họa: Đoàn Minh Nghĩa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tủ sách Song ngữ Việt - Anh)(Truyện cổ tích nổi tiếng thế giới). - 12000đ. - 10000b s627192

962. Sơn Tinh Thủy Tinh = The legend of Sơn Tinh and Thuy Tinh : Truyện tranh / Thùy Trang b.s. ; Minh họa: Đoàn Minh Nghĩa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tủ sách Song ngữ Việt - Anh)(Truyện cổ tích Việt Nam). - 12000đ. - 10000b s626654

963. Sự tích viên ngọc ếch = The tale of frog pearl : Truyện tranh / Thùy Trang b.s. ; Minh họa: Đoàn Minh Nghĩa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tủ sách Song ngữ Việt - Anh)(Truyện cổ tích Việt Nam). - 12000đ. - 10000b s627181

964. Trịnh Văn Khoa. Đền bà Chúa Kho thôn Thượng Lát - Di tích & huyền thoại / B.s., giới thiệu: Trịnh Văn Khoa, Lê Thái Dũng. - H. : Lao động, 2025. - 112 tr. : minh họa ; 21 cm. - 1500b

ĐTTS ghi: Viện Nghiên cứu Văn hóa tín ngưỡng Việt Nam. - Phụ lục: tr. 100-106. - Thư mục: tr. 107-109 s626724

965. Trung Chính Quách Trọng Trà. Văn khấn cổ truyền Việt Nam : Hướng dẫn thực hành giải nghĩa tường tận / Trung Chính Quách Trọng Trà. - H. : Thế giới, 2026. - 298 tr. ; 24 cm. - 170000đ. - 3000b

Phụ lục: tr. 293-296. - Thư mục: tr. 297-298 s627677

966. Vị quê nhà, đậm đà bản sắc : Sách tô màu / Mộc Thương. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 56 tr. : tranh vẽ ; 19x26 cm. - 89000đ. - 2000b s628728

## NGÔN NGỮ

967. Achan Phuong. Từ vựng & mẫu câu thực chiến song ngữ Việt - Lào : Dành cho người học tiếng Việt và tiếng Lào ở mọi trình độ / Achan Phuong. - Tái bản lần 1. - H. : Lao động, 2025. - 191 tr. : bảng, tranh vẽ ; 21 cm. - 175000đ. - 500b s627383

968. An Trần. Mindmap Deutsch Vokabeln - Từ vựng tiếng Đức bằng sơ đồ tư duy / An Trần (ch.b.), Đội ngũ giáo viên Đức Tiến EDU. - H. : Hồng Đức, 2026. - 283 tr. : minh họa ; 24 cm. - 199000đ. - 2000b s627352

969. Andrea Hoa Pham. Nguồn gốc và sự hình thành giọng Quảng Nam = Quang Nam phonology & sound change through contact / Andrea Hoa Pham. - Tái bản lần thứ 1, có sửa chữa, bổ sung. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 335 tr. : minh họa ; 24 cm. - 240000đ. - 1000b s626808

970. Baek Sun Yeop. Sử dụng tiếng Anh trong sinh hoạt thường ngày từ sáng đến tối = From AM to PM / Baek Sun Yeop ; Lê Huy Lâm dịch. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 308 tr. : tranh vẽ ; 15 cm. - 198000đ. - 2000b s628628

971. Bài tập Tiếng Anh 9 - Global Success : Không đáp án... / Lưu Hoàng Trí. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 332 tr. : ảnh, bảng ; 27 cm. - 175000đ. - 1000b s626580

972. 702 câu trắc nghiệm Tiếng Anh 6 - Không đáp án : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới : Dùng chung cho các bộ SGK hiện hành / Nguyễn Hoàng Thanh Ly, Nguyễn Văn Hai. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 71 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 59000đ. - 1000b s627926

973. Bé học Tiếng Anh : Phát triển khả năng ngôn ngữ / Hải Nhuận Dương Quang ; Hạ Vũ dịch. - H. : Dân trí, 2025. - 67 tr. : tranh màu ; 19x26 cm. - (Bộ sách Nét bút đầu tiên của bé). - 60000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Trung: 幼儿学前运笔能力训练 s628665

974. Beatrice, Alice. Bé học tiếng Anh qua hình ảnh : 1000+ từ vựng tiếng Anh đầu tiên cho bé : 28 chủ đề : Song ngữ Việt - Anh có phiên âm / Alice Beatrice. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 89 tr. : tranh màu ; 25 cm. - (Giáo dục sớm cho bé thông minh). - 110000đ. - 10000b s627200

975. Bồi dưỡng học sinh giỏi Tiếng Anh lớp 7 - Có đáp án : Biên soạn theo sách giáo khoa Kết nối tri thức với cuộc sống... / Bùi Văn Vinh (ch.b.), Thái Văn Anh, Nguyễn Minh Anh... - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 207 tr. : bảng, tranh vẽ ; 27 cm. - (Tủ sách Học tốt tiếng Anh)(Global Success). - 119000đ. - 3000b s627709

976. Bùi Diễm Hạnh. Giáo trình Ngữ nghĩa học tiếng Anh = English semantics / B.s.: Bùi Diễm Hạnh (ch.b.), Đặng Quỳnh Liên, Nguyễn Thị Thu Vân. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 219 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 100000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Trường Đại học Sài Gòn. - Thư mục: tr. 213-219 s626892

977. Câu hỏi trắc nghiệm chuyên đề kỹ năng đọc hiểu Tiếng Anh = English reading comprehension skills : Tài liệu ôn thi tốt nghiệp THPT Quốc gia / Vĩnh Bá. - Tái bản lần thứ 7. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 329 tr. ; 24 cm. - 145000đ. - 1000b s628181

978. Châu A Phí. Giáo trình Ngữ âm - Văn tự - Từ vựng tiếng Trung Quốc = 现代汉语的语音、文字、词汇 / Châu A Phí, Lưu Hón Vũ. - Tái bản lần 3. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 170 tr. : bảng ; 24 cm. - 90000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục: tr. 168-170 s626820

979. Chị Giáo Hạnh Phúc. Tự học 2000 từ vựng Tiếng Anh theo chủ đề / Chị Giáo Hạnh Phúc. - H. : Tri thức, 2026. - 175 tr. ; 15 cm. - 65000đ. - 5000b s628741

980. Dương Kỳ Châu. Giáo trình Hán ngữ 2 = 汉语教程 : Phiên bản mới / Dương Kỳ Châu ch.b. ; Biên dịch: Trần Thị Thanh Liem (ch.b.)... - H. : Hồng Đức. - 27 cm. - 139000đ. - 20000b

ĐTTS ghi: Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh

T.1, Q. Hạ. - 2026. - 231 tr. : bảng, tranh vẽ s627777

981. Dương Phương Khánh. Ngữ pháp - Cách dùng từ thông dụng tiếng Lào = ວິທີໃຊ້ຄຳສັບທົ່ວໄປ ໃນພາສາຫວຽດນາມ : Song ngữ Việt - Lào / Dương Phương Khánh. - H. : Lao động, 2025. - 200 tr. : bảng, tranh vẽ ; 21 cm. - 175000đ. - 500b s627395

982. Dương Thu Hương. Tiếng Hàn trong nhà máy sản xuất : Từ vựng - Mẫu câu - Hội thoại trong môi trường nhà máy sản xuất Hàn Quốc / Dương Thu Hương. - H. : Lao động, 2025. - 220 tr. : bảng ; 24 cm. - 250000đ. - 1000b s627491

983. Đào tạo Hán Nôm và thư pháp ngoài công lập / Phạm Văn Ánh, Đinh Thanh Hiếu, Lê Xuân Kiều... ; Ch.b.: Lê Trung Kiên, Phạm Văn Ánh. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 384 tr. : minh họa ; 24 cm. - 288000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Nhân Mỹ học đường. - Thư mục cuối mỗi bài s626867

984. Đào Thanh Hương. Phiên dịch 1 = Interpretation 1 / Đào Thanh Hương (ch.b.), Nguyễn Đình Duy ; Phùng Thị Mai Trang h.đ. - Hải Phòng : Nxb. Hàng hải, 2025. - 123 tr. : ảnh ; 24 cm. - 108000đ. - 400b s627038

985. Đặng Nguyên Giang. Giáo trình Kỹ năng viết tiếng Anh 1 = Writing 1 : Dùng đào tạo trình độ đại học / B.s.: Đặng Nguyên Giang (ch.b.), Trịnh Thị Thủy, Đàm Lan Hương. - H. : Lao động, 2025. - 264 tr. : bảng ; 21 cm. - 75000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Bộ Nội vụ. Trường Đại học Lao động - Xã hội. - Thư mục: tr. 263 s627468

986. Đặng Nguyên Giang. Giáo trình Kỹ năng viết tiếng Anh 2 - Writing 2 : Dùng đào tạo trình độ đại học / B.s.: Đặng Nguyên Giang (ch.b.), Trịnh Thị Thủy, Đàm Lan Hương. - H. : Lao động, 2025. - 209 tr. : bảng ; 21 cm. - 59000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Bộ Nội vụ. Trường Đại học Lao động - Xã hội. - Thư mục: tr. 208 s627449

987. Đề kiểm tra Tiếng Anh 7 / Mai Lan Hương, Nguyễn Phạm Ngọc Phượng, Nguyễn Thị Kim Ngọc. - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2025. - 196 tr. ; 27 cm. - 95000đ. - 5000b s627822

988. Đề kiểm tra Tiếng Anh 9 / Mai Lan Hương, Nguyễn Phạm Ngọc Phượng, Nguyễn Thị Kim Ngọc. - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2025. - 268 tr. ; 27 cm. - 129000đ. - 5000b s627823

989. Giáo trình chuẩn HSK 2 = HSK 标准教程 2 / B.s.: Khương Lê Bình (ch.b.), Vương Phong, Lưu Lê Bình, Vương Phương ; Nguyễn Thị Minh Hồng dịch. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 143 tr. : minh họa ; 29 cm. - 198000đ. - 5000b s626610

990. Giáo trình chuẩn YCT 3 - Sách bài tập = YCT 标准教程 3 - 活动手册 / B.s.: Tô Anh Hà (ch.b.), Giải Hồng, Tống Hải Yến, Trương Tịnh ; Nguyễn Thị Minh Hồng dịch. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 59 tr. ; 29 cm. - 86000đ. - 5000b s626803

991. Hà Anh. Tập viết 600 chữ Hán phần thể thông dụng = 600个常用繁体字字帖 / Hà Anh. - H. : Văn hóa dân tộc, 2025. - 152 tr. ; 21 cm. - 10000b s626974

992. 2500 từ vựng dành cho kỳ thi năng lực Nhật ngữ N2 = はじめての日本語能力試験 N2 / ARC Academy ; Nguyễn Đỗ An Nhiên dịch. - In lần thứ 10. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 308 tr. : hình vẽ, bảng ; 19 cm. - 135000đ. - 2000b s628611

993. 2500 từ vựng dành cho kỳ thi năng lực Nhật ngữ N3 = はじめての日本語能力試験 N3 / ARC Academy ; Dịch: Lê Lê Thủy, Nguyễn Đỗ An Nhiên. - In lần thứ 10. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 292 tr. : hình vẽ, bảng ; 19 cm. - 130000đ. - 2000b s628612

994. Hoàng Thị Thái Huyền. Giáo trình Kỹ năng tiếng Trung nâng cao = 高级汉语教程 / Hoàng Thị Thái Huyền, Nguyễn Thị Ngọc Liên. - H. : Công Thương, 2026. - 198 tr. : minh họa ; 27 cm. - 100000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội. - Thư mục: tr. 198 s627889

995. Học tốt Tiếng Anh 9 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới - Global Success / Louis Phan, Anh Nhân. - H. : Thế giới, 2026. - 258 tr. : bảng ; 29 cm. - 179000đ. - 5000b s627937

996. Hướng dẫn ôn luyện thi đánh giá năng lực SPT môn Tiếng Anh / Cao Thị Thu Giang, Nguyễn Thị Nhân (ch.b.), Bùi Thùy Anh... - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 191 tr. : bảng ; 27 cm. - 180000đ. - 3000b s627873

997. Hướng dẫn ôn thi tuyển sinh 10 môn Tiếng Anh : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Hữu Toàn, Trí Đức, Tuệ Nhi. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 123 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 90000đ. - 7000b s626934

998. Hướng dẫn ôn thi vào 10 môn Tiếng Anh : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Mai Anh Ngọc (ch.b.), Nguyễn Thị Y Anh, Nguyễn Mạnh Cường... - Tái bản lần thứ 1, có chỉnh lí, bổ sung. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 180 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 50000đ. - 10000b s627707

999. Khóa học IELTS foundation A - Band 3.0-4.0 : Student's book / IELTS LangGo. - H. : Công Thương, 2026. - 144 tr. : minh họa ; 27 cm. - 230000đ. - 700b  
Giáo trình Lưu hành nội bộ s627891

1000. Khương Lê Bình. Giáo trình chuẩn HSK 3 = HSK 标准教程 3 / B.s.: Khương Lê Bình (ch.b.), Vu Diệu, Lý Lâm ; Nguyễn Thị Minh Hồng dịch. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 207 tr. : minh họa ; 29 cm. - 288000đ. - 5000b s626611

1001. Khương Lê Bình. Giáo trình chuẩn HSK 3 : Sách bài tập = HSK 标准教程 3 : 练习册 / B.s.: Khương Lê Bình (ch.b.), Vu Diệu, Lý Lâm ; Nguyễn Thị Minh Hồng dịch. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 165 tr. : ảnh, bảng ; 29 cm. - 188000đ. - 3000b s626607

1002. Khương Lê Bình. Giáo trình chuẩn HSK 4 : Sách bài tập = HSK 标准教程 4 : 练习册 / B.s.: Khương Lê Bình (ch.b.), Đồng Chính, Trương Quân ; Nguyễn Thị Minh Hồng dịch. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh. - 29 cm. - 148000đ. - 5000b T.1. - 2025. - 110 tr. : ảnh, bảng s626608

1003. Khương Lê Bình. Giáo trình chuẩn HSK 4 = HSK 标准教程 4 / B.s.: Khương Lê Bình (ch.b.), Đồng Chính, Trương Quân ; Nguyễn Thị Minh Hồng dịch. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh. - 29 cm. - 238000đ. - 3000b T.2. - 2025. - 163 tr. : minh họa s626613

1004. Khương Lê Bình. Giáo trình chuẩn HSK 5 = HSK 标准教程 5 / B.s.: Khương Lê Bình (ch.b.), Lữ Giang, Lưu Sương ; Nguyễn Thị Minh Hồng dịch. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh. - 29 cm. - 278000đ. - 3000b T.1. - 2025. - 195 tr. : minh họa s626614

1005. Lan Hương. 360 động từ bất quy tắc và cách dùng các thì trong tiếng Anh / Lan Hương, Bùi Ý. - H. : Thế giới, 2026. - 78 tr. : bảng ; 21 cm. - 20000đ. - 300000b s628213

1006. Lê Thị Bích Thủy. Giáo trình Phiên dịch tiếng Đức và tiếng Việt / Lê Thị Bích Thủy. - Tái bản lần 2. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 90 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Tủ sách Khoa học). - 105000đ. - 210b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội. Khoa Ngôn ngữ & Văn hóa Đức. - Thư mục: tr. 87-90 s628164

1007. Lê Thị Lâm. Từ điển Mường - Việt / Lê Thị Lâm. - H. : Thông tấn, 2025. - 299 tr. ; 21 cm. - 500b s626738

1008. Lê Văn Anh. Tập viết tiếng Hàn dành cho người mới bắt đầu = 초보자를 위한 한글 쓰기 / Lê Văn Anh ch.b. - H. : Hồng Đức, 2026. - 107 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Tủ sách Tiếng Hàn - The Changmi). - 108000đ. - 5000b s627780
1009. Louis Phan. Ngữ pháp tiếng Anh / Louis Phan, Lan Hương, Hương Giang. - H. : Thế giới, 2026. - 295 tr. : bảng ; 24 cm. - 150000đ. - 5000b s628203
1010. Lucius Nguyen. Tiếng Anh nhanh thắm cho người đi làm / Lucius Nguyen. - H. : Thế giới, 2025. - 171 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 5000b s627659
1011. Luyện viết tiếng Hàn / B.s.: Nguyễn Thị Như Đông (ch.b.), Lee Jang Hyun, Nguyễn Thị Hồng Vân, Nguyễn Võ Ngọc Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 75 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 80000đ. - 2000b s627899
1012. Lữ Thị Tâm Hiền. Luyện viết tiếng Nhật : Theo bảng chữ cái Hiragana & Katakana / Lữ Thị Tâm Hiền, Bùi Phụng Nghi Linh. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 135 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 120000đ. - 2000b s627898
1013. Lữ Thị Tâm Hiền. Luyện viết tiếng Nhật - Chữ kanji : Sơ cấp 2 / Lữ Thị Tâm Hiền, Bùi Phụng Nghi Linh. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 111 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 105000đ. - 2000b s627897
1014. Lý Hiểu Kỳ. Giáo trình Hán ngữ Boya - Sơ cấp = 博雅汉语 - 初级起步篇 : Sách bài tập kèm đáp án / Ch.b.: Lý Hiểu Kỳ, Nhậm Tuyết Mai, Từ Tinh Ngung. - H. : Hồng Đức. - 27 cm. - 119000đ. - 2000b  
T.1. - 2026. - 165 tr. : hình vẽ, bảng s627779
1015. Lý Hiểu Kỳ. Giáo trình Hán ngữ Boya - Sơ cấp : Phiên bản 3 = 博雅汉语 - 初级起步篇 : 第三版: Sách bài tập kèm đáp án / Lý Hiểu Kỳ, Nhậm Tuyết Mai, Từ Tinh Ngung ; Biên dịch: Trần Thị Thanh Liêm... - H. : Hồng Đức. - 27 cm. - 139000đ. - 2000b  
ĐTTS ghi: Nhà xuất bản Đại học Bắc Kinh  
T.1. - 2026. - 186 tr. : ảnh, bảng s627778
1016. Minh Nhài. Luyện chữ Hán - 2200 từ và câu giao tiếp / Minh Nhài ch.b. - H. : Dân trí. - 17x24 cm. - 90000đ. - 3000b  
T.1: Nét cơ bản và bộ thủ. - 2026. - 30 tr. s628315
1017. Minh Nhài. Luyện chữ Hán - 2200 từ và câu giao tiếp / Minh Nhài ch.b. - H. : Dân trí. - 17x24 cm. - 90000đ. - 3000b  
T.3: 360 câu phản xạ nhanh gọn. - 2026. - 30 tr. s628662
1018. Nghiêm Hồng Vân. Giáo trình Dịch viết kinh tế - thương mại Nhật - Việt / Nghiêm Hồng Vân. - H. : Lao động, 2025. - 171 tr. : bảng ; 30 cm. - 128000đ. - 400b  
ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Hà Nội s627802
1019. Nghiêm Hồng Vân. Tài liệu hỗ trợ cho giáo trình New approach Japanese pre-advanced course = ニューアプローチ中上級日本語 : Work book new approach japanese pre-advanced course / Nghiêm Hồng Vân, Vũ Minh Hiền. - H. : Lao động, 2025. - 105 tr. ; 27 cm. - 96000đ. - 300b  
ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Hà Nội s627804
1020. Ngô Thị Loan. Nâng cấp từ vựng IELTS: 2500+ từ và cách diễn đạt mở rộng : Ver 2 / Ngô Thị Loan, Đặng Nguyệt Hà. - H. : Dân trí, 2025. - 299 tr. ; 12 cm. - 120000đ. - 30000b s628667

1021. Ngô Thị Loan. Upgrade cấu trúc câu IELTS: Từ cơ bản tới nâng cao / Ngô Thị Loan, Đặng Nguyệt Hà. - H. : Lao động. - 12 cm. - 120000đ. - 50000b  
Q.1. - 2025. - 303 tr. s628830
1022. Ngô Thị Loan. Upgrade cấu trúc câu IELTS: Từ cơ bản tới nâng cao / Ngô Thị Loan, Đặng Nguyệt Hà. - H. : Lao động. - 12 cm. - 120000đ. - 50000b  
Q.2. - 2025. - 303 tr. s628831
1023. Nguyễn Tâm. Cẩm nang Thành ngữ, đặc ngữ, tục ngữ & các cụm từ phổ biến trong tiếng Anh = Vade-mecum of phrases, idioms, proverbs and usual groups of words in the english language / Nguyễn Tâm, Minh Đức. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 630 tr. ; 26 cm. - 688000đ. - 1000b  
Thư mục đầu chính văn s627158
1024. Nguyễn Hương Trà. Giáo trình Ngữ pháp 3 - Pháp văn = Cours de grammaire 3 / B.s.: Nguyễn Hương Trà (ch.b.), Emilie Nguyễn Hữu, Nguyễn Hoàng Thái. - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2026. - 140 tr. : hình vẽ, bảng ; 28 cm. - 90000đ. - 100b  
Thư mục: tr. 138 s627818
1025. Nguyễn Lê Tấn Kiên. Tiếng Anh nhắm mắt - Thuộc lòng 360 động từ bằng phương pháp siêu trí nhớ / Nguyễn Lê Tấn Kiên. - H : Lao động, 2025. - 263 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 360000đ. - 10000b s627532
1026. Nguyễn Minh Hiền. Giáo trình Ngữ pháp tiếng Trung Quốc nâng cao = 现代汉语语法教程 / Nguyễn Minh Hiền. - H. : Công Thương, 2026. - 109 tr. ; 27 cm. - 100000đ. - 500b  
ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội s626801
1027. Nguyễn Ngọc Thảo. Bí kíp tiếng Anh học nhanh dễ hiểu / Nguyễn Ngọc Thảo. - H. : Lao động, 2025. - 204 tr. : bảng ; 27 cm. - 499000đ. - 5000b s627786
1028. Nguyễn Thùy An Vân. 393 động từ bất quy tắc & cách dùng thì trong tiếng Anh / Nguyễn Thùy An Vân, Hoàng Vũ Luân. - Tái bản lần thứ 8. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2026. - 64 tr. : bảng ; 19 cm. - 17000đ. - 3000b s628656
1029. Nguyễn Thùy Dung. Chữ xưa còn một chút này : Một tựa sách của Ngày ngày viết chữ / Nguyễn Thùy Dung. - H. : Văn học, 2025. - 258 tr. : ảnh màu ; 15 cm. - 169000đ. - 2000b  
Thư mục: tr. 256-257 s628373
1030. Nguyễn Tiến Vinh. Bilingual journey - Hành trình song ngữ : With positive vibes, with growth in mind / Nguyễn Tiến Vinh. - H. : Lao động, 2025. - 256 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 175000đ. - 5000b s627479
1031. Ngữ pháp và bài tập thực hành Tiếng Anh 9 : Biên soạn theo SGK Tiếng Anh - Global Success / Nguyễn Hoàng Thanh Ly, Minh Luận. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 143 tr. : bảng ; 24 cm. - 69000đ. - 1000b s628148
1032. Ôn tập 3000 từ vựng Tiếng Anh thông dụng theo cụm âm : Học nhanh nhớ lâu với sơ đồ tư duy. Ghi nhớ từ vựng qua luyện viết thực hành. - H. : Công Thương, 2026. - 311 tr. ; 21 cm. - 1000b s627289
1033. Ôn thi tốt nghiệp Trung học phổ thông từ năm 2025 - Môn Tiếng Anh : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Tạ Thị Thanh Hiền, Nguyễn Thị Thu Hà, Huỳnh Tân Thành (ch.b.)... - Tái bản lần 1, có sửa chữa. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2026. - 338 tr. : bảng ; 24 cm. - 140000đ. - 500b s628167

1034. Ôn thi vào lớp 10 trung học phổ thông môn Tiếng Anh : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Lê Thị Phương Hoa, Trần Thị Bích Thủy, Vũ Văn Thơ... - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 211 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 54000đ. - 5000b s628245

1035. Phạm Thị Phương Thảo. Sách bài tập Từ vựng tiếng Nhật trình độ sơ trung cấp : Sách tham khảo / Phạm Thị Phương Thảo, Nguyễn Thái Hòa, Lê Thị Tinh. - H. : Lao động, 2026. - 154 tr. : bảng ; 21 cm. - 99000đ. - 150b s627575

1036. Phan Thanh Tâm. Cấu trúc câu tiếng Stiêng : Có so sánh với câu tiếng Việt / Phan Thanh Tâm. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 329 tr. : bảng ; 27 cm. - 170000đ. - 100b

Thư mục: tr. 185-192. - Phụ chú: tr. 193-329 s627908

1037. Phát triển năng lực tư duy - ngôn ngữ: Tập đánh vần tiếng Việt : Biên soạn theo chuẩn Chương trình Sách giáo khoa mới : 3 - 5 tuổi / Chính An, Nhóm giáo viên ĐHSP. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2025. - 127 tr. : minh họa ; 30 cm. - 120000đ. - 5000b s626630

1038. Pre-IELTS : Student's book / IELTS LangGo. - H. : Công Thương, 2026. - 148 tr. : minh họa ; 27 cm. - 230000đ. - 700b

Giáo trình lưu hành nội bộ. - Tên sách ngoài bìa: Khóa học Pre-IELTS - Band 1.0 - 3.0 s627890

1039. Quỳnh Hương. Học ngoại ngữ siêu tốc cùng AI : Lộ trình 10 phút mỗi ngày cùng gia sư AI - Phát triển toàn diện 4 kỹ năng ngôn ngữ... / Quỳnh Hương. - H. : Công Thương, 2025. - 178 tr. : hình vẽ, sơ đồ ; 19 cm. - (Tủ sách AI). - 179000đ. - 2000b s628330

1040. Rasmus. Từ điển Anh - Việt = English - Vietnamese dictionary : 75.000 từ / Rasmus, Huyền My. - H. : Tri thức, 2025. - 1079 tr. : bảng ; 18 cm. - 115000đ. - 1000b s628744

1041. 6000 từ vựng tiếng Anh thông dụng = 6000 essential English words... / Bùi Văn Vinh (ch.b.), Thái Vân Anh, Nguyễn Thị Phương Anh, Đỗ Thị Lan Anh. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 339 tr. : minh họa ; 15 cm. - 90000đ. - 10000b s628410

1042. Sổ tay Tiếng Anh 6 : Dùng kèm SGK Tiếng Anh 6 / Mai Lan Hương, Nguyễn Thị Kim Ngọc. - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2025. - 88 tr. : bảng, tranh vẽ ; 21 cm. - 52000đ. - 10000b s626963

1043. Sổ tay Tiếng Anh 7 : Dùng kèm SGK Tiếng Anh 7 / Mai Lan Hương, Nguyễn Thị Kim Ngọc. - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2025. - 96 tr. : bảng, tranh vẽ ; 21 cm. - 56000đ. - 10000b s626964

1044. Thái Xuân Đệ. Từ điển tiếng Việt : 40000 từ : Dành cho học sinh / Thái Xuân Đệ, Lê Dân. - Tái bản lần thứ 8. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2025. - 527 tr. ; 13 cm. - 48000đ. - 5000b s628317

1045. Thái Xuân Đệ. Từ điển tiếng Việt : 50000 từ / Thái Xuân Đệ, Lê Dân. - Tái bản lần thứ 8. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2025. - 463 tr. ; 15 cm. - 58000đ. - 5000b s628632

1046. Thái Xuân Đệ. Từ điển tiếng Việt : 75.000 từ : Dành cho học sinh / Thái Xuân Đệ. - Tái bản lần thứ 4. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2025. - 792 tr. ; 15 cm. - 70000đ. - 5000b s628631

1047. Thành Yên. Từ điển tiếng Việt : Dành cho học sinh / Thành Yên b.s. - H. : Dân trí, 2025. - 1119 tr. ; 13 cm. - 65000đ. - 5000b s628633

1048. Thành Yên. Từ điển tiếng Việt : Dành cho học sinh / Thành Yên b.s. - H. : Dân trí, 2025. - 667 tr. ; 18 cm. - 75000đ. - 5000b s628654

1049. Tiếng Hàn tổng hợp dành cho người Việt Nam = 베트남 외 을 위한 종합 한국어 : Sách bài tập - Trung cấp 4 : Giáo trình hiệu quả dành cho người Việt Nam học tiếng Hàn : Phiên bản mới / Cho Hang Rok, Lee Mi Hye, Lê Đăng Hoan... - H. : Hồng Đức, 2026. - 195 tr. : minh họa ; 26 cm. - 109000đ. - 2000b

Phụ lục: tr. 183-194 s627362

1050. Tiếng Hàn tổng hợp dành cho người Việt Nam = 베트남인 을 위한 종합 한국어 : Sơ cấp 1 : Giáo trình hiệu quả dành cho người Việt Nam học tiếng Hàn : Phiên bản mới / Cho Hang Rok, Lee Mi Hye, Lê Đăng Hoan... - H. : Hồng Đức, 2026. - 378 tr. : minh họa ; 26 cm. - 189000đ. - 20000b

Phụ lục: tr. 331-378 s627358

1051. Tiếng Hàn tổng hợp dành cho người Việt Nam = 베트남인을 위한 종합 한국어 : Sách bài tập - Sơ cấp 1 : Giáo trình hiệu quả dành cho người Việt Nam học tiếng Hàn : Phiên bản mới / Cho Hang Rok, Lee Mi Hye, Lê Đăng Hoan... - H. : Hồng Đức, 2026. - 155 tr. : minh họa ; 26 cm. - 99000đ. - 20000b

Phụ lục: tr. 143-154 s627361

1052. Tiếng Hàn tổng hợp dành cho người Việt Nam = 베트남인을 위한 종합 한국어 : Sơ cấp 2 : Giáo trình hiệu quả dành cho người Việt Nam học tiếng Hàn : Phiên bản mới / Cho Hang Rok, Lee Mi Hye, Lê Đăng Hoan... - H. : Hồng Đức, 2026. - 363 tr. : minh họa ; 26 cm. - 189000đ. - 5000b

Phụ lục: tr. 317-363 s627359

1053. Tiếng Hàn tổng hợp dành cho người Việt Nam = 베트남인을 위한 종합 한국어 : Trung cấp 4 : Giáo trình hiệu quả dành cho người Việt Nam học tiếng Hàn : Phiên bản mới / Cho Hang Rok, Lee Mi Hye, Lê Đăng Hoan... - H. : Hồng Đức, 2026. - 335 tr. : minh họa ; 26 cm. - 189000đ. - 2000b

Phụ lục: tr. 288-335 s627360

1054. Tô Anh Hà. Giáo trình chuẩn YCT 4 / B.s.: Tô Anh Hà (ch.b.), Vương Thục Hồng, Giải Hồng ; Nguyễn Thị Minh Hồng dịch. - Tái bản có sửa chữa. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 74 tr. : minh họa ; 29 cm. - 148000đ. - 5000b s626804

1055. Tổng ôn cấp tốc luyện thi đánh giá năng lực theo cấu trúc đề thi của Đại học Quốc gia Hà Nội - Tiếng Anh : Hệ thống kiến thức và phương pháp kỹ năng theo chuyên đề. 10 đề thi chuẩn bám sát cấu trúc đề thi tham khảo / Nguyễn Trung Nguyên, Diễm Lê. - H. : Công Thương, 2026. - 248 tr. : bảng ; 27 cm. - 250000đ. - 5000b s627886

1056. Tổng ôn lý thuyết trọng tâm theo định hướng đánh giá năng lực học sinh trung học phổ thông - Tiếng Anh / Hoàng Phúc Đức (ch.b.), Nguyễn Thị Trà My, Hoàng Nhật Linh. - H. : Hồng Đức, 2026. - 231 tr. : minh họa ; 27 cm. - 2000b s627774

1057. Trần Ngọc Ánh. Biên dịch song ngữ Hàn - Việt : Sơ cấp 1 = 한-베 번역 : 초급 1 : Bí kíp đọc hiểu tiếng Hàn nhanh chóng / Trần Ngọc Ánh. - Tái bản lần 5. - H. : Lao động, 2025. - 277 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 250000đ. - 1000b s627578

1058. Trần Thị Hương. Mẹo tự học tiếng Hàn tổng hợp dễ hiểu nhất : Từ cơ bản đến nâng cao / Trần Thị Hương b.s. - H. : Lao động, 2025. - 335 tr. : bảng ; 24 cm. - 299000đ. - 1000b s627519

1059. Từ điển chính tả tiếng Việt / B.s.: Lê Thị Kim Đính, Nguyễn Thị Thanh An, Nguyễn Thị Ngọc Phương... - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2026. - 798 tr. ; 15 cm. - 95000đ. - 2000b s628318

1060. Tự học từ vựng Tiếng Anh = Vocabulary for beginners / Lighthouse Writers. - H. : Thế giới, 2026. - 215 tr. : bảng, tranh vẽ ; 27 cm. - 169000đ. - 2500b s627935

1061. Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ngoại ngữ : Sách chuyên khảo / Hoàng Hoa Ngọc Lan, Nguyễn Thị Hồng Thắm, Nguyễn Thị Hồng Thúy... - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 127 tr. : ảnh ; 21 cm. - 90000đ. - 200b s628280

1062. Vĩnh Bá. Từ điển Anh - Việt : English - Vietnamese dictionary : 95.000 từ / Vĩnh Bá. - H. : Dân trí, 2025. - 640 tr. ; 18 cm. - 68000đ. - 2000b s628655

1063. Vương Nghiêu Mỹ. Giáo trình Tiếng Trung tăng cường : Sách bài tập tổng hợp = 预科汉语强化教程系列 : 综合练习册 / Tổng ch.b.: Vương Nghiêu Mỹ, Lý An ; Biên dịch: Phạm Thị Duyên Hồng... ; Trương Văn Giới h.đ. - Bản in lần 2. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh. - 29 cm. - 100000đ. - 500b  
T.1. - 2025. - 105 tr. : minh họa s627915

1064. Vương Nghiêu Mỹ. Giáo trình Tiếng Trung tăng cường : Sách bài tập tổng hợp = 预科汉语强化教程系列 : 综合练习册 / Tổng ch.b.: Vương Nghiêu Mỹ, Lý An ; Biên dịch: Phạm Thị Duyên Hồng... ; Trương Văn Giới h.đ. - Bản in lần 2. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh. - 29 cm. - 100000đ. - 500b  
T.3. - 2025. - 127 tr. : minh họa s627916

#### KHOA HỌC TỰ NHIÊN

1065. Bryson, Bill. Lược sử vạn vật / Bill Bryson ; Dịch: Khương Duy, Hán Ngọc. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 722 tr. ; 21 cm. - 299000đ. - 1000b  
Tên sách tiếng Anh: A short history of nearly everything s626865

1066. Hướng dẫn trả lời câu hỏi Khoa học tự nhiên 9 : Dùng kèm SGK Kết nối tri thức với cuộc sống / Lê Văn Nam, Nguyễn Thị Ngọc Trinh, Nguyễn Thị Nhung. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 243 tr. : minh họa ; 24 cm. - 110000đ. - 1000b s628170

1067. Kiến thức cần nhớ Khoa học tự nhiên 8 : Dùng chung cho các bộ SGK hiện hành / Mai Trọng Ý. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 35 tr. : minh họa ; 16x24 cm. - 85000đ. - 1000b s628155

1068. Kiến thức cần nhớ Khoa học tự nhiên 9 : Dùng chung cho các bộ SGK hiện hành / Mai Trọng Ý. - Tái bản lần 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 33 tr. : minh họa ; 16x24 cm. - 85000đ. - 1000b s628156

1069. Sổ tay kiến thức Khoa học tự nhiên: Lý - Hóa - Sinh lớp 8 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Bùi Xuân Dương, Phùng Thị Thanh Thúy, Phạm Thị Duyên. - H. : Dân trí, 2025. - 375 tr. : minh họa ; 17 cm. - 120000đ. - 2000b s628669

1070. STEM plus for gen  $\alpha$  : Ấn phẩm Khoa học - Công nghệ - Kỹ thuật - Nghệ thuật - Toán học dành cho thế hệ Alpha / Lê Nhi, Nhật Hạ, Nhật Linh... - H. : Lao động. - 28 cm. - (Từ sách Kỹ năng và kiến thức của Báo TNTP & NĐ). - 40000đ. - 5000b

ĐTTS ghi: Báo Thiếu niên Tiền phong và Nhi đồng  
T.1/2026. - 2026. - 38 tr. : minh họa s627792

1071. STEM plus for gen  $\alpha$  : Ấn phẩm Khoa học - Công nghệ - Kỹ thuật - Nghệ thuật - Toán học dành cho thế hệ Alpha / Mỹ Duyên, Phương Hà, Hà Nguyễn... - H. : Lao động. - 28 cm. - (Tủ sách Kỹ năng và kiến thức của Báo TNTP & ND). - 40000đ. - 4900b  
ĐTTS ghi: Báo Thiếu niên Tiền phong và Nhi đồng  
T.8/2025. - 2025. - 38 tr. : minh họa s627793

1072. STEM plus for gen  $\alpha$  : Ấn phẩm Khoa học - Công nghệ - Kỹ thuật - Nghệ thuật - Toán học dành cho thế hệ Alpha / Khánh Linh, Hà Nguyễn, Xuyên Nguyễn... - H. : Lao động. - 28 cm. - (Tủ sách Kỹ năng và kiến thức của Báo TNTP & ND). - 40000đ. - 4900b  
ĐTTS ghi: Báo Thiếu niên Tiền phong và Nhi đồng  
T.9/2025. - 2025. - 38 tr. : minh họa s627794

1073. Tổng ôn lý thuyết trọng tâm theo định hướng đánh giá năng lực học sinh trung học phổ thông - Khoa học tự nhiên / Hà Thị Dung, Vũ Mạnh Hiếu (ch.b.), Ngô Duy Bình... - H. : Hồng Đức, 2026. - 491 tr. : minh họa ; 27 cm. - 2000b s627775

1074. Tuyển tập đề kiểm tra định kì Khoa học tự nhiên lớp 6 : Theo Chương trình GDPT mới. Dùng chung cho các bộ SGK hiện hành / Cao Cự Giác (ch.b.), Nguyễn Thị Hoài Ân, Trần Ninh Gia Bảo... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 207 tr. : minh họa ; 24 cm. - 95000đ. - 1500b s628168

1075. Tuyển tập đề kiểm tra định kì Khoa học tự nhiên lớp 7 : Theo Chương trình GDPT mới. Dùng chung cho các bộ SGK hiện hành / Cao Cự Giác (ch.b.), Nguyễn Thị Hoài Ân, Trần Ninh Gia Bảo... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 176 tr. : minh họa ; 24 cm. - 92000đ. - 1500b s628169

## TOÁN HỌC

1076. Bộ đề tham khảo ôn thi tốt nghiệp trung học phổ thông môn Toán : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Nguyễn Văn Khả (ch.b.), Đoàn Văn Tính, Ngô Xuân Sinh, Ngô Trần Thủy Tiên. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 183 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 150000đ. - 1200b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh. Trung tâm Giáo dục Phổ thông s626805

1077. Chuyên đề xác suất và thống kê trên máy tính Casio lớp 6 - 7 - 8 - 9 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 83 tr. : minh họa ; 24 cm. - 50000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Trung tâm Nghiên cứu Ứng dụng Giáo dục s626813

1078. Chuyên đề xác suất và thống kê trên máy tính Casio lớp 10 - 11 - 12 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 119 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 50000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Trung tâm Nghiên cứu Ứng dụng Giáo dục s626814

1079. Hồ Công Xuân Vũ Ý. Toán cao cấp : Tài liệu hỗ trợ học tập và tham khảo cho sinh viên khối ngành kinh tế / Hồ Công Xuân Vũ Ý. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2026. - 253 tr. ; 29 cm. - 290000đ. - 3000b

Thư mục: tr. 249 s627831

1080. Hướng dẫn giải bài tập Toán 7 : Bám sát SGK Kết nối tri thức với cuộc sống / Võ Mộng Trình, Lê Anh Vũ. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 135 tr. : minh họa ; 24 cm. - 69000đ. - 1000b s628178

1081. Hướng dẫn học và giải các dạng bài tập Toán 8 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới. Bám sát SGK "Kết nối tri thức với cuộc sống" / Trịnh Văn Bằng. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 88000đ. - 1500b  
T.1. - 2025. - 192 tr. : minh họa s628179
1082. Kỳ thi Toán quốc tế Kangaroo - Các chuyên đề chọn lọc cấp độ 4 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Đặng Thị Phương Anh, Đỗ Duy Hiếu... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2026. - 197 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 80000đ. - 1800b  
Thư mục: tr. 197 s626579
1083. Kỹ thuật giải nhanh bài toán hay và khó Đại số 10 : Bồi dưỡng học sinh giỏi, chuyên Toán : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới : Dùng chung cho các bộ SGK hiện hành / Nguyễn Duy Hiếu. - Tái bản lần thứ 4, có sửa chữa. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 328 tr. : minh họa ; 24 cm. - 150000đ. - 1000b s628151
1084. Kiến thức cần nhớ môn Toán 9 : Dùng chung cho các bộ SGK hiện hành / Nguyễn Đức Tấn, Võ Thành Hưng. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 13 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 68000đ. - 1000b s626856
1085. Lê Xuân Huy. Giáo trình Toán giải tích / Lê Xuân Huy (ch.b.), Trần Văn Toàn, Vũ Thị Ngọc. - H. : Lao động, 2026. - 269 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 92000đ. - 500b  
ĐTTS ghi: Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp. - Thư mục: tr. 250. - Phụ lục: tr. 251-268 s627498
1086. Một số đề thi Toán quốc gia, khu vực và quốc tế năm 2025 / Phạm Văn Quốc (ch.b.), Nguyễn Vũ Lương, Nguyễn Văn Linh... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2026. - 284 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 250000đ. - 1000b  
Thư mục cuối chính văn s628142
1087. Một số kỹ năng sơ cấp giải phương trình chứa căn và hệ phương trình / Nguyễn Vũ Lương, Phạm Văn Quốc, Ngô Tuấn Minh, Đỗ Thanh Vân. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2026. - 214 tr. : ảnh ; 24 cm. - 100000đ. - 500b s628141
1088. Nguyễn Vũ Lương. Tìm tòi & sáng tạo 2025 / Nguyễn Vũ Lương, Hoàng Ngọc Minh, Trần Quang Hùng. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 150000đ. - 500b  
T.2. - 2026. - 382 tr. : hình vẽ. - Thư mục trong chính văn s628140
1089. Ôn tập thi tuyển sinh vào lớp 10 môn Toán : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Nguyễn Thị Hợp (ch.b.), Hoàng Trường Giang, Trần Quang Hà... - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 187 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 60000đ. - 1000b s628252
1090. Ôn thi vào lớp 10 trung học phổ thông môn Toán : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Lại Đức Thắng, Trần Mạnh Sang, Nguyễn Xuân Công... - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 239 tr. : minh họa ; 24 cm. - 56000đ. - 5000b s628246
1091. Ôn thi vào lớp 10 trung học phổ thông môn Toán : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Nguyễn Thành Đông, Lê Sơn Tùng, Lưu Lý Tường... - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 271 tr. : minh họa ; 27 cm. - 70000đ. - 5000b s627871
1092. P.H.A.O Toán = Pro hacks for academic overload : Ôn luyện thi tốt nghiệp THPT ĐGNL / Lê Thúy Hiền, Trịnh Hoàng Anh, Nguyễn Thúy Hà, Phạm Thảo Hương. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Dân trí, 2025. - 103 tr. : hình vẽ ; 13 cm. - 65000đ. - 5000b s628645
1093. Phân loại và giải chi tiết các dạng bài tập Toán 11 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới. Bám sát SGK Kết nối tri thức với cuộc sống / Phạm Hoàng, Phan Hoàng Ngân. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 158000đ. - 1000b  
T.1. - 2025. - 339 tr. : hình vẽ, bảng s628150

1094. Sách tham khảo Toán 10 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Hoàng Xuân Nhàn. - Tái bản lần 2. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 179000đ. - 1000b  
Q.2. - 2026. - 392 tr. : hình vẽ, bảng s628180
1095. Sổ tay kiến thức Toán trung học cơ sở / Nguyễn Nam Anh. - Tái bản lần 1. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 235 tr. : hình vẽ, bảng ; 18 cm. - 50000đ. - 3000b s628449
1096. Sổ tay kiến thức Toán trung học phổ thông / Nguyễn Thị Anh. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 246 tr. : hình vẽ, bảng ; 18 cm. - 53000đ. - 3000b s628431
1097. Sổ tay Sketchnote Toán 6 / Hoàng Thị Hồng Châm b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 37 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 110000đ. - 10000b s627205
1098. Sổ tay Sketchnote Toán 7 / Hoàng Thị Hồng Châm b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 33 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 110000đ. - 10000b s627206
1099. Sổ tay Sketchnote Toán 9 / Hoàng Thị Hồng Châm b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 58 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 110000đ. - 10000b s627207
1100. Thách thức tư duy thuật toán Bebras 2025 : Dành cho cấp độ 3 và 4 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Lê Quang Quân, Ngô Thị Thu Hằng. - H. : Lao động, 2025. - 174 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 180000đ. - 10000b  
Thư mục: tr. 174 s627798
1101. Thách thức tư duy thuật toán Bebras 2025 : Dành cho cấp độ 5 và 6 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Vũ Văn Luân, Lê Đức Thiệu. - H. : Lao động, 2025. - 263 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 180000đ. - 10000b  
Thư mục: tr. 262-263 s627799
1102. Tìm tòi & sáng tạo 2025 / Nguyễn Vũ Lương, Phạm Văn Hùng, Phạm Văn Quốc... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 150000đ. - 500b  
T.1. - 2026. - 479 tr. : hình vẽ. - Thư mục trong chính văn s628139
1103. Toán học tư duy: Bé chinh phục Toán học : Tư duy - Sáng tạo - Khơi dậy tài năng Toán học nhí : Dành cho trẻ 4 - 6 tuổi : Phiên bản mới / Mai Hương b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 100 tr. : minh họa ; 30 cm. - 100000đ. - 10000b s627757
1104. Toán 6 - Cơ bản và nâng cao : Dùng chung cho các bộ SGK hiện hành / Vũ Thế Hựu. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 59000đ. - 1000b  
T.2. - 2025. - 118 tr. : minh họa s628177
1105. Tổng ôn lý thuyết trọng tâm theo định hướng đánh giá năng lực học sinh trung học phổ thông - Toán học / Lê Văn Hoa, Nguyễn Hồng Quân (ch.b.), Đỗ Xuân Thắng... - H. : Hồng Đức, 2026. - 391 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 20000đ s627771
1106. Tuyển chọn những bài toán hay qua kì thi tại các nước / Nguyễn Duy Khương (ch.b.), Phan Quang Trí, Trần Quốc Dũng... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 200000đ. - 1000b  
T.1: Hình học. - 2026. - 244 tr. : hình vẽ. - Phụ lục: tr. 230-243. - Thư mục: tr. 244 s628129
1107. Tuyển sinh 10 & các đề toán thực tế / B.s.: Huỳnh Ngọc Thanh (ch.b.), Tô Thị Vân Anh, Nguyễn Trí Dũng... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 139 tr. : minh họa ; 27 cm. - 115000đ. - 7000b s627895
1108. Tư duy Toán 11 / Cung Thế Anh, Ngọc Huyền LB. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 415 tr. : minh họa ; 27 cm. - 250000đ. - 20000b s626575

## VẬT LÝ

1109. Bài tập nâng cao Vật lý 9 : Bồi dưỡng học sinh giỏi. Dùng chung cho các bộ SGK hiện hành / Nguyễn Thanh Hải. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 199 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 89000đ. - 1500b s626854

1110. Bộ đề ôn tập thi tốt nghiệp THPT môn Vật lý : Theo Chương trình GDPT mới. Dùng chung cho các bộ SGK hiện hành... / Phạm Đức Cường (ch.b.), Phùng Thị Tuyết, Phạm Diên Thông... - Tái bản lần thứ 1, có chỉnh sửa. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 207 tr. : minh họa ; 27 cm. - 130000đ. - 1000b s627808

1111. Chuyên đề bồi dưỡng học sinh giỏi Vật lý 10 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Nguyễn Xuân Trị, Nguyễn Anh Văn, Bùi Đức Hưng, Lê Chí Hiếu. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 129000đ. - 1000b

T.1. - 2024. - 392 tr. : hình vẽ s628189

1112. Chuyên đề bồi dưỡng học sinh giỏi Vật lý 10 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Nguyễn Xuân Trị, Nguyễn Anh Văn, Bùi Đức Hưng, Lê Chí Hiếu. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 129000đ. - 1000b

T.2. - 2024. - 376 tr. : hình vẽ s628190

1113. Cơ sở kỹ thuật hạt nhân / Nguyễn An Sơn, Trương Văn Minh (ch.b.), Nguyễn Thị Nguyệt Hà, Nguyễn Thị Minh Sang. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 281 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 80000đ. - 170b

Thư mục: tr. 280-281 s626891

1114. Einstein, Albert. Sự tiến hóa của Vật lý : Từ những khái niệm ban đầu đến Thuyết Tương đối và lượng tử / Albert Einstein, Leopold Infeld ; Dương Minh Trí dịch. - In lần thứ 10. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 347 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 140000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Anh: The evolution of physics : From early concepts to relativity and quanta s626840

1115. Hawking, Stephen. Vũ trụ trong vỏ hạt dẻ = The universe in a nutshell / Stephen Hawking ; H.đ.: Đặng Vĩnh Thiên, Chu Hào ; Dịch: Nguyễn Tiến Dũng, Vũ Hồng Nam. - In lần thứ 32. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 251 tr., 16 tr. ảnh màu : minh họa ; 21 cm. - (Khoa học khám phá). - 108000đ. - 2000b s626841

1116. Lý Duy Nhất. Vật lý phân tử và nhiệt học / Lý Duy Nhất. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 166 tr. : minh họa ; 28 cm. - 160000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục: tr. 161 s627969

1117. Nguyễn Thị Ngọc Nữ. Giáo trình Vật lý đại cương / Nguyễn Thị Ngọc Nữ, Đỗ Quốc Huy. - Tái bản lần 3. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 256 tr. : minh họa ; 24 cm. - 55000đ. - 2000b

Phụ lục: tr. 254-255. - Thư mục: tr. 256 s626772

1118. P.H.A.O Vật lý = Pro hacks for academic overload : Ôn luyện thi tốt nghiệp THPT ĐGNL / Trần Thị Hương Giang, Trần Ánh Dương, Trịnh Lê Hoàng. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Dân trí, 2025. - 103 tr. : minh họa ; 13 cm. - 65000đ. - 5000b s628647

1119. Pascal, Janet B. Isaac Newton là ai? / Janet B. Pascal, Tim Foley ; Đặng Mai Chi dịch. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Dân trí, 2025. - 107 tr. : tranh vẽ ; 19 cm. - (Bộ sách Chân dung những người thay đổi thế giới). - 59000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Anh: Who was Isaac Newton? s628660

1120. Thí nghiệm Vật lý 1 / Trần Hải Cát (ch.b.), Trần Tuấn Anh, Lê Sơn Hải... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 171 tr. : minh họa ; 27 cm. - 250b  
ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục: tr. 167 s627911

## HOÁ HỌC

1121. Đào Thị Phương Diệp. Giáo trình Hóa học phân tích - Cơ sở phân tích định lượng hóa học / Đào Thị Phương Diệp (ch.b.), Đỗ Văn Huê. - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 207 tr. : minh họa ; 24 cm. - 80000đ. - 500b  
Thư mục: tr. 207 s627650

1122. Đặng Quỳnh Giao. An toàn phòng thí nghiệm Hóa học / Đặng Quỳnh Giao (ch.b.), Đoàn Văn Hồng Thiện, Nguyễn Thị Bích Thuyền. - Tái bản lần thứ 1. - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2026. - vi, 125 tr. : hình vẽ, ảnh ; 24 cm. - 50000đ. - 500b  
Thư mục: tr. 123-125 s626847

1123. Giáo trình giảng dạy đại học: Thực hành Hóa hữu cơ / B.s.: Trương Ngọc Tuyền (ch.b.), Lê Nguyễn Bảo Khánh, Nguyễn Thị Hương Giang... - Tái bản lần thứ 1, có cập nhật, bổ sung. - H. : Y học, 2026. - 151 tr. : minh họa ; 27 cm. - 90000đ. - 3000b  
ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. Bộ môn Hoá hữu cơ. - Thư mục: tr. 109. - Phụ lục: tr. 110-149 s628013

1124. Hóa hữu cơ : Giáo trình đào tạo đại học / B.s.: Văn Thị Mỹ Huệ (ch.b.), Vũ Trần Anh, Đinh Thị Thanh Hải... - H. : Y học. - 27 cm. - 165000đ. - 600b  
ĐTTS ghi: Trường Đại học Dược Hà Nội. Bộ môn Hóa hữu cơ - Khoa Công nghệ Hóa dược  
T.2. - 2025. - 431 tr. : minh họa s628005

1125. Hoàng Thị Hương Thủy. Giáo trình Hóa học đại cương / Hoàng Thị Hương Thủy (ch.b.), Lê Văn Khỏe, Vũ Thị Hà Mai. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2026. - 263 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 235000đ. - 150b  
ĐTTS ghi: Trường Đại học Hồng Đức. - Thư mục: tr. 262-263 s628127

1126. Hướng dẫn học tốt Hóa học 10 : Dùng kèm SGK Kết nối tri thức với cuộc sống / Quách Văn Long. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 328 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 138000đ. - 1000b s628173

1127. P.H.A.O Hóa học = Pro hacks for academic overload : Ôn luyện thi tốt nghiệp THPT ĐGNL / Nguyễn Thị Thanh Phương, Nguyễn Đình Tùng. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Dân trí, 2025. - 103 tr. : minh họa ; 13 cm. - 65000đ. - 5000b s628644

1128. P.H.A.O Hóa học : Ôn luyện thi tốt nghiệp THPT ĐGNL / Nguyễn Thị Thanh Phương, Nguyễn Đình Tùng. - H. : Dân trí, 2025. - 103 tr. : minh họa ; 13 cm. - 65000đ. - 3000b s628649

1129. Sách tham khảo Hóa học 11 : Theo Chương trình GDPT mới : Dùng chung cho các bộ SGK hiện hành / Nguyễn Hoàng Vũ (ch.b.), Hồ Việt Thống, Tống Đức Huy... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2026. - 316 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 195000đ. - 1000b s627929

1130. Trần Hoàng Phương. Xúc tác đồng thể trong tổng hợp hữu cơ / Trần Hoàng Phương. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - xvi, 424 tr. : minh họa ; 24 cm. - 70000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Trường Đại học Khoa học Tự nhiên. - Thư mục: tr. 422-423 s626884

### SINH VẬT HOÁ THẠCH VÀ ĐỜI SỐNG TIỀN SỬ

1131. Khủng long của tở : Khủng long bạo chúa, khủng long vân lưng : Song ngữ Việt - Anh : Dành cho trẻ em từ 3 - 9 tuổi / Wonder House ; Bình Nhi dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 27 tr. : tranh màu ; 19 cm. - (Tủ sách Bách khoa tri thức). - 29000đ. - 2000b s628438

1132. Khủng long của tở : Khủng long cổ dài, khủng long răng cự đà : Song ngữ Việt - Anh : Dành cho trẻ em từ 3 - 9 tuổi / Wonder House ; Bình Nhi dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 27 tr. : tranh màu ; 19 cm. - (Tủ sách Bách khoa tri thức). - 29000đ. - 2000b s628437

1133. Khủng long của tở : Khủng long mào ống, khủng long ba sừng : Song ngữ Việt - Anh : Dành cho trẻ em từ 3 - 9 tuổi / Wonder House ; Bình Nhi dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 27 tr. : tranh màu ; 19 cm. - (Tủ sách Bách khoa tri thức). - 29000đ. - 2000b s628439

1134. Khủng long của tở : Khủng long phiến xương, khủng long bọc giáp : Song ngữ Việt - Anh : Dành cho trẻ em từ 3 - 9 tuổi / Wonder House ; Bình Nhi dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 27 tr. : tranh màu ; 19 cm. - (Tủ sách Bách khoa tri thức). - 29000đ. - 2000b s628436

### KHOA HỌC VỀ SỰ SỐNG, SINH VẬT HỌC

1135. Các chuyên đề bám sát đề thi tốt nghiệp THPT quốc gia môn Sinh học : Bám sát cấu trúc đề thi mới nhất, chuẩn bị cho kì thi tốt nghiệp THPT Quốc gia / Phan Khắc Nghệ. - Tái bản lần 3. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 454 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 158000đ. - 1000b s628171

1136. Hướng dẫn tự học Sinh học 10 : Dùng kèm SGK Kết nối tri thức với cuộc sống / Phan Khắc Nghệ (ch.b.), Nguyễn Văn Lê. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 248 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 118000đ. - 1500b s628172

1137. Lê Thị Kim Tuyền. Phân lập enzym hệ thống RM loại IIL thuộc họ DrdV có độ giống nhau cao từ các mẫu thiên nhiên giàu Cyanobacteria đạt đến thiết kế enzym có tính đặc hiệu mới / Lê Thị Kim Tuyền. - H. : Lao động, 2026. - 180 tr. : ảnh, bảng ; 25 cm. - 110000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Thăng Long. - Thư mục: tr. 158-165 s627524

1138. P.H.A.O Sinh học = Pro hacks for academic overload : Ôn luyện thi tốt nghiệp THPT ĐGNL / Nguyễn Minh Thúy, Nguyễn Thị Minh Ánh. - H. : Dân trí, 2025. - 103 tr. : minh họa ; 13 cm. - 65000đ. - 3000b s628648

1139. Tài liệu Bồi dưỡng kiến thức Sinh học phổ thông = Complementary Resources for General Biology / Đinh Minh Quang (ch.b.), Huỳnh Thị Thúy Diễm, Phạm Thị Bích Thủy... - H. : Nông nghiệp, 2026. - 217 tr. : minh họa ; 24 cm. - 90000đ. - 400b  
Thư mục: tr. 211-217 s627437

1140. Trần Thị Anh Đào. Tâm thức dẫn lối - Giải mã gen bản scan cuộc đời / Trần Thị Anh Đào. - H. : Công Thương, 2026. - 215 tr. ; 21 cm. - 298000đ. - 10000b  
Thư mục: tr. 214-215 s627277

1141. Tự tin luyện thi vào lớp 10 môn Sinh học : Dùng chung cho các bộ SGK hiện hành : Dành cho học sinh lớp 9 / Lê Thị Ngà, Nguyễn Thị Nhung. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 120 tr. : minh họa ; 27 cm. - 88000đ. - 1000b s627927

## THỰC VẬT

1142. Thực vật dược : Giáo trình dành cho sinh viên đại học / B.s.: Trần Văn Ôn, Hoàng Quỳnh Hoa (ch.b.), Phạm Hà Thanh Tùng, Nghiêm Đức Trọng. - Xuất bản lần thứ 2 có sửa chữa, bổ sung. - H. : Y học, 2025. - 453 tr. : minh họa ; 27 cm. - 190000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Dược Hà Nội. Bộ môn Thực vật. - Phụ lục: tr. 405-452. - Thư mục: tr. 453 s628075

## CÔNG NGHỆ

1143. Phát triển nguồn lực khoa học công nghệ cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 : Sách chuyên khảo / Lê Thị Thúy (ch.b.), Ngô Văn Vũ, Ngô Minh Đức... - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 323 tr. : bảng, biểu đồ ; 21 cm. - 180000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Hội đồng Khoa học các cơ quan Đảng Trung ương. - Thư mục: tr. 303-323 s626864

1144. Trần Trọng Dương. Lược sử khoa học và kỹ thuật Việt Nam tiền hiện đại / Trần Trọng Dương, Phạm Vũ Lộc, Nguyễn Ngọc. - H. : Khoa học xã hội, 2026. - 427 tr. : minh họa ; 24 cm. - 350000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 395-416 s627644

## Y HỌC

1145. Ali, Farzana. Liệu pháp âm thanh : Đánh bại căng thẳng và lo âu / Farzana Ali ; Nguyễn Tư Thắng dịch. - H. : Hồng Đức, 2026. - 311 tr. ; 21 cm. - 185000đ. - 1500b

Tên sách tiếng Anh: Sound healing s627327

1146. Bào chế thuốc cổ truyền : Tài liệu chương trình đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn / B.s.: Lê Thị Lan Phương (ch.b.), Vũ Thị Hiệp, Nguyễn Thị Phương Thùy... - H. : Y học, 2025. - 142 tr. : bảng ; 27 cm. - 120000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. Bộ môn Bào chế đông dược. - Thư mục: tr. 134 s627987

1147. Bệnh học cảm xúc : Dành cho sinh viên sau đại học và đại học / B.s.: Nguyễn Văn Tuấn (ch.b.), Lê Thị Thu Hà, Nguyễn Hoàng Yến, Nguyễn Thị Hoa. - H. : Y học, 2025. - 272 tr. : minh họa ; 27 cm. - 330000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Hà Nội. Bộ môn Tâm thần. - Thư mục: tr. 258-271 s627971

1148. Bệnh học giải phẫu chức năng tâm thần : Dành cho học viên sau đại học và đại học / B.s.: Nguyễn Văn Tuấn (ch.b.), Dương Minh Tâm, Nguyễn Thành Long, Trần Thị Thu Hà. - H. : Y học, 2025. - 387 tr. : minh họa ; 27 cm. - 360000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Hà Nội. Bộ môn Tâm thần. - Thư mục: tr. 364-387 s627997

1149. Bệnh học hành vi : Dành cho học viên sau đại học và đại học / B.s.: Nguyễn Văn Tuấn (ch.b.), Dương Minh Tâm, Trần Thị Thu Hà... - H. : Y học, 2025. - 299 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 330000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Hà Nội. Bộ môn Tâm thần. - Thư mục: tr. 281-299 s627966

1150. Bệnh học nhận thức : Dành cho học viên sau đại học và đại học / B.s.: Nguyễn Văn Tuấn (ch.b.), Trần Thị Hà An, Đoàn Thị Huệ... - H. : Y học, 2025. - 387 tr. : minh họa ; 27 cm. - 390000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Hà Nội. Bộ môn Tâm thần. - Thư mục: tr. 372-387 s628071

1151. Bệnh học nội khoa y học cổ truyền : Tài liệu đào tạo y khoa liên tục / B.s.: Phan Minh Đức, Lê Thị Minh Phương (ch.b.), Trần Thị Thu Trang... - H. : Y học. - 27 cm. - 200000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam. Viện Nghiên cứu y dược học Tuệ Tĩnh

T.1: Bệnh cơ xương khớp. - 2025. - 271 tr. : bảng. - Thư mục cuối mỗi bài s628004

1152. Bệnh học phân tử tâm thần : Dành cho học viên sau đại học và đại học / B.s.: Nguyễn Văn Tuấn (ch.b.), Trần Thị Hà An, Phạm Xuân Thắng, Đoàn Thị Huệ. - H. : Y học, 2025. - 295 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 350000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Hà Nội. Bộ môn Tâm thần. - Thư mục: tr. 277 s627996

1153. Bệnh học tâm lý tâm thần : Dành cho học viên sau đại học và đại học / B.s.: Nguyễn Văn Tuấn (ch.b.), Lê Thị Thu Hà, Nguyễn Hoàng Yến, Nguyễn Thị Hoa. - H. : Y học, 2025. - 530 tr. : minh họa ; 27 cm. - 460000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Hà Nội. Bộ môn Tâm thần. - Thư mục: tr. 503-530 s628080

1154. Bùi Thanh Tùng. 50 mẹo vặt trong cấy ghép Implant / Bùi Thanh Tùng ; Trình bày: Đoàn Thị Phương Thảo. - H. : Tri thức, 2026. - 135 tr. : hình vẽ, ảnh màu ; 30 cm. - 800000đ. - 560b s627865

1155. Cao Văn Chính. Giáo trình Y học hạt nhân, xạ trị và an toàn và bức xạ trong y học : Dành cho đào tạo cao đẳng - Ngành Kỹ thuật hình ảnh y học / Ch.b.: Cao Văn Chính, Nguyễn Xuân Kỳ. - H. : Y học, 2025. - 155 tr. : minh họa ; 27 cm. - 660000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Phụ lục: tr. 154. - Thư mục: tr. 155 s627979

1156. Chăm sóc dinh dưỡng cho người bệnh ung thư / B.s.: Nguyễn Thùy Linh (ch.b.), Nguyễn Thị Ngọc Lan, Nguyễn Thị Hương Lan... - H. : Y học, 2025. - 270 tr. : minh họa ; 25 cm. - 350000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Hà Nội. Viện Đào tạo Y học dự phòng và Y tế công cộng. - Thư mục: tr. 243-254. - Phụ lục: tr. 255-270 s628123

1157. Chẩn đoán và điều trị tắc nghẽn âm đạo bẩm sinh / B.s.: Phạm Ngọc Thạch (ch.b.), Hồ Trần Bản, Đinh Nguyễn Hoài Thanh... - H. : Y học, 2025. - 117 tr. : minh họa ; 24 cm. - 200000đ. - 500b

Thư mục: tr. 98-107. - Phụ lục: tr. 108-117 s628121

1158. Chu Thị Quỳnh Hương. Phục hồi thẩm mỹ trong phục hình răng cố định : Sách chuyên khảo / Chu Thị Quỳnh Hương. - H. : Y học, 2026. - 287 tr. ; 24 cm. - 750000đ. - 500b  
Thư mục: tr. 274-287 s628110

1159. Chu Thị Quỳnh Hương. Phục hồi toàn hàm - Từ lý thuyết đến thực hành : Sách tham khảo / Chu Thị Quỳnh Hương. - H. : Y học, 2026. - 219 tr. : minh họa ; 24 cm. - 550000đ. - 500b

Thư mục: tr. 205-219 s628112

1160. Chuyên đề Tâm thần học / Đặng Hoàng Kim Ngân, Vũ Hà Thùy Vy, Trần Hà Dương... ; B.s.: Nguyễn Đăng Khoa (ch.b.)... - H. : Y học. - 27 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Hội Tâm thần học Thành phố Hồ Chí Minh. Bệnh viện Tâm thần  
T.3. - 2026. - 122 tr. : bảng. - Thư mục trong mỗi bài s628026

1161. Chương trình đào tạo nhân viên trợ giúp chăm sóc người cao tuổi / B.s.: Phạm Thu Hà, Nguyễn Hồng Dũng, Lê Thị Nam Liên... - H. : Giao thông vận tải, 2026. - 27 tr. : bảng ; 27 cm. - 50b

ĐTTS ghi: Hiệp hội Điều dưỡng Việt Nam. Trung tâm Tư vấn và Dịch vụ điều dưỡng hỗ trợ cộng đồng. - Phụ lục: tr. 26 s627884

1162. Cộng hưởng từ khớp vai / B.s.: Nguyễn Duy Hùng (ch.b.), Lê Thanh Dũng, Phạm Thị Minh Nhâm... - H. : Y học, 2025. - 254 tr. : minh họa ; 27 cm. - 350000đ. - 700b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Hà Nội. Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh. - Thư mục cuối mỗi chương s628079

1163. Cơ thể người = My body : Sách chuyển động : Dành cho trẻ em từ 0 - 6 tuổi / Minh họa: Rebecca Jones ; Thùy Dương dịch. - In lần thứ 4. - H. : Văn học, 2025. - 9 tr. : tranh màu ; 17 cm. - (Tủ sách Tương tác). - 119000đ. - 1000b s628374

1164. Dr. Reborn. Minh triết trong lối sống : Hành trình để có sức khỏe toàn diện và phòng chống bệnh tật không lây nhiễm / Dr. Reborn. - H. : Thế giới, 2026. - 674 tr. : bảng ; 24 cm. - 359000đ. - 3000b s627678

1165. Đại cương về dược lý học : Giáo trình dành cho sinh viên hệ bác sĩ y khoa / B.s.: Phạm Thị Vân Anh (ch.b.), Mai Trọng Khoa, Hà Trần Hưng... - H. : Y học, 2026. - 283 tr. : minh họa ; 27 cm. - 688000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Hà Nội. Bộ môn Dược lý. - Thư mục: tr. 266-269. - Phụ lục: tr. 270-282 s627998

1166. Đỗ Hữu Định. Cẩm nang chuyên sâu Đông y Đông dược chữa bệnh gan mật / Đỗ Hữu Định. - H. : Y học, 2025. - 240 tr. ; 21 cm. - 200000đ

Thư mục: tr. 239-240 s628105

1167. Đỗ Mạnh Hùng. Giáo trình Thực hành Lượng giá trong phục hồi chức năng : Dành cho đào tạo cao đẳng - Ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng / B.s.: Đỗ Mạnh Hùng (ch.b.), Vũ Thị Minh Hiền. - H. : Y học, 2025. - 179 tr. : minh họa ; 27 cm. - 720000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Phụ lục: tr. 170-178. - Thư mục: tr. 179 s628048

1168. Đỗ Thị Hà. Giáo trình Tài nguyên tinh dầu Việt Nam : Dành cho đào tạo sinh viên ngành Dược học / B.s.: Đỗ Thị Hà (ch.b.), Bùi Thị Bình, Nguyễn Thị Hồng Anh. - H. : Y học, 2026. - 203 tr. : bảng, hình vẽ ; 27 cm. - 240000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Thái Bình. Khoa Dược. Bộ môn Dược liệu và Dược cổ truyền. - Thư mục: tr. 203 s628045

1169. Đỗ Trung Kiên. Tiếng Anh Y khoa dành cho người mới bắt đầu / Đỗ Trung Kiên. - Tái bản. - H. : Thế giới, 2026. - 385 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 199000đ. - 1000b

Thư mục cuối chính văn s627695

1170. Đỗ Văn Mãi. Giáo trình Dược học cổ truyền : Dành cho sinh viên đại học ngành Dược / B.s.: Đỗ Văn Mãi (ch.b.), Nguyễn Thị Linh Em, Đỗ Lê Anh Thư. - H. : Y học, 2026. - 179 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 100000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Nam Cần Thơ. - Thư mục: tr. 175-176. - Phụ lục: tr. 177-179 s627948

1171. Đỗ Xuân Trường. Mất vui mắt khỏe - Sức khỏe là quyền lực : Du hành vào thế giới thị giác cùng Paul và Bác sĩ Tí / Đỗ Xuân Trường. - H. : Thế giới, 2026. - 159 tr. : tranh vẽ ; 15 cm. - 185000đ. - 5000b s628723

1172. Giải phẫu học / B.s.: Nguyễn Văn Lâm (ch.b.), Võ Huỳnh Trang, Phạm Việt Mỹ... - Xuất bản lần thứ 6. - H. : Y học. - 27 cm. - 155000đ. - 1500b  
ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Bộ môn Giải phẫu  
T.2. - 2025. - 245 tr. : minh họa. - Thư mục: tr. 244 s628006
1173. Giải phẫu người : Dùng cho sinh viên hệ bác sĩ / B.s.: Nguyễn Văn Huy (ch.b.), Vũ Bá Anh, Nguyễn Ngọc Ánh... - Xuất bản lần thứ 3, có sửa chữa. - H. : Y học, 2025. - 730 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 320000đ. - 1000b  
ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Hà Nội. Bộ môn Giải phẫu. - Thư mục: tr. 729-730 s628093
1174. Giáo trình An toàn sinh học phòng xét nghiệm : Dành cho sinh viên ngành Cử nhân Xét nghiệm / B.s.: Trần Đỗ Hùng, Nguyễn Thị Hồng (ch.b.), Nguyễn Hồng Phong, Trịnh Thị Hồng Cúa. - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2025. - 108 tr. : minh họa ; 27 cm. - 200000đ. - 100b  
ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Bộ môn Xét nghiệm. - Thư mục: tr. 108 s626635
1175. Giáo trình An toàn y tế và kiểm soát nhiễm khuẩn : Dùng cho đào tạo cao đẳng - Ngành chăm sóc sắc đẹp / B.s.: Lê Thị Thủy, Tạ Thị Kim Tiến (ch.b.), Nguyễn Thị Hương... - H. : Y học, 2025. - 136 tr. : minh họa ; 27 cm. - 675000đ. - 50b  
ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 136 s628017
1176. Giáo trình Bệnh chuyên khoa : Dùng cho đào tạo cao đẳng - Ngành Y sĩ đa khoa / B.s.: Nguyễn Như Ước (ch.b.), Trần Thanh Tâm, Hoàng Thị Đợi... - H. : Y học, 2026. - 371 tr. : minh họa ; 27 cm. - 1500000đ. - 50b  
ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 369-370 s627960
1177. Giáo trình Bệnh da miễn dịch dị ứng : Dành cho học viên bác sĩ chuyên khoa Da liễu, chuyên khoa 1, cao học, bác sĩ nội trú / B.s.: Huỳnh Văn Bá, Trần Gia Hưng (ch.b.), Nguyễn Thị Thùy Trang... - H. : Y học, 2025. - 231 tr. : ảnh, bảng ; 27 cm. - 390000đ. - 500b  
ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. - Thư mục: tr. 229-231 s627951
1178. Giáo trình Bệnh da rối loạn sắc tố, biến dưỡng, tăng trưởng : Dành cho học viên bác sĩ chuyên khoa Da liễu, chuyên khoa 1, cao học, bác sĩ nội trú / B.s.: Huỳnh Văn Bá, Trần Gia Hưng (ch.b.), Nguyễn Thị Thùy Trang... - H. : Y học, 2025. - 187 tr. : minh họa ; 27 cm. - 350000đ. - 500b  
ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. - Thư mục: tr. 186-187 s628003
1179. Giáo trình Bệnh học : Dành cho đào tạo cao đẳng - Ngành Kỹ thuật hình ảnh y học / B.s.: Nguyễn Minh An (ch.b.), Hoàng Thị Đợi, Phạm Thị Kim Hoàn... - H. : Y học, 2025. - 267 tr. : minh họa ; 27 cm. - 965000đ. - 50b  
ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 262-266 s627970
1180. Giáo trình Bệnh phong : Dành cho bác sĩ chuyên khoa Da liễu, chuyên khoa 1, cao học, bác sĩ nội trú / B.s.: Huỳnh Văn Bá (ch.b.), Nguyễn Thị Thùy Trang, Trần Gia Hưng... - Xuất bản lần thứ 2, có sửa chữa, bổ sung. - H. : Y học, 2025. - 159 tr. : minh họa ; 27 cm. - 250000đ. - 500b  
ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. - Thư mục: tr. 151-159 s628000
1181. Giáo trình Chăm sóc dinh dưỡng trong hộ sinh : Dùng cho đào tạo cao đẳng - Ngành Hộ sinh / B.s.: Hà Diệu Linh (ch.b.), Nguyễn Thị Hiếu, Phạm Thị Kim Hoàn... - H. : Y học, 2025. - 107 tr. : minh họa ; 27 cm. - 515000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 105 s628065

1182. Giáo trình Chăm sóc Dược : Dành cho học viên sau đại học / B.s.: Phạm Thành Suôi, Nguyễn Thắng (ch.b.), Trần Yên Hào, Nguyễn Hoàng Yên. - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2025. - 398 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 295000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Bộ môn Dược lý Dược lâm sàng. - Thư mục cuối mỗi bài s626631

1183. Giáo trình Chăm sóc hộ sinh nâng cao : Dành cho đào tạo cao đẳng - Ngành Hộ sinh / B.s.: Lê Tùng Lâm (ch.b.), Phạm Thị Kim Hoàn, Trần Mai Huyền... - H. : Y học, 2025. - 132 tr. : ảnh ; 27 cm. - 590000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 131 s627978

1184. Giáo trình Chăm sóc sức khỏe người lớn 1 : Dành cho đào tạo cao đẳng - Ngành Điều dưỡng / B.s.: Nguyễn Văn Độ, Lê Phương Thảo (ch.b.), Nguyễn Minh An... - H. : Y học, 2025. - 439 tr. : minh họa ; 27 cm. - 1400000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 438-439 s628084

1185. Giáo trình Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh chuyên khoa : Dành cho sinh viên cao đẳng Điều dưỡng / B.s.: Lư Thị Cẩm Nhiên (ch.b.), Võ Thành Nhân, Huỳnh Bích Nhiều... - H. : Y học, 2026. - 134 tr. : minh họa ; 27 cm. - 290000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Trường Cao đẳng Y tế Cần Thơ. Khoa Điều dưỡng. - Thư mục: tr. 133 s628074

1186. Giáo trình Chăm sóc trẻ dưới 5 tuổi : Dành cho đào tạo cao đẳng - Ngành Hộ sinh / B.s.: Thành Thị Bích Chi, Đặng Hương Giang (ch.b.), Quán Bích Diệp... - H. : Y học, 2025. - 148 tr. : minh họa ; 27 cm. - 640000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 147-148 s628029

1187. Giáo trình Cơ sở vật lý hình ảnh y học / B.s.: Đào Xuân Cơ, Vũ Đăng Lưu, Nguyễn Khôi Việt (ch.b.)... - H. : Y học, 2025. - 154 tr. : minh họa ; 27 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Bệnh viện Bạch Mai. Trường Cao đẳng Y tế Bạch Mai. - Thư mục: tr. 152-154 s628050

1188. Giáo trình Da liễu : Dành cho sinh viên Y đa khoa, Y học dự phòng, Y học cổ truyền, Răng Hàm Mặt / B.s.: Huỳnh Văn Bá (ch.b.), Huỳnh Ngọc Liên, Trần Thị Mộng Dung... - Xuất bản lần thứ 7 có sửa chữa. - H. : Y học, 2025. - 135 tr. : hình ảnh, bảng ; 27 cm. - 200000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Bộ môn Da liễu. - Thư mục: tr. 134 s627967

1189. Giáo trình Da liễu : Giáo trình đào tạo sau đại học / B.s.: Nguyễn Thế Vỹ (ch.b.), Phan Thị Hoa, Nguyễn Minh Quang... - H. : Y học, 2025. - 283 tr. : minh họa ; 27 cm. - 450000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam. Khoa Y học lâm sàng. Bộ môn Tâm thần - Thần kinh - Dự ứng - Da liễu. - Thư mục cuối mỗi bài s628057

1190. Giáo trình Dịch tễ và các bệnh truyền nhiễm : Dành cho đào tạo ngành Điều dưỡng, trình độ cao đẳng / Đỗ Minh Tuấn, Đỗ Thị Như Ngọc (ch.b.), Phạm Văn Vẽ... - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2025. - 231 tr. : minh họa ; 27 cm. - 75000đ. - 50b

Thư mục: tr. 231 s627815

1191. Giáo trình Dinh dưỡng tiết chế trong phục hồi chức năng : Dùng cho đào tạo cao đẳng - Ngành Kỹ thuật phục hồi chức năng / B.s.: Hà Diệu Linh (ch.b.), Nguyễn Thị Hiếu, Nguyễn Khánh Chi... - H. : Y học, 2025. - 102 tr. : ảnh, bảng ; 27 cm. - 500000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 101 s627977

1192. Giáo trình Điều dưỡng cơ sở / B.s.: Phương Văn Hoàng (ch.b.), Đoàn Thị Vân, Nguyễn Thu Trà... - H. : Y học, 2025. - 167 tr. : minh họa ; 27 cm. - 686000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 166 s628032

1193. Giáo trình Điều dưỡng cơ sở : Dùng cho đào tạo cao đẳng - Ngành Hộ sinh / B.s.: Phương Văn Hoàng (ch.b.), Đoàn Thị Vân, Nguyễn Thu Trà... - H. : Y học, 2025. - 328 tr. : minh họa ; 27 cm. - 475000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 326 s627973

1194. Giáo trình Điều dưỡng cơ sở : Dùng cho đào tạo cao đẳng - Ngành Kỹ thuật phục hồi chức năng / B.s.: Đoàn Thị Vân (ch.b.), Nguyễn Thu Trà, Tạ Thị Kim Tiến... - H. : Y học, 2026. - 155 tr. : minh họa ; 27 cm. - 720000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 155 s628062

1195. Giáo trình Điều dưỡng cơ sở : Dùng cho đào tạo cao đẳng - Ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học / B.s.: Phương Văn Hoàng (ch.b.), Đoàn Thị Vân, Nguyễn Thu Trà... - H. : Y học, 2025. - 158 tr. : minh họa ; 27 cm. - 740000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 158 s628060

1196. Giáo trình Điều dưỡng cơ sở : Dùng cho đào tạo cao đẳng - Ngành Y sĩ đa khoa / B.s.: Đoàn Thị Vân (ch.b.), Nguyễn Thu Trà, Tạ Kim Tiến... - H. : Y học, 2025. - 261 tr. : minh họa ; 27 cm. - 990000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 261 s628064

1197. Giáo trình Điều dưỡng cơ sở 2 : Dùng cho đào tạo cao đẳng - Ngành Điều dưỡng / B.s.: Khúc Thị Hồng Anh, Phương Văn Hoàng (ch.b.), Đoàn Thị Vân... - H. : Y học, 2025. - 213 tr. : minh họa ; 27 cm. - 495000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 213 s628033

1198. Giáo trình Điều dưỡng ngoại khoa : Dành cho Điều dưỡng sau đại học / B.s.: Ngô Thị Dung, Lê Kim Tha (ch.b.), Nguyễn Thanh Quân... - Tái bản lần thứ 1. - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2026. - 312 tr. ; 27 cm. - 200000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Bộ môn Điều dưỡng Đa khoa hệ ngoại. - Thư mục: tr. 311-312 s627816

1199. Giáo trình Điều dưỡng Nhi khoa : Dùng cho giảng dạy đại học / B.s.: Vũ Văn Quang (ch.b.), Phạm Thị Thu, Nguyễn Thị Thu Hương... - H. : Y học, 2025. - 331 tr. : minh họa ; 27 cm. - 180000đ. - 400b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Hải Phòng. Khoa Điều dưỡng. - Thư mục cuối mỗi bài s628035

1200. Giáo trình Giải phẫu bệnh / B.s.: Đào Xuân Cơ, Phạm Văn Tuyền (ch.b.), Trịnh Tiên Phong... - H. : Y học, 2025. - 59 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Bệnh viện Bạch Mai. Trường Cao đẳng Y tế Bạch Mai. - Thư mục: tr. 59 s627949

1201. Giáo trình Giải phẫu ứng dụng và phẫu thuật thực hành hàm mặt : Dành cho sinh viên ngành Răng Hàm Mặt / B.s.: Trương Nhựt Khuê (ch.b.), Trần Thị Phương Đan, Lâm Nhựt Tân... - H. : Y học, 2025. - 119 tr. : minh họa ; 27 cm. - 496000đ. - 90b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Bộ môn Phẫu thuật Miệng - Hàm mặt. - Thư mục: tr. 118-119 s627992

1202. Giáo trình giảng dạy đại học: Các phương pháp châm cứu / B.s.: Trịnh Thị Diệu Thường (ch.b.), Kiều Xuân Thy, Ngô Thị Kim Oanh... - H. : Y học, 2025. - 240 tr. : ảnh, bảng ; 27 cm. - 180000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. Bộ môn Châm cứu. - Thư mục cuối mỗi chương. - Phụ lục: tr. 233-234 s628043

1203. Giáo trình giảng dạy đại học: Dược lý học / B.s.: Trần Mạnh Hùng, Đỗ Thị Hồng Tươi (ch.b.), Huỳnh Ngọc Trinh... - H. : Y học. - 27 cm. - 339000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. Trường Dược - Bộ môn Dược lý T.2. - 2025. - xii, 427 tr. : minh họa. - Thư mục: tr. 426-427 s627986

1204. Giáo trình giảng dạy đại học: Giải phẫu bệnh đại cương / B.s.: Ngô Quốc Đạt, Lê Minh Huy (ch.b.), Hoàng Anh Vũ... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - viii, 222 tr. : minh họa ; 27 cm. - 180000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Đại học Y dược Tp. Hồ Chí Minh. Bộ môn Mô phôi - Giải phẫu bệnh. - Thư mục cuối mỗi bài s627904

1205. Giáo trình giảng dạy đại học: Hệ thống quản lý chất lượng xét nghiệm / B.s.: Trần Thị Huệ Vân, Văn Hy Triết (ch.b.), Trần Thành Vinh... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - xii, 217 tr. : minh họa ; 27 cm. - 150000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Đại học Y dược Thành phố Hồ Chí Minh. Bộ môn xét nghiệm. - Thư mục: tr. 217 s627905

1206. Giáo trình giảng dạy đại học: Kiểm nghiệm thuốc / B.s.: Nguyễn Đức Tuấn, Phan Thanh Dũng (ch.b.), Vĩnh Định... - Tái bản lần 1, có chỉnh lý, bổ sung và cập nhật. - H. : Y học, 2026. - xii, 550 tr. : minh họa ; 27 cm. - 180000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. Bộ môn Phân tích - Kiểm nghiệm. - Thư mục: tr. 493-500. - Phụ lục: tr. 501-550 s628073

1207. Giáo trình giảng dạy đại học: Lý luận cơ bản Y học cổ truyền : Sách đào tạo bác sĩ Y học cổ truyền / B.s.: Lê Bảo Lưu, Tăng Khánh Huy (ch.b.), Huỳnh Lê Trường... - Ấn bản lần 3. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - vi, 403 tr. : minh họa ; 27 cm. - 250000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. Bộ môn Y học cổ truyền cơ sở. - Thư mục trong chính văn s627918

1208. Giáo trình giảng dạy đại học: Mô phôi răng hàm mặt / B.s.: Hoàng Đạo Bảo Trâm (ch.b.), Huỳnh Kim Khang, Ngô Thị Quỳnh Lan... - H. : Y học, 2025. - 242 tr. : minh họa ; 27 cm. - 250000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. Bộ môn Nha khoa cơ sở. - Thư mục: tr. 239-242 s627851

1209. Giáo trình giảng dạy đại học: Phẫu thuật bệnh lý hàm mặt / B.s.: Hồ Nguyễn Thanh Chơn (ch.b.), Phan Huỳnh An, Trần Minh Cường... - H. : Y học. - 27 cm. - 250000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. Bộ môn Phẫu thuật hàm mặt

T.1: Các phương pháp hỗ trợ và điều trị không phẫu thuật. - 2026. - 290 tr. : minh họa. - Thư mục: tr. 289 s628034

1210. Giáo trình giảng dạy đại học: Phương pháp dưỡng sinh / B.s.: Võ Trọng Tuấn, Phạm Huy Hùng (ch.b.), Huỳnh Tấn Vũ... - Ấn bản lần 2. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 172 tr. : hình vẽ ; 26 cm. - 165000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. Bộ môn Dưỡng sinh. - Thư mục cuối mỗi bài s627917

1211. Giáo trình giảng dạy đại học: Thực hành Dược lý / B.s.: Trần Mạnh Hùng, Huỳnh Ngọc Trinh (ch.b.), Đỗ Thị Hồng Tươi... - Tái bản lần 1, có cập nhật, bổ sung. - H. : Y học, 2026. - 101 tr. : minh họa ; 27 cm. - 86000đ. - 1500b

ĐTTS ghi: Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. Trường Dược. Bộ môn Dược lý. - Thư mục cuối mỗi bài s627954

1212. Giáo trình giảng dạy đại học: Thực tập kiểm nghiệm thuốc / B.s.: Nguyễn Đức Tuấn, Nguyễn Hữu Lạc Thủy (ch.b.), Vĩnh Định... - Tái bản lần 3. - H. : Y học, 2026. - 137 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 75000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. Bộ môn Phân tích - Kiểm nghiệm s628014

1213. Giáo trình giảng dạy đại học: Thực tập vi nấm và ký sinh trùng / B.s.: Nguyễn Tú Anh, Nguyễn Vũ Giang Bắc (ch.b.), Lê Tuấn Anh... - H. : Y học, 2025. - viii, 114 tr. : minh họa ; 27 cm. - 100000đ. - 1800b

ĐTTS ghi: Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. Trường Dược. Bộ môn Vi sinh - Ký sinh. - Thư mục: tr. 90. - Phụ lục: tr. 91-113 s627995

1214. Giáo trình giảng dạy sau đại học: Sinh học phân tử miệng và hàm mặt / B.s.: Nguyễn Thu Thủy (ch.b.), Trần Thị Lộc An, Nguyễn Thị Kim Chi... - H. : Y học. - 27 cm. - 279000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. Khoa Răng Hàm Mặt  
T.1. - 2026. - 492 tr. : minh họa. - Thư mục: tr. 491 s628015

1215. Giáo trình giảng dạy sau đại học: Sinh học phân tử miệng và hàm mặt / B.s.: Huỳnh Công Nhật Nam (ch.b.), Nguyễn Thu Thủy, Nguyễn Thị Kim Chi... - H. : Y học. - 27 cm. - 189000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. Khoa Răng Hàm Mặt  
T.2. - 2026. - 305 tr. : minh họa. - Thư mục: tr. 303-304 s628016

1216. Giáo trình giảng dạy: Bệnh học ngoại khoa tiêu hóa / B.s.: Phan Minh Trí, Đỗ Đình Công (ch.b.), Nguyễn Văn Hải... - H. : Y học, 2025. - vi, 553 tr. : minh họa ; 27 cm. - 790000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. Bộ môn Ngoại. - Thư mục: tr. 545 s628094

1217. Giáo trình Hóa sinh / B.s.: Đào Xuân Cơ, Bùi Tuấn Anh, Đào Huyền Quyên (ch.b.)... - H. : Y học, 2026. - 163 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Bệnh viện Bạch Mai. Trường Cao đẳng Y tế Bạch Mai. - Thư mục: tr. 163 s627947

1218. Giáo trình Hoạt động trị liệu : Dùng cho đào tạo cao đẳng - Ngành Kỹ thuật phục hồi chức năng / B.s.: Nguyễn Khắc Tuấn, Vũ Thị Minh Hiền (ch.b.), Phạm Dũng, Đỗ Mạnh Hùng. - H. : Y học, 2026. - 179 tr. : minh họa ; 27 cm. - 690000đ. - 55b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 178-179 s627964

1219. Giáo trình Kiểm soát nhiễm khuẩn điều dưỡng cơ sở : Dành cho đào tạo ngành Hộ sinh, trình độ cao đẳng / Lê Thị Nguyệt Hằng, Trần Thị Thu Lan (ch.b.), Huỳnh Thị Thu Màu, Văng Phú Khanh. - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2025. - 301 tr. : minh họa ; 27 cm. - 50b  
Phụ lục: tr. 298-299. - Thư mục: tr. 300-301 s627817

1220. Giáo trình Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính / B.s.: Đào Xuân Cơ, Vũ Đăng Lưu, Nguyễn Khôi Việt (ch.b.)... - H. : Y học, 2025. - 241 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 100b  
ĐTTS ghi: Bệnh viện Bạch Mai. Trường Cao đẳng Y tế Bạch Mai. - Thư mục cuối chính văn s627945

1221. Giáo trình Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ / B.s.: Đào Xuân Cơ, Vũ Đăng Lưu, Nguyễn Khôi Việt (ch.b.)... - H. : Y học, 2025. - 185 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 100b  
ĐTTS ghi: Bệnh viện Bạch Mai. Trường Cao đẳng Y tế Bạch Mai. - Thư mục cuối chính văn s627946

1222. Giáo trình Lao và bệnh phổi : Dành cho học viên sau đại học / B.s.: Trần Thanh Hùng (ch.b.), Nguyễn Vũ Đăng, Trần Hoàng Duy... - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ. - 27 cm. - 1100000đ. - 150b  
ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Bộ môn Lao  
T.1. - 2025. - 490 tr. : minh họa. - Thư mục: tr. 483-490 s626637

1223. Giáo trình Lý luận cơ bản Y học cổ truyền / Nguyễn Ngọc Huệ, Nguyễn Thị Bay, Lê Tiểu Nhật... ; B.s.: Nguyễn Thị Bay (ch.b.)... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 369 tr. : minh họa ; 24 cm. - 150000đ. - 500b  
ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Trường Đại học Khoa học Sức khỏe. Khoa Y học cổ truyền. - Thư mục cuối mỗi bài s626922

1224. Giáo trình lý thuyết Chăm sóc chuyên dạ : Dành cho đào tạo cao đẳng - Ngành Hộ sinh / B.s.: Phạm Thúy Quỳnh (ch.b.), Nguyễn Duy Ánh, Nguyễn Đức Lam, Lê Tùng Lâm. - H. : Y học, 2025. - 119 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 550000đ. - 50b  
ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 118-119 s628087

1225. Giáo trình lý thuyết Chăm sóc giảm nhẹ : Dành cho đào tạo cao đẳng - Ngành Điều dưỡng / B.s.: Nguyễn Thị Hoàng Thu (ch.b.), Nguyễn Văn Độ, Hoàng Thị Minh Phương... - H. : Y học, 2025. - 62 tr. : bảng, sơ đồ ; 27 cm. - 380000đ. - 50b  
ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 61 s628037

1226. Giáo trình lý thuyết Chăm sóc sức khỏe trẻ em : Dành cho đào tạo cao đẳng - Ngành Điều dưỡng / B.s.: Đặng Hương Giang (ch.b.), Thành Thị Bích Chi, Quan Bích Diệp... - H. : Y học, 2025. - 243 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 540000đ. - 100b  
ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 242-243 s627981

1227. Giáo trình lý thuyết Dược lâm sàng : Dành cho đào tạo cao đẳng - Ngành Dược / B.s.: Nguyễn Thị Hiền (ch.b.), Vũ Thị Phương Thảo, Phạm Thị Hương Lý, Ninh Bảo Yến. - H. : Y học, 2025. - 121 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 560000đ. - 50b  
ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Phụ lục: tr. 117. - Thư mục: tr. 118-120 s627941

1228. Giáo trình lý thuyết Thực vật dược : Dành cho đào tạo cao đẳng - Ngành Dược / B.s.: Lương Lê Uyên Trang, Phạm Thị Hương Lý (ch.b.), Nguyễn Thị Hoa Hiền... - H. : Y học, 2025. - 123 tr. : minh họa ; 27 cm. - 560000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 122 s628091

1229. Giáo trình Ngoại - Phụ sản - Nhi y học cổ truyền : Dành cho học viên sau đại học ngành Y học cổ truyền / B.s.: Lê Minh Hoàng, Tạ Thanh Tịnh (ch.b.), Lê Thị Ngoan... - H. : Y học, 2025. - 366 tr. : minh họa ; 27 cm. - 369000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Khoa Y học cổ truyền s628010

1230. Giáo trình Pháp y : Sách dành cho đào tạo sinh viên hệ bác sĩ / B.s.: Chu Văn Đức, Nguyễn Hồng Long (ch.b.), Bùi Thị Quỳnh, Lê Thị Hằng. - H. : Y học, 2025. - 111 tr. : ảnh, bảng ; 27 cm. - 190000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam. Khoa Khoa học y sinh. Bộ môn Giải phẫu bệnh - Pháp y. - Thư mục: tr. 110 s627994

1231. Giáo trình Phẫu thuật miệng 2 : Dành cho sinh viên ngành Răng Hàm Mặt / B.s.: Trương Nhật Khuê, Lâm Nhật Tân (ch.b.), Trần Thị Phương Đan, Nguyễn Hoàng Nam. - H. : Y học, 2025. - 111 tr. : minh họa ; 27 cm. - 478000đ. - 90b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Bộ môn Phẫu thuật miệng - Hàm mặt. - Thư mục: tr. 111 s627990

1232. Giáo trình Phục hồi chức năng bệnh ngoại khoa : Dành cho đào tạo cao đẳng - Ngành Kỹ thuật phục hồi chức năng / B.s.: Nguyễn Minh An, Vũ Thị Minh Hiền (ch.b.), Trần Thanh Tịnh, Đỗ Mạnh Hùng. - H. : Y học, 2026. - 175 tr. : minh họa ; 27 cm. - 720000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 173 s627963

1233. Giáo trình Quản lý điều dưỡng : Dành cho đào tạo cao đẳng - Ngành Điều dưỡng / B.s.: Đoàn Thị Vân, Nguyễn Thu Trà (ch.b.), Ngô Đăng Ngự... - H. : Y học, 2025. - 137 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 435000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 121.- Phụ lục: tr. 122-137 s628063

1234. Giáo trình Răng trẻ em - Chính hình : Dành cho học viên sau đại học / B.s.: Lê Nguyên Lâm (ch.b.), Nguyễn Tuyết Nhung, Mai Như Quỳnh, Trương Thị Bích Ngân. - H. : Y học, 2025. - viii, 407 tr. : minh họa ; 27 cm. - 400000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Liên Bộ môn Răng trẻ em - Chính hình. - Thư mục: tr. 401-407 s628054

1235. Giáo trình sau đại học Bệnh học và điều trị ngoài da kết hợp Đông Tây y / B.s.: Nguyễn Lê Việt Hùng, Lý Chung Huy (ch.b.), Lê Trung Nam... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - vi, 152 tr. : minh họa ; 26 cm. - 130000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. Khoa Y học cổ truyền. - Thư mục cuối mỗi bài s628223

1236. Giáo trình Sâu răng học : Dành cho sinh viên ngành Răng Hàm Mặt / B.s.: Lê Nguyên Lâm, Biện Thị Bích Ngân (ch.b.), Đỗ Diệp Gia Hân... - H. : Y học, 2025. - 201 tr. : minh họa ; 27 cm. - 700000đ. - 90b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Bộ môn Nha khoa phục hồi. - Thư mục: tr. 199-201 s628047

1237. Giáo trình Sinh cơ học và vận động học : Dành cho đối tượng cử nhân kỹ thuật phục hồi chức năng / Phạm Thị Cẩm Hưng (ch.b.), Lương Tuấn Khanh, Đinh Thị Hoa... - H. : Y học, 2025. - 189 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 140000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Bộ Y tế. Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương. - Thư mục: tr. 187-189 s627985

1238. Giáo trình Sinh lý học : Giáo trình đào tạo bác sĩ y khoa / B.s.: Phan Thị Minh Ngọc, Lương Linh Ly (ch.b.), Vũ Thị Lan Anh... - H. : Y học, 2025. - 587 tr. : minh họa ; 27 cm. - 800000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam. Bộ môn Sinh lý học. - Thư mục: tr. 575-587 s628085

1239. Giáo trình Sự hình thành bệnh tật và quá trình phục hồi : Dùng cho đào tạo cao đẳng - Ngành Điều dưỡng, Hộ sinh, Dược, Xét nghiệm y học, Hình ảnh y học, Phục hồi chức năng / B.s.: Nguyễn Hồng Phúc (ch.b.), Bùi Thị Thu Hằng, Hà Thị Nguyệt Minh.... - H. : Y học, 2025. - 207 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 475000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 206-207 s628028

1240. Giáo trình Tâm thần cơ bản : Dành cho học viên sau đại học / B.s.: Nguyễn Văn Thống (ch.b.), Bùi Thế Khanh, Võ Cảnh Sinh... - Tái bản lần thứ 1, có cập nhật, bổ sung. - H. : Y học, 2026. - x, 229 tr. : minh họa ; 27 cm. - 175000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y dược Cần Thơ. Bộ môn Tâm thần. - Thư mục: tr. 228-229 s628067

1241. Giáo trình thực hành Cấu tạo và chức năng cơ thể : Dùng cho đào tạo cao đẳng - Ngành Y sỹ đa khoa / B.s.: Phạm Văn Tân (ch.b.), Hoàng Thị Đợi, Hoàng Anh Lâm... - H. : Y học, 2025. - 198 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 780000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Phụ lục trong chính văn. - Thư mục cuối chính văn s628025

1242. Giáo trình thực hành Chăm sóc sức khỏe người lớn 1 : Dùng cho đào tạo cao đẳng - Ngành Điều dưỡng / B.s.: Nguyễn Minh An, Nguyễn Thị Hoàng Thu (ch.b.), Nguyễn Văn Độ... - H. : Y học, 2025. - 227 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 515000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Phụ lục sau mỗi bài. - Thư mục cuối chính văn s628022

1243. Giáo trình thực hành Chăm sóc sức khỏe trẻ em : Dùng cho đào tạo cao đẳng - Ngành Điều dưỡng / B.s.: Đặng Hương Giang (ch.b.), Thành Thị Bích Chi, Quán Bích Diệp... - H. : Y học, 2025. - 151 tr. : bảng ; 27 cm. - 370000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 150-151 s628021

1244. Giáo trình thực hành Giải phẫu bệnh : Đối tượng giảng dạy: Sinh viên hệ bác sĩ / B.s.: Chu Văn Đức (ch.b.), Bùi Thị Quỳnh, Nguyễn Thị Như Quỳnh, Lê Thị Hằng. - H. : Y học, 2025. - 91 tr. : ảnh ; 27 cm. - 220000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam. Khoa Khoa học y sinh. Bộ môn Giải phẫu bệnh - Pháp y. - Thư mục: tr. 91 s627999

1245. Giáo trình Thực phẩm chức năng / Lê Vũ Lan Phương (ch.b.), Lê Trí Ân, Trần Thị Minh Thư... - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2025. - 141 tr. : minh họa ; 27 cm. - 80000đ. - 200b  
Thư mục: tr. 137-141 s626636

1246. Giáo trình Vi sinh vật y học / B.s.: Bùi Thị Hồng Thanh (ch.b.), Lê Hữu Chiến, Nguyễn Thị Thân, Nguyễn Thu Hương. - H. : Y học, 2025. - 414 tr. : minh họa ; 27 cm. - 185000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Thái Bình. Bộ môn Vi sinh. - Thư mục: tr. 414 s628051

1247. Giáo trình X-quang chẩn đoán : Dùng cho đào tạo cao đẳng - Ngành Hình ảnh Y học / B.s.: Lê Thị Thanh Minh (ch.b.), Nguyễn Như Ước, Nguyễn Văn Bắc... - H. : Y học, 2026. - 156 tr. : minh họa ; 27 cm. - 660000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 155 s627965

1248. Hà Mạnh Tuấn. Phòng ngừa nhiễm trùng sớm do Streptococcus nhóm B ở trẻ sơ sinh : Sách chuyên khảo / Hà Mạnh Tuấn (ch.b.), Nguyễn Tuấn Anh, Bùi Thị Kim Thảo. - H. : Y học, 2026. - 133 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 275000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. Trường Điều dưỡng - Kỹ thuật Y học. - Thư mục: tr. 130-133 s627955

1249. Hà Thị Nguyệt Minh. Giáo trình Huyết học 1 : Dùng cho đào tạo cao đẳng - Ngành Kỹ thuật xét nghiệm Y học / B.s.: Hà Thị Nguyệt Minh (ch.b.), Hoàng Thị Yên, Nguyễn Thị Hà Giang. - H. : Y học, 2025. - 150 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 635000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 148. - Phụ lục: tr. 149 s627939

1250. Hà Thị Nguyệt Minh. Giáo trình Kiểm tra chất lượng xét nghiệm : Dùng cho đào tạo cao đẳng - Ngành kỹ thuật xét nghiệm y học / B.s.: Hà Thị Nguyệt Minh (ch.b.), Nguyễn Thị Hồng Ngọc, Nguyễn Thị Hà Giang. - H. : Y học, 2025. - 115 tr. : minh họa ; 27 cm. - 535000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 105-106. - Phụ lục: tr. 107-115 s628018

1251. Hà Thị Nguyệt Minh. Giáo trình Vi sinh : Dùng cho đào tạo cao đẳng - Ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học / B.s.: Hà Thị Nguyệt Minh (ch.b.), Bùi Huy Tùng. - H. : Y học, 2026. - 263 tr. : minh họa ; 27 cm. - 1145000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 262 s628077

1252. Hiểu và áp dụng các phương pháp thụ thai: Tự nhiên, IVF, IUI... / Shufunotomo Co., Ltd b.s. ; Thu Trang dịch. - H. : Công Thương, 2026. - 181 tr. : minh họa ; 24 cm. - 228000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Nhật: はじめての妊活 s626626

1253. Hoàng Thị Tuyết Lan. Hóa học và hoạt tính ức chế enzyme  $\alpha$ -glucosidase và  $\alpha$ -amylase của hai loài trà hoa vàng Camellia và Camellia hirsuta ở Việt Nam : Sách tham khảo / Hoàng Thị Tuyết Lan, Bùi Thị Mai Anh (ch.b.), Nguyễn Thị Mai. - H. : Giao thông vận tải, 2026. - 173 tr. : minh họa ; 21 cm. - 35b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Giao thông vận tải. - Thư mục: tr. 88-94. - Phụ lục: tr. 95-169 s627636

1254. Học thuyết điều dưỡng trong chăm sóc sức khỏe / B.s.: Đỗ Thị Hà (ch.b.), Đặng Trần Ngọc Thanh, Ngô Xuân Long... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Y học. - 27 cm. - 150000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch  
T.1. - 2025. - 299 tr. : minh họa. - Thư mục cuối mỗi bài s628066

1255. Hỏi & đáp về bệnh tan máu bẩm sinh / B.s.: Bạch Quốc Khánh (ch.b.), Nguyễn Thị Thu Hà, Vũ Hải Toàn, Ngô Mạnh Quân. - H. : Công Thương, 2025. - 25 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 15 cm. - 22816b

ĐTTS ghi: Sở Y tế Hà Nội. Chi cục Dân số, Trẻ em và Phòng, chống tệ nạn xã hội s628324

1256. Hồ Nguyễn Thanh Chon. Giáo trình giảng dạy đại học: Chấn thương hàm mặt / Hồ Nguyễn Thanh Chon ch.b. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Y học. - 27 cm. - 250000đ. - 700b  
ĐTTS ghi: Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. Bộ môn Phẫu thuật hàm mặt  
T.1. - 2026. - 287 tr. : minh họa. - Thư mục: tr. 283-286 s628007
1257. Huỳnh Hiếu Tâm. Giáo trình Tiêu hóa : Dành cho đối tượng bác sĩ nội trú, chuyên khoa cấp 1, thạc sĩ nội khoa / B.s.: Huỳnh Hiếu Tâm, Thái Thị Hồng Nhung ( ch.b.), Kha Hữu Nhân. - Tái bản lần thứ 1, có cập nhật, bổ sung. - H. : Y học, 2025. - 274 tr. : minh họa ; 27 cm. - 200000đ. - 1000b  
ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Bộ môn Nội. - Thư mục cuối mỗi bài s627968
1258. Huỳnh Thanh Long. Chẩn đoán và điều trị nhiễm trùng ổ bụng tiếp cận dựa trên y học chứng cứ : Sách chuyên khảo / Huỳnh Thanh Long ch.b. - H. : Y học, 2026. - 211 tr. : minh họa ; 27 cm. - 480000đ. - 100b  
ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Nguyễn Tất Thành. - Thư mục: tr. 205-211 s628070
1259. Huỳnh Thị Phượng. Sổ tay Hướng dẫn thực hành nghiên cứu khoa học điều dưỡng / B.s.: Huỳnh Thị Phượng, Nguyễn Thị Kim Bằng. - H. : Y học, 2026. - viii, 183 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 90000đ. - 1000b  
Thư mục: tr. 163. - Phụ lục: tr. 167-183 s628068
1260. Hướng dẫn chăm sóc người bệnh tại nhà cho điều dưỡng = Home-based patient care guide for nurse / B.s.: Lê Xuân Đại (ch.b.), Trần Quang Huy, Phạm Văn Trường... - H. : Y học, 2025. - 340 tr. : minh họa ; 24 cm. - 450000đ. - 200b  
Thư mục cuối mỗi bài s628119
1261. Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị nhi khoa 2025 : Phần ngoại trú / Nguyễn Kiến Mậu, Bạch Văn Cam, Võ Đức Trí... ; Ch.b.: Nguyễn Thanh Hùng, Ngô Ngọc Quang Minh. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 839 tr. : minh họa ; 19 cm. - 290000đ. - 2000b  
ĐTTS ghi: Bệnh viện Nhi đồng 1. - Phụ lục: tr. 763-823. - Thư mục: tr. 824-839 s628316
1262. Katsusuke Serizawa. Bí quyết bấm huyệt chữa bệnh / Katsusuke Serizawa ; Phạm Kim Thạch dịch ; Trương Thìn h.đ. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 231 tr. : hình vẽ ; 29 cm. - 178000đ. - 3000b s627934
1263. Kay, Adam. Khóc cười chuyện nghề y : Nhật ký của một bác sĩ trẻ / Adam Kay ; Kim Ngân dịch. - H. : Thế giới, 2026. - 351 tr. ; 21 cm. - 159000đ. - 2000b  
Tên sách tiếng Anh: This is going to hurt : Secret diaries of a junior doctor s628192
1264. Kelder, Peter. Suối nguồn tươi trẻ = Ancient secret of the fountain of youth : Năm thức tập đơn giản của Tây Tạng thay đổi đời sống của bạn / Peter Kelder ; Lê Thành dịch. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh. - 21 cm. - 68000đ. - 1000b  
T.1. - 2025. - 118 tr. : ảnh. - Phụ lục: tr. 113-118 s626793
1265. Kelder, Peter. Suối nguồn tươi trẻ = Ancient secret of the fountain of youth : Năm thức tập đơn giản của Tây Tạng thay đổi đời sống của bạn / Peter Kelder ; Phạm Thùy Dương dịch. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh. - 21 cm. - 118000đ. - 1000b  
T.2. - 2025. - 327 tr. : ảnh. - Phụ lục: tr. 303-322. - Thư mục: tr. 323-326 s626794
1266. Khuyến cáo lịch tiêm chủng cho mọi lứa tuổi ở Việt Nam / B.s.: Phan Trọng Lân, Trần Đắc Phu (ch.b.), Nguyễn Trần Hiền... - Tái bản lần 3 có sửa chữa, bổ sung. - H. : Y học, 2026. - 214 tr. : bảng ; 24 cm. - 4000b  
ĐTTS ghi: Hội Y học dự phòng Việt Nam. - Thư mục: tr. 213-214 s628120

1267. Kỷ yếu Hội thảo khoa học thường niên lần thứ III: Can thiệp các rối loạn phát triển thần kinh chất lượng trong đa dạng : Đà Nẵng, tháng 12 năm 2024 / Trần Văn Công, Nguyễn Thị Duyên, Trần Văn Dương... - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2025. - 450 tr. : minh họa ; 24 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Mạng lưới cơ sở can thiệp trẻ rối loạn phát triển Việt Nam... - Thư mục cuối mỗi bài s626958

1268. Ký sinh trùng y học : Giáo trình thực tập / B.s.: Lê Đức Vinh (ch.b.), Hoàng Thúy Hằng, Phan Thị Minh Ngọc... - Tái bản lần thứ 3. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - vi, 97 tr. : minh họa ; 21 cm. - 80000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch. Bộ môn Ký sinh y học s626924

1269. Lâm Quang Thư. Hồi phục từ gốc - Tiểu đường, thừa cân, tim mạch cùng bác sĩ DOC : Câu chuyện từ hơn 2.000 liệu trình hồi phục sức khỏe trên khắp Việt Nam / Lâm Quang Thư. - H. : Thế giới. - 21 cm. - 168000đ. - 1000b

T.1: Khai mở! Hiểu đúng để tìm ra con đường đúng. - 2026. - 235 tr. : minh họa. - Phụ lục: tr. 181-201. -Thư mục: tr. 203-235 s627660

1270. Lê Hữu Trác. Hải Thượng y tông tâm lĩnh = 海上醫宗心領 : Tân biên : Sách tham khảo / Lê Hữu Trác. - H. : Tri thức. - 27 cm. - 145000đ. - 5000b

Q.1: Từ T.1 đến T.4: Tập thủ - Nội kinh - Mạch lạc (quan niệm) - Tính dược. - 2025. - 379 tr. s627861

1271. Lê Hữu Trác. Hải Thượng y tông tâm lĩnh = 海上醫宗心領 : Tân biên : Sách tham khảo / Lê Hữu Trác. - H. : Tri thức. - 27 cm. - 136000đ. - 5000b

Q.2: Từ T.5 đến T.9: Y hải cầu nguyên - Châu ngọc cách ngôn - Đạo lưu dư vận - Bách bệnh cơ yếu - Y trung quan kiện. - 2025. - 338 tr. s627862

1272. Lê Hữu Trác. Hải Thượng y tông tâm lĩnh = 海上醫宗心領 : Tân biên : Sách tham khảo / Lê Hữu Trác. - H. : Tri thức. - 27 cm. - 145000đ. - 5000b

Q.3: Từ T.10 đến T.16: Huyền tần phát vi - Khôn hóa thái chân - Tâm đắc thần phương - Ngoại cảm - Ma chẩn chuẩn thẳng - Dương án - Âm án. - 2025. - 343 tr. s627863

1273. Lê Hữu Trác. Hải Thượng y tông tâm lĩnh = 海上醫宗心領 : Tân biên : Sách tham khảo / Lê Hữu Trác. - H. : Tri thức. - 27 cm. - 176000đ. - 5000b

Q.4: Từ T.17 đến T.20: Lĩnh Nam bảo thảo - Bách gia trân tàng - Hành giản trân nhu - Tập nhật. - 2025. - 451 tr. s627864

1274. Lê Minh Hoàng. Giáo trình Phương tễ học : Dành cho học viên sau đại học ngành Y học cổ truyền / B.s.: Lê Minh Hoàng (ch.b.), Lê Thị Ngoan, Lê Thị Mỹ Tiên. - H. : Y học, 2025. - 297 tr. : ảnh, bảng ; 27 cm. - 349000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Khoa Y học cổ truyền. - Phụ lục: tr. 286-287. - Thư mục: tr. 288-296 s627989

1275. Lê Thị Kim Phượng. Giáo trình Phục hồi chức năng bệnh nội khoa : Dành cho đào tạo cao đẳng - Ngành Kỹ thuật phục hồi chức năng / B.s.: Lê Thị Kim Phượng, Vũ Thị Minh Hiền (ch.b.), Đỗ Mạnh Hùng. - H. : Y học, 2026. - 117 tr. : minh họa ; 27 cm. - 500000đ. - 55b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 115 s627953

1276. Lê Thị Thanh Minh. Giáo trình Kỹ thuật thực hành siêu âm : Dành cho đào tạo cao đẳng - Ngành Kỹ thuật hình ảnh y học / B.s.: Lê Thị Thanh Minh (ch.b.), Nguyễn Văn Bắc, Cao Văn Chính. - H. : Y tế, 2025. - 99 tr. : minh họa ; 27 cm. - 490000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 99 s628041

1277. Lê Thị Thanh Minh. Giáo trình thực hành Kỹ thuật chụp X quang : Dùng cho đào tạo cao đẳng - Ngành Kỹ thuật hình ảnh y học / B.s.: Lê Thị Thanh Minh (ch.b.), Nguyễn Văn Bắc, Cao Văn Chính. - H. : Y học, 2025. - 124 tr. : bảng ; 27 cm. - 568000đ. - 50b

Phụ lục: tr. 119-122. - Thư mục: tr. 124 s627982

1278. Liệu pháp ăn kiêng cho các loại bệnh : Tổng hợp từ 500 bài thuốc dân gian ai cũng có thể làm được / Trí Đức tuyển chọn. - H. : Hồng Đức, 2026. - 216 tr. : ảnh màu ; 24 cm. - 399000đ. - 5000b s627353

1279. Liệu pháp sức khỏe ung thư : 60+ nguyên tắc dinh dưỡng và liệu pháp sống khỏe đẩy lùi ung thư. - H. : Lao động, 2025. - 205 tr. : minh họa ; 24 cm. - 386000đ. - 5000b

Thư mục trong chính văn s627538

1280. Loãng xương: Từ cơ chế bệnh sinh đến thực hành lâm sàng / B.s.: Hoàng Văn Dũng (ch.b.), Nguyễn Bá Ngọc Sơn, Nguyễn Việt Khánh... - H. : Y học, 2026. - 158 tr. : minh họa ; 22 cm. - 350000đ. - 300b

Thư mục cuối mỗi phần s628106

1281. Mai Trọng Hưng. Phẫu thuật lấy thai: Lợi ích và nguy cơ dựa trên y học bằng chứng : Sách chuyên khảo / Mai Trọng Hưng. - H. : Y học, 2026. - 215 tr. : minh họa ; 24 cm. - 450000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Hà Nội. Trường Đại học Y Dược. - Thư mục: tr. 205-215 s628122

1282. Nghiêm Nguyệt Thu. Dinh dưỡng cho phụ nữ mang thai và cho con bú / Ch.b.: Nghiêm Nguyệt Thu, Nguyễn Hữu Hoan. - H. : Y học, 2025. - 94 tr. : ảnh màu, bảng ; 21 cm. - 50000đ. - 500b

Phụ lục: tr. 78-94 s628099

1283. Nghiêm Thị Minh. Giáo trình lý thuyết Bào chế : Dùng cho đào tạo cao đẳng ngành Dược / B.s.: Nghiêm Thị Minh, Nguyễn Thị Hoa Hiên (ch.b.), Nguyễn Thị Lan Anh. - H. : Y học, 2025. - 207 tr. : minh họa ; 27 cm. - 475000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Phụ lục: tr. 204-205. - Thư mục: tr. 207 s628052

1284. Ngô Thị Huyền. Giáo trình Thông tin sức khỏe và y tế / Ngô Thị Huyền. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - xiii, 212 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 98000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn. - Thư mục: tr. 205-212 s626877

1285. Ngô Xuân Thái. Sổ tay Thực hành lâm sàng bộ môn Tiết niệu học / Ngô Xuân Thái. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 128 tr. : sơ đồ ; 19 cm. - 500b

ĐTTS ghi: Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. Trường Y s628619

1286. Nguyễn Hồng Phúc. Giáo trình Mô học - Giải phẫu bệnh : Dùng cho đào tạo cao đẳng - Ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học / Nguyễn Hồng Phúc ch.b. - H. : Y học, 2025. - 99 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 490000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Phụ lục trong chính văn. - Thư mục cuối chính văn s628023

1287. Nguyễn Hữu Đức. Hiểu & dùng thuốc đúng / Nguyễn Hữu Đức. - In lần thứ 8. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 303 tr. ; 20 cm. - (Y học sức khỏe). - 125000đ. - 1000b s628235

1288. Nguyễn Ngọc Sáng. Nhi khoa lâm sàng dựa trên năng lực / Nguyễn Ngọc Sáng. - H. : Y học, 2025. - 651 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 384000đ. - 130b  
Phụ lục: tr. 643-648. - Thư mục: tr. 649-651 s628102
1289. Nguyễn Ngọc Thoa. Thực hành soi cổ tử cung / B.s.: Nguyễn Ngọc Thoa, Đặng Lê Dung Hạnh. - H. : Y học, 2026. - 86 tr. : minh họa ; 27 cm. - 180000đ. - 1000b  
Phụ lục: tr. 77-82. - Thư mục: tr. 83-86 s628076
1290. Nguyễn Như Ước. Giáo trình Điều dưỡng chuyên khoa Tai Mũi Họng : Dùng cho đào tạo cao đẳng - Ngành Điều dưỡng / Nguyễn Như Ước ch.b. - H. : Y học, 2025. - 62 tr. : ảnh ; 27 cm. - 380000đ. - 50b  
ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 61 s628038
1291. Nguyễn Thanh Hải. Giáo trình Xử lý tín hiệu y sinh / Nguyễn Thanh Hải (ch.b.), Nguyễn Thanh Nghĩa. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 259 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 250b  
ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục: tr. 259 s626916
1292. Nguyễn Thanh Hải. Xử lý tín hiệu y sinh những thuật toán và ứng dụng : Sách tham khảo / Nguyễn Thanh Hải ch.b. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 190 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 250b  
ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục: tr. 188-190 s626911
1293. Nguyễn Thị Hà Giang. Giáo trình Hóa sinh 2 : Dùng cho đào tạo cao đẳng - Ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học / B.s.: Nguyễn Thị Hà Giang (ch.b.), Hà Thị Nguyệt Minh. - H. : Y học, 2025. - 170 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 700000đ. - 50b  
ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 168. - Phụ lục: tr. 170 s628008
1294. Nguyễn Thị Hà Giang. Giáo trình Hóa sinh nâng cao : Dùng cho đào tạo cao đẳng - Ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học / Nguyễn Thị Hà Giang (ch.b.), Hà Thị Nguyệt Minh. - H. : Y học, 2026. - 86 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 460000đ. - 50b  
ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 84. - Phụ lục: tr. 86 s627980
1295. Nguyễn Thị Hồng Ngọc. Giáo trình Ký sinh trùng I : Dùng cho đào tạo cao đẳng - Ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học : Tài liệu dành cho sinh viên / Ch.b.: Nguyễn Thị Hồng Ngọc, Hà Thị Nguyệt Minh. - H. : Y học, 2025. - 163 tr. : minh họa ; 27 cm. - 670000đ. - 50b  
ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 161-162 s628092
1296. Nguyễn Thị Hồng Ngọc. Giáo trình Ký sinh trùng II : Dùng cho đào tạo cao đẳng - Ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học / Ch.b.: Nguyễn Thị Hồng Ngọc, Hà Thị Nguyệt Minh. - H. : Y học, 2025. - 194 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 770000đ. - 50b  
Phụ lục trong chính văn. - Thư mục cuối chính văn s628024
1297. Nguyễn Thơ Sinh. Giáo dục giới tính và các biện pháp phòng các bệnh truyền nhiễm trong cộng đồng / Nguyễn Thơ Sinh. - H. : Lao động, 2025. - 276 tr. : ảnh ; 24 cm. - 250000đ. - 3000b  
Phụ lục: tr. 247-268. - Thư mục: tr. 269 s627528

1298. Nguyễn Văn Bắc. Giáo trình Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính : Dùng cho đào tạo cao đẳng - Ngành Kỹ thuật hình ảnh y học / B.s.: Nguyễn Văn Bắc (ch.b.), Lê Thị Thanh Minh, Cao Văn Chính. - H. : Y học, 2025. - 155 tr. : minh họa ; 27 cm. - 650000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 154 s627976

1299. Nguyễn Văn Bắc. Giáo trình Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ : Dùng cho đào tạo cao đẳng - Ngành Kỹ thuật hình ảnh y học / B.s.: Nguyễn Văn Bắc (ch.b.), Lê Thị Thanh Minh. - H. : Y học, 2025. - 199 tr. : hình ảnh, bảng ; 27 cm. - 785000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 199 s627958

1300. Nguyễn Văn Chương. Thực hành lâm sàng Thần kinh học / Nguyễn Văn Chương. - Xuất bản lần thứ 5 có bổ sung, sửa chữa. - H. : Y học. - 24 cm. - 115000đ. - 600b

T.1: Khám lâm sàng hệ thần kinh. - 2026. - 177 tr. : minh họa. - Thư mục: tr. 175-177 s628114

1301. Những vấn đề chất lượng xét nghiệm hóa sinh - miễn dịch trong thực hành lâm sàng : Sách tham khảo / B.s.: Nguyễn Thị Ngọc Lan (ch.b.), Nguyễn Đức Tuấn, Nguyễn Trọng Tuệ... - H. : Y học, 2025. - 243 tr. : bảng ; 24 cm. - 145000đ. - 600b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Hà Nội. Bộ môn Hóa sinh. - Thư mục: tr. 241-243 s628109

1302. Những vấn đề cơ bản của Hóa sinh Y học : Giáo trình đào tạo sau đại học / B.s.: Tạ Thành Văn (ch.b.), Trần Huy Thịnh, Trần Khánh Chi... - H. : Y học, 2025. - 214 tr. : minh họa ; 27 cm. - 160000đ. - 600b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Hà Nội. Bộ môn Hóa sinh. - Thư mục: tr. 211-214 s627988

1303. Nishi Katsuzo. Làm sạch mạch & máu / Nishi Katsuzo ; Trương Thị Thảo dịch. - In lần 17. - H. : Lao động, 2025. - 247 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 109000đ. - 1500b s627581

1304. Nội tiết sinh sản và vô sinh / B.s.: Vương Thị Ngọc Lan (ch.b.), Bùi Quang Trung, Hà Nhật Anh... - H. : Y học, 2025. - xxxii, 659 tr. : minh họa ; 27 cm. - 950000đ. - 1000b

Thư mục cuối mỗi bài s628095

1305. Phác đồ điều trị sản phụ khoa năm 2025 / B.s.: Mai Trọng Hưng (ch.b.), Đỗ Khắc Huỳnh, Đỗ Xuân Vinh... - H. : Y học. - 24 cm. - 1000b

ĐTTS ghi: Bệnh viện Phụ sản Hà Nội

Q.1. - 2025. - 483 tr. : minh họa. - Thư mục cuối mỗi bài s628117

1306. Phác đồ điều trị sản phụ khoa năm 2025 / B.s.: Mai Trọng Hưng (ch.b.), Đỗ Khắc Huỳnh, Đỗ Xuân Vinh... - H. : Y học. - 24 cm. - 1000b

ĐTTS ghi: Bệnh viện Phụ sản Hà Nội

Q.2. - 2025. - 642 tr. : minh họa. - Thư mục cuối mỗi bài s628118

1307. Phạm Thúy Quỳnh. Giáo trình thực hành Chăm sóc chuyên dạ : Dùng cho đào tạo cao đẳng - Ngành Hộ sinh / B.s.: Phạm Thúy Quỳnh (ch.b.), Lê Tùng Lâm. - H. : Y học, 2025. - 175 tr. : minh họa ; 27 cm. - 710000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 174-175 s628009

1308. Phạm Tiến Dũng. Nhĩ châm nhập môn / Phạm Tiến Dũng. - H. : Y học, 2026. - 250 tr. : minh họa ; 24 cm. - 500000đ. - 300b

Bút danh tác giả: Nhất Đăng cư sĩ. - Thư mục: tr. 249-250 s628107

1309. Phạm Văn Tân. Giáo trình Điều dưỡng chuyên khoa răng hàm mặt : Dành cho đào tạo cao đẳng - Ngành Điều dưỡng / Phạm Văn Tân (ch.b.), Hoàng Anh Lân. - H. : Y học, 2026. - 83 tr. : minh họa ; 27 cm. - 270000đ. - 100b  
ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 83 s627962
1310. Phan Diệu Mai. Trầm cảm ở học sinh trung học phổ thông : Sách chuyên khảo / Phan Diệu Mai. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 174 tr. : minh họa ; 24 cm. - 180000đ. - 250b  
Thư mục: tr. 159-174 s626870
1311. Phùng Nguyễn Thế Nguyên. Hồi sức sống ở trẻ em: Dịch - Vận mạch : Sách chuyên khảo / Phùng Nguyễn Thế Nguyên. - H. : Y học, 2025. - 256 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 300000đ. - 500b  
Thư mục: tr. 239-250 s628058
1312. Phùng Nguyễn Thế Nguyên. Nhiễm khuẩn huyết và sử dụng kháng sinh ở trẻ em : Sách chuyên khảo / Phùng Nguyễn Thế Nguyên. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - xiv, 258 tr. : bảng, sơ đồ ; 24 cm. - 300000đ. - 200b  
Thư mục: tr. 243-258 s626886
1313. Phương Hà. Sổ tay "Gia đình siêu nhân" : Hiếu, yêu thương và đồng hành cùng trẻ bại não / Phương Hà. - H. : Công Thương, 2026. - 213 tr. ; 19 cm. - 149000đ. - 1000b s628676
1314. Phương pháp nghiên cứu khoa học: Thiết kế lâm sàng & phân tích dữ liệu / Trương Việt Dũng, Nguyễn Thị Minh Chính, Đỗ Tất Cường... - H. : Y học, 2025. - 394 tr. : hình vẽ, bảng ; 29 cm. - 500b  
Đầu bìa sách ghi: Viện Nghiên cứu Tâm Anh. - Thư mục: tr. 362-365. - Phụ lục: tr. 366-393 s628055
1315. Quách Tuấn Vinh. Cây chỉ điều trị & phục hồi chức năng một số bệnh lý thường gặp / B.s.: Quách Tuấn Vinh (ch.b.), Cao Minh Châu, Trịnh Đình Cấn. - H. : Y học, 2026. - 383 tr. : minh họa ; 27 cm. - 200000đ. - 500b  
Thư mục: tr. 374-377 s628069
1316. Quy trình kỹ thuật y khoa dành cho kỹ thuật viên 2025 / B.s.: Trịnh Hữu Tùng (ch.b.), Nguyễn Thùy An, Đặng Quốc Bảo... ; H.đ.: Võ Quốc Bảo... - H. : Y học, 2025. - x, 549 tr. : minh họa ; 21 cm. - 300000đ. - 1000b  
ĐTTS ghi: Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh. Bệnh viện Nhi Đồng 2. - Thư mục: tr. 545-549 s628103
1317. Salmon, John F. Kanski nhãn khoa lâm sàng : Phương pháp tiếp cận hệ thống / John F. Salmon ; Bộ môn Mắt - Khúc xạ nhãn khoa Trường Đại học Y Hà Nội và các cộng sự biên dịch. - Ấn bản lần thứ 9, xuất bản lần thứ 2, có sửa chữa. - H. : Y học, 2025. - 916 tr. : minh họa ; 28 cm. - 1500000đ. - 1000b  
Tên sách tiếng Anh: Kanski's clinical ophthalmology : A systematic approach s628098
1318. Siêu âm cơ xương khớp chi trên - Hướng dẫn thực hành lâm sàng / B.s.: Nguyễn Thị Như Hoa (ch.b.), Hoàng Thị Phương Thảo, Nguyễn Thị Thanh Vân... - H. : Y học. - 27 cm. - 790000đ. - 1000b  
T.1. - 2025. - 310 tr. : minh họa. - Thư mục cuối mỗi phần s628096
1319. Siêu âm Doppler mạch máu : Từ lý thuyết đến lâm sàng / B.s.: Lê Tuấn Linh, Đoàn Tiến Lưu (ch.b.), Nguyễn Thanh Vân Anh... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2026. - 503 tr. : minh họa ; 27 cm. - 500000đ. - 500b  
Thư mục: tr. 502-503 s627924

1320. Sinh lý học : Sách đào tạo bác sĩ đa khoa / B.s.: Phạm Thị Minh Đức (ch.b.), Trịnh Bình Dy, Lê Thu Liên... - Xuất bản lần thứ 8 có sửa chữa, bổ sung. - H. : Y học, 2025. - 482 tr. : minh họa ; 27 cm. - 160000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Hà Nội. Bộ môn Sinh lý học. - Thư mục: tr. 482 s628088

1321. Sinh lý học ứng dụng : Dành cho học viên sau đại học / B.s.: Nguyễn Trung Kiên, Trần Thái Thanh Tâm (ch.b.), Nguyễn Hồng Hà... - Tái bản lần 1, có chỉnh sửa, bổ sung. - H. : Y học, 2026. - 183 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 135000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Bộ môn Sinh lý học. - Thư mục: tr. 181-183 s627950

1322. Sổ tay hướng dẫn sử dụng vắc xin phòng bệnh cho đoàn viên, người lao động ngành Y tế : Tài liệu dành cho cán bộ y tế / B.s.: Phạm Thanh Bình (ch.b.), Trần Đắc Nhu, Lương Mai Anh... - H. : Lao động, 2025. - 200 tr. : minh họa ; 21 cm. - 1500b

ĐTTS ghi: Công đoàn Y tế Việt Nam. - Thư mục: tr. 186-189. - Phụ lục: tr. 190-200 s627460

1323. Sổ tay hướng dẫn triển khai mô hình Góc truyền thông về chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên và sức khỏe bà mẹ, trẻ em tại trường phổ thông dân tộc nội trú / B.s.: Trần Đăng Khoa, Trịnh Ngọc Quang (ch.b.), Lý Thu Hiền... - H. : Y học, 2026. - 79 tr. : minh họa ; 21 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Trung tâm Truyền thông - GDSK Trung ương. - Phụ lục: tr. 63-78. - Thư mục: tr. 79 s628101

1324. Sổ tay hướng dẫn triển khai mô hình Truyền thông về chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em thông qua già làng, trưởng bản, người có uy tín trong cộng đồng / B.s.: Trần Đăng Khoa, Trịnh Ngọc Quang (ch.b.), Lý Thu Hiền... - H. : Y học, 2026. - 79 tr. : minh họa ; 21 cm. - 400b

ĐTTS ghi: Trung tâm Truyền thông - GDSK Trung ương. - Phụ lục: tr. 55-78. - Thư mục: tr. 79 s628100

1325. Sơ cấp cứu ban đầu = First aid / B.s.: Nguyễn Gia Bình, Nguyễn Đức Chính, Nguyễn Thành (ch.b.)... - H. : Y học, 2026. - 203 tr. : minh họa ; 24 cm. - 3000b

Thư mục: tr. 197-199 s628113

1326. Suy giảm nhận thức và sa sút trí tuệ : Giáo trình đào tạo sau đại học / B.s.: Nguyễn Thanh Bình (ch.b.), Nguyễn Trung Anh, Ngân Thị Hồng Anh... - H. : Y học, 2025. - 292 tr. : minh họa ; 27 cm. - 250000đ. - 600b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Hà Nội. Bộ môn Thần kinh. - Thư mục: tr. 288-290 s627972

1327. Sức khỏe môi trường : Sách sử dụng cho đào tạo trình độ cử nhân và bác sĩ / B.s.: Trần Quỳnh Anh (ch.b.), Chu Văn Thăng, Ngô Văn Toàn... - H. : Y học. - 27 cm. - 410000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Hà Nội. Viện Đào tạo Y học dự phòng và Y tế công cộng. Bộ môn Sức khỏe môi trường

T.1. - 2025. - 195 tr. : minh họa. - Thư mục: tr. 163-166. - Phụ lục: tr. 167-195 s627984

1328. Tài Kaigo. Kaigo thực chiến - Đùng để lý thuyết đánh lừa bạn và không vỡ mộng những ngày đầu nơi đất khách / Tài Kaigo. - H. : Lao động, 2026. - 173 tr. : bảng ; 21 cm. - 150000đ. - 500b

Tên thật tác giả: Nguyễn Tấn Tài. - Phụ lục: tr. 153-173 s627471

1329. Thái Nguyễn Hùng Thu. Thực hành tốt phòng thí nghiệm (GLP) : Sách đào tạo đại học và sau đại học / B.s.: Thái Nguyễn Hùng Thu (ch.b.), Lê Đình Chi. - Xuất bản lần thứ 2 có sửa chữa. - H. : Y học, 2025. - 127 tr. : bảng, hình vẽ ; 27 cm. - 60000đ. - 600b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Dược Hà Nội. - Thư mục: tr. 127 s628040

1330. Thực hành Dược học cổ truyền : Dành cho đào tạo sinh viên ngành Dược học / B.s.: Đỗ Thị Hà, Bùi Thị Bình (ch.b.), Đào Xuân Hạnh, Phạm Thị Tâm. - H. : Y học, 2026. - 98 tr. : bảng ; 27 cm. - 105000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Thái Bình. Khoa Dược. Bộ môn Dược liệu và Dược cổ truyền. - Thư mục: tr. 98 s628046

1331. Thực hành lâm sàng cấy ghép nha khoa: Phẫu thuật cấy ghép Implant : Giáo trình giảng dạy đại học / B.s.: Phạm Thị Hương Loan (ch.b.), Lê Đức Lánh, Võ Chí Hùng... - H. : Y học, 2026. - 412 tr. : minh họa ; 27 cm. - 350000đ. - 2000b

ĐTTS ghi: Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. Bộ môn Cấy ghép Nha khoa. - Thư mục: tr. 411 s627956

1332. Tổ chức và quản lý phòng xét nghiệm : Sách đào tạo đại học và sau đại học / B.s.: Đặng Thị Ngọc Dung (ch.b.), Lê Văn Toàn, Phạm Thị Phương Trang... - Xuất bản lần thứ 3 có chỉnh sửa, bổ sung. - H. : Y học, 2025. - 403 tr. : minh họa ; 27 cm. - 235000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Hà Nội s628059

1333. Tổng hợp các vị thuốc, dược liệu, cây thuốc và bài thuốc có tiềm năng dùng thay thế sừng tê giác trong y học cổ truyền / Phạm Thanh Huyền (ch.b.), Trần Đức Trung, Nguyễn Quỳnh Nga... - H. : Y học, 2025. - 80 tr. : minh họa ; 30 cm. - 310b

Đầu bìa sách ghi: Viện Dược liệu. - Phụ lục: tr. 70-76. - Thư mục: tr. 77-79 s628056

1334. Trần Mạnh Hùng. Phương pháp nghiên cứu phát triển thuốc tiền lâm sàng : Sách chuyên khảo / Trần Mạnh Hùng. - H. : Y học, 2026. - 152 tr. : minh họa ; 27 cm. - 186000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. Trường Dược. Bộ môn Dược lý. - Thư mục cuối mỗi chương s628072

1335. Trần Quốc Hòa. Testosterone: Nền tảng sức khỏe của nam giới : Sách chuyên khảo / Trần Quốc Hòa, Nguyễn Hoài Bắc. - H. : Y học, 2025. - 255 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 24 cm. - 250000đ. - 500b

Thư mục cuối mỗi chương s628108

1336. Trần Thanh Tâm. Giáo trình Bệnh học nội : Dành cho đào tạo cao đẳng - Ngành Y sĩ đa khoa / B.s.: Trần Thanh Tâm (ch.b.), Dương Thị Thu Trang, Nguyễn Thị Hậu. - H. : Y học, 2025. - 306 tr. : minh họa ; 27 cm. - 1200000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 304-305 s628002

1337. Trần Thanh Tâm. Giáo trình Bệnh học truyền nhiễm : Dành cho đào tạo cao đẳng - Ngành Y sĩ đa khoa / Trần Thanh Tâm ch.b. - H. : Y học, 2025. - 135 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 615000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục cuối chính văn s627940

1338. Trần Thanh Tâm. Giáo trình Cắt lớp vi tính chẩn đoán : Dành cho đào tạo cao đẳng - Ngành Kỹ thuật hình ảnh y học / B.s.: Trần Thanh Tâm (ch.b.), Lê Thị Thanh Minh, Nguyễn Văn Bắc. - H. : Y học, 2026. - 127 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 620000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 127 s627943

1339. Trần Thanh Tâm. Giáo trình Điều dưỡng chuyên khoa thần kinh : Dành cho đào tạo cao đẳng - Ngành Điều dưỡng / Trần Thanh Tâm ch.b. - H. : Y học, 2025. - 67 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 400000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 67 s628039

1340. Trần Thị Huyền Thảo. Chào tuổi dậy thì! : Kiến thức về dậy thì dành cho các bạn nam : 9 - 14 tuổi / Trần Thị Huyền Thảo. - In lần 4. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 83 tr. : hình vẽ ; 19 cm. - 75000đ. - 2000b s628630

1341. Trần Thị Thu Hạnh. Kế hoạch hóa gia đình và các biện pháp tránh thai phổ biến ở Việt Nam : Dân số khỏe, đất nước phồn vinh, gia đình hạnh phúc / Trần Thị Thu Hạnh b.s. - H. : Y học, 2026. - 15 tr. : tranh màu ; 19x27 cm. - 350b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Y tế. Cục Dân số s627869

1342. Trần Thúy Liễu. Giáo trình Điều dưỡng chuyên khoa Da liễu : Dùng cho đào tạo cao đẳng - Ngành Điều dưỡng / Trần Thúy Liễu ch.b. - H. : Y học, 2026. - 103 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 510000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 101 s627942

1343. Trần Văn Phú. Biên soạn câu hỏi y học dựa trên chuẩn năng lực : Sách dành cho biên soạn viên và chuyên viên khảo thí / B.s.: Trần Văn Phú (ch.b.), Trần Thu Phương. - H. : Y học, 2025. - 171 tr. : bảng, biểu đồ ; 24 cm. - 580000đ. - 500b

Phụ lục: tr. 154-168. - Thư mục: tr. 169-170 s628116

1344. Trần Văn Phú. Cấp cứu ban đầu nội khoa / Trần Văn Phú. - H. : Y học, 2025. - 979 tr. : minh họa ; 27 cm. - 1680000đ. - 500b s628086

1345. Triệu chứng học nội khoa / B.s.: Đỗ Gia Tuyền, Ngô Quý Châu, Đặng Quốc Tuấn (ch.b.)... - Xuất bản lần thứ 6 có sửa chữa, bổ sung. - H. : Y học. - 27 cm. - 290000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Hà Nội. Các bộ môn Nội

T.1. - 2025. - 611 tr. : minh họa. - Thư mục: tr. 610-611 s628089

1346. Triệu chứng học nội khoa / B.s.: Đỗ Gia Tuyền, Trần Ngọc Ánh, Nguyễn Khoa Diệu Vân (ch.b.)... - Xuất bản lần thứ 6 có sửa chữa, bổ sung. - H. : Y học. - 27 cm. - 230000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Hà Nội. Các bộ môn Nội

T.2. - 2025. - 506 tr. : minh họa. - Thư mục: tr. 506 s628090

1347. Trương Nhật Khuê. Giáo trình Phẫu thuật hàm mặt cơ bản : Dành cho sinh viên ngành Răng Hàm Mặt / B.s.: Trương Nhật Khuê (ch.b.), Lâm Nhật Tân, Nguyễn Thanh Hòa. - H. : Y học, 2025. - 89 tr. : ảnh, bảng ; 27 cm. - 443000đ. - 90b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Bộ môn Phẫu thuật Miệng - Hàm mặt. - Thư mục: tr. 88-89 s627993

1348. Trương Nhật Khuê. Giáo trình Phẫu thuật răng miệng : Dành cho sinh viên ngành Răng Hàm Mặt / B.s.: Trương Nhật Khuê, Nguyễn Hoàng Nam (ch.b.), Lâm Nhật Tân. - H. : Y học, 2025. - 94 tr. : minh họa ; 27 cm. - 459000đ. - 90b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Bộ môn Phẫu thuật miệng - Hàm mặt. - Thư mục: tr. 93-94 s627991

1349. Trương Thị Thùy Dương. Dinh dưỡng cho bà mẹ mang thai và sau sinh : Dành cho chương trình đào tạo ngành Hộ sinh / B.s.: Trương Thị Thùy Dương (ch.b.), Nguyễn Thị Thanh Tâm, Trần Thị Hồng Vân. - H. : Y học, 2025. - 118 tr. : minh họa ; 27 cm. - 260000đ. - 150b

ĐTTS ghi: Đại học Thái Nguyên. Trường Đại học Y - Dược. - Thư mục: tr. 117-118 s628053

1350. Trương Trọng Cảnh. Kính tâm trai hiệu chú thương hàn luận / Nguyên tác: Trương Trọng Cảnh ; Hiệu chú: Ngô Hùng Chí; Nguyễn Thanh Thủy dịch. - H. : Y học, 2025. - 451 tr. ; 24 cm. - 300000đ. - 500b s628115

1351. Tuệ Túc. Y học hợp nhất - Minh triết của yêu thương / Tuệ Túc. - H. : Tri thức, 2025. - 139 tr. ; 15 cm. - 168000đ. - 2000b s628743

1352. Từ cô bé đến cô nàng : 50 bí quyết để bạn gái dậy thì thành công! : Dành cho trẻ em từ 10 tuổi trở lên / Marawa Ibrahim ; Minh họa: Sinem Erkas ; Thu Trang dịch. - In lần thứ 2. - H. : Tri thức, 2025. - 214 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 20 cm. - (Tủ sách Cùng con trưởng thành). - 99000đ. - 1000b s626718

1353. Viên thuốc tránh thai : Tài liệu dành cho cán bộ y tế và cán bộ dân số. - H. : Công Thương, 2025. - 18 tr. : bảng ; 19 cm. - 7700b

Đầu bìa sách ghi: Sở Y tế Hà Nội. Chi cục Dân số, Trẻ em và Phòng, chống tệ nạn xã hội s628328

1354. Vũ Năng. Lối sống phục sinh : Tri thức gốc chăm sóc sức khỏe và những phương thức chữa lành tự nhiên không độc hại / Vũ Năng. - H. : Lao động, 2025. - 432 tr. : bảng ; 24 cm. - 999000đ. - 1500b

Phụ lục: tr. 358-425 s627516

1355. Vũ Thị Minh Hiền. Giáo trình Lý thuyết lượng giá trong phục hồi chức năng : Dành cho đào tạo cao đẳng - Ngành Kỹ thuật phục hồi chức năng / B.s.: Vũ Thị Minh Hiền (ch.b.), Đỗ Mạnh Hùng. - H. : Y học, 2025. - 115 tr. : minh họa ; 27 cm. - 540000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 115 s628031

1356. Vũ Thị Minh Hiền. Giáo trình Ngôn ngữ trị liệu : Dành cho đào tạo cao đẳng - Ngành Kỹ thuật phục hồi chức năng / B.s.: Vũ Thị Minh Hiền (ch.b.), Đặng Thị Đức Phương. - H. : Y học, 2026. - 75 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 430000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 74 s627952

1357. Vũ Thị Minh Hiền. Giáo trình Phục hồi chức năng : Dành cho đào tạo cao đẳng - Ngành Y sĩ đa khoa / B.s.: Vũ Thị Minh Hiền (ch.b.), Đỗ Mạnh Hùng. - H. : Y học, 2025. - 79 tr. : minh họa ; 27 cm. - 435000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 77 s628030

1358. Vũ Thị Minh Hiền. Giáo trình Phục hồi chức năng bệnh chuyên khoa : Dành cho đào tạo cao đẳng - Ngành Kỹ thuật phục hồi chức năng / B.s.: Vũ Thị Minh Hiền (ch.b.), Đỗ Mạnh Hùng. - H. : Y học, 2026. - 95 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 490000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 94 s627944

1359. Vũ Thị Minh Hiền. Giáo trình Phục hồi chức năng nhi khoa : Dành cho đào tạo cao đẳng - Ngành Kỹ thuật phục hồi chức năng / B.s.: Vũ Thị Minh Hiền, Nguyễn Đình Đạt (ch.b.), Đỗ Mạnh Hùng. - H. : Y học, 2026. - 118 tr. : minh họa ; 27 cm. - 550000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 116 s627974

1360. Vũ Thị Minh Hiền. Giáo trình Phục hồi chức năng trong hộ sinh : Dành cho đào tạo cao đẳng - Ngành Hộ sinh / B.s.: Vũ Thị Minh Hiền (ch.b.), Đỗ Mạnh Hùng. - H. : Y học, 2025. - 93 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 480000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 92 s628020

1361. Vũ Thị Minh Hiền. Giáo trình Y học cổ truyền : Dùng cho đào tạo cao đẳng - Ngành Điều dưỡng / Vũ Thị Minh Hiền ch.b. - H. : Y học, 2025. - 83 tr. : minh họa ; 27 cm. - 450000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 82 s628036

1362. Vũ Thị Minh Hiền. Giáo trình Y học cổ truyền trong hộ sinh : Dùng cho đào tạo cao đẳng - Ngành Hộ sinh / Vũ Thị Minh Hiền ch.b. - H. : Y học, 2025. - 119 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 550000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 117 s628019

1363. Y học sinh sản / Nguyễn Quốc Tuấn, Nguyễn Xuân Mỹ, Nguyễn Thái Hoàng... - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh. - 28 cm. - 2500b

Đầu bìa sách ghi: Hội Nội tiết sinh sản và vô sinh Thành phố Hồ Chí Minh  
T.76. - 2025. - 110 tr. : minh họa. - Thư mục cuối mỗi bài s626604

1364. Yalom, Irvin D. Tâm lý trị liệu hiện sinh = Existential psychotherapy : Sách tham khảo / Irvin D. Yalom ; Dương Thùy Lệ Trang dịch. - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2025. - 726 tr. ; 24 cm. - 475000đ. - 1000b s626955

## KỸ THUẬT

1365. Châu Minh Thuyên. Mạch điện : Giáo trình dành cho sinh viên hệ đại học / Châu Minh Thuyên (ch.b.), Nguyễn Ngọc Thiêm. - Tái bản lần thứ 2 có chỉnh sửa bổ sung. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 297 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 70000đ. - 2000b

Phụ lục: tr. 282-296. - Thư mục: tr. 297 s626773

1366. Đoàn Văn Đồng. Giáo trình Truyền số liệu : Dành cho ngành Kỹ thuật điện tử viễn thông / Đoàn Văn Đồng (ch.b.), Lại Nguyễn Duy. - H. : Giao thông vận tải, 2025. - 176 tr. : minh họa ; 27 cm. - 203000đ. - 200b

Đầu bìa sách ghi: Trường Đại học Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục: tr. 175 s627878

1367. Giáo trình Lưới điện thông minh / Võ Ngọc Điều (ch.b.), Lê Duy Phúc, Trần Thanh Ngọc, Bùi Minh Dương. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 426 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 148000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Trường Đại học Bách khoa. - Thư mục cuối mỗi chương s627913

1368. Hà Thanh Vân. Giáo sư - Viện sĩ - Thiếu tướng - Anh hùng lao động Trần Đại Nghĩa - Cuộc đời và hành trình sự nghiệp : Hồi kí / Hà Thanh Vân, Trần Đại Nghĩa. - H. : Lao động, 2025. - 237 tr. : ảnh ; 21 cm. - 150000đ. - 10000b s627436

1369. Hoàng Trang. Trí tuệ nhân tạo trong thiết kế vi mạch / Hoàng Trang. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 376 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 130000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Trường Đại học Bách khoa. - Thư mục cuối mỗi chương s627912

1370. Kỹ thuật và công nghệ phát triển các mỏ dầu khí nhỏ và cận biên ở thềm lục địa Việt Nam / Vũ Mai Khanh, Lê Việt Dũng, Trần Quốc Thắng... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 126 tr. : minh họa ; 24 cm. - 500b

Đầu bìa sách ghi: Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro. - Thư mục: tr. 121-126 s626878

1371. Lê Thanh Trúc. Giáo trình Hệ thống điều khiển tự động ô tô / Lê Thanh Trúc. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 193 tr. : minh họa ; 24 cm. - 250b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh. - Phụ lục: tr. 191-193. - Thư mục cuối chính văn s626905

1372. Mẹo chinh phục 600 câu lý thuyết : Dựa theo tài liệu Cục Cảnh sát giao thông - Bộ Công an Việt Nam / Trung tâm Đào tạo lái xe Bình Dương tổng hợp, b.s. - H. : Hồng Đức, 2026. - 35 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 30000b s627321

1373. MyYamaha : Ấn phẩm nội bộ. - H. : Thế giới. - 26 cm. - 1500b

T.38. - 2026. - 34 tr. : ảnh màu s628211

1374. Nguyễn Đức Dương. Giáo trình Điều khiển quá trình / Nguyễn Đức Dương (ch.b.), Thân Thị Thương, Nguyễn Hải Bình. - H. : Lao động, 2026. - 367 tr. : minh họa ; 24 cm. - 12000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp. - Thư mục: tr. 330-331. - Phụ lục: tr. 332-366 s627501

1375. Nguyễn Hữu Cường. Giáo trình Kỹ thuật điều khiển tự động / Nguyễn Hữu Cường (ch.b.), Ngô Quang Hiếu. - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2025. - 153 tr. : hình vẽ, bảng ; 28 cm. - 11000đ. - 100b

Thư mục: tr. 153 s627820

1376. Nguyễn Phan Anh. Sửa chữa bảo dưỡng đường / Nguyễn Phan Anh. - H. : Giao thông vận tải, 2026. - 160 tr. : minh họa ; 25 cm. - 10000đ. - 30b

Thư mục: tr. 157-158 s627638

1377. Nguyễn Tường Vi. Giáo trình Động cơ đốt trong / Nguyễn Tường Vi (ch.b.), Trần Văn Hoàng, Trần Trọng Thế. - H. : Lao động, 2025. - 279 tr. : minh họa ; 24 cm. - 9800đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp. - Thư mục: tr. 279 s627504

1378. Nguyễn Văn Hậu. Giáo trình Đồ án môn học kết cấu bê tông cốt thép theo TCVN 5574:2018 : Giáo trình dùng cho sinh viên ngành Xây dựng / Nguyễn Văn Hậu. - Tái bản lần thứ 1 có sửa chữa, bổ sung. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 135 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 250b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục: tr. 111. - Phụ lục: tr. 112-134 s626918

1379. Phạm Quang Huy. Autodesk Inventor toàn tập : Phần trung cấp / Phạm Quang Huy, Phạm Quang Hiền. - H. : Lao động, 2026. - 447 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 20500đ. - 900b

Thư mục: tr. 2. - Phụ lục: tr. 431-446 s627513

1380. Phạm Quang Huy. Thành thạo AutoCAD qua các bài tập thực hành / Phạm Quang Huy, Phạm Phương Hoa, Phạm Quang Hân. - H. : Lao động, 2026. - 423 tr. : minh họa ; 24 cm. - 20000đ. - 900b

Thư mục: tr. 2 s627515

1381. Phan Văn Chuân. Giáo trình lý thuyết Điều khiển tự động / Phan Văn Chuân. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 409 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 14500đ. - 200b

Phụ lục: tr. 367- 408. - Thư mục: tr. 409 s626890

1382. Quyền Huy Ánh. Giáo trình Cung cấp điện / Quyền Huy Ánh, Lê Trọng Nghĩa. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 531 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 250b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh. - Phụ lục: tr. 483-529. - Thư mục: tr. 530-531 s626907

1383. Thảm Bội Châu. Kỹ thuật nhiệt / Thảm Bội Châu, Trần Thế Nam (ch.b.), Nguyễn Mạnh Chiếu ; Cao Ngọc Vi h.đ. - Hải Phòng : Nxb. Hàng hải, 2025. - vi, 659 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 228000đ. - 20b

Thư mục: tr. 609. - Phụ lục: tr. 611-659 s626599

1384. Thiết kế đường 1 / Trần Vũ Tự (ch.b.), Nguyễn Thị Thúy Hằng, Lâm Ngọc Trà My... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 219 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 250b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục: tr. 218-219 s626896

1385. Trần Thế Nam. Công nghệ sửa chữa phục hồi các chi tiết của động cơ đốt trong / Trần Thế Nam (ch.b.), Vũ Anh Tuấn ; Phạm Quốc Việt h.đ. - Hải Phòng : Nxb. Hàng hải, 2026. - 171 tr. : minh họa ; 25 cm. - 116000đ. - 20b

Thư mục: tr. 170-171 s627040

1386. Trần Vũ Tự. Ứng dụng CIVIL 3D trong thiết kế đường / Trần Vũ Tự (ch.b.), Nguyễn Huỳnh Tấn Tài. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 223 tr. : minh họa ; 24 cm. - 250b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục: tr. 223 s626927

1387. Ứng dụng thị giác máy tính điều khiển thiết bị bay không người lái : Sách chuyên khảo / Hoàng Hữu Trung (ch.b.), Lê Thị Quỳnh Liên, Hồ Quốc Dũng... - H. : Lao động, 2025. - 166 tr. : minh họa ; 21 cm. - 80000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 152-159 s627444

## NÔNG NGHIỆP

1388. Châu Trùng Dương. Giáo trình Bệnh cây chuyên khoa / Châu Trùng Dương, Lê Thị Bảo Châu. - H. : Nông nghiệp, 2026. - 118 tr. : ảnh màu ; 25 cm. - 124000đ. - 500b

Thư mục: tr. 111-115 s626653

1389. Chọn, tạo giống và phát triển bền vững cây ăn quả ôn đới vùng miền núi phía Bắc Việt Nam = Breeding and sustainable development of temperate fruit trees in the Northern mountainous region of Vietnam : Sách chuyên khảo / Bùi Quang Đăng (ch.b.), Lương Thị Huyền, Nguyễn Nam Giang... - H. : Nông nghiệp, 2026. - 323 tr. : minh họa ; 24 cm. - 300000đ. - 215b

Thư mục: tr. 279-284. - Phụ lục: tr. 286-323 s626652

1390. Hồ Thiệu Khôi. Giáo trình Chăn nuôi heo A / Hồ Thiệu Khôi, Nguyễn Thị Thủy. - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2025. - 226 tr. : minh họa ; 28 cm. - 150000đ. - 200b

Thư mục cuối mỗi chương. - Phụ lục: tr. 209-226 s626633

1391. Hướng dẫn thực hành chăn nuôi lợn an toàn, bền vững / B.s.: Brian G. Bedard, Tô Liên Thu, Trần Thị Định... - H. : Nông nghiệp, 2025. - 303 tr. : minh họa ; 30 cm. - 520b

Tên sách ngoài bìa: Sổ tay Hướng dẫn thực hành chăn nuôi lợn, bền vững. - ĐTTS ghi: Bộ Các vấn đề Toàn cầu Canada... - Phụ lục cuối mỗi chương. - Thư mục: tr. 294-301 s626619

1392. Hướng dẫn thực hành sản xuất rau an toàn, bền vững : Dự án "An toàn thực phẩm vì sự phát triển" (Dự án SAFEGRO) / B.s.: Brian G. Bedard, Trần Thị Định, Hoàng Phú Quyền... - H. : Nông nghiệp, 2025. - viii, 167 tr. : minh họa ; 30 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Bộ Các vấn đề Toàn cầu Canada... - Phụ lục: tr. 132-164. - Thư mục: tr. 165-167 s626618

1393. Kỹ yếu 70 năm hành trình kết nối - kiến tạo tương lai / B.s.: Bùi Ngọc Hùng, Nguyễn Tất Toàn, Trần Đình Lý... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 333 tr. : ảnh ; 25 cm. - 500b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh s626879

1394. Lâm Phước Thành. Giáo trình Chăn nuôi gia súc nhai lại B / Ch.b.: Lâm Phước Thành, Trương Thanh Trung. - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2025. - 143 tr. : minh họa ; 24 cm. - 95000đ. - 50b

Thư mục cuối mỗi chương s628272

1395. Quách Huỳnh Mỹ Anh. Giáo trình Sản khoa : Dành cho ngành Chăn nuôi - Thú y và dịch vụ thú y / Quách Huỳnh Mỹ Anh (ch.b.), Thái Thị Thanh Trang, Đinh Nguyễn Ánh Dương. - H. : Lao động, 2026. - 121 tr. : hình vẽ, ảnh ; 21 cm. - 120000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ. - Thư mục: tr. 120-121 s627445

1396. Trần Thị Thảo. Giáo trình Bệnh chó, mèo / Trần Thị Thảo (ch.b.), Trần Ngọc Bích. - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2025. - 229 tr. : minh họa ; 28 cm. - 390000đ. - 100b

Thư mục: tr. 221-226 s626634

## QUẢN LÝ NHÀ CỬA VÀ GIA ĐÌNH

1397. Ân Thúy Nga. Thực hành lòng biết ơn cùng con : 28 chủ đề nuôi dưỡng lòng biết ơn từ thực tế cuộc sống / Ân Thúy Nga. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 100 tr. : ảnh màu, tranh màu ; 24 cm. - (Treekie - Giáo dục giá trị sống cho trẻ). - 198000đ. - 3000b

Thư mục: tr. 100 s627159

1398. Bubu Huong. Nuôi con không phải là cuộc chiến 1 : Giai đoạn 0 - 3 tuổi / Bubu Huong, Mẹ Ong Bông, Hachun Lyonnet. - In lần 37. - H. : Lao động, 2025. - 310 tr. : bảng, tranh vẽ ; 24 cm. - 129000đ. - 1000b s627607

1399. Cẩm nang sản phẩm - Oriflame : Khởi nguồn năng lượng mới. - H. : Hồng Đức, 2026. - 147 tr. : ảnh màu ; 21 cm. - 24000đ. - 100000b s627320

1400. Curtis, Erica. Phương pháp nuôi dạy con của cha mẹ đổi mới / Erica Curtis, Ping Ho ; Dương Thị Thu Trang dịch. - H. : Hồng Đức, 2026. - 343 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 188000đ. - 1500b

Tên sách tiếng Anh: The innovative parent s627331

1401. Đặng Bảo Trâm. Bí mật phụ nữ khí chất : Tự tin & thanh lịch / Đặng Bảo Trâm. - H. : Lao động, 2025. - 197 tr. : ảnh màu ; 23 cm. - 268000đ. - 2000b s627603

1402. Đinh Gia. Thói quen về kỷ luật tự giác - Thay đổi cuộc đời trẻ / Đinh Gia tổng hợp, b.s. - H. : Hồng Đức, 2026. - 111 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 120000đ. - 5000b s627369

1403. Đinh Ngọc Dinh. Nói sao để trẻ mở lòng : NLP hội thoại giúp cha mẹ sửa 14 lỗi giao tiếp khiến yêu thương đi lạc / Đinh Ngọc Dinh. - H. : Thế giới, 2026. - 315 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 185000đ. - 2000b

Phụ lục: tr. 299-314. - Thư mục: tr. 315 s628199

1404. Đoàn Cẩm Hi. Tiếp thêm năng lượng cho con / Đoàn Cẩm Hi b.s. ; Phạm Thị Anh Đào dịch. - H. : Tri thức, 2025. - 207 tr. ; 23 cm. - 115000đ. - 800b s626727

1405. Đồng Mai Linh. Trò chơi giáo dục sớm cho bé : 0 - 3 tuổi / Đồng Mai Linh ; Hiếu Minh dịch. - H. : Lao động, 2026. - 184 tr. : ảnh màu, bảng ; 19x21 cm. - 138000đ. - 5000b

Tên sách tiếng Trung: 0-3岁婴幼儿家庭早教游戏全书 s628663

1406. Farrimond, Stuart. Khoa học về gia vị : Hiểu các kết nối hương vị và cách mạng hóa việc nấu ăn / Stuart Farrimond ; Quỳnh Chi dịch. - H. : Thế giới, 2026. - 223 tr. : minh họa ; 26 cm. - 350000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Anh: The science of spice : Understand flavor connections and revolutionize your cooking s627706

1407. Giáo trình Kỹ năng giao tiếp : Dùng cho đào tạo cao đẳng - Ngành Chăm sóc sắc đẹp / B.s.: Hà Diệu Linh (ch.b.), Nguyễn Thị Hiếu, Nguyễn Hải Yến... - H. : Y học, 2026. - 79 tr. : bảng ; 27 cm. - 440000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 77 s627961

1408. Gray, John. Đàn ông sao Hỏa, đàn bà sao Kim = Men are from Mars, women are from Venus / John Gray ; Nguyễn Thanh Nhân dịch. - H. : Hồng Đức, 2026. - 354 tr. : bảng ; 21 cm. - 188000đ. - 5000b s627344

1409. Hachun Lyonnet. Nuôi con không phải là cuộc chiến 2 / Hachun Lyonnet, Hương Đỗ. - In lần thứ 23. - H. : Lao động. - 24 cm. - 159000đ. - 3000b

Bút danh các tác giả: Hà Chũn, Mẹ Ong Bông

Q.1: Chào con - Em bé sơ sinh. - 2025. - 198 tr. : minh họa s627608

1410. Hachun Lyonnet. Nuôi con không phải là cuộc chiến 2 / Hachun Lyonnet, Hương Đỗ. - In lần thứ 21. - H. : Lao động. - 24 cm. - 159000đ. - 2500b

Bút danh các tác giả: Hà Chũn, Mẹ Ong Bông

Q.3: Bé thơ tự ngủ - Cha mẹ thư thái. - 2025. - 275 tr. : minh họa s627609

1411. Lê Ngọc Anh Thy. Tận hưởng hành trình nuôi con sữa mẹ : Mọi thứ bạn cần để trở thành mẹ sữa thoải mái, tự tin và hạnh phúc / Lê Ngọc Anh Thy, Linh Phan. - H. : Thế giới, 2026. - 287 tr. : minh họa ; 21 cm. - 132000đ. - 3000b

Thư mục: tr. 279-287 s627703

1412. Lê Thị Hải. Sổ tay Ăn dặm của mẹ : Giải đáp mọi câu hỏi của mẹ về ăn dặm / Lê Thị Hải. - H. : Thế giới, 2026. - 267 tr. : minh họa ; 21 cm. - 118000đ. - 1500b

Phụ lục: tr. 259-267 s627692

1413. Lê Thị Thu Hà. Giáo trình lý thuyết Nghệ thuật làm móng : Dùng cho đào tạo cao đẳng - Ngành Chăm sóc sắc đẹp / B.s.: Lê Thị Thu Hà (ch.b.), Trần Thúy Liễu, Nguyễn Thị Hương. - H. : Y học, 2025. - 59 tr. : minh họa ; 27 cm. - 450000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 58 s628042

1414. Lê Thị Thu Hà. Giáo trình thực hành Nghệ thuật làm móng : Dùng cho đào tạo cao đẳng - Ngành Chăm sóc sắc đẹp / B.s.: Lê Thị Thu Hà (ch.b.), Trần Thúy Liễu, Nguyễn Thị Hương. - H. : Y học, 2025. - 103 tr. : ảnh màu, bảng ; 27 cm. - 600000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 102 s628061

1415. Lô Cận. Phương pháp khoa học và nghệ thuật nuôi dạy con cái / Lô Cận b.s. ; Phạm Thị Anh Đào dịch. - H. : Tri thức. - 23 cm. - 79000đ. - 800b

Q.1: Con thật tuyệt vời. - 2026. - 130 tr. s626725

1416. Lô Cận. Phương pháp khoa học và nghệ thuật nuôi dạy con cái / Lô Cận b.s. ; Phạm Thị Anh Đào dịch. - H. : Tri thức. - 23 cm. - 115000đ. - 800b

Q.2: Mang đến cho con một thế giới phát triển. - 2026. - 191 tr. s626726

1417. Mai Ngọc. Tớ biết yêu thương bản thân / Mai Ngọc s.t., b.s. - H. : Tri thức, 2026. - 99 tr. ; 21 cm. - (Tủ sách Kỹ năng dành cho học sinh). - 50000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 98 s626717

1418. Màu sắc = Colours = Les couleurs : Sách chuyển động thông minh đa ngữ Việt - Anh - Pháp : Dành cho trẻ em từ 0 - 6 tuổi / Nathalie Choux ; Dịch: Phạm Nhân, Linh Chi. - In lần thứ 6. - H. : Văn học, 2025. - 9 tr. : tranh màu ; 17 cm. - (Tủ sách Tương tác). - 119000đ. - 1000b s628375

1419. Mẹ Ong Bông. Ăn dặm không phải là cuộc chiến / Mẹ Ong Bông, Hachun Lyonnet, Bubu Hương. - In lần 31. - H. : Lao động, 2025. - 387 tr. : minh họa ; 24 cm. - 369000đ. - 1500b s627633

1420. Miu bé nhỏ - Đừng đánh chừa nhé! = Little Miu - Do not hit! / Kawa, Mai Anh Đỗ. - Tái bản lần 5, có chỉnh sửa, bổ sung. - H. : Lao động, 2026. - 24 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Ehon kỹ năng sống; T.2). - 45000đ. - 2000b s627552

1421. Miu bé nhỏ - Đừng nói dối nhé! = Little Miu - Do not lie! / Kawa, Mai Anh Đỗ. - Tái bản lần 5, có chỉnh sửa, bổ sung. - H. : Lao động, 2026. - 24 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Ehon kỹ năng sống; T.9). - 45000đ. - 2000b s627553

1422. Miu bé nhỏ - Học chào hỏi = Learn to greet : Truyện tranh / Kawa, Tabbycat. - H. : Lao động, 2026. - 28 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Ehon Kỹ năng sống; T.56). - 45000đ. - 2000b s627556

1423. Miu bé nhỏ - Học kết bạn = Learn to make new friends / Kawa, Tabbycat. - H. : Lao động, 2026. - 32 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Ehon Kỹ năng sống; T.55). - 45000đ. - 2000b s627555

1424. Miu bé nhỏ - Học nói lời cảm ơn = Learn to say thanks : Truyện tranh / Kawa, Tabbycat. - H. : Lao động, 2026. - 28 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Ehon Kỹ năng sống; T.57). - 45000đ. - 2000b s627557

1425. Miu bé nhỏ - Học nói lời xin lỗi = Learn to apologize : Truyện tranh / Kawa, Tabbycat. - H. : Lao động, 2026. - 28 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Ehon kỹ năng sống; T.58). - 45000đ. - 2000b s627558

1426. Miu Miu tự lập - Xúc cơm ăn = Self-reliant Miu Miu - Scooping food : Truyện tranh / Kawa, Mai Anh Đỗ. - Tái bản lần 5, có chỉnh sửa, bổ sung. - H. : Lao động, 2026. - 28 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Ehon Kỹ năng sống; T.21). - 45000đ. - 2000b s627554

1427. Nguyễn Gia Bảo. Bí quyết pha chế sáng tạo : Thức uống xu hướng mới / Nguyễn Gia Bảo. - H. : Lao động, 2025. - 299 tr. : bảng, ảnh màu ; 25 cm. - 399000đ. - 1000b s627541

1428. Nguyễn Thị Thu Hằng. Con nghe, mẹ nói / Nguyễn Thị Thu Hằng. - H. : Lao động, 2026. - 173 tr. : tranh vẽ ; 23 cm. - 360000đ. - 5000b s627487

1429. Phạm Thị Thúy Vĩnh. Hành trang tuổi trẻ - Ươm mầm giá trị, kiến tạo tương lai / Phạm Thị Thúy Vĩnh, Bùi Thị Hương. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 139 tr. ; 21 cm. - 5000b s626874

1430. Thức ăn = Foods = Les aliments : Sách chuyển động thông minh đa ngữ Việt - Anh - Pháp : Dành cho trẻ em từ 0 - 6 tuổi / Nathalie Choux ; Dịch: Phạm Nhân, Linh Chi. - In lần thứ 5. - H. : Văn học, 2025. - 9 tr. : tranh màu ; 17 cm. - (Tủ sách Tương tác). - 119000đ. - 1000b s628376

1431. Trần Thị Huyền Thảo. Chào con! Ba mẹ đã sẵn sàng! : Dành cho bé từ 0 - 6 tháng tuổi / Trần Thị Huyền Thảo. - In lần thứ 32. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 220 tr. : biểu đồ, tranh vẽ ; 23 cm. - (Bác sĩ riêng của bé yêu). - 95000đ. - 5000b  
Thư mục cuối mỗi bài s628236

1432. Tsabary, Shefali. Làm cha mẹ tỉnh thức : Chuyển hóa bản thân, trao quyền cho con cái / Shefali Tsabary ; Khánh Thủy dịch. - In lần 14. - H. : Lao động, 2025. - 311 tr. ; 24 cm. - 149000đ. - 1500b  
Tên sách tiếng Anh: The conscious parent. - Phụ lục: tr. 305-311 s627604

1433. Tư vấn, hỗ trợ thanh niên, sinh viên bị bạo lực hèn hò / Lê Minh Nguyệt, Nguyễn Thị Thanh Hồng, Hoàng Anh Phước... - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 199 tr. : bảng ; 27 cm. - 195000đ. - 200b  
Thư mục: tr. 176-187. - Phụ lục: tr. 188-199 s626625

1434. Wowweekend cuisine : Trải nghiệm tinh hoa ẩm thực / Camille Nguyễn Trần, Veera, Aqarius Phạm... - H. : Thông tấn. - 30 cm. - 185000đ. - 20000b  
T.8: Hyper local cuisine - Ẩm thực siêu địa phương. - 2025. - 145 tr. : ảnh, tranh màu s626593

## QUẢN LÝ VÀ QUAN HỆ CÔNG CỘNG

1435. Bài tập Chuẩn mực kế toán / B.s.: Tạ Thị Thúy Hằng (ch.b.), Ngô Quang Hùng, Tô Thị Thu Trang, Nguyễn Thị Thanh. - H. : Lao động, 2025. - 383 tr. : bảng ; 21 cm. - 100000đ. - 300b  
ĐTTS ghi: Trường Đại học Lao động - Xã hội. - Thư mục: tr. 383 s627402

1436. Blanchard, Ken. Vị giám đốc một phút = The new one minute manager / Ken Blanchard, Spencer Johnson ; Dịch: Nguyễn Văn Phước... - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 127 tr. : ảnh ; 21 cm. - 58000đ. - 3000b  
Tên sách nguyên bản: The new one minute manager s626787

1437. Bùi Huy Nhượng. Kết nối các tổ chức hỗ trợ vào hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo ở Việt Nam : Sách chuyên khảo / Ch.b.: Bùi Huy Nhượng, Nguyễn Minh Ngọc. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 343 tr. : bảng, biểu đồ ; 24 cm. - 1000b  
Phụ lục: tr. 317-326. - Thư mục: tr. 327-340 s627104

1438. Cẩm nang bảo vệ dữ liệu khách hàng - Từ tuân thủ đến lợi thế cạnh tranh : Giải pháp cơ bản và biểu mẫu thực hành cho startup & SMT Việt Nam / Mai Hoàng Phước, Phạm Dương Hoàng Phúc (ch.b.), Trần Tiến Phát... - H. : Công an nhân dân, 2025. - 79 tr. : bảng ; 21 cm. - 100b s627018

1439. Cấn Mạnh Linh. 7 ngày Affiliate - Thành thạo tiếp thị liên kết trong "7 ngày" / Cấn Mạnh Linh. - H. : Lao động, 2025. - 342 tr. : minh họa ; 24 cm. - 368000đ. - 15000b s627619

1440. Đỗ Đăng Khoa. Tăng trưởng lợi nhuận với Private domain traffic system trên hệ sinh thái Zalo / Đỗ Đăng Khoa, Nguyễn Tuấn Phú. - H. : Thế giới, 2025. - 166 tr. : minh họa ; 21 cm. - 189000đ. - 5000b s627680

1441. Ferriss, Timothy. Tuần làm việc 4 giờ : Làm việc 4 giờ/tuần thay vì 48 giờ/tuần và gia nhập nhóm New Rich / Timothy Ferriss ; Nguyễn Mạnh Hùng biên dịch. - H. : Công Thương, 2025. - 370 tr. ; 16 cm. - 149000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: The 4-hour work week s628321

1442. Giáo trình Hành nghề kiểm toán / B.s.: Đặng Văn Thanh, Hà Thị Tường Vy (ch.b.), Trần Thị Hồi... - H. : Kinh tế - Tài chính, 2025. - 139 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 80000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội. - Thư mục: tr. 138 s627149

1443. Giáo trình Kế toán hành chính sự nghiệp / Lương Khánh Chi (ch.b.), Nguyễn Thị Tuyết Minh, Nguyễn Lan Anh, Trần Thị Thu Hà. - Hải Phòng : Nxb. Hàng hải, 2026. - 259 tr. ; 25 cm. - 138000đ. - 100b

Thư mục: tr. 243-244. - Phụ lục: tr. 245-259 s627039

1444. Giáo trình Kiểm toán căn bản / B.s.: Đào Mạnh Huy (ch.b.), Đỗ Thị Lan Anh, Vũ Kim Dương, Đoàn Tất Thành. - H. : Lao động, 2025. - 407 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 110000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Lao động - Xã hội. - Thư mục: tr. 406-407 s627393

1445. Giáo trình Kiểm toán căn bản / Nguyễn Thị Ngọc Lan, Trần Thị Thanh Thúy (ch.b.), Nguyễn Hồng Anh... - H. : Lao động, 2025. - 319 tr. : bảng ; 24 cm. - 104000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp. - Thư mục: tr. 318 s627503

1446. Giáo trình Nguyên lý kế toán / B.s.: Hồ Văn Thống, Nguyễn Giác Trí (ch.b.), Lê Thị Kim Triệu... - H. : Kinh tế - Tài chính, 2026. - 294 tr. : minh họa ; 24 cm. - 119000đ. - 3000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Đồng Tháp. Khoa Kinh tế - Luật. - Thư mục: tr. 253-254. - Phụ lục: tr. 255-294 s627144

1447. Giáo trình quản lý sự thay đổi và đổi mới : Dùng cho chương trình đào tạo cử nhân kinh tế / Nguyễn Thị Khuyên, Nguyễn Đức Toàn (ch.b.), Trần Thị Ngọc Minh... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 311 tr. ; 21 cm. - 153000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Học viện Báo chí và Tuyên truyền. Khoa Kinh tế chính trị. - Thư mục: tr. 303-308 s627075

1448. Giáo trình Quản trị chuỗi cung ứng / Trần Hoàng Long, Nguyễn Xuân Quang (ch.b.), Nguyễn Thị Huyền, Nguyễn Thúy Hải. - H. : Lao động, 2025. - 373 tr. : minh họa ; 24 cm. - 206000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp. - Thư mục: tr. 372-373 s627506

1449. Giáo trình Quản trị học / Hà Thị Thanh Tuyền (ch.b.), Nguyễn Thị Hương, Huỳnh Thị Ngọc Ôn, Trần Bửu Long. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2026. - 278 tr. : minh họa ; 24 cm. - 255000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Kiên Giang. - Thư mục: tr. 276-278 s627142

1450. Giáo trình Quản trị rủi ro trong sản xuất kinh doanh / B.s.: Phan Chí Anh, Nguyễn Thu Hà (ch.b.), Nguyễn Khánh Huy... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 302 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 249000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Hà Nội. Trường Đại học Kinh tế. - Phụ lục: tr. 203-295. -  
Thư mục trong chính văn s628133

1451. Giáo trình Tài chính doanh nghiệp vận tải và logistics : Dành cho ngành Kinh tế vận tải, Khai thác vận tải, Logistics và quản trị chuỗi cung ứng / Trần Quang Phú (ch.b.), Lê Thị Hồng Huế, Trần Thị Diệu Huyền, Nguyễn Thị Minh Hạnh. - H. : Giao thông vận tải, 2025. - 176 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 203000đ. - 500b

Đầu bìa sách ghi: Trường Đại học Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục: tr. 175 s627879

1452. Grzywacz, Piotr Feliks. OKR: "Kinh thánh" quản trị và cách vận hành hiệu quả / Piotr Feliks Grzywacz ; Nguyễn Trà My dịch. - H. : Hồng Đức, 2026. - 246 tr. : minh họa ; 21 cm. - 168000đ. - 1000b s627334

1453. Hà Thúy Quỳnh. Giải mã định giá gọi vốn M&A : Hành trình cá chép vượt vũ môn / Hà Thúy Quỳnh. - H. : Tri thức, 2025. - 510 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 699000đ. - 1000b s626732

1454. Hill, Napoleon. Để thế giới biết bạn là ai = How to sell your way through life / Napoleon Hill ; Dịch: Khánh Tâm, Hồng Thắm. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 367 tr. ; 21 cm. - 138000đ. - 1000b s626797

1455. Hoa Le - Finan. VAS & IFRS - Hai hệ thống, hai công trình kiến trúc số / Hoa Le - Finan. - H. : Tri thức, 2025. - 167 tr. : bảng ; 18 cm. - 220000đ. - 300b

Tên thật tác giả: Lê Thị Thanh Hoa s628763

1456. Hồ Huy Tựu. Ảnh hưởng của các giá trị môi trường và động cơ đạo đức đến hành vi lãng phí thực phẩm của người tiêu dùng Việt Nam : Sách chuyên khảo / Ch.b.: Hồ Huy Tựu, Nguyễn Văn Ngọc. - H. : Lao động, 2025. - 199 tr. : sơ đồ ; 24 cm. - 150000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Nha Trang. - Thư mục: tr. 144-166. - Phụ lục: tr. 167-199 s627489

1457. Hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp và lập báo cáo tài chính hợp nhất của đơn vị kế toán cấp trên / Hệ thống: Nguyễn Tài Thành. - H. : Hồng Đức, 2026. - 565 tr. ; 27 cm. - 500000đ. - 1990b

Phụ lục trong chính văn s627769

1458. Hướng dẫn học tập Nguyên lý kế toán / Phạm Đức Cường, Trần Quang Chung (ch.b.), Phạm Thị Minh Hồng... - H. : Đại học Kinh tế Quốc dân, 2026. - ix, 249 tr. : minh họa ; 27 cm. - 80000đ. - 2000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Kinh tế Quốc dân. Viện Kế toán - Kiểm toán. Bộ môn Nguyên lý kế toán s627825

1459. Khúc Đại Long. Quản trị thương hiệu đa nền tảng / Khúc Đại Long ch.b. - H. : Công Thương, 2026. - 330 tr. ; 24 cm. - 168000đ. - 250b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Thương mại. - Thư mục: tr. 324-330 s627293

1460. Kogon, Kory. Quản trị dự án dành cho quản lý dự án không chuyên = Project management for the unofficial project manager / Kory Kogon, Suzette Blakemore ; Nguyễn Lê Chi dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 259 tr. ; 20 cm. - 180000đ. - 1000b s626778

1461. Kotler, Philip. Nguyên lý marketing = Principles of marketing : Phiên bản mới nhất được cập nhật 17th edition / Philip Kotler, Gary Armstrong ; Biên dịch: Vũ Huy Thông... - Tái bản lần 3. - H. : Đại học Kinh tế Quốc dân, 2024. - 1082 tr. : minh họa ; 27 cm. - 999000đ. - 2000b

Phụ lục: tr. 1001-1064 s626603

1462. Lê Thị Tú Oanh. Giáo trình Hệ thống kiểm soát quản trị / Ch.b.: Lê Thị Tú Oanh, Tô Thị Ngọc Lan. - H. : Lao động, 2025. - 323 tr. : bảng, sơ đồ ; 21 cm. - 90000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Bộ Nội vụ. Trường Đại học Lao động - Xã hội. - Thư mục: tr. 320-323 s627398

1463. Lê Xuân Vinh. Cẩm nang phục vụ thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp : Bài học thực tiễn từ nhận diện và chẩn đoán gian lận - sai sót trong báo cáo tài chính doanh nghiệp = Handbook for business inspection : Practical takeaways from identifying and diagnosing financial statements fraud and error / Lê Xuân Vinh. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 220 tr. ; 21 cm. - 129000đ. - 1000b s628124

1464. Masaru Amano. KPT: Bí quyết xây dựng đội nhóm tự quản đạt hiệu suất cao / Masaru Amano ; Đan Thị dịch. - H. : Hồng Đức, 2026. - 175 tr. ; 21 cm. - 128000đ. - 1000b s627333

1465. Maxwell, John C. 17 nguyên tắc vàng trong làm việc nhóm = The 17 indisputable laws of teamwork / John C. Maxwell ; Đức Anh dịch. - Tái bản lần thứ 11. - H. : Lao động, 2025. - 247 tr. : bảng ; 21 cm. - 109000đ. - 3000b s627567

1466. Michelle G. Biến thương hiệu thành tiền : Bí quyết chiến thắng mọi thị trường / Michelle G. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Công Thương, 2026. - 331 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - (Hoa hậu sách; 1). - 299000đ. - 3000b

Thư mục: tr. 329-331 s627278

1467. Miller, Donald. Xây dựng câu chuyện thương hiệu = Building a story brand : Làm rõ thông điệp của bạn đến khách hàng / Donald Miller ; Vũ Diệu Hương dịch. - H. : Lao động, 2025. - 370 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 219000đ. - 2000b s627373

1468. Minh Hương. Doanh nhân kiến quốc / Minh Hương b.s. - H. : Công Thương, 2026. - 301 tr. ; 19 cm. - 369000đ. - 1100b s627271

1469. Newport, Cal. Làm ra làm chơi ra chơi : Châm dứt sự hời hợt trong công việc bằng cách áp dụng bí quyết chỉ có ở người thành công / Cal Newport ; Mai Anh dịch. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Lao động, 2025. - 351 tr. ; 21 cm. - 159000đ. - 10000b

Tên sách tiếng Anh: Deep work : Rules for focused success in a distracted world s627570

1470. Ngô Quang Hùng. Bài tập Kế toán máy / Ngô Quang Hùng ch.b. - H. : Lao động, 2025. - iii, 430 tr. : ảnh, bảng ; 21 cm. - 115000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Bộ Nội vụ. Trường Đại học Lao động - Xã hội. - Phụ lục: tr. 364-429. - Thư mục: tr. 430 s627391

1471. Nguyễn Bảo Quốc. Gỡ cửa nghề sales - Cứ gỡ cửa sẽ mở / Nguyễn Bảo Quốc. - H. : Công Thương, 2026. - 303 tr. ; 23 cm. - 229000đ. - 1000b

Phụ lục: tr. 292-302. - Thư mục: tr. 303 s627291

1472. Nguyễn Đăng Huy. Giáo trình Kế toán hành chính sự nghiệp / B.s.: Nguyễn Đăng Huy (ch.b.), Vũ Thị Thêu Hương. - H. : Tài chính, 2025. - 306 tr. : bảng ; 24 cm. - 120000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội. - Thư mục: tr. 306 s627146

1473. Nguyễn Đức Thọ. Giáo trình Quản trị dự án đầu tư : Dành cho học viên cao học / Nguyễn Đức Thọ, Hoàng Xuân Lâm (ch.b.), Lê Thị Anh Vân. - H. : Đại học Kinh tế Quốc dân, 2025. - 564 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 258000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Công nghệ và Quản lý hữu nghị. - Thư mục: tr. 537-564 s627034

1474. Nguyễn Mai Tú. Hiệu suất để tự do : Những nguyên tắc thực thi hiệu suất cao dành cho nhà quản lý mới / Nguyễn Mai Tú. - H. : Thế giới, 2026. - 267 tr. : minh họa ; 21 cm. - 199000đ. - 5000b s628197

1475. Nguyễn Ngọc Khải. Nghệ thuật chốt deal triệu đô : Bí quyết để bạn chiến thắng trong bất kì thương vụ bán hàng nào / Nguyễn Ngọc Khải. - H. : Lao động, 2025. - 215 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 299000đ. - 1000b s627453

1476. Nguyễn Ngọc Thắng. Giáo trình Quản trị học / Nguyễn Ngọc Thắng. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2026. - 367 tr. : minh họa ; 24 cm. - 400000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Hà Nội. Trường Quản trị và Kinh doanh. - Thư mục: tr. 363-367 s628143

1477. Nguyễn Thị Hồng. Giáo trình Quản lý nguồn nhân lực dựa trên năng lực : Dùng cho cao học / B.s.: Nguyễn Thị Hồng (ch.b.), Vũ Hồng Phong. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Lao động, 2025. - 283 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 80000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Lao động - Xã hội. - Thư mục: tr. 278-283 s627450

1478. Nguyễn Thị Liên Diệp. Quản trị học = Management / B.s.: Nguyễn Thị Liên Diệp, Trần Anh Minh. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2026. - 302 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 139000đ. - 3000b

Thư mục cuối chính văn s627141

1479. Nguyễn Thị Thanh Thúy. Hành vi tổ chức / Nguyễn Thị Thanh Thúy, Phan Thị Thanh Huyền, Nguyễn Phan Như Ngọc. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 135 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 250b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục: tr. 129-135 s626912

1480. Papasan, Jay. Điều ý nghĩa nhất trong từng khoảnh khắc cuộc đời / Jay Papasan, Gary Keller ; Tuấn Trương dịch. - Tái bản lần thứ 10. - H. : Lao động, 2026. - 271 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 119000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Anh: The one thing : The surprisingly simple truth behind extraordinary results s627568

1481. Phạm Nghị Nhiên. 38 lá thư Rockefeller gửi cho con trai / Phạm Nghị Nhiên ; Nguyễn Thị Hà Dung dịch ; Nguyễn Hoàng Phương h.đ. - H. : Hồng Đức, 2026. - 298 tr. ; 21 cm. - 175000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 洛克菲勒写给儿子的38封信 s627323

1482. Phạm Thúy Hương. Giáo trình Hành vi tổ chức / B.s.: Phạm Thúy Hương, Phạm Thị Bích Ngọc (ch.b.), Lê Thị Mỹ Linh. - Tái bản lần thứ 3, có sửa chữa bổ sung. - H. : Đại học Kinh tế Quốc dân, 2025. - 385 tr. : bảng, sơ đồ ; 24 cm. - 127000đ. - 600b

ĐTTS ghi: Đại học Kinh tế Quốc dân. Trường Kinh doanh. Khoa Kinh tế và Quản lý nguồn nhân lực. - Thư mục cuối mỗi chương s627028

1483. Phạm Văn Trung Kiên. Tôi bán tôi = I sell myself : Kỹ năng thực chiến trao giá trị, không chào hàng / Phạm Văn Trung Kiên. - H. : Thế giới, 2026. - 690 tr. : minh họa ; 24 cm. - 357000đ. - 3000b

Thư mục cuối chính văn s628208

1484. Phan Đình Nguyên. Phương tiện truyền thông xã hội và hiệu quả doanh nghiệp : Sách chuyên khảo / Phan Đình Nguyên (ch.b.), Đỗ Thị Ninh. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2025. - x, 201 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 300000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Đại học Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục: tr. 174-198 s627153

1485. Quản trị thanh khoản - Trường hợp tại các doanh nghiệp trong ngành sản xuất : Sách tham khảo / Huỳnh Thị Xuân Thùy, Nguyễn Thị Hồng (ch.b.), Nguyễn Văn Chiến, Đặng Bửu Kiêm. - H. : Đại học Kinh tế Quốc dân, 2025. - 288 tr. : minh họa ; 24 cm. - 250000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Thủ Dầu Một. - Thư mục: tr. 281-287 s627037

1486. Sách hướng dẫn học tập môn Kỹ năng soạn thảo văn bản (theo pháp luật hiện hành) / B.s.: Đặng Tất Dũng, Dương Hồng Thị Phi Phi (ch.b.), Vũ Thị Ngọc Dung... - H. : Lao động, 2025. - 408 tr. : bảng ; 30 cm. - 132000đ. - 1000b s627801

1487. Schwartz, Tony. Đừng làm việc chăm chỉ hãy làm việc thông minh / Tony Schwartz, Jean Gomes, Catherine McCarthy ; Thanh Bình dịch. - H. : Hồng Đức, 2026. - 354 tr. ; 21 cm. - 175000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Anh: The way we're working isn't working: The four forgotten needs that energize great performance s627317

1488. Shinya Kawahara. PDCA: Tự động hóa doanh nghiệp để giải phóng lãnh đạo và nhân bản doanh nghiệp / Shinya Kawahara ; Thu Trang dịch. - H. : Hồng Đức, 2026. - 195 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 136000đ. - 1000b s627348

1489. Templar, Richard. Những quy tắc trong công việc : Bí quyết làm việc hiệu quả và thăng tiến nhanh chóng / Richard Templar ; Dịch: Trung Kiên, Thanh Huyền. - Tái bản lần thứ 15. - H. : Lao động, 2025. - 321 tr. ; 21 cm. - 149000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Anh: The rules of work : A definitive code for personal success s627564

1490. Tô Thị Ngọc Lan. Giáo trình Kế toán quản trị / Ch.b.: Tô Thị Ngọc Lan, Trần Anh Quang. - H. : Lao động, 2025. - 434 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 115000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Bộ Nội vụ. Trường Đại học Lao động - Xã hội. - Thư mục: tr. 431-433 s627401

1491. Tracy, Brian. 6 nguyên tắc vàng phát triển cá nhân : Thiết lập và thực hiện mục tiêu kinh doanh... / Brian Tracy ; Phúc Thành dịch. - H. : Lao động, 2025. - 327 tr. ; 21 cm. - 195000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: 6 essentials to start & succeed in your own business : What top entrepreneurs know, that others don't s627410

1492. Tracy, Michael. Nghệ thuật bán hàng đỉnh cao : Tìm hiểu thị trường và chọn đúng sản phẩm... / Michael Tracy ; Trịnh Lan Anh dịch. - H. : Lao động, 2026. - 270 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - (Tủ sách Kỹ năng). - 139000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Sales journey : The proven system to multiply your income and business s627452

1493. Trần Ngọc Mai. Quản trị công ty trong việc sử dụng vốn của doanh nghiệp : Sách chuyên khảo / Trần Ngọc Mai (ch.b.), Trần Mạnh Hà. - H. : Đại học Kinh tế Quốc dân, 2026. - 218 tr. : bảng, biểu đồ ; 21 cm. - 163000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Học viện Ngân hàng. - Thư mục: tr. 211-218 s627033

1494. Trần Thị Thu Thủy. Bài tập Nguyên lý kế toán 2 / B.s.: Trần Thị Thu Thủy (ch.b.), Lê Thị Hương Trâm, Nguyễn Thị Thu Thảo. - H. : Lao động, 2025. - 203 tr. : bảng ; 21 cm. - 55000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Bộ Nội vụ. Trường Đại học Lao động - Xã hội. - Thư mục: tr. 203 s627399

1495. Trần Văn Dân. Quyền lực lãnh đạo / Trần Văn Dân. - H. : Công Thương, 2026. - 295 tr. ; 21 cm. - 360000đ. - 20000b s627288

1496. Trần Văn Dân. Trở thành cao thủ bán hàng : 108 tuyệt chiêu chốt đơn hiệu quả... / Trần Văn Dân. - H. : Công Thương, 2026. - 239 tr. ; 21 cm. - 360000đ. - 5000b s627286

1497. Vaynerchuk, Gary. Trí tuệ của sói đầu đàn : Nghệ thuật cân bằng giữa cảm xúc, tham vọng, lòng tử tế trong công việc và cuộc sống / Gary Vaynerchuk ; Eggart dịch. - H. : Công Thương, 2026. - 319 tr. ; 19 cm. - 209000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Twelve and a half : Leveraging the emotional ingredients necessary for business success s627276

1498. Vô Giới. Xây dựng thương hiệu cá nhân đa kênh / Vô Giới, Đỗ Bồi Bồi ; Trangdvh dịch. - H. : Lao động, 2026. - 343 tr. ; 19 cm. - 195000đ. - 2000b s628845

1499. Youtube AI thực chiến: Thu nhập 1000\$+ mỗi tháng với youtube & AI / Unica. - H. : Tri thức, 2026. - 199 tr. ; 21 cm. - 268000đ. - 5000b

Phụ lục: tr. 198-199 s626723

1500. Yusuke Nakao. OJT - Công cụ phát triển nguồn nhân lực kế thừa / Yusuke Nakao ; Đức Mạnh dịch. - H. : Hồng Đức, 2026. - 155 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 118000đ. - 1000b s627345

## KỸ THUẬT HOÁ HỌC

1501. Đồng Thị Anh Đào. Giáo trình Kỹ thuật bao bì thực phẩm / Đồng Thị Anh Đào. - Tái bản lần thứ 2. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 401 tr. : minh họa ; 24 cm. - 85000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Trường Đại học Bách khoa. - Thư mục: tr. 398-401 s626925

1502. Trần Xuân Hiền. Giáo trình Đánh giá cảm quan trong sản xuất thực phẩm / Trần Xuân Hiền, Lê Thị Thúy Hằng. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 234 tr. : minh họa ; 24 cm. - 225000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh. Trường Đại học An Giang. - Thư mục: tr. 212-224. - Phụ lục: tr. 226-234 s626893

1503. Trịnh Khánh Sơn. Giáo trình Vi sinh thực phẩm / Trịnh Khánh Sơn (ch.b.), Nguyễn Thùy Linh. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 407 tr. : minh họa ; 24 cm. - 250b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục: tr. 403-407 s626914

## CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT

1504. Gỗ & nội thất : Ấn phẩm của Hội Mỹ nghệ & chế biến gỗ Tp. Hồ Chí Minh (HAWA) / Nguyễn Văn Đước, Thu Phương, Đặng Hùng... - H. : Thông tấn. - 30 cm. - 1500b  
T.107. - 2025. - 77 tr. : ảnh màu s626621

1505. Phạm Thị Hà. Công nghệ wash sản phẩm jeans : Giáo trình dành cho sinh viên ngành Công nghệ May / Phạm Thị Hà. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 119 tr. : minh họa ; 24 cm. - 250b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục: tr. 119 s626895

## SẢN XUẤT CHUYÊN DỤNG

1506. Đỗ Thị Tuyết Lan. Giáo trình Công nghệ may 4 / Đỗ Thị Tuyết Lan (ch.b.), Đặng Thị Lý. - H. : Lao động, 2025. - 141 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 60000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp. - Thư mục: tr. 140 s627496

1507. Mai Quỳnh Trang. Thiết kế nón và túi xách : Giáo trình dùng cho sinh viên ngành Công nghệ May / Mai Quỳnh Trang. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 159 tr. : minh họa ; 24 cm. - 250b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục: tr. 159 s626897

1508. Nguyễn Quốc Toàn. Giáo trình Thiết kế trang phục 4 / Nguyễn Quốc Toàn (ch.b.), Bùi Thanh Hương. - H. : Lao động, 2025. - 211 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 78000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp. - Thư mục: tr. 210 s627502

1509. Nguyễn Thành Hậu. Giáo trình Công nghệ CAD ngành may / Nguyễn Thành Hậu. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2024. - 319 tr. : minh họa ; 24 cm. - 250b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục: tr. 318 s626913

1510. Nguyễn Thị Thanh Bạch. Kỹ thuật may cơ bản / Nguyễn Thị Thanh Bạch, Nguyễn Thị Thúy. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 118 tr. : minh họa ; 24 cm. - 250b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục: tr. 118 s626901

1511. Phùng Thị Bích Dung. Thiết kế trang phục trẻ em : Giáo trình dành cho sinh viên ngành Công nghệ May / Phùng Thị Bích Dung, Nguyễn Thị Tuyết Trinh. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 171 tr. : minh họa ; 24 cm. - 250b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục: tr. 171 s626902

1512. Tạ Vũ Thục Oanh. Giáo trình thực hành Chuẩn bị sản xuất : Dùng cho sinh viên ngành Công nghệ May / Tạ Vũ Thục Oanh, Lê Quang Lâm Thúy. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 254 tr. : minh họa ; 24 cm. - 250b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục: tr. 240 s626909

## NHÀ VÀ XÂY DỰNG

1513. Nguyễn Duy Hưng. Giáo trình Phần mềm ứng dụng trong quản lý xây dựng : Dành cho ngành Kỹ thuật xây dựng / Nguyễn Duy Hưng (ch.b.), Đặng Thị Trang. - H. : Giao thông vận tải, 2025. - 196 tr. : minh họa ; 27 cm. - 187000đ. - 500b

Đầu bìa sách ghi: Trường Đại học Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục: tr. 195 s627882

1514. Nguyễn Thế Bảo. Giáo trình Điều hòa không khí cho các tòa nhà xanh / Nguyễn Thế Bảo. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - xxii, 489 tr. : minh họa ; 27 cm. - 166000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Trường Đại học Bách khoa. - Thư mục cuối chính văn s627906

1515. Sổ tay hướng dẫn sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả tại các công trình tòa nhà / B.s.: Nguyễn Thị Mỹ Linh, Nguyễn Thị Như Vân, Phạm Quang Vũ... - H. : Công Thương, 2025. - 116 tr. : minh họa ; 21 cm. - 2000b

Đầu bìa sách ghi: Chương trình Quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. -  
Thư mục: tr. 113-116 s627290

## NGHỆ THUẬT, MỸ THUẬT VÀ NGHỆ THUẬT TRANG TRÍ

1516. 365 stickers bóc dán thông minh IQ, EQ, CQ - Bảng chữ cái - chữ số : Song ngữ Việt Anh : 2+ / Minh Phương. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 16 tr. : tranh màu ; 27 cm. - (Vừa học vừa chơi). - 35000đ. - 10000b s627761

1517. 365 stickers bóc dán thông minh IQ, EQ, CQ - Bé học Toán : Song ngữ Việt Anh : 2+ / Minh Phương. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 16 tr. : tranh màu ; 27 cm. - (Vừa học vừa chơi). - 35000đ. - 10000b s627765

1518. 365 stickers bóc dán thông minh IQ, EQ, CQ - Hình khối và màu sắc : Song ngữ Việt Anh : 2+ / Minh Phương. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 16 tr. : tranh màu ; 27 cm. - (Vừa học vừa chơi). - 35000đ. - 10000b s627763

1519. 365 stickers bóc dán thông minh IQ, EQ, CQ - Phát triển IQ khả năng sáng tạo : Song ngữ Việt Anh : 2+ / Minh Phương. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 16 tr. : tranh màu ; 27 cm. - (Vừa học vừa chơi). - 35000đ. - 10000b s627764

1520. 365 stickers bóc dán thông minh IQ, EQ, CQ - Rèn luyện ngôn ngữ : Song ngữ Việt Anh : 2+ / Minh Phương. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 16 tr. : tranh màu ; 27 cm. - (Vừa học vừa chơi). - 35000đ. - 10000b s627760

1521. 365 stickers bóc dán thông minh IQ, EQ, CQ - Rèn luyện thói quen tốt : Song ngữ Việt Anh : 2+ / Minh Phương. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 16 tr. : tranh màu ; 27 cm. - (Vừa học vừa chơi). - 35000đ. - 10000b s627762

1522. Baby fashionista - Công chúa đại dương Moana / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 15 cm. - 27000đ. - 5000b s628383

1523. Baby fashionista - Công chúa hiện đại Jessica / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 15 cm. - 31000đ. - 5000b s628382

1524. Baby fashionista - Công chúa xinh đẹp Aoko / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 15 cm. - 27000đ. - 5000b s628384

1525. Baby Three trong thế giới cổ tích / Viết: Tree ; Vẽ: Khanh Vũ. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 60 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 68000đ. - 3000b s627624

1526. Bé tập tô màu - Trái cây / Nguyễn Xuân Phong, Nguyễn Kim Hoa. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2026. - 23 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 12000đ. - 5000b s626758

1527. Bé tô màu - Bản thân : Phiên bản song ngữ Việt - Anh : Dành cho trẻ từ 3 - 4 tuổi / Thùy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 16 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 12000đ. - 10000b s627245

1528. Bé tô màu - Bản thân : Phiên bản song ngữ Việt - Anh : Dành cho trẻ từ 3 - 6 tuổi / Thùy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 16 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 12000đ. - 10000b s627258

1529. Bé tô màu - Các loài cá : Phiên bản song ngữ Việt - Anh : Dành cho trẻ từ 3 - 6 tuổi / Thùy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 16 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 12000đ. - 10000b s627256
1530. Bé tô màu - Các loài cá và chim : Phiên bản song ngữ Việt - Anh : Dành cho trẻ từ 3 - 4 tuổi / Thùy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 16 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 12000đ. - 10000b s627243
1531. Bé tô màu - Các loài quả : Phiên bản song ngữ Việt - Anh : Dành cho trẻ từ 3 - 4 tuổi / Thùy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 16 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 12000đ. - 10000b s627241
1532. Bé tô màu - Các loại hoa quả : Phiên bản song ngữ Việt - Anh : Dành cho trẻ từ 3 - 6 tuổi / Thùy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 16 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 12000đ. - 10000b s627262
1533. Bé tô màu - Đồ chơi của bé : Phiên bản song ngữ Việt - Anh : Dành cho trẻ từ 3 - 6 tuổi / Thùy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 16 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 12000đ. - 10000b s627252
1534. Bé tô màu - Đồ dùng gia đình : Phiên bản song ngữ Việt - Anh : Dành cho trẻ từ 3 - 6 tuổi / Thùy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 16 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 12000đ. - 10000b s627257
1535. Bé tô màu - Đồ dùng, đồ chơi của bé : Phiên bản song ngữ Việt - Anh : Dành cho trẻ từ 3 - 4 tuổi / Thùy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 16 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 12000đ. - 10000b s627248
1536. Bé tô màu - Động vật hoang dã : Phiên bản song ngữ Việt - Anh : Dành cho trẻ từ 3 - 4 tuổi / Thùy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 16 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 12000đ. - 10000b s627242
1537. Bé tô màu - Động vật bé nuôi : Phiên bản song ngữ Việt - Anh : Dành cho trẻ từ 3 - 4 tuổi / Thùy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 16 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 12000đ. - 10000b s627244
1538. Bé tô màu - Động vật bé nuôi : Phiên bản song ngữ Việt - Anh : Dành cho trẻ từ 3 - 6 tuổi / Thùy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 16 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 12000đ. - 10000b s627260
1539. Bé tô màu - Động vật dưới nước : Phiên bản song ngữ Việt - Anh : Dành cho trẻ từ 3 - 6 tuổi / Thùy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 16 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 12000đ. - 10000b s627263
1540. Bé tô màu - Mùa hè của bé : Phiên bản song ngữ Việt - Anh : Dành cho trẻ từ 3 - 6 tuổi / Thùy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 16 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 12000đ. - 10000b s627249
1541. Bé tô màu - Nghề nghiệp : Phiên bản song ngữ Việt - Anh : Dành cho trẻ từ 3 - 6 tuổi / Thùy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 16 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 12000đ. - 10000b s627253
1542. Bé tô màu - Phương tiện giao thông : Phiên bản song ngữ Việt - Anh : Dành cho trẻ từ 3 - 4 tuổi / Thùy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 16 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 12000đ. - 10000b s627246

1543. Bé tô màu - Phương tiện giao thông : Phiên bản song ngữ Việt - Anh : Dành cho trẻ từ 3 - 6 tuổi / Thùy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 16 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 12000đ. - 500b s626928
1544. Bé tô màu - Rau củ và hoa : Phiên bản song ngữ Việt - Anh : Dành cho trẻ từ 3 - 4 tuổi / Thùy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 16 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 12000đ. - 10000b s627247
1545. Bé tô màu - Trường mầm non : Phiên bản song ngữ Việt - Anh : Dành cho trẻ từ 3 - 6 tuổi / Thùy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 16 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 12000đ. - 10000b s627261
1546. Bé tô màu Cry baby - Vui đùa với các bạn / Nam Thuận. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2026. - 16 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 15000đ. - 5000b s627812
1547. Bí mật của công chúa nhỏ - Công chúa cổ tích : +100 sticker xinh xắn. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 40 tr. : tranh màu ; 18x20 cm. - 89000đ. - 3000b s628407
1548. Bí mật của công chúa nhỏ - Hoàng tử trong mơ : +100 sticker xinh xắn. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 40 tr. : tranh màu ; 18x20 cm. - 89000đ. - 3000b s628406
1549. Biên giới khúc tình ca : Tuyển tập ca cổ / Vĩnh Châu, Nguyễn Đình Chiến, Quang Chính... - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 128 tr. : ảnh ; 20 cm. - 300b s628258
1550. Capybara đại náo Thảo cầm viên : Sách tô màu vui nhộn / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2025. - 68 tr. : tranh vẽ ; 19x27 cm. - 71000đ. - 5000b s628398
1551. Capybara và những người bạn - Bữa tiệc vui nhộn : 100++ stickers dễ thương / Khánh Huyền. - H. : Văn học, 2025. - 14 tr. : tranh màu ; 19 cm. - 36000đ. - 5000b s628394
1552. Capybara và những người bạn - Cửa hàng vui vẽ : 100++ stickers dễ thương / Khánh Huyền. - H. : Văn học, 2025. - 14 tr. : tranh màu ; 19 cm. - 36000đ. - 5000b s628393
1553. Capybara và những người bạn - Khu vườn xinh đẹp : 100++ stickers dễ thương / Khánh Huyền. - H. : Văn học, 2025. - 14 tr. : tranh màu ; 19 cm. - 36000đ. - 5000b s628396
1554. Capybara và những người bạn - Kỳ nghỉ thú vị : 100++ stickers dễ thương / Khánh Huyền. - H. : Văn học, 2025. - 14 tr. : tranh màu ; 19 cm. - 36000đ. - 5000b s628391
1555. Capybara và những người bạn - Ngôi nhà hạnh phúc : 100++ stickers dễ thương / Khánh Huyền. - H. : Văn học, 2025. - 14 tr. : tranh màu ; 19 cm. - 36000đ. - 5000b s628395
1556. Capybara và những người bạn - Trải nghiệm ẩm thực : 100++ stickers dễ thương / Khánh Huyền. - H. : Văn học, 2025. - 14 tr. : tranh màu ; 19 cm. - 36000đ. - 5000b s628392
1557. Chúng mình đơn giản chỉ là gấu / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2025. - 68 tr. : tranh vẽ ; 19x25 cm. - 71000đ. - 5000b s628397
1558. Dán hình chú cảnh sát và những nghề nghiệp bé yêu thích : Song ngữ Anh - Việt / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2025. - 14 tr. : hình vẽ ; 19 cm. - (Bóc dán hình phát triển trí thông minh). - 38000đ. - 5000b s628389
1559. Dán hình lính cứu hỏa và những nghề nghiệp bé yêu thích : Song ngữ Anh - Việt / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2025. - 14 tr. : hình vẽ ; 19 cm. - (Bóc dán hình phát triển trí thông minh). - 38000đ. - 5000b s628388
1560. Dán hình vận động viên và những nghề nghiệp bé yêu thích : Song ngữ Anh - Việt / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2025. - 14 tr. : hình vẽ ; 19 cm. - (Bóc dán hình phát triển trí thông minh). - 38000đ. - 5000b s628390

1561. Dân ca Ví, Giặm Nghệ Tĩnh tuyển chọn / B.s.: Trần Quốc Chung, Nguyễn Xuân Hiếu, Tạ Hồng Dương... - Nghệ An : Nxb. Nghệ An. - 24 cm. - 250b  
ĐTTS ghi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trung tâm Nghệ thuật truyền thống Nghệ An  
T.1. - 2025. - 295 tr. s628291
1562. Giáo trình Lý thuyết vẽ mỹ thuật : Dùng cho đào tạo cao đẳng - Ngành Chăm sóc sắc đẹp / B.s.: Trần Thúy Liễu (ch.b.), Nguyễn Thanh Huyền, Lê Thị Thu Hà, Phan Ánh Vân. - H. : Y học, 2025. - 104 tr. : minh họa ; 27 cm. - 525000đ. - 50b  
ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 102. - Phụ lục: tr. 104 s627975
1563. Giáo trình Thực hành vẽ mỹ thuật : Dùng cho đào tạo cao đẳng - Ngành Chăm sóc sắc đẹp / B.s.: Lê Thị Thu Hà (ch.b.), Phan Ánh Vân, Phan Nguyễn Phương Nhi, Nguyễn Thị Hương. - H. : Y học, 2025. - 57 tr. : minh họa ; 27 cm. - 380000đ. - 50b  
ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 56 s627983
1564. Hành trình đi khắp Việt Nam / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2025. - 38 tr. : tranh vẽ ; 19x27 cm. - 72000đ. - 5000b s628400
1565. Họa sĩ nhí - Bé thích đồ chơi / Minh Tâm. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2025. - 24 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 13000đ. - 5000b s626753
1566. Hoàng Văn Dũng. Xử lý ảnh số / Hoàng Văn Dũng. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2024. - 187 tr. : minh họa ; 24 cm. - 250b  
ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục: tr. 184-187 s626908
1567. Huỳnh Đông. Thư pháp Hán Nôm - Giải thuyết và thực hành : Song ngữ Việt - Anh = Han - Nom calligraphy - Explanation and practice : Bilingual Vietnamese - English / Huỳnh Đông. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 24 cm. - 480000đ. - 500b  
Q.1: Thư pháp Từ = Calligraphy of Words. - 2025. - 440 tr. : ảnh, tranh vẽ s626646
1568. Ida Chiaki. Cửa tiệm trong mơ / Ida Chiaki ; Chi Chi dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Hồng Đức, 2026. - 72 tr. : tranh vẽ ; 25 cm. - 89000đ. - 1000b s627367
1569. Ida Chiaki. Nơi trú ẩn bình yên / Ida Chiaki ; Chi Chi dịch. - H. : Hồng Đức, 2026. - 72 tr. : tranh vẽ ; 25 cm. - 89000đ. - 1000b s627366
1570. Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Bản sắc âm nhạc Việt trong kỷ nguyên AI : Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 01 năm 2026 / Nguyễn Thị Mỹ Liên, Trần Dũng, Nguyễn Hương Thành... - H. : Thế giới, 2026. - 266 tr. : minh họa ; 27 cm. - 100b  
ĐTTS ghi: Trường Đại học Văn Hiến. - Thư mục cuối mỗi bài s627867
1571. Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Việt Nam 50 năm sau ngày đất nước hòa bình, thống nhất, đổi mới: Thực trạng và định hướng phát triển / Đào Duy Quát, Trần Khánh Thành, Bùi Thế Đức... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 803 tr. ; 24 cm. - 1000b  
ĐTTS ghi: Hội đồng Lý luận Trung ương s627113
1572. Mini fashion - Gấu trúc Kiki : Sticker dễ thương / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2025. - 18 tr. : tranh màu ; 15 cm. - 31000đ. - 5000b s628385
1573. Mini fashion - Gấu Yogi : Sticker dễ thương / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2026. - 20 tr. : tranh vẽ ; 15 cm. - 31000đ. - 5000b s628381
1574. Mini fashion - Mèo Kitty : Sticker dễ thương / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2026. - 18 tr. : tranh màu ; 15 cm. - 31000đ. - 5000b s628387

1575. Mini fashion - Thỏ Bunny : Sticker dễ thương / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2025. - 18 tr. : tranh màu ; 15 cm. - 31000đ. - 5000b s628386

1576. 100++ ý tưởng sáng tạo vẽ tranh bằng vân tay - Cuộc sống quanh em : Dành cho trẻ em từ 3 - 10 tuổi / Minh họa: Ipek Yagci ; Minquie dịch. - H. : Tri thức, 2025. - 60 tr. : tranh vẽ ; 22 cm. - (Tủ sách Sáng tạo). - 185000đ. - 2000b s626851

1577. 100++ ý tưởng sáng tạo vẽ tranh bằng vân tay - Đại dương : Dành cho trẻ em từ 3 - 10 tuổi / Minh họa: Ipek Yagci ; Minquie dịch. - H. : Tri thức, 2025. - 60 tr. : tranh vẽ ; 22 cm. - (Tủ sách Sáng tạo). - 185000đ. - 2000b s626849

1578. 100++ ý tưởng sáng tạo vẽ tranh bằng vân tay - Động vật quanh em : Dành cho trẻ em từ 3 - 10 tuổi / Minh họa: Ipek Yagci ; Minquie dịch. - H. : Tri thức, 2025. - 60 tr. : tranh vẽ ; 22 cm. - (Tủ sách Sáng tạo). - 185000đ. - 2000b s626852

1579. 100++ ý tưởng sáng tạo vẽ tranh bằng vân tay - Trong vườn : Dành cho trẻ em từ 3 - 10 tuổi / Minh họa: Ipek Yagci ; Minquie dịch. - H. : Tri thức, 2025. - 60 tr. : tranh vẽ ; 22 cm. - (Tủ sách Sáng tạo). - 185000đ. - 2000b s626850

1580. 50 năm văn học - Nghệ thuật các dân tộc thiểu số Thành phố Hồ Chí Minh (1975 - 2025) đơm hoa kết trái. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 375 tr. : ảnh màu ; 25 cm. - 1000b

ĐTTS ghi: Hội Văn học Nghệ thuật các dân tộc thiểu số Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục: tr. 178-180 s626783

1581. Ngô Bá Công. Giáo trình Mĩ thuật cơ bản / Ngô Bá Công. - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 239 tr. : minh họa ; 24 cm. - 110000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 237. - Phụ lục: tr. 238-239 s626859

1582. Nguyễn Thanh Hải. Giáo trình Xử lý ảnh nâng cao / Nguyễn Thanh Hải (ch.b.), Nguyễn Mạnh Hùng, Ngô Bá Việt. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 383 tr. : minh họa ; 24 cm. - 250b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh - 65 năm xây dựng và phát triển. - Phụ lục: tr. 298-383 s626919

1583. Phan Thủy. Fake food - Kỹ thuật tạo thực phẩm giả cho food stylist và content F&B / Phan Thủy. - H. : Công Thương, 2025. - 56 tr. : ảnh màu, bảng ; 15x21 cm. - 490000đ. - 2000b s628331

1584. Phòng, chống "Diễn biến hòa bình" trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật / Nguyễn Phương Diễm, Đỗ Quý Doãn, Đinh Xuân Dũng... - Xuất bản lần thứ 2. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 470 tr. ; 24 cm. - 278000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Tổng cục Chính trị quân đội nhân dân Việt Nam. Cục Tuyên huấn - Tạp chí Văn nghệ quân đội s627066

1585. Pouvourville, Albert de (Matgioi). Nghệ thuật Đông Dương / Albert de Pouvourville (Matgioi) ; Phong Chi dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 251 tr. : ảnh ; 24 cm. - 209000đ. - 1000b s627160

1586. Sticker princess - Dán hình thời trang - Công chúa Anna : Các bé phát huy óc thẩm mỹ thời trang : Sticker bóc dán trong suốt / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2025. - 19 tr., 4 tờ đề can : tranh màu ; 19 cm. - 45000đ. - 5000b s628097

1587. Thành phố Hồ Chí Minh - Kỷ nguyên mới văn minh, hiện đại, nghĩa tình = 胡志明市 - 新纪元 · 文明 · 现代 · 富有情义的城市 / Vương Quốc Huê, Phù Bình, Cố Nhân... - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 88 tr. : ảnh màu ; 30 cm. - 500b

- ĐTTS ghi: Hội Văn học nghệ thuật các Dân tộc thiểu số Thành phố Hồ Chí Minh s627920
1588. Thế giới kỳ ảo của Cinnamoroll / Viết: Tree ; Vẽ: Khanh Vũ. - H. : Lao động, 2025. - 62 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 68000đ s627630
1589. Thích ứng và an cư = Adaptation & settlement = 適応と安住 / K59 Atelier, Tân Mạn Kiến Trúc, Ryosuke Koizumi. - H. : Lao động, 2025. - 194 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 25 cm. - 500000đ. - 1000b  
Thư mục cuối mỗi bài s627540
1590. Thực tập xử lý ảnh / Nguyễn Mạnh Hùng, Nguyễn Thanh Hải, Nguyễn Duy Thảo, Trần Thị Quỳnh Như. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 199 tr. : minh họa ; 24 cm. - 250b  
ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục: tr. 199 s626904
1591. Thực tập xử lý ảnh dùng Python / Nguyễn Duy Thảo, Nguyễn Mạnh Hùng, Võ Đức Dũng, Trần Thị Quỳnh Như. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 98 tr. : ảnh ; 24 cm. - 250b  
ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục: tr. 60. - Phụ lục: tr. 61-98 s626894
1592. Tiệm bánh ngọt của My Melody / Viết: Tree ; Vẽ: Khanh Vũ. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 62 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 68000đ. - 3000b s627625
1593. Tiệm hoa của Sakura / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2025. - 68 tr. : tranh vẽ ; 19x27 cm. - 71000đ. - 5000b s628399
1594. Tiệm postcard trong khu rừng nhỏ / Ida Chiaki ; Chi Chi dịch. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Hồng Đức, 2026. - 52 tr. : tranh vẽ ; 15x23 cm. - 69000đ. - 1000b s628409
1595. Tô màu 10000 hình : Những hình vẽ và nhân vật hoạt hình dễ thương / Jenny Nguyễn. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 96 tr. : hình vẽ ; 20 cm. - 75000đ. - 3500b s627198
1596. Tô màu bóc dán 100+ stickers : Trái cây = Fruits : Bé thỏa sức sáng tạo, phát triển IQ, EQ, CQ : 2 - 10 tuổi / Minh Phương b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 16 tr. : tranh màu ; 27 cm. - 28000đ. - 10000b s626590
1597. Tô màu công chúa - Alice giấc mơ kì diệu / Phi Quỳnh, Hoàng Sơn. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2025. - 16 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 12000đ. - 5000b s626762
1598. Tô màu công chúa - Cô bé lọ lem : Dành cho trẻ từ 3 - 6 tuổi / Thùy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 16 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 12000đ. - 10000b s627255
1599. Tô màu công chúa - Công chúa Bạch Tuyết : Dành cho trẻ từ 3 - 6 tuổi / Thùy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 16 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 12000đ. - 10000b s627259
1600. Tô màu công chúa - Công chúa Elsa : Dành cho trẻ từ 3 - 6 tuổi / Thùy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 16 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 12000đ. - 10000b s627254
1601. Tô màu công chúa - Công chúa tóc mây : Dành cho trẻ từ 3 - 6 tuổi / Thùy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 16 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 12000đ. - 10000b s627251
1602. Tô màu công chúa - Nàng tiên cá : Dành cho trẻ từ 3 - 6 tuổi / Thùy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 16 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 12000đ. - 10000b s627250

1603. Tô màu Hello Kitty : Dành cho bé từ 3 - 6 tuổi / Thùy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 12000đ. - 10000b  
T.1. - 2026. - 16 tr. : hình vẽ s627212
1604. Tô màu Hello Kitty : Dành cho bé từ 3 - 6 tuổi / Thùy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 12000đ. - 10000b  
T.2. - 2026. - 16 tr. : hình vẽ s627213
1605. Tô màu nhân vật hoạt hình : Dành cho bé từ 3 - 6 tuổi / Thùy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 12000đ. - 10000b  
T.1. - 2026. - 16 tr. : hình vẽ s627214
1606. Tô màu nhân vật hoạt hình : Dành cho bé 3 - 6 tuổi / Thùy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 12000đ. - 10000b  
T.2. - 2026. - 16 tr. : tranh vẽ s627215
1607. Tô màu siêu nhân : Dành cho bé 3 - 6 tuổi / Thùy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 12000đ. - 10000b  
T.2. - 2026. - 16 tr. : tranh vẽ s627216
1608. Tô màu siêu nhân : Dành cho bé 3 - 6 tuổi / Thùy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 12000đ. - 10000b  
T.3. - 2026. - 16 tr. : tranh vẽ s627217
1609. Tô màu siêu nhân : Dành cho bé 3 - 6 tuổi / Thùy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 12000đ. - 10000b  
T.4. - 2026. - 16 tr. : tranh vẽ s627218
1610. Tô màu xả xì chét: Những chú chó vui nhộn và dễ thương / Jenny, Tehin. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 72 tr. : tranh vẽ ; 19x27 cm. - 65000đ. - 5000b s628448
1611. Tự tình với quê hương : Tuyển tập ca cổ / Quang Chính, Việt Chương, Trần Kim Hằng... - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 128 tr. : ảnh ; 20 cm. - 300b s628260
1612. Vẽ điều mình thích, sống đời mình yêu / Sói Potato. - H. : Lao động, 2026. - 47 tr. ; 20 cm. - 88000đ. - 2000b s628111
1613. White, Richard Antoine. Phép màu của giấc mơ lớn / Richard Antoine White ; Nguyễn Tư Thắng dịch. - H. : Hồng Đức, 2026. - 303 tr. ; 21 cm. - 178000đ. - 1500b  
Tên sách tiếng Anh: I'm possible : a story of survival, a tuba, and the small miracle of a big dream s627329
1614. Xứ sở miền man - Sách tô màu / Jun Phạm ; Minh họa: Vũ Mini. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 46 tr. : tranh vẽ ; 19x24 cm. - 99000đ. - 2000b s628627

#### THỂ THAO, NGHỆ THUẬT VUI CHƠI GIẢI TRÍ VÀ BIỂU DIỄN

1615. Buckley, James. Cristiano Ronaldo là ai? / Lời: James Buckley ; Minh họa: Gregory Copeland ; Xuân Trường The Gooner dịch. - H. : Công Thương, 2026. - 55 tr. : tranh vẽ ; 19 cm. - (Bộ sách Chân dung những người thay đổi thế giới). - 59000đ. - 1500b  
Tên sách tiếng Anh: Who is Cristiano Ronaldo? s628329
1616. Các loại hình văn hóa, văn nghệ truyền thống với Truyện Kiều / Phan Thu Hiền s.t., khảo cứu. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An. - 21 cm. - 195000đ. - 200b  
T.2. - 2025. - 303 tr. s626951

1617. Chinh phục thế giới cờ vua căn bản / Hoàng Thiên h.đ. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 114 tr. : tranh màu ; 27 cm. - 95000đ. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên đoàn Cờ Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty Cổ phần Giáo dục và Thương mại Cờ Hoàng Gia s626800

1618. Đá cầu / Nguyễn Minh Khánh (ch.b.), Võ Quang Trung, Lê Đình Dũng... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 147 tr. : minh họa ; 24 cm. - 135000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục: tr. 147 s626818

1619. Đặng Huy Ruận. Trò chơi bốc các vật vừa chơi vừa tư duy suy luận / Đặng Huy Ruận. - H. : Giao thông vận tải, 2026. - 36 tr. : bảng ; 21 cm. - 50000đ. - 150b s626651

1620. Giải mã mê cung / Winsmart Books. - H. : Lao động, 2026. - 63 tr. ; 20 cm. - 99000đ. - 10000b s628748

1621. Giáo trình Cờ vua / B.s.: Nguyễn Văn Hùng, Phạm Đức Cường (ch.b.), Giang Thị Khánh Vân... - H. : Đại học Kinh tế Quốc dân, 2025. - 388 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 146000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Đại học Kinh tế Quốc dân. Bộ môn Giáo dục thể chất. - Thư mục: tr. 387-388 s627025

1622. Giáo trình giảng dạy Giáo dục thể chất 3 : Dùng cho sinh viên năm thứ hai / B.s.: Dương Ngô Sơn, Phùng Chí Ninh (ch.b.), Vũ Hải Ninh... - H. : Y học, 2026. - 335 tr. : minh họa ; 27 cm. - 899000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y học Hà Nội. Bộ môn Giáo dục thể chất. - Thư mục: tr. 333-335 s628001

1623. Giáo trình Giáo dục học thể dục thể thao / B.s.: Nguyễn Thị Ngọc Xuân, Huỳnh Trung Phong (ch.b.), Liêu Thanh Tâm, Nguyễn Võ Anh. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 187 tr. ; 24 cm. - 140000đ. - 500b

Đầu bìa sách ghi: Trường Đại học Trà Vinh. - Thư mục: tr. 184-187 s626809

1624. Hội thảo DANAFF III: Nửa thế kỷ phim Việt Nam về chiến tranh / Bùi Tuấn Dũng, Philip Cheah, Đặng Thái Huyền... ; Ngô Phương Lan ch.b. ; Dịch: Trịnh Vũ Hiệp... - H. : Văn học, 2025. - 249 tr. : ảnh màu ; 19 cm. - 500b

ĐTTS ghi: Hiệp hội Xúc tiến phát triển Điện ảnh Việt Nam. Viện phim Việt Nam s628377

1625. Huấn luyện và giảng dạy bóng đá nâng cao / Đoàn Tiến Trung (ch.b.), Phạm Quốc Dũng, Hàng Quang Thái, Nguyễn Quang Huy. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 147 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 135000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục: tr. 147 s626816

1626. Mê cung : Phát triển tư duy logic / Hải Nhuận Dương Quang ; Hạ Vũ dịch. - H. : Dân trí, 2025. - 67 tr. : tranh màu ; 19x26 cm. - (Bộ sách Nét bút đầu tiên của bé). - 60000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Trung: 幼儿学前运笔能力训练 s628666

1627. Phạm Đình Phong. Hành trình trọn đời cống hiến cho lịch sử võ học Việt Nam / Phạm Đình Phong. - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2025. - 83 tr. : ảnh ; 21 cm. - 2000b s626954

1628. Phùng Đức Tường. Chiến thuật cờ vua từ con số 0 : Dành cho trẻ em độ tuổi 6+ / Phùng Đức Tường. - Tái bản lần thứ 4 có chỉnh sửa, bổ sung. - H. : Thế giới. - 24 cm. - 118000đ. - 500b

T.1. - 2026. - 159 tr. : minh họa. - Thư mục: tr. 158 s628214

1629. Phùng Đức Tường. Chiến thuật cờ vua từ con số 0 : Dành cho trẻ em độ tuổi 6+ / Phùng Đức Tường. - Tái bản lần thứ 5 có chỉnh sửa, bổ sung. - H. : Thế giới. - 24 cm. - 118000đ. - 500b

T.2. - 2026. - 159 tr. : minh họa. - Thư mục: tr. 158 s628215

1630. Phùng Đức Tường. Chiến thuật cờ vua từ con số 0 : Dành cho trẻ em độ tuổi 6+ / Phùng Đức Tường. - Tái bản lần thứ 1 có chỉnh sửa, bổ sung. - H. : Thế giới. - 24 cm. - 118000đ. - 500b

T.3. - 2026. - 158 tr. : minh họa. - Thư mục: tr. 158 s628216

1631. Phùng Đức Tường. Chiến thuật cờ vua từ con số 0 : Dành cho trẻ em độ tuổi 6+ / Phùng Đức Tường. - Tái bản lần thứ 1 có chỉnh sửa, bổ sung. - H. : Thế giới. - 24 cm. - 118000đ. - 500b

T.4. - 2026. - 159 tr. : minh họa s628217

1632. Rèn luyện tư duy não trái, não phải / Tiểu Hồng Phạm ; Mẹ Bông Nhi dịch. - H. : Tri thức. - 16x17 cm. - 45000đ. - 10000b

Tên sách tiếng Trung: 左右脑思维训练2-3岁

T.1. - 2026. - 78 tr. : tranh màu s628760

1633. Rèn luyện tư duy não trái, não phải / Tiểu Hồng Phạm ; Mẹ Bông Nhi dịch. - H. : Tri thức. - 16x17 cm. - 45000đ. - 10000b

Tên sách tiếng Trung: 左右脑思维训练2-3岁

T.2. - 2026. - 78 tr. : tranh màu s628761

1634. Rèn luyện tư duy não trái, não phải / Tiểu Hồng Phạm ; Mẹ Bông Nhi dịch. - H. : Tri thức. - 16x17 cm. - 45000đ. - 10000b

Tên sách tiếng Trung: 左右脑思维训练2-3岁

T.3. - 2026. - 77 tr. : tranh màu s628762

1635. Shinkai Makoto. Your name : The official visual guide / Shinkai Makoto ; Nội dung: Watanabe Mizuo... ; Ảnh: Hongo Yuji... ; Đỗ Nguyên dịch. - H. : Lao động, 2025. - 125 tr. : hình vẽ, ảnh ; 28 cm. - 140000đ. - 1000b s627789

1636. Thẻ đục / Ngô Kiên Trung (ch.b.), Đoàn Tiến Trung, Phan Thành Lễ, Nguyễn Quang Huy. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 167 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 150000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục: tr. 167 s626817

1637. Thực hành dạy học môn Giáo dục thể chất / Phan Thị Mỹ Hoa (ch.b.), Ngô Kiên Trung, Lê Vũ Kiều Hoa... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 123 tr. : bảng ; 24 cm. - 115000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục: tr. 116-123 s626815

1638. Xây dựng khung năng lực nghề nghiệp của giáo viên Giáo dục thể chất : Đáp ứng yêu cầu Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Đỗ Xuân Nguyệt (ch.b.), Phùng Thị Bích

Hàng, Nguyễn Mạnh Tuân... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2026. - 167 tr. : bảng ; 24 cm. - 168000đ. - 300b

Thư mục: tr. 150-157. - Phụ lục: tr. 158-167 s626739

1639. Xuân Phương. Gánh gánh... gồng gồng... : Hồi ký / Xuân Phương. - In lần thứ 18. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 343 tr. : ảnh ; 24 cm. - 280000đ. - 2000b

Tên thật tác giả: Nguyễn Thị Xuân Phương s628249

## VĂN HỌC, TU TỪ HỌC VÀ PHÊ BÌNH VĂN HỌC

1640. Alata. Có thương cậu không? : Dành cho lứa tuổi 18+ / Alata. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 478 tr. ; 21 cm. - 239000đ. - 1000b s627265

1641. Aoki và Tengoku : Truyện dành cho lứa tuổi 18+ / Nguyên tác: Aga Naomi ; Minh họa: Oyoshikawa Kyoko ; Linh Năm dịch. - H. : Dân trí. - 18 cm. - 94000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Nhật: 鬼と天国

T.2. - 2025. - 223 tr. : tranh vẽ s628694

1642. Asaura. Tiệm cà phê bất ổn = Lycoris Recoil - Ordinary days / Asaura ; Minh họa: Imigimuru ; Đỗ Nguyên dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 393 tr. : tranh vẽ ; 19 cm. - 219000đ. - 1000b s628419

1643. Ăn cơm nào! : Truyện tranh : Đọc cho bé: Từ 0 tuổi trở lên. Bé tự đọc: Từ 6 tuổi trở lên / Lời: Osaka YWCA Children's Library ; Tranh: Ichio Otsuka ; Trần Khanh dịch ; H.đ.: Duy Hạnh, Tazaki Hirono. - Tái bản. - H. : Thế giới, 2025. - 20 tr. : tranh màu ; 16 cm. - (Tranh truyện Ehon Nhật Bản). - 48000đ. - 5000b s628739

1644. Ăn xong rồi tính = 식후경 : Truyện tranh : 18+ / Suma ; Minh Quyên dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 21 cm. - 169000đ. - 2000b

T.2. - 2026. - 317 tr. : tranh vẽ s627172

1645. Ba ngày hạnh phúc : Truyện tranh : 13+ / Nguyên tác: Sugaru Miaki ; Minh họa: Shouichi Taguchi ; Quang Minh dịch. - H. : Văn học. - 18 cm. - 70000đ. - 1000b

T.1. - 2025. - 196 tr. : tranh vẽ s628357

1646. Ba ngày hạnh phúc : Truyện tranh : 13+ / Nguyên tác: Sugaru Miaki ; Minh họa: Shouichi Taguchi ; Quang Minh dịch. - H. : Văn học. - 18 cm. - 70000đ. - 1000b

T.2. - 2025. - 196 tr. : tranh vẽ s628358

1647. Ba ngày hạnh phúc : Truyện tranh : 13+ / Nguyên tác: Sugaru Miaki ; Minh họa: Shouichi Taguchi ; Quang Minh dịch. - H. : Văn học. - 18 cm. - 70000đ. - 1000b

T.3. - 2025. - 194 tr. : tranh vẽ s628359

1648. Backman, Fredrik. Beartown - Thị trấn nhỏ, giấc mơ lớn : Tiểu thuyết / Fredrik Backman ; Hoàng Anh dịch. - In lần thứ 7. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 603 tr. ; 20 cm. - 210000đ. - 1500b

Tên sách tiếng Anh: Beartown s626830

1649. Backman, Fredrik. Beartown - Thị trấn nhỏ, giấc mơ lớn : Tiểu thuyết / Fredrik Backman ; Hoàng Anh dịch. - In lần thứ 8. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 603 tr. ; 20 cm. - 210000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Anh: Beartown s628232

1650. Backman, Fredrik. Beartown 2 - Chúng tôi đấu với các bạn : Tiểu thuyết / Fredrik Backman ; Hoàng Anh dịch. - In lần thứ 5. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 675 tr. ; 20 cm. - 225000đ. - 1500b

Tên sách tiếng Anh: US against you s628233

1651. Backman, Fredrik. Beartown 3 - Những người chiến thắng : Tiểu thuyết / Fredrik Backman ; Hoàng Anh dịch. - In lần thứ 2. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 822 tr. ; 20 cm. - 360000đ. - 1500b

Tên sách tiếng Anh: The winners s626832

1652. Backman, Fredrik. Beartown 3 - Những người chiến thắng : Tiểu thuyết / Fredrik Backman ; Hoàng Anh dịch. - In lần thứ 3. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 822 tr. ; 20 cm. - 360000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Anh: The winners s628234

1653. Backman, Fredrik. Britt - Marie đã ở đây : Tiểu thuyết / Fredrik Backman ; Hoàng Anh dịch. - In lần thứ 5. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 446 tr. ; 20 cm. - 165000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Anh: Britt-Marie was here s626833

1654. Backman, Fredrik. Người đàn ông mang tên Ove : Tiểu thuyết / Fredrik Backman ; Hoàng Anh dịch. - In lần thứ 22. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 447 tr. ; 20 cm. - 160000đ. - 5000b

Tên sách tiếng Anh: A man called Ove s626831

1655. Bài học hay từ 5 điều Bác dạy: Đoàn kết tốt, kỷ luật tốt - Sự cố khó quên : Truyện tranh : Dành cho trẻ em từ 6 tuổi trở lên / Lời: Minh Quyên ; Minh họa: Tuyết Hoàng. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 23 tr. : tranh màu ; 26 cm. - (Tủ sách Cùng con trưởng thành). - 35000đ. - 2000b s627270

1656. Bài học hay từ 5 điều Bác dạy: Khiêm tốn, thật thà, dũng cảm - Lời thú nhận chân thành : Truyện tranh : Dành cho trẻ em từ 6 tuổi trở lên / Lời: Minh Quyên ; Minh họa: Nga Coca. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 23 tr. : tranh vẽ ; 26 cm. - (Tủ sách Cùng con trưởng thành). - 35000đ. - 2000b s627268

1657. Bài học hay từ 5 điều Bác dạy: Yêu Tổ quốc, yêu đồng bào - Món quà bí mật : Truyện tranh : Dành cho trẻ em từ 6 tuổi trở lên / Lời: Minh Quyên ; Minh họa: Tuyết Hoàng. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 23 tr. : tranh vẽ ; 26 cm. - (Tủ sách Cùng con trưởng thành). - 35000đ. - 2000b s627269

1658. Bạn ăn gì vậy? : Đoán xem các bạn động vật thích ăn gì : Truyện tranh : 0 - 3 tuổi / Fuku Mitsu. - H. : Văn hóa dân tộc, 2026. - 25 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Ehon - Nuôi dưỡng tâm hồn cho bé). - 39000đ. - 5000b s626996

1659. Bạn của chị tôi : Truyện tranh : 18+ / Battan ; Sumeragi Ui dịch. - H. : Dân trí, 2025. - 189 tr. : tranh vẽ ; 18 cm. - 95000đ. - 2000b s628692

1660. Bạn là ai thế? = Who are you? : Truyện tranh : Song ngữ Việt - Anh : Dành cho trẻ từ 0 - 6 tuổi / Suzuki Mika. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 24 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Bộ sách Nuôi dưỡng tâm hồn bé). - 39000đ. - 10000b s627196

1661. Bạn là ai vậy? : Đoán xem đây là bóng của bạn động vật nào : Truyện tranh : 0 - 3 tuổi / Fuku Mitsu. - H. : Văn hóa dân tộc, 2025. - 26 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Ehon - Nuôi dưỡng tâm hồn cho bé). - 39000đ. - 5000b s626997

1662. Bạn ở đâu vậy? : Đoán xem các bạn động vật sống ở đâu : Truyện tranh : 0 - 3 tuổi / Fuku Mitsui. - H. : Văn hóa dân tộc, 2026. - 26 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Ehon - Nuôi dưỡng tâm hồn cho bé). - 39000đ. - 5000b s626995

1663. Báo cáo hằng ngày về đàn chị phù thủy : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 18+ / Maka Mochida ; Tuyết Quỳnh dịch. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 18 cm. - 85000đ. - 3000b T.2. - 2025. - 160 tr. : tranh vẽ s628684

1664. Bé đến phòng khám : Truyện tranh / Chiều Xuân ; Họa sĩ: Heg. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 23 tr. : tranh màu ; 17 cm. - (Bé học ứng xử). - 75000đ. - 2000b s628442

1665. Bé đi siêu thị : Truyện tranh / Chiều Xuân ; Họa sĩ: Heg. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 23 tr. : tranh màu ; 17 cm. - (Bé học ứng xử). - 75000đ. - 2000b s628440

1666. Bé quý Niko - Cho tớ mượn đi! : Truyện tranh : 0+ / Tranh: Aimi Hara ; Lời: Keropons ; Lê Hiền dịch ; Tống Linh h.đ. - H. : Thế giới, 2025. - 32 tr. : tranh màu ; 18 cm. - (Truyện tranh Ehon Nhật Bản). - 48000đ. - 5000b s628725

1667. Bé ra nhà hàng : Truyện tranh / Chiều Xuân ; Họa sĩ: Heg. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 23 tr. : tranh màu ; 17 cm. - (Bé học ứng xử). - 75000đ. - 2000b s628441

1668. Bé tới khu vui chơi : Truyện tranh / Chiều Xuân ; Họa sĩ: Heg. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 23 tr. : tranh màu ; 17 cm. - (Bé học ứng xử). - 75000đ. - 2000b s628443

1669. Bộ đề ôn thi tốt nghiệp trung học phổ thông môn Ngữ văn : Tra cứu đáp án chi tiết. Luyện đề trực tuyến. Video hướng dẫn giải đề / Trần Thu Trang (ch.b.), Nguyễn Thị Ngọc Huệ, Nguyễn Thị Thanh Hương... - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 207 tr. ; 27 cm. - 130000đ. - 3000b s627932

1670. Bộ đề tham khảo ôn thi tốt nghiệp trung học phổ thông môn Ngữ văn : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Nguyễn Văn Khả (ch.b.), Trần Xuân Hiền, Ngô Thị Mỹ Hương, Nguyễn Hùng Luân. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 199 tr. : ảnh, bảng ; 24 cm. - 150000đ. - 1200b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh. Trung tâm Giáo dục Phổ thông s626806

1671. Bồi dưỡng học sinh giỏi Ngữ văn 8 : Hệ thống và nâng cao kiến thức thể loại, Tiếng Việt và lý luận văn học... / Nguyễn Thị Dịu (ch.b.), Nguyễn Thị Hoài An, Ngô Thanh Hải, Vũ Thùy Dung. - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 267 tr. : ảnh, bảng ; 27 cm. - 150000đ. - 3000b s627870

1672. Bồi dưỡng Ngữ văn 8 : Bám sát SGK "Kết nối tri thức với cuộc sống" / Kiều Bắc, Nguyễn Thị Hoa, Nguyễn Quốc Khánh. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 424 tr. : bảng ; 24 cm. - 189000đ. - 1000b s628186

1673. Brown, Dan. Điểm dối lừa : Tiểu thuyết / Dan Brown ; Orkid dịch. - H. : Lao động, 2025. - 679 tr. ; 24 cm. - 249000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Anh: Deception point s627537

1674. BuBu có em : Truyện tranh : 3+. - In lần thứ 32. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 15 tr. : tranh màu ; 19 cm. - (Bé học lễ giáo; T.14). - 15000đ. - 3000b s628617

1675. BuBu thích ăn kẹo : Truyện tranh : 3+. - In lần thứ 28. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 15 tr. : tranh màu ; 19 cm. - (Bé học lễ giáo; T.27). - 15000đ. - 3000b s628618

1676. Bùi Phương Tâm. Đúng là Tết! / Thơ: Bùi Phương Tâm ; Tranh: Mai Ngô. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Kim Đồng, 2026. - 43 tr. : tranh màu ; 27 cm. - 68000đ. - 2000b s628078

1677. Bùi Quang Thắng. Kẻ lạc loài : Tiểu thuyết / Bùi Quang Thắng. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 295 tr. ; 21 cm. - 1000b s626700
1678. Bùi Thị Như Lan. Vòng xoáy quyền lực : Tiểu thuyết / Bùi Thị Như Lan. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 287 tr. ; 21 cm. - 1000b s626696
1679. Bulgacov, Mikhail. Nghệ nhân và Margarita : Tiểu thuyết / Mikhail Bulgacov ; Đoàn Tử Huyền dịch. - H. : Lao động, 2025. - 644 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 23 cm. - 389000đ. - 800b  
Nguyên tác tiếng Nga: Мастер и маргарита. - Phụ lục: tr. 592-644 s627534
1680. Bungo stray dogs - Văn hào lưu lạc : Truyện tranh :16+ / Nguyên tác: Asagiri Kafka ; Minh họa: Harukawa Sango ; Thanh Trà dịch. - H. : Lao động. - 18 cm. - 50000đ. - 1000b  
T.8. - 2025. - 192 tr. : tranh vẽ s628847
1681. Bungo stray dogs - Văn hào lưu lạc : Truyện tranh :16+ / Nguyên tác: Asagiri Kafka ; Minh họa: Harukawa Sango ; Quang Minh dịch. - H. : Lao động. - 18 cm. - 50000đ. - 1000b  
T.22. - 2025. - 190 tr. : tranh vẽ s628848
1682. Bungo stray dogs - Văn hào lưu lạc : Truyện tranh :16+ / Nguyên tác: Asagiri Kafka ; Minh họa: Harukawa Sango ; Quang Minh dịch. - H. : Thế giới. - 18 cm. - 50000đ. - 5000b  
T.25. - 2025. - 176 tr. : tranh vẽ s628708
1683. Bungo stray dogs - Văn hào lưu lạc : Truyện tranh :16+ / Nguyên tác: Asagiri Kafka ; Minh họa: Harukawa Sango ; Pikarp dịch. - H. : Thế giới. - 18 cm. - 50000đ. - 5000b  
T.26. - 2026. - 167 tr. : tranh vẽ s628709
1684. Bungo stray dogs - Văn hào lưu lạc: Gâu! : Truyện tranh : 13+ / Nguyên tác: Asagiri Kafka ; Minh họa: Kanai Neco ; Tuyết Mai dịch. - H. : Lao động. - 18 cm. - 50000đ. - 4000b  
T.3. - 2025. - 157 tr. : tranh vẽ s628849
1685. Bungo stray dogs - Văn hào lưu lạc: Gâu! : Truyện tranh : 13+ / Nguyên tác: Asagiri Kafka ; Minh họa: Kanai Neco ; Tuyết Mai dịch. - H. : Lao động. - 18 cm. - 50000đ. - 4000b  
T.4. - 2025. - 148 tr. : tranh vẽ s628850
1686. Bungo stray dogs - Văn hào lưu lạc: Gâu! : Truyện tranh : 13+ / Nguyên tác: Asagiri Kafka ; Minh họa: Kanai Neco ; Tuyết Mai dịch. - H. : Lao động. - 18 cm. - 50000đ. - 4000b  
T.5. - 2025. - 132 tr. : tranh vẽ s628851
1687. Cá nhiệt đới mong ngày tuyết rơi : Truyện tranh : 18+ / Hagino Makoto ; Quế Đan dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 18 cm. - 65000đ. - 5000b  
T.3. - 2025. - 160 tr. : tranh vẽ s628414
1688. Cá nhiệt đới mong ngày tuyết rơi : Truyện tranh : 18+ / Hagino Makoto ; Quế Đan dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 18 cm. - 65000đ. - 5000b  
T.4. - 2026. - 160 tr. : tranh vẽ s628415
1689. Cao Lê Hồng Rạng. Dâng mùa : Thơ / Cao Lê Hồng Rạng. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 93 tr. : tranh vẽ ; 19 cm. - 300b s628623
1690. Cao Mai Trang. Tết ngày xưa của mẹ : Gia đình mãi là nơi để về khi con muốn... / Cao Mai Trang ; Họa sĩ: Nhật Ánh Phạm. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 53 tr. : tranh màu ; 20 cm. - 70000đ. - 2000b s626784
1691. Cao su Đồng Nai mùa xuân về : Tập thơ văn / Linh Đan, Lê Vũ Trường Giang, Mai Văn Hoan... - Huế : Nxb. Thuận Hóa, 2026. - 265 tr. ; 24 cm. - 600b s628266
1692. Cao Việt Cường. Mùa chiêm Đĩnh Đu : Tiểu thuyết / Cao Việt Cường. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 151 tr. ; 21 cm. - 1000b s626998

1693. Chấm tròn đâu rồi nhỉ? = Where is the dot? : Truyện tranh : Song ngữ Việt - Anh : Dành cho trẻ từ 0 - 6 tuổi / Suzuki Mika. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 24 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Bộ sách Nuôi dưỡng tâm hồn bé). - 39000đ. - 10000b s627197
1694. Châu Sa Đáy Mắt. Đám trẻ ở đại dương đen / Châu Sa Đáy Mắt. - Tái bản. - H. : Thế giới, 2026. - 278 tr. : tranh vẽ ; 19 cm. - 119000đ. - 2000b s628737
1695. Chia sẻ thật vui vẻ = Sharing is fun : Truyện tranh : Song ngữ Việt - Anh / Lời: Minh Phương ; Minh họa: Minh Nghĩa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 24 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Tủ sách Kỹ năng giao tiếp cho bé 2+)(Cùng con khôn lớn). - 39000đ. - 10000b s627306
1696. Chơi trốn tìm cùng Trứng ốp = Hide and seek with Omelette : Truyện tranh : Song ngữ Việt - Anh : Dành cho trẻ từ 0 - 6 tuổi / Suzuki Mika. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 24 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Bộ sách Nuôi dưỡng tâm hồn bé)(Ehon). - 39000đ. - 10000b s627194
1697. Christie, Agatha. Tận cùng là cái chết = Death comes as the end : Truyện trinh thám / Agatha Christie ; Tuấn Việt dịch. - In lần thứ 9. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 314 tr. ; 20 cm. - 130000đ. - 1000b  
Tên thật tác giả: Agatha Mary Clarissa Miller s626835
1698. Christie, Agatha. Thời khắc định mệnh = Towards zero / Agatha Christie ; Hồng Vân dịch. - In lần thứ 8. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 274 tr. ; 20 cm. - 115000đ. - 1000b  
Tên thật tác giả: Agatha Mary Clarissa Miller s626834
1699. Chu Long. Quê hương : Thơ / Chu Long. - H. : Lao động, 2025. - 159 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 1000b s627407
1700. Chu Mạnh Trinh - Hành trạng và thơ văn / Biên khảo, dịch, chú giải: Phạm Ngô Minh, Lê Minh Khiêm. - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2025. - 457 tr. ; 24 cm. - 270000đ. - 300b s626962
1701. Chu Văn Giáo. Tình quê : Thơ / Chu Văn Giáo. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An. - 21 cm. - 100b  
T.12. - 2026. - 71 tr. s628296
1702. Chú gà trống kiêu căng : Truyện tranh : 3+ / Kẽ: Quỳnh Giang ; Vẽ: Ngọc Duy. - In lần thứ 8. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 15 tr. : tranh màu ; 19 cm. - (Bé tập kể chuyện. Mỗi tuần một câu chuyện). - 15000đ. - 3000b s628616
1703. Chúc ngủ ngon : Truyện tranh : Đọc cho bé: Từ 0 tuổi trở lên. Bé tự đọc: Từ 6 tuổi trở lên / Lời: Osaka YWCA Children's Library ; Tranh: Ichio Otsuka ; Trần Khanh dịch ; H.đ.: Duy Hạnh, Tazaki Hirono. - Tái bản. - H. : Thế giới, 2025. - 20 tr. : tranh màu ; 16 cm. - (Tranh truyện Ehon Nhật Bản). - 48000đ. - 5000b s628738
1704. Chúng mình cùng giúp nhau bạn nhé! = Let's help each other! : Truyện tranh : Song ngữ Việt - Anh : Dành cho trẻ từ 0 - 6 tuổi / Suzuki Mika. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 24 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Bộ sách Nuôi dưỡng tâm hồn bé)(Ehon). - 39000đ. - 10000b s627193
1705. Chúng mình hãy nói cảm ơn bạn nhé! = Let's say thank you! : Truyện tranh : Dành cho trẻ từ 0 - 6 tuổi / Suzuki Mika. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 24 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Bộ sách Nuôi dưỡng tâm hồn bé)(Ehon). - 39000đ. - 10000b s627311
1706. Chuyến phiêu lưu ngày Giáng sinh / Khánh Vân dịch. - H. : Văn học, 2025. - 13 tr. : tranh màu ; 9 cm. - 10000b s628370

1707. Chuyến phiêu lưu vào đảo răng trắng : Truyện tranh : Dành cho trẻ từ 2 - 6 tuổi / Lời: Quỳnh Hương ; Tranh: Thùy Phan. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Lao động, 2025. - 28 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Bộ sách Chăm sóc răng miệng đầu đời). - 500b s627628
1708. Claymore : Truyện tranh : 18+ / Norihiro Yagi ; Liên Vũ dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 40000đ. - 3700b  
T.23: Dấu ấn chiến binh. - 2025. - 193 tr. : tranh vẽ s628494
1709. Claymore : Truyện tranh : 18+ / Norihiro Yagi ; Liên Vũ dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 40000đ. - 3700b  
T.24: Quân đoàn âm binh. - 2025. - 189 tr. : tranh vẽ s628495
1710. Claymore : Truyện tranh : 18+ / Norihiro Yagi ; Liên Vũ dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 40000đ. - 3700b  
T.25: Thanh kiếm của vực thăm tằm tối. - 2025. - 189 tr. : tranh vẽ s628496
1711. Claymore : Truyện tranh : 18+ / Norihiro Yagi ; Liên Vũ dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 40000đ. - 4000b  
T.26: Thanh kiếm phương xa. - 2025. - 189 tr. : tranh vẽ s628497
1712. Claymore : Truyện tranh : 18+ / Norihiro Yagi ; Liên Vũ dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 40000đ. - 4000b  
T.27: Những chiến binh mất bạc. - 2025. - 189 tr. : tranh vẽ s628498
1713. Có một ngày, bố mẹ sẽ già đi / Trương Oánh, Tô Thanh, Trương Kỳ Thù... ; Losedow dịch. - H. : Thế giới, 2026. - 210 tr. : tranh vẽ ; 17 cm. - 92000đ. - 2000b  
Tên sách tiếng Trung: 有一天,他们老了 s628731
1714. Có thứ muốn ăn thịt tôi : Truyện tranh : 18+ / Naekawa Sai ; Trần Yang dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 18 cm. - 60000đ. - 1000b  
T.2. - 2025. - 160 tr. : tranh vẽ s628451
1715. Có thứ muốn ăn thịt tôi : Truyện tranh : 18+ / Naekawa Sai ; Trần Yang dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 18 cm. - 60000đ. - 1000b  
T.5. - 2025. - 160 tr. : tranh vẽ s628452
1716. Con tàu của Theseus = Ship of Theseus : Truyện tranh : 18+ / Toshiya Higashimoto ; Thụy Chi dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 19 cm. - 50000đ. - 4000b  
T.1. - 2026. - 190 tr. : tranh vẽ s628527
1717. Con tàu của Theseus = Ship of Theseus : Truyện tranh : 18+ / Toshiya Higashimoto ; Thụy Chi dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 19 cm. - 50000đ. - 4000b  
T.2. - 2026. - 191 tr. : tranh vẽ s628528
1718. Corderoy, Tracey. Chim cánh cụt nhỏ dũng cảm = Brave little penguin : Truyện tranh / Tracey Corderoy ; Thanh Lam dịch ; Minh họa: Gavin Scott. - H. : Hồng Đức, 2026. - 31 tr. : tranh màu ; 22 cm. - (Tủ sách dành cho thiếu nhi). - 50000đ. - 2000b s627365
1719. Cô hướng dẫn viên ở bách hóa Bắc Cực = The concierge at Hokkyoku department store : Truyện tranh / Tsuchika Nishimura ; Hoàng Ly dịch. - H. : Lao động. - 21 cm. - 88000đ. - 4000b  
T.1. - 2026. - 144 tr. : tranh vẽ. - Thư mục cuối chính văn s627546
1720. Cô hướng dẫn viên ở bách hóa Bắc Cực = The concierge at Hokkyoku department store : Truyện tranh / Tsuchika Nishimura ; Hoàng Ly dịch. - H. : Lao động. - 21 cm. - 88000đ. - 4000b  
T.2. - 2026. - 141 tr. : tranh vẽ. - Thư mục cuối chính văn s627547

1721. Cú đấm phúc âm : Truyện tranh : 16+ / Rumiko Takahashi ; Quỳnh Hương dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 19 cm. - 55000đ. - 3000b  
T.4. - 2025. - 222 tr. : tranh vẽ s628530
1722. Cửu Trích Thủy. Cục điều tra thi thể 2 - Lần theo dấu vết tử thi / Cửu Trích Thủy ; Khoai Tây dịch. - H. : Lao động, 2025. - 336 tr. ; 24 cm. - (Tủ sách Trinh Thám). - 159000đ. - 2000b  
Tên sách tiếng Trung: 尸案调查科2:重案捕手 s627526
1723. Deaver, Jeffery. Búp bê đang ngủ / Jeffery Deaver ; Phạm Hồng Anh dịch. - H. : Lao động, 2025. - 599 tr. ; 24 cm. - 229000đ. - 3000b  
Tên sách tiếng Anh: The Sleeping Doll s627535
1724. Dicken, Charles. Chuyện hai thành phố : Tiểu thuyết / Charles Dicken ; Tùng Vũ dịch. - H. : Lao động, 2026. - 603 tr. ; 21 cm. - 188000đ. - 2000b  
Tên sách tiếng Anh: The tales of two cities s628403
1725. Diệp Hồng Phương. Phù sa đỏ : Tiểu thuyết / Diệp Hồng Phương. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 263 tr. ; 21 cm. - 1000b s626709
1726. Dương Bình Nguyên. Gió vẫn thổi qua rừng nhiệt đới : Tiểu thuyết / Dương Bình Nguyên. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Công an nhân dân, 2026. - 223 tr. ; 21 cm. - 115000đ. - 1007b s627023
1727. Dương Xuân Hồng. Miền xưa nhớ lại / Dương Xuân Hồng. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 239 tr. ; 21 cm. - 100000đ. - 200b s626948
1728. Đào Hoàng Diệu. Sayings of youth - Lời nói của thanh xuân / Đào Hoàng Diệu. - Tái bản. - H. : Lao động, 2025. - 200 tr. ; 20 cm. - 159000đ. - 5000b s627408
1729. Đào Hoàng Diệu. Thanh xuân đẹp đậm chất = Beautifully bold you / Đào Hoàng Diệu. - Tái bản. - H. : Lao động, 2025. - 256 tr. ; 23 cm. - 169000đ. - 5000b s627486
1730. Đào Hoàng Diệu. Vườn thanh xuân = The garden of youth / Đào Hoàng Diệu. - Tái bản. - H. : Lao động, 2025. - 288 tr. ; 21 cm. - 169000đ. - 5000b s627462
1731. Đào Trung Hiếu. Nhện độc : Tiểu thuyết / Đào Trung Hiếu. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 350 tr. ; 21 cm. - 1000b s627008
1732. Đặng Huy Giang. Mỗi ngày tôi một mặt trời : Thơ / Đặng Huy Giang. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 470 tr. ; 21 cm. - 1450b s626645
1733. Đặng Lê Cát Tiên. Trời sắp sáng rồi : Tiểu thuyết / Đặng Lê Cát Tiên. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 295 tr. ; 21 cm. - 1000b s626711
1734. Đặng Thùy Tiên. Núi rồng : Tiểu thuyết / Đặng Thùy Tiên. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 207 tr. ; 21 cm. - 1000b s626704
1735. Đây là hình gì nhỉ? = What is this shape? : Truyện tranh : Dành cho trẻ từ 0 - 6 tuổi / Suzuki Mika. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 24 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Bộ sách Nuôi dưỡng tâm hồn bé = The books to nourish children's soul)(Ehon). - 39000đ. - 10000b s627300
1736. Đề ôn thi tuyển sinh 10 môn Ngữ văn : Bám sát cấu trúc đề thi của Tp. Hồ Chí Minh năm học 2025 - 2026 / Nguyễn Phước Bảo Khôi. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 192 tr. : minh họa ; 24 cm. - 110000đ. - 7000b s626933
1737. Đêm Giáng sinh kì diệu / Khánh Vân dịch. - H. : Văn học, 2023. - 13 tr. : tranh màu ; 9 cm. - 1000b s628371

1738. Đi chơi thôi! : Truyện tranh : Đọc cho bé: Từ 0 tuổi trở lên. Bé tự đọc: Từ 6 tuổi trở lên / Lời: Osaka YWCA Children's Library ; Tranh: Ichio Otsuka ; Trần Khanh dịch ; H.đ.: Duy Hạnh, Tazaki Hirono. - Tái bản. - H. : Thế giới, 2025. - 20 tr. : tranh màu ; 16 cm. - (Tranh truyện Ehon Nhật Bản). - 48000đ. - 5000b s628740

1739. Đi dã ngoại ngày mưa : Truyện tranh / Lời, tranh: Naokata Mase ; Lê Giang dịch. - In lần 12. - H. : Lao động, 2025. - 26 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Ehon - Thực phẩm tâm hồn cho bé). - 65000đ. - 1500b s627631

1740. Điều kỳ diệu tại cửa tiệm Mì Xưa 2 : Truyện tranh / Phan. - H. : Dân trí, 2026. - 167 tr. : tranh màu ; 20 cm. - 139000đ. - 2500b s628657

1741. Đoàn Tử Huyền - Một nghệ nhân / Phạm Xuân Nguyên, Đoàn Tử Hoan (b.s.), Hoàng Thúy Toàn... - H. : Lao động, 2025. - 444 tr. : ảnh ; 23 cm. - 456b  
Thư mục: tr. 433-438 s627536

1742. Đọc sách ngày xuân, quây quần đón Tết - Pháo hoa đêm Giao thừa : Truyện tranh : Dành cho trẻ em từ 3 - 9 tuổi / Lời: Minh Quyên ; Minh họa: Thu Nấm. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 71 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tủ sách Người kể chuyện). - 89000đ. - 1500b s627199

1743. Đỗ Tuấn. Nẻo về ký ức : Thơ / Đỗ Tuấn. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 230 tr. : tranh vẽ ; 15 cm. - 180000đ. - 300b s628626

1744. Đỗ Xuân Thu. Mỹ nhân làng đồi : Tiểu thuyết / Đỗ Xuân Thu. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 399 tr. ; 21 cm. - 1000b s626693

1745. Đông Bôn Tây Cổ. Hạnh phúc nhỏ của anh : Tiểu thuyết / Đông Bôn Tây Cổ ; Tạ Thu Ngân dịch. - H. : Lao động. - 21 cm. - 319000đ. - 2000b  
Tên sách tiếng Trung: 你是我的小确幸  
T.1. - 2025. - 398 tr. s627549

1746. Đông Bôn Tây Cổ. Hạnh phúc nhỏ của anh : Tiểu thuyết / Đông Bôn Tây Cổ ; Tạ Thu Ngân dịch. - H. : Lao động. - 21 cm. - 319000đ. - 2000b  
Tên sách tiếng Trung: 你是我的小确幸  
T.2. - 2025. - 478 tr. s627550

1747. Đừng quên nói xin lỗi bạn nhé! = Don't forget to say sorry! : Truyện tranh : Song ngữ Việt - Anh : Dành cho trẻ từ 0 - 6 tuổi / Suzuki Mika. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 24 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Bộ sách Nuôi dưỡng tâm hồn bé). - 39000đ. - 10000b s627195

1748. Edwards, Leo. Trigger Berg / Leo Edwards ; Vũ Danh Tuấn dịch. - H. : Lao động. - 21 cm. - (Toàn chuyện "khó đỡ"). - 155000đ. - 2000b  
Dịch từ nguyên bản tiếng Anh: Trigger Berg and the treasure tree  
T.1: Cây kho báu. - 2025. - 154 tr. : tranh vẽ s627420

1749. Edwards, Leo. Trigger Berg / Leo Edwards ; Vũ Danh Tuấn dịch. - H. : Lao động. - 21 cm. - (Toàn chuyện "khó đỡ"). - 155000đ. - 2000b  
Dịch từ nguyên bản tiếng Anh: Trigger Berg and his 700 mousetraps  
T.2: 700 chiếc bẫy chuột. - 2025. - 178 tr. : tranh vẽ s627421

1750. Edwards, Leo. Tuffy Bean / Leo Edwards ; Vũ Danh Tuấn dịch. - H. : Lao động. - 21 cm. - (Toàn chuyện "khó đỡ"). - 155000đ. - 2000b  
Dịch từ nguyên bản tiếng Anh: Tuffy Bean's puppy days  
T.1: Những trải nghiệm đầu đời. - 2025. - 153 tr. : tranh vẽ s627418

1751. Edwards, Leo. Tuffy Bean / Leo Edwards ; Vũ Danh Tuấn dịch. - H. : Lao động. - 21 cm. - (Toàn chuyện "khó đỡ"). - 155000đ. - 2000b  
 Dịch từ nguyên bản tiếng Anh: Tuffy Bean's one-ring circus  
 T.2: Gánh xiếc kì cục. - 2025. - 161 tr. : tranh vẽ s627419
1752. Emma Hạ My. Trò chơi giải mã ác mộng / Emma Hạ My. - Tái bản. - H. : Thế giới, 2026. - 382 tr. : bìa, tranh vẽ ; 21 cm. - (Tủ sách Kinh dị). - 179000đ. - 1000b s628219
1753. Erly. Nghi yêu, kết hôn thôi! / Erly. - H. : Lao động. - 20 cm. - 265000đ. - 1500b  
 T.1. - 2025. - 317 tr. s627375
1754. Erly. Nghi yêu, kết hôn thôi! / Erly. - H. : Lao động. - 20 cm. - 265000đ. - 1500b  
 T.2. - 2025. - 293 tr. s627376
1755. Flying witch : Truyện tranh / Chihiro Ishizuka ; Ocharaketa dịch. - H. : Dân trí. - 18 cm. - 130000đ. - 1500b  
 T.6. - 2025. - 160 tr. : tranh vẽ s628695
1756. Flying witch : Truyện tranh / Chihiro Ishizuka ; Ocharaketa dịch. - H. : Dân trí. - 18 cm. - 130000đ. - 1500b  
 T.7. - 2025. - 168 tr. : tranh vẽ s628696
1757. Gachiakuta : Truyện tranh : 18+ / Kei Urana ; Graffiti design: Hideyoshi Andou ; Takara dịch. - In lần thứ 2. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 45000đ. - 3000b  
 T.1. - 2026. - 181 tr. : tranh vẽ s628601
1758. Gachiakuta : Truyện tranh : 18+ / Kei Urana ; Graffiti design: Hideyoshi Andou ; Takara dịch. - In lần thứ 2. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 45000đ. - 3000b  
 T.2. - 2026. - 191 tr. : tranh vẽ s628602
1759. Gachiakuta : Truyện tranh : 18+ / Kei Urana ; Graffiti design: Hideyoshi Andou ; Takara dịch. - In lần thứ 2. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 45000đ. - 3000b  
 T.3. - 2026. - 192 tr. : tranh vẽ s628603
1760. Giúp trẻ làm chủ cảm xúc - Nghịch ngợm : Truyện tranh : Dành cho trẻ em từ 3 - 9 tuổi / Lời: Audrey Bouquet ; Minh họa: Fabien Öckto Lambert ; Phạm Nhân dịch. - In lần thứ 4. - H. : Hồng Đức, 2025. - 27 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tủ sách Cùng con trưởng thành)(EQ - IQ). - 32000đ. - 1500b  
 Tên sách tiếng Pháp: Les émotions de petit chat anxieux - Un petit chat agité s627363
1761. Giúp trẻ làm chủ cảm xúc - Sợ hãi : Truyện tranh : Dành cho trẻ em từ 3 - 9 tuổi / Lời: Audrey Bouquet ; Minh họa: Fabien Öckto Lambert ; Phạm Nhân dịch. - In lần thứ 5. - H. : Hồng Đức, 2025. - 27 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tủ sách Cùng con trưởng thành)(EQ - IQ). - 32000đ. - 1500b  
 Tên sách tiếng Pháp: Les émotions de petit chat anxieux - Un petit chat effrayé s627364
1762. Gửi cậu lời từ biệt thứ hai : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 18+ / Tanaka Tomo ; Họa sĩ: Takogawa Takomaru ; Ngọc Trâm dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 18 cm. - 99000đ. - 2000b  
 T.3. - 2025. - 218 tr. : tranh vẽ s628425
1763. Gửi cậu lời từ biệt thứ hai : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 18+ / Tanaka Tomo ; Họa sĩ: Takogawa Takomaru ; Ngọc Trâm dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 18 cm. - 99000đ. - 2000b  
 T.4. - 2025. - 218 tr. : tranh vẽ s628413
1764. Hà Minh Đức. Kể chuyện ngày xưa : Nhân sinh bách tuế vi kỳ / Hà Minh Đức. - Huế : Nxb. Thuận Hóa, 2026. - 86 tr. : ảnh ; 23 cm. - 100000đ. - 500b s628265

1765. Hải Dương. Viết từ số 0 : Từ câu chuyện để đọc đến bài học để viết / Hải Dương. - H. : Lao động, 2025. - 195 tr. ; 21 cm. - 165000đ. - 1000b  
Phụ lục: tr. 178-194 s627386
1766. Hải Như. Hồ Chí Minh - Người tin ở con người : Thơ / Hải Như. - Xuất bản lần thứ 2, có chỉnh sửa. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 119 tr. ; 21 cm. - 62000đ. - 1500b  
Tên thật tác giả: Vũ Như Hải s627042
1767. Hạnh Quỳnh. Lặng yêu : Thơ / Hạnh Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 91 tr. ; 19 cm. - 300b s628622
1768. Hề lô Nyao : Chuyện về chú mèo chuyên hóng hớt : Truyện tranh : 12+ / Konomi Wagata ; Hải Thọ dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 35000đ. - 1000b  
T.13. - 2025. - 167 tr. : tranh vẽ s628481
1769. Hề lô Nyao : Chuyện về chú mèo chuyên hóng hớt : Truyện tranh : 12+ / Konomi Wagata ; Hải Thọ dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 35000đ. - 1000b  
T.14. - 2025. - 169 tr. : tranh vẽ s628482
1770. Higashino Keigo. Nhà ảo thuật đen và những người phụ nữ thức tỉnh / Higashino Keigo ; Chi Chi dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 381 tr. ; 21 cm. - 205000đ. - 3000b  
Dịch từ nguyên bản tiếng Nhật: ブラック・シヨーマンと覚醒する女たち s627166
1771. Hình gì thế nhỉ? = What shape is this? : Dành cho trẻ từ 0 - 6 tuổi / Minat. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 24 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Ehon phong cách Nhật Bản)(Nuôi dưỡng tâm hồn cho bé). - 39000đ. - 3000b s627310
1772. Hoa Cỏ. Tóc mây nổi mảnh xuân thì / Hoa Cỏ, Bông Trà. - H. : Lao động, 2025. - 277 tr. ; 21 cm. - 149000đ. - 1000b s627480
1773. Hoa Mai. Hoa thơm tay bé : Thơ thiếu nhi / Hoa Mai. - H. : Văn học, 2024. - 90 tr. : ảnh màu, tranh màu ; 19x21 cm. - 98000đ. - 1000b  
Tên thật tác giả: Võ Mai Hoa s628378
1774. Hoa thơm kiêu hãnh : Truyện tranh : 16+ / Saka Mikami ; Lục Thảo dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 55000đ. - 10000b  
T.8. - 2025. - 190 tr. : tranh vẽ s628484
1775. Hoa thơm kiêu hãnh : Truyện tranh : 16+ / Saka Mikami ; Lục Thảo dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 55000đ. - 10000b  
T.9. - 2025. - 190 tr. : tranh vẽ s628485
1776. Hoa thơm kiêu hãnh : Flower edition : Truyện tranh : 16+ / Saka Mikami ; Lục Thảo dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 138000đ. - 7000b  
T.10. - 2025. - 192 tr. : tranh vẽ s628483
1777. Hoa thơm kiêu hãnh : Truyện tranh : 16+ / Saka Mikami ; Lục Thảo dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 55000đ. - 10000b  
T.10. - 2025. - 192 tr. : tranh vẽ s628486
1778. Hoa thơm kiêu hãnh : Truyện tranh : 16+ / Saka Mikami ; Lục Thảo dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 55000đ. - 10000b  
T.11. - 2025. - 189 tr. : tranh vẽ s628487
1779. Hoa thơm kiêu hãnh : Truyện tranh : 16+ / Saka Mikami ; Lục Thảo dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 55000đ. - 95000b  
T.12. - 2025. - 191 tr. : tranh vẽ s628488

1780. Hoa thơm kiêu hãnh : Truyện tranh : 16+ / Saka Mikami ; Lục Thảo dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 55000đ. - 10000b  
T.13. - 2025. - 192 tr. : tranh vẽ s628489
1781. Hoa thơm kiêu hãnh : Truyện tranh : 16+ / Saka Mikami ; Lục Thảo dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 55000đ. - 9000b  
T.14. - 2025. - 191 tr. : tranh vẽ s628490
1782. Hoa thơm kiêu hãnh : Flower edition : Truyện tranh : 16+ / Saka Mikami ; Lục Thảo dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 138000đ. - 7000b  
T.15. - 2026. - 191 tr. : tranh vẽ s628492
1783. Hoa thơm kiêu hãnh : Truyện tranh : 16+ / Saka Mikami ; Lục Thảo dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 55000đ. - 8500b  
T.15. - 2026. - 191 tr. : tranh vẽ s628491
1784. Hoa thơm kiêu hãnh : Truyện tranh : 16+ / Saka Mikami ; Viên Viên dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 55000đ. - 85000b  
T.16. - 2026. - 189 tr. : tranh vẽ s628493
1785. Hoa Trạng nguyên Manga teen : Manga - Comic - Anime - Film - Game - Artist. - H. : Lao động. - 24 cm. - 50000đ. - 4900b  
Đầu bìa sách ghi: Báo Thiếu niên Tiền phong và Nhi đồng  
Q.45. - 2025. - 66 tr. : tranh màu s627507
1786. Hoa Trạng nguyên Manga teen : Manga - Comic - Anime - Film - Game - Artist. - H. : Lao động. - 24 cm. - 50000đ. - 4900b  
Đầu bìa sách ghi: Báo Thiếu niên Tiền phong và Nhi đồng  
Q.46. - 2025. - 62 tr. : tranh màu s627508
1787. Hoa Trạng nguyên Manga teen : Manga - Comic - Anime - Film - Game - Artist. - H. : Lao động. - 24 cm. - 50000đ. - 4900b  
ĐTTS ghi: Báo Thiếu niên Tiền phong và Nhi đồng  
Q.47. - 2025. - 62 tr. : tranh màu s627509
1788. Hoa Trạng nguyên Manga teen : Manga - Comic - Anime - Film - Game - Artist. - H. : Lao động. - 24 cm. - 50000đ. - 4900b  
Q.48. - 2025. - 66 tr. : tranh màu s627510
1789. Hoa vườn nhà : Tập thơ của cựu giáo chức chào mừng kỷ niệm 50 năm thành lập Trường THPT Hà Huy Tập (1975 - 2025) / Nguyễn Trọng Bé, Trần Thị Ngọc Bích, Nguyễn Đức Cảnh... ; B.s.: Nguyễn Trọng Bé... - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 207 tr. ; 21 cm. - 300b  
ĐTTS ghi: Ban Liên lạc Cựu giáo chức. Trường THPT Hà Huy Tập s628281
1790. Hoài Sa. Nước trên cơn bão chảy : Tập Truyện ngắn / Hoài Sa. - H. : Thế giới, 2026. - 223 tr. ; 21 cm. - 129000đ. - 1000b s628200
1791. Hoàng Công Danh. Ngũ sắc vạn hoa : Tùy bút / Hoàng Công Danh. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 233 tr. : hình vẽ ; 20 cm. - 100000đ. - 1500b s628225
1792. Hoàng Oanh. Bên kia giới hạn : Tản văn / Hoàng Oanh. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2026. - 203 tr. ; 19 cm. - 250000đ. - 3000b s628302
1793. Hoàng Oanh. Ngăn trôi : Thơ / Hoàng Oanh. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2026. - 189 tr. ; 19 cm. - 245000đ. - 1000b s628301

1794. Hồ Anh Thái. Dấu về gió xóa : Tiểu thuyết / Hồ Anh Thái. - In lần thứ 3. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 347 tr. ; 20 cm. - 145000đ. - 1000b s626836
1795. Hồ Anh Thái. Đức Phật, nàng Savitri và tôi : Tiểu thuyết / Hồ Anh Thái. - In lần thứ 2. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 481 tr. ; 20 cm. - 185000đ. - 1000b s626837
1796. Hòn Oda da Shiba : Truyện tranh / Una Megurogawa ; Fiona dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 19 cm. - 55000đ. - 3000b  
T.1. - 2026. - 173 tr. : tranh vẽ s628529
1797. Hồng Thử Bắc. Mùa xuân của cô nàng độc thân : Tiểu thuyết / Hồng Thử Bắc ; Rosie dịch. - H. : Thế giới, 2026. - 374 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 209000đ. - 1500b  
Tên sách tiếng Trung: 单身狗的春天 s628201
1798. Huy Triền. Bóng núi Cư.M'Ga : Tiểu thuyết / Huy Triền. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 431 tr. ; 21 cm. - 1000b  
Tên thật tác giả: Nguyễn Công Triền s627002
1799. Huyền Nguyễn. Tình : Thơ / Huyền Nguyễn. - H. : Lao động, 2026. - 79 tr. ; 21 cm. - 85000đ. - 300b  
Tên thật tác giả: Nguyễn Thị Huyền s627458
1800. Hương lòng cuối dặm : Thơ : Kỷ niệm ngày cát táng cho song thân về lăng với tổ tiên / Mai Huy Lương, Mai Huy Thái, Hà Văn Chối... ; Đường Xuân Hùng s.t., b.s. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 79 tr. ; 21 cm. - 100000đ. - 100b s626949
1801. Hướng dẫn kỹ năng viết đoạn văn nghị luận xã hội lớp 6 : Theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Nguyễn Đức Toàn, Nguyễn Phước Lợi, Đinh Cẩm Châu. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2022. - 179 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 24 cm. - 60000đ. - 1500b s628188
1802. Hướng dẫn ôn luyện thi đánh giá năng lực SPT môn Ngữ văn / Lê Thị Minh Nguyệt, Đào Mai Chi (ch.b.), Phạm Thị Thu Hiền... - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 271 tr. ; 27 cm. - 165000đ. - 3000b s627872
1803. Hướng dẫn viết và dàn ý các đoạn văn nghị luận xã hội Ngữ văn 8 (khoảng 200 chữ) / Kiều Bắc, Nguyễn Quốc Khánh. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 128 tr. : bảng ; 24 cm. - 58000đ. - 1000b s628160
1804. Hướng dẫn viết, nói và nghe các dạng văn lớp 8 : Dùng chung cho các bộ SGK hiện hành / Kiều Bắc, Nguyễn Thị Hoa, Nguyễn Quốc Khánh. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 125000đ. - 1500b  
T.2. - 2025. - 272 tr. : bảng s628182
1805. Ích kỷ có vui đâu = Being selfish not fun : Truyện tranh : Song ngữ Việt - Anh / Lời: Minh Phương ; Minh họa: Minh Nghĩa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 24 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Tủ sách Kỹ năng giao tiếp cho bé 2+)(Cùng con khôn lớn). - 39000đ. - 1000b s627305
1806. Ichihō Michi. Những thế giới con / Ichihō Michi ; Thanh Minh dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 317 tr. ; 21 cm. - 175000đ. - 2000b  
Tên sách tiếng Nhật: スモールワールドズ. - Thư mục: tr. 317 s627165
1807. Kagurabachi : Truyện tranh : 18+ / Takeru Hokazono ; Uyên Hồng dịch. - H. : Văn học. - 18 cm. - 60000đ. - 8000b  
T.3: Kị sĩ bóng đêm. - 2025. - 186 tr. : tranh vẽ s628360
1808. Kawabata Yasunari. Tiếng núi / Kawabata Yasunari ; Uyên Thiễm dịch ; Minh họa: Tùng Lâm. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 382 tr. ; 21 cm. - 250000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Nhật: 山の音 s627266

1809. Kể ngây thơ, người từng trải và câu chuyện tình của chúng tôi : Truyện tranh / Nguyên tác: Makiko Nagaoka ; Truyện tranh: Carpaccio Noyama ; Minh họa: Magako ; Gia Bảo dịch. - H. : Thế giới. - 18 cm. - 99000đ. - 2000b

T.3. - 2026. - 206 tr. : tranh vẽ s628710

1810. Kevin Chen. Người tốt lâu trên / Kevin Chen ; Nguyễn Vinh Chi dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 486 tr. ; 21 cm. - 210000đ. - 3000b

Dịch từ nguyên tác tiếng Trung: 樓上的好人. - Tên thật tác giả: Trần Tư Hoàn s627170

1811. Khác biệt có sao đâu = Being different is okay : Truyện tranh : Song ngữ Việt - Anh / Lời: Minh Phương ; Minh họa: Minh Nghĩa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 24 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Tủ sách Kỹ năng giao tiếp cho bé 2+)(Cùng con khôn lớn). - 39000đ. - 10000b s627307

1812. Khẽ hát lời yêu : Truyện tranh : 18+ / Eku Takeshima ; Trần Yang dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 18 cm. - 65000đ. - 1000b

T.3. - 2025. - 158 tr. : tranh vẽ s628453

1813. Khẽ hát lời yêu : Truyện tranh : 18+ / Eku Takeshima ; Trần Yang dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 18 cm. - 65000đ. - 1000b

T.5. - 2025. - 162 tr. : tranh vẽ s628454

1814. Khẽ hát lời yêu : Truyện tranh : 18+ / Eku Takeshima ; Trần Yang dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 18 cm. - 65000đ. - 1000b

T.8. - 2025. - 165 tr. : tranh vẽ s628455

1815. Khu rừng đom đóm : Truyện tranh : 16+ / Yuki Midorikawa ; Mono No Aware dịch. - In lần thứ 4. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 167 tr. : tranh vẽ ; 19 cm. - 65000đ. - 3000b s628605

1816. Khu rừng đom đóm : Truyện tranh : 16+ / Yuki Midorikawa ; Mono No Aware dịch. - In lần thứ 5. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 167 tr. : tranh vẽ ; 19 cm. - 65000đ. - 3000b s628609

1817. Khủng long sắc màu và chiếc bụng đói = The colorful dinosaurs and the hungry tummy : Truyện tranh : Dành cho trẻ từ 0 - 6 tuổi / Suzuki Mika. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 24 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Bộ sách Nuôi dưỡng tâm hồn bé = The books to nourish children's soul)(Ehon). - 39000đ. - 10000b s627301

1818. Kịch bản dân ca kịch bài chòi khu V / Nguyễn Ngọc Kỳ, Phạm Phú Sương, Trần Thanh Việt... - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng. - 24 cm. - 500b

ĐTTS ghi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Quảng Nam

T.1. - 2025. - 227 tr. s626960

1819. Kịch bản dân ca kịch bài chòi khu V / Hoài Giao, Lưu Quang Vũ, Hồ Hải Học... - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng. - 24 cm. - 500b

ĐTTS ghi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Quảng Nam

T.2. - 2025. - 222 tr. s626961

1820. Kim Dung. Những bước chân nhỏ yêu thương : Chuyện kể về hành trình tố theo mẹ đi du học / Kim Dung, Đoàn Lâm Anh. - H. : Lao động, 2025. - 164 tr. : tranh vẽ ; 19 cm. - 129000đ. - 500b s628859

1821. Kim Quyên. Những phút xao lòng : Tiểu thuyết / Kim Quyên. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 215 tr. ; 21 cm. - 1000b

Tên thật tác giả: Huỳnh Kim Hương s626705

1822. Kitagawa Yasushi. Người lạ dẫn đường : Một chuyến xe không hẹn trước. Một cuộc trò chuyện tình cờ / Kitagawa Yasushi ; Bo Virgo dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 291 tr. ; 21 cm. - 179000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Nhật: 運転者 未来を変える過去からの使者 s627163

1823. Klages, Mary. Lí thuyết văn học: Dẫn nhập toàn diện / Mary Klages ; Tạ Thành Tấn ch.b. ; Dịch: Vũ Thị Kiều Chinh... - H. : Thế giới, 2026. - 439 tr. ; 21 cm. - 380000đ. - 500b

Tên sách tiếng Anh: Literary theory: The complete guide s627696

1824. Kuang, R. F. Babel - Hay sự cần thiết của bạo lực : Lịch sử bí ẩn về cuộc cách mạng của các dịch giả Oxford / R. F. Kuang ; Lam Vũ dịch. - H. : Lao động, 2025. - 635 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 336000đ. - 1000b s627613

1825. Kỳ yếu Hội thảo khoa học quốc tế: Văn hóa, xã hội và nhân văn hướng đến phát triển bền vững = International scientific conference proceedings: Culture, Society and Humanities towards sustainable development / Tran Thi My Tien, Pham Phu Uyen Chau, Nguyen Thi Thu Giang... ; Ch.b.: Bùi Thanh Thảo... - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ. - 26 cm. - 100b

T.2. - 2025. - ix, 1026 tr. - Thư mục cuối mỗi bài s626973

1826. Lã Thị Thông. Sắc chàm lưng núi : Thơ / Lã Thị Thông. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2026. - 104 tr. ; 19 cm. - 100000đ. - 150b s628678

1827. Lại Văn Long. Lửa ngục : Tiểu thuyết / Lại Văn Long. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 359 tr. ; 21 cm. - 1000b s626706

1828. Làm việc tốt vui ghê = Doing good deeds is fun : Truyện tranh : Song ngữ Việt - Anh / Lời: Minh Phương ; Minh họa: Minh Nghĩa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 24 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Tủ sách Kỹ năng giao tiếp cho bé 2+)(Cùng con khôn lớn). - 39000đ. - 10000b s627312

1829. Lan tỏa sắc màu : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 18+ / Sorato ; Sumeragi Ui dịch. - H. : Dân trí, 2025. - 166 tr. : tranh vẽ ; 18 cm. - 90000đ. - 2000b s628693

1830. Lavende. Minh chia tay rồi, có nhớ không? / Lavende. - H. : Văn học, 2025. - 190 tr. ; 17 cm. - 92000đ. - 2000b s628345

1831. Lặng lẽ đáy sâu = Because the girls are all childish : Truyện tranh / Fuyumushi Kaiko ; Tuyết Quỳnh dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 19 cm. - 3000b

T.1. - 2025. - 179 tr. : tranh vẽ s628518

1832. Lặng lẽ đáy sâu = Because the girls are all childish : Truyện tranh / Fuyumushi Kaiko ; Tuyết Quỳnh dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 19 cm. - 3000b

T.2. - 2025. - 175 tr. : tranh vẽ s628519

1833. Lặng lẽ đáy sâu = Because the girls are all childish : Truyện tranh / Fuyumushi Kaiko ; Tuyết Quỳnh dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 19 cm. - 3000b

T.3. - 2025. - 199 tr. : tranh vẽ s628520

1834. Lâm Long Hồ. Hương thơm : Tập thơ / Lâm Long Hồ. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 94 tr. ; 20 cm. - 86000đ. - 300b s628259

1835. Leng...keng... : Khám phá thế giới âm thanh của các bạn phương tiện giao thông : Ehon cho trẻ 0 - 6 tuổi / Fuku Mitsu. - H. : Văn hóa dân tộc, 2026. - 25 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Âm thanh quanh bé). - 39000đ. - 5000b s626990

1836. Lê Bá Dương. Lời người bên sông : Thơ / Lê Bá Dương. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 290 tr. : ảnh màu ; 18 cm. - 145000đ. - 500b s628677
1837. Lê Đình Trung. Giữa hai ngọn lửa : Tiểu thuyết / Lê Đình Trung. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 199 tr. ; 21 cm. - 1000b s626692
1838. Lê Hoàng Tố Mai. Vực thăm : Tiểu thuyết / Lê Hoàng Tố Mai. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 327 tr. ; 21 cm. - 1000b s626698
1839. Lê Minh Diệu. Nhà văn Tô Nhuận Vỹ / Lê Minh Diệu. - Huế : Nxb. Thuận Hóa, 2026. - 272 tr. : ảnh ; 24 cm. - 1000b  
Phụ lục: tr. 191-272 s628270
1840. Lê Thị Trúc Anh. Giáo trình Kỹ năng diễn thuyết chính trị / Lê Thị Trúc Anh ch.b. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 141 tr. : bảng ; 24 cm. - 150000đ. - 400b  
ĐTTS ghi: Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh. Học viện Cán bộ. - Thư mục: tr. 138-141 s626875
1841. Lê Thu Yến. Văn học trung đại Việt Nam thế kỷ XVIII - XIX: Hoài vọng từ trăm năm / Lê Thu Yến. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 331 tr. ; 24 cm. - 250000đ. - 500b  
Thư mục: tr. 329-331 s626811
1842. Look back : Truyện tranh : 16+ / Tatsuki Fujimoto ; Ili Tenjou dịch. - In lần thứ 2. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 143 tr. : tranh vẽ ; 19 cm. - 65000đ. - 3000b s628606
1843. Look back : Truyện tranh : 16+ / Tatsuki Fujimoto ; Ili Tenjou dịch. - In lần thứ 5. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 143 tr. : tranh vẽ ; 19 cm. - 65000đ. - 3000b s628610
1844. Lữ Mai. Tết Trường Sa quê em / Lữ Mai ; Tranh: Tâm Lê, Hoàng Vi. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 83 tr. : tranh màu ; 19 cm. - 129000đ. - 1000b s628305
1845. Lưu Hiểu Huy. Ghi chép pháp y - Những cái chết bí ẩn / Lưu Hiểu Huy ; Bùi Thanh Thúy dịch. - Tái bản. - H. : Lao động, 2026. - 343 tr. ; 24 cm. - 150000đ. - 3000b  
Tên sách tiếng Trung: 非自然死亡:我的法医笔记 s627614
1846. Lưu Từ Hân. Tam thế 2: Khu rừng đen tối / Lưu Từ Hân ; Lục Hương dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 605 tr. ; 24 cm. - 280000đ. - 2000b  
Dịch từ nguyên tác tiếng Trung: 黑暗森林 s627267
1847. Lưu Văn Nhân. Đội bóng Bãi Trâu / Lưu Văn Nhân. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 172 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 95000đ. - 300b s628262
1848. Mạc Yên. Sứ nước : Tiểu thuyết / Mạc Yên. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 399 tr. ; 24 cm. - 1000b  
Tên thật tác giả: Nguyễn Mạc Yên Hải s627012
1849. Mạn Tây. Siêu cấp cung chiêu : 16+ / Mạn Tây ; Họa sĩ: Miêu Miêu Đầu ; Phương Anh dịch. - H. : Lao động. - 21 cm. - 169000đ. - 2000b  
Tên sách tiếng Trung: 致命偏宠  
T.1. - 2025. - 167 tr. : tranh màu s627434
1850. Mạn Tây. Siêu cấp cung chiêu / Mạn Tây ; 5CE dịch. - H. : Lao động. - 21 cm. - 199000đ. - 2000b  
Tên sách tiếng Trung: 致命偏宠  
T.7. - 2025. - 608 tr. s627412

1851. Mạn Tây. Siêu cấp cung chiêu / Mạn Tây ; 5CE dịch. - H. : Lao động. - 21 cm. - 199000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 致命偏宠

T.8. - 2025. - 615 tr. s627413

1852. Manga teen : Manga - Comic - Anime - Film - Game - Artist. - H. : Lao động. - 24 cm. - (Tủ sách Kiến thức và kỹ năng sống của báo Thiếu niên Tiền phong và Nhi đồng). - 50000đ. - 5000b

T.1/2026. - 2026. - 66 tr. : minh họa s627511

1853. Maria Hoàn Nguyễn. Phận người bị đánh cắp : Tiểu thuyết / Maria Hoàn Nguyễn. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 431 tr. ; 21 cm. - 1000b s627003

1854. Màu nào đẹp nhất? = What color is the prettiest? : Truyện tranh : Dành cho trẻ từ 0 - 6 tuổi / Suzuki Mika. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 23 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Bộ sách Nuôi dưỡng tâm hồn bé = The books to nourish children's soul)(Ehon). - 39000đ. - 10000b s627314

1855. Mẫu giáo đại chiến : Truyện tranh : 18+ / You Chiba ; Ocharaketa dịch. - H. : Thế giới. - 18 cm. - 60000đ. - 6000b

T.12. - 2025. - 204 tr. : tranh vẽ s628705

1856. Mẫu giáo đại chiến : Truyện tranh : 18+ / You Chiba ; Ocharaketa dịch. - H. : Thế giới. - 18 cm. - 60000đ. - 6000b

T.13. - 2026. - 210 tr. : tranh vẽ s628706

1857. Mẫu giáo đại chiến : Truyện tranh : 18+ / You Chiba ; Ocharaketa dịch. - H. : Thế giới. - 18 cm. - 60000đ. - 6000b

T.14. - 2026. - 212 tr. : tranh vẽ s628707

1858. Mẹ...& quê hương : Tản văn tuyển chọn / Nguyễn Ngọc Lợi, Minh Thư, Vi Hợi... - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 199 tr. : ảnh ; 20 cm. - 2300b s626943

1859. Mèo Mốc - Ai rồi cũng cười (trừ Mốc) : Truyện tranh. - H. : Dân trí, 2025. - 199 tr. : tranh màu ; 19 cm. - 139000đ. - 2500b

Tên thật tác giả: Đặng Quang Dũng s628685

1860. Miko selection - Cười bẻ bụng : 10 chuyện mắc cười nhất! : Truyện tranh : 6+ / Ono Eriko ; Hải Thọ dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 186 tr. : tranh vẽ ; 18 cm. - 25000đ. - 3000b s628576

1861. Miko selection - Girls : Chuyện bạn gái chúng mình : Truyện tranh : 6+ / Ono Eriko ; Hải Thọ dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 190 tr. : tranh vẽ ; 18 cm. - 25000đ. - 3000b s628577

1862. Miko selection - Love : Top 10 chuyện tình "củm" đáng yêu nhất! : Truyện tranh : 6+ / Ono Eriko ; Hải Thọ dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 185 tr. : tranh vẽ ; 18 cm. - 25000đ. - 3000b s628578

1863. Miko! Tất tần tật : Tuyển tập mới và hay nhất về nhóc Miko! : Truyện tranh : 6+ / Ono Eriko ; Hải Thọ dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 167 tr. : tranh vẽ ; 18 cm. - 25000đ. - 3000b s628579

1864. Miku Ito. Hướng dẫn sử dụng mẹ / Lời: Miku Ito ; Tranh: Makiko Sato ; Tổng Hương dịch. - In lần 17. - H. : Lao động, 2025. - 130 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (Tổ ong mật). - 69000đ. - 2000b s627574

1865. Mishma Yomu. Ta là chúa tể độc ác của đế quốc liên thiên hà! / Mishma Yomu ; Minh họa: Takamine Nadare ; Roku dịch. - H. : Thế giới. - 18 cm. - 159000đ. - 1500b

- Tên sách tiếng Nhật: 俺は星間国家の悪徳領主!  
T.2. - 2026. - 422 tr. : tranh vẽ s628711
1866. Monster #8 : Truyện tranh : 16+ / Naoya Matsumoto ; Trần Yang dịch. - H. : Lao động. - 18 cm. - 72000đ. - 7000b  
T.13. - 2025. - 196 tr. : tranh vẽ s628855
1867. Monster #8 : Truyện tranh : 16+ / Naoya Matsumoto ; Trần Yang dịch. - H. : Lao động. - 18 cm. - 72000đ. - 3000b  
T.13. - 2025. - 204 tr. : tranh vẽ s628852
1868. Monster #8 : Truyện tranh : 16+ / Naoya Matsumoto ; Trần Yang dịch. - H. : Lao động. - 18 cm. - 72000đ. - 7000b  
T.14. - 2025. - 196 tr. : tranh vẽ s628856
1869. Monster #8 : Truyện tranh : 16+ / Naoya Matsumoto ; Trần Yang dịch. - H. : Lao động. - 18 cm. - 72000đ. - 3000b  
T.14. - 2025. - 204 tr. : tranh vẽ s628853
1870. Monster #8 : Truyện tranh : 16+ / Naoya Matsumoto ; Trần Yang dịch. - H. : Lao động. - 18 cm. - 72000đ. - 3000b  
T.15. - 2026. - 204 tr. : tranh vẽ s628854
1871. Monster #8 : Truyện tranh : 16+ / Naoya Matsumoto ; Trần Yang dịch. - H. : Lao động. - 18 cm. - 72000đ. - 7000b  
T.15. - 2026. - 196 tr. : tranh vẽ s628857
1872. Mọi tình này không nằm trong kế hoạch của Fukami : Truyện tranh / Natsumi Hino ; Tatsuhiro dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 89000đ. - 2000b  
T.1. - 2025. - 168 tr. : tranh vẽ s628691
1873. Mọi tình này không nằm trong kế hoạch của Fukami : Truyện tranh / Natsumi Hino ; Tatsuhiro dịch. - H. : Dân trí. - 18 cm. - 89000đ. - 2000b  
T.2. - 2025. - 168 tr. : tranh vẽ s628672
1874. Mọi tình này không nằm trong kế hoạch của Fukami : Truyện tranh / Natsumi Hino ; Tatsuhiro dịch. - H. : Dân trí. - 18 cm. - 89000đ. - 2000b  
T.3. - 2025. - 168 tr. : tranh vẽ s628673
1875. Mùa hè Hikaru chết : Truyện tranh : 16+ / Mokumokuren ; Luci dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 18 cm. - 65000đ. - 1000b  
T.5. - 2025. - 190 tr. : tranh vẽ s628428
1876. Mùa hè Hikaru chết : Truyện tranh : 16+ / Mokumokuren ; Luci dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 18 cm. - 65000đ. - 6000b  
T.6. - 2026. - 182 tr. : tranh vẽ s628429
1877. Mục đồng : Tuyển tập thơ văn / Trương Thị Lâm Sang, Minh Ân, Kim Cương... ; B.s.: Võ Trần Nhật (ch.b.)... - H. : Hồng Đức. - 24 cm. - 35000đ. - 2000b  
T.37. - 2026. - 116 tr. : ảnh màu s627350
1878. Mục Qua. Hồ sơ tâm lý học - Tâm thần hay kẻ điên / Mục Qua ; Tú Phương dịch. - H. : Lao động, 2026. - 439 tr. ; 24 cm. - 189000đ. - 2500b  
Tên sách tiếng Trung: 疯人说: 精神病院医生手记 s628404
1879. Mỹ vị hầm ngục = Delicious in dungeon : Truyện tranh : 16+ / Kui Ryoko ; Ngô Quế Đan dịch. - H. : Văn học. - 18 cm. - 58000đ. - 1000b  
T.1. - 2025. - 191 tr. : tranh vẽ s628361

1880. Mỹ vị hầm ngục = Delicious in dungeon : Truyện tranh : 16+ / Kui Ryoko ; Ngô Quế Đan dịch. - H. : Văn học. - 18 cm. - 58000đ. - 1000b  
T.3. - 2025. - 190 tr. : tranh vẽ s628362
1881. Mỹ vị hầm ngục = Delicious in dungeon : Truyện tranh : 16+ / Kui Ryoko ; Ngô Quế Đan dịch. - H. : Văn học. - 18 cm. - 58000đ. - 1000b  
T.9. - 2025. - 207 tr. : tranh vẽ s628363
1882. Mỹ vị hầm ngục = Delicious in dungeon : Truyện tranh : 16+ / Kui Ryoko ; Ngô Quế Đan dịch. - H. : Văn học. - 18 cm. - 65000đ. - 1000b  
T.10. - 2025. - 223 tr. : tranh vẽ s628364
1883. Năm chắc vấn đề - Lập luận sắc bén : 80 đề tài xã hội: Gắn gũi - Thời sự - Nhân văn / Nguyễn Thị Thúy Nga, Bùi Thị Ngọc Trâm, Vi Lương Thảo Tâm. - H. : Lao động. - 24 cm. - 160000đ. - 20000b  
Q.1. - 2025. - 169 tr. : hình vẽ s627495
1884. Năm chắc vấn đề - Lập luận sắc bén : 80 đề tài xã hội: Gắn gũi - Thời sự - Nhân văn / Nguyễn Thị Thúy Nga, Bùi Thị Ngọc Trâm, Vi Lương Thảo Tâm. - H. : Lao động. - 24 cm. - 170000đ. - 30000b  
Q.2. - 2025. - 174 tr. s627539
1885. Ngô Tất Tố. Vua Tây Chúa Nguyễn : Tiểu thuyết lịch sử / Ngô Tất Tố. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 241 tr. ; 19 cm. - 71000đ. - 3000b s628815
1886. Nguyễn Cảnh Ân. Mẹ... : Thơ đôi Haiku - Lục bát. Việt hóa thơ Haiku - Nhật kết hợp với Lục bát đổi mới - Việt Nam / Nguyễn Cảnh Ân. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2023. - 101 tr. : ảnh ; 21 cm. - 45000đ. - 1000b s626641
1887. Nguyễn Danh Bảo. Phận lá : Thơ / Nguyễn Danh Bảo. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 119 tr. ; 21 cm. - 85000đ. - 200b s626945
1888. Nguyễn Du. Truyện Kiều / Nguyễn Du ; Đào Duy Anh hiệu khảo, chú giải. - Tái bản. - H. : Văn học, 2025. - 183 tr. ; 18 cm. - 48000đ. - 2000b s628402
1889. Nguyễn Du. Truyện Kiều : Bản Nôm Liễu Văn Đường 1866.1871 (Cổ nhất) / Nguyễn Du ; Nguyễn Vũ Trương Chiêng b.s., hiệu khảo. - Tái bản, có bổ sung. - H. : Lao động, 2025. - 734 tr. ; 21 cm. - 200000đ. - 1000b s627583
1890. Nguyễn Đăng Chương. Kịch Nguyễn Đăng Chương. - H. : Sân khấu. - 21 cm. - 200000đ. - 300b  
T.5. - 2026. - 431 tr. s626650
1891. Nguyễn Đình Hậu. Trong vùng lửa khói : Tiểu thuyết / Nguyễn Đình Hậu. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 511 tr. ; 21 cm. - 1000b s627004
1892. Nguyễn Đỗ Văn Quốc. Phản chiếu đảo ngược : Tiểu thuyết / Nguyễn Đỗ Văn Quốc. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 383 tr. ; 21 cm. - 1000b s627000
1893. Nguyễn Hệ. Khúc giao mùa : Thơ / Nguyễn Hệ. - H. : Văn học, 2025. - 95 tr. ; 19 cm. - 68000đ. - 300b  
Tên thật tác giả: Nguyễn Thị Hệ s628380
1894. Nguyễn Lê. Chạm khế : Thơ / Nguyễn Lê. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 127 tr. ; 21 cm. - 85000đ. - 100b s626946
1895. Nguyễn Mạnh Tuấn. Chua ngọt đời văn / Nguyễn Mạnh Tuấn. - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2025. - 373 tr. ; 24 cm. - 225000đ. - 300b s626956

1896. Nguyễn Minh Hải. Xóm Giá Ty : Tập truyện ngắn / Nguyễn Minh Hải. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 242 tr. ; 20 cm. - 105000đ. - 1000b s628226
1897. Nguyễn Minh Ngọc. Người mẹ lái thiêu : Tiểu thuyết / Nguyễn Minh Ngọc. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 390 tr. ; 21 cm. - 1000b s626695
1898. Nguyễn Ngọc Tư. Cố định một đám mây : Truyện ngắn / Nguyễn Ngọc Tư. - In lần thứ 5. - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2025. - 182 tr. ; 21 cm. - 139000đ. - 1000b s626969
1899. Nguyễn Nhật Ánh. Bảy bước tới mùa hè : Truyện dài / Nguyễn Nhật Ánh. - In lần thứ 33. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 267 tr. ; 15 cm. - 52000đ. - 3000b s628587
1900. Nguyễn Nhật Ánh. Bảy bước tới mùa hè : Truyện dài / Nguyễn Nhật Ánh ; Minh họa: Đỗ Hoàng Tường. - In lần thứ 32. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 287 tr. ; 20 cm. - 120000đ. - 3000b s626827
1901. Nguyễn Nhật Ánh. Bong bóng lên trời : Truyện dài / Nguyễn Nhật Ánh. - In lần thứ 59. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 182 tr. ; 15 cm. - 38000đ. - 3000b s628596
1902. Nguyễn Nhật Ánh. Bò câu không đưa thư : Truyện dài / Nguyễn Nhật Ánh. - In lần thứ 57. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 182 tr. ; 15 cm. - 38000đ. - 3000b s628591
1903. Nguyễn Nhật Ánh. Chú bé rắc rối : Truyện dài / Nguyễn Nhật Ánh. - In lần thứ 60. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 188 tr. ; 15 cm. - 38000đ. - 3000b s628588
1904. Nguyễn Nhật Ánh. Chúc một ngày tốt lành : Truyện / Nguyễn Nhật Ánh ; Minh họa: Đỗ Hoàng Tường. - In lần thứ 28. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 190 tr. ; 15 cm. - 40000đ. - 3000b s628599
1905. Nguyễn Nhật Ánh. Chuyện xứ Lang Biang / Nguyễn Nhật Ánh. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 15 cm. - 92000đ. - 1000b  
T.1: Pho tượng của Baltalon. - 2026. - 292 tr. s628541
1906. Nguyễn Nhật Ánh. Chuyện xứ Lang Biang / Nguyễn Nhật Ánh. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 15 cm. - 97000đ. - 1000b  
T.2: Pho tượng của Baltalon. - 2026. - 308 tr. s628542
1907. Nguyễn Nhật Ánh. Chuyện xứ Lang Biang / Nguyễn Nhật Ánh. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 15 cm. - 81000đ. - 1000b  
T.3: Biền cố ở trường Đămri. - 2026. - 256 tr. s628543
1908. Nguyễn Nhật Ánh. Chuyện xứ Lang Biang / Nguyễn Nhật Ánh. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 15 cm. - 87000đ. - 1000b  
T.4: Biền cố ở trường Đămri. - 2026. - 276 tr. s628544
1909. Nguyễn Nhật Ánh. Chuyện xứ Lang Biang / Nguyễn Nhật Ánh. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 15 cm. - 76000đ. - 1000b  
T.5: Biền cố ở trường Đămri. - 2026. - 240 tr. s628545
1910. Nguyễn Nhật Ánh. Chuyện xứ Lang Biang / Nguyễn Nhật Ánh. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 15 cm. - 93000đ. - 1000b  
T.6: Chủ nhân núi Lưng Chùng. - 2026. - 296 tr. s628546
1911. Nguyễn Nhật Ánh. Chuyện xứ Lang Biang / Nguyễn Nhật Ánh. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 15 cm. - 90000đ. - 1000b  
T.7: Chủ nhân núi Lưng Chùng. - 2026. - 284 tr. s628547
1912. Nguyễn Nhật Ánh. Chuyện xứ Lang Biang / Nguyễn Nhật Ánh. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 15 cm. - 86000đ. - 1000b

- T.8: Chủ nhân núi Lũng Chùng. - 2026. - 272 tr. s628548
1913. Nguyễn Nhật Ánh. Chuyện xứ Lang Biang / Nguyễn Nhật Ánh. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 15 cm. - 82000đ. - 1000b
- T.9: Báu vật ở lâu đài K'Rahlan. - 2026. - 260 tr. s628549
1914. Nguyễn Nhật Ánh. Chuyện xứ Lang Biang / Nguyễn Nhật Ánh. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 15 cm. - 68000đ. - 1000b
- T.10: Báu vật ở lâu đài K'Rahlan. - 2026. - 216 tr. s628550
1915. Nguyễn Nhật Ánh. Chuyện xứ Lang Biang / Nguyễn Nhật Ánh. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 15 cm. - 70000đ. - 1000b
- T.11: Báu vật ở lâu đài K'Rahlan. - 2026. - 224 tr. s628551
1916. Nguyễn Nhật Ánh. Chuyện xứ Lang Biang / Nguyễn Nhật Ánh. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 15 cm. - 68000đ. - 1000b
- T.12: Báu vật ở lâu đài K'Rahlan. - 2026. - 216 tr. s628552
1917. Nguyễn Nhật Ánh. Cô gái đến từ hôm qua : Truyện dài / Nguyễn Nhật Ánh. - In lần thứ 71. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 177 tr. ; 15 cm. - 35000đ. - 3000b s628589
1918. Nguyễn Nhật Ánh. Hoa hồng xứ khác : Truyện dài / Nguyễn Nhật Ánh. - In lần thứ 54. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 292 tr. ; 15 cm. - 50000đ. - 3000b s628594
1919. Nguyễn Nhật Ánh. Lá nằm trong lá : Truyện dài / Nguyễn Nhật Ánh ; Minh họa: Đỗ Hoàng Tường. - In lần thứ 39. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 249 tr. : tranh vẽ ; 20 cm. - 100000đ. - 3000b s626826
1920. Nguyễn Nhật Ánh. Mất biếc : Truyện dài / Nguyễn Nhật Ánh. - In lần thứ 65. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 244 tr. ; 15 cm. - 43000đ. - 3000b s628597
1921. Nguyễn Nhật Ánh. Mất biếc : Truyện dài / Nguyễn Nhật Ánh. - In lần thứ 67. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 244 tr. ; 15 cm. - 43000đ. - 3000b s628595
1922. Nguyễn Nhật Ánh. Ngày xưa có một chuyện tình : Truyện dài / Nguyễn Nhật Ánh. - In lần thứ 28. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 295 tr. ; 15 cm. - 77000đ. - 3000b s628598
1923. Nguyễn Nhật Ánh. Ngôi trường mọi khi : Truyện dài / Nguyễn Nhật Ánh. - In lần thứ 51. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 244 tr. ; 15 cm. - 43000đ. - 3000b s628590
1924. Nguyễn Nhật Ánh. Phòng trọ ba người : Truyện dài / Nguyễn Nhật Ánh. - In lần thứ 56. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 250 tr. ; 15 cm. - 43000đ. - 3000b s628593
1925. Nguyễn Nhật Ánh. Sương khói quê nhà : Tập văn / Nguyễn Nhật Ánh. - In lần thứ 29. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 214 tr. : tranh vẽ ; 20 cm. - 95000đ. - 2000b s628615
1926. Nguyễn Nhật Ánh. Thiên thần nhỏ của tôi : Truyện dài / Nguyễn Nhật Ánh. - In lần thứ 58. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 140 tr. ; 15 cm. - 35000đ. - 3000b s628592
1927. Nguyễn Nhật Ánh. Trại hoa vàng : Truyện dài / Nguyễn Nhật Ánh. - In lần thứ 57. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 287 tr. ; 20 cm. - 120000đ. - 3000b s627689
1928. Nguyễn Như Phong. Cát bỏng : Tiểu thuyết / Nguyễn Như Phong. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 343 tr. ; 21 cm. - 1000b s627007
1929. Nguyễn Phong Việt. Chúng ta sống để trở về : Tản văn / Nguyễn Phong Việt. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 175 tr. : tranh vẽ ; 20 cm. - 80000đ. - 1500b s626824

1930. Nguyễn Tất Thành. Khúc tâm tình / Nguyễn Tất Thành. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 127 tr. : ảnh ; 21 cm. - 125000đ. - 300b s628295
1931. Nguyễn Thanh. Thơ và cuộc sống / Nguyễn Thanh. - H. : Lao động. - 21 cm. - 120000đ. - 1000b  
T.1. - 2025. - 271 tr. : ảnh s627469
1932. Nguyễn Thế Kỳ. Nước non vạn dặm : Tiểu thuyết / Nguyễn Thế Kỳ. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An. - 24 cm. - 2300b  
T.1: Nợ nước non. - 2025. - 214 tr., 8 tr. tranh màu s626936
1933. Nguyễn Thế Kỳ. Nước non vạn dặm : Tiểu thuyết / Nguyễn Thế Kỳ. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An. - 24 cm. - 2300b  
T.2: Lênh đênh bốn biển. - 2025. - 262 tr., 8 tr. tranh màu s626937
1934. Nguyễn Thế Kỳ. Nước non vạn dặm : Tiểu thuyết / Nguyễn Thế Kỳ. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An. - 24 cm. - 2300b  
T.3: Từ Việt Bắc về Hà Nội. - 2025. - 218 tr., 8 tr. tranh màu s626938
1935. Nguyễn Thế Kỳ. Nước non vạn dặm : Tiểu thuyết / Nguyễn Thế Kỳ. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An. - 24 cm. - 2300b  
T.4: Đường lên Điện Biên. - 2025. - 206 tr., 5 tr. tranh màu s626939
1936. Nguyễn Thế Kỳ. Nước non vạn dặm : Tiểu thuyết / Nguyễn Thế Kỳ. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An. - 24 cm. - 2300b  
T.5: Việt Nam - Hồ Chí Minh. - 2025. - 206 tr., 7 tr. tranh màu s626940
1937. Nguyễn Thị Bích Ngọc. Người miền Tây : Tập truyện ký / Nguyễn Thị Bích Ngọc. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 106 tr. ; 20 cm. - 80000đ. - 300b s628261
1938. Nguyễn Thị Minh Nguyệt. Vụ án am bụi mọc : Tiểu thuyết / Nguyễn Thị Minh Nguyệt. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 239 tr. ; 21 cm. - 1000b  
Tên thật tác giả: Nguyễn Thị Nguyệt s626699
1939. Nguyễn Thị Phương. Quê hương : Thơ / Nguyễn Thị Phương. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An. - 21 cm. - 120000đ. - 100b  
T.3. - 2025. - 183 tr. : ảnh s628297
1940. Nguyễn Thị Phương. Quê hương : Thơ / Nguyễn Thị Phương. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An. - 21 cm. - 120000đ. - 100b  
T.4. - 2025. - 199 tr. : ảnh s628298
1941. Nguyễn Thị Thanh Thúy. Khói thiên di : Tiểu thuyết / Nguyễn Thị Thanh Thúy. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 223 tr. ; 21 cm. - 1000b s627010
1942. Nguyễn Thiện Dũng. Đảng và Bác Hồ trong trái tim tôi : Thơ / Nguyễn Thiện Dũng. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2026. - 167 tr. ; 21 cm. - 200b s628277
1943. Nguyễn Thu Hà. Vọng âm : Tiểu thuyết / Nguyễn Thu Hà. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 254 tr. ; 21 cm. - 1000b s626708
1944. Nguyễn Trần Thiết. Hành trình của đô la / Nguyễn Trần Thiết. - H. : Tri thức, 2025. - 309 tr. : ảnh ; 24 cm. - 185000đ. - 500b s626733
1945. Nguyễn Văn. Những ngã đường đời : Tiểu thuyết / Nguyễn Văn. - H. : Lao động, 2026. - 230 tr. ; 21 cm. - 98000đ. - 2000b s627457

1946. Nguyễn Văn Ngọc. Lựa chọn : Thơ / Nguyễn Văn Ngọc. - H. : Thế giới, 2026. - 419 tr. ; 21 cm. - 250000đ. - 200b s628212
1947. Nguyễn Văn Phong. Mạch nước ngầm : Tự truyện / Nguyễn Văn Phong. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 195 tr. ; 19 cm. - 180000đ. - 500b s628308
1948. Nguyễn Xuân Tường. Phóng thích : Tiểu thuyết / Nguyễn Xuân Tường. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 223 tr. ; 21 cm. - 1000b s626694
1949. Ngữ văn 6 - Phương pháp đọc hiểu và viết dùng ngữ liệu ngoài SGK : Theo CT 2018 - Dùng chung cho 3 bộ SGK / Đào Phương Huệ (ch.b.), Trần Thị Thành, Nguyễn Thị Thúy Hồng. - Tái bản lần 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 283 tr. : minh họa ; 27 cm. - 146000đ. - 2000b s626576
1950. Người bà tài giỏi vùng Saga : Truyện tranh / Nguyên tác: Yoshichi Shimada ; Minh họa: Saburo Ishikawa ; Bảo Lam Anh dịch. - H. : Thế giới. - 18 cm. - 52000đ. - 1000b T.6. - 2026. - 194 tr. : tranh vẽ s628733
1951. Người bà tài giỏi vùng Saga : Truyện tranh / Nguyên tác: Yoshichi Shimada ; Minh họa: Saburo Ishikawa ; Bảo Lam Anh dịch. - H. : Thế giới. - 18 cm. - 52000đ. - 1000b T.7. - 2026. - 194 tr. : tranh vẽ s628732
1952. Người bà tài giỏi vùng Saga : Truyện tranh / Nguyên tác: Yoshichi Shimada ; Minh họa: Saburo Ishikawa ; Bảo Lam Anh dịch. - H. : Thế giới. - 18 cm. - 52000đ. - 1000b T.8. - 2026. - 193 tr. : tranh vẽ s628734
1953. Người bà tài giỏi vùng Saga : Truyện tranh / Nguyên tác: Yoshichi Shimada ; Minh họa: Saburo Ishikawa ; Bảo Lam Anh dịch. - H. : Thế giới. - 18 cm. - 52000đ. - 1000b T.9. - 2026. - 193 tr. : tranh vẽ s628735
1954. Người bà tài giỏi vùng Saga : Truyện tranh / Nguyên tác: Yoshichi Shimada ; Minh họa: Saburo Ishikawa ; Bảo Lam Anh dịch. - H. : Thế giới. - 18 cm. - 52000đ. - 1000b T.10. - 2026. - 193 tr. : tranh vẽ s628736
1955. Người gieo hạt : Chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20 - 11 : Tri ân - Tưởng niệm GS. Trần Phương (1927 - 2025) / Ánh Dương, Hạnh Trần, Lê Quỳnh Anh... - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 213 tr. : ảnh ; 21 cm. - 100b  
 Đầu bìa sách ghi: Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội. Trung tâm Truyền thông - Câu lạc bộ Văn Thơ HUBT s627204
1956. Người gieo mầm nắng : Thơ tri ân : Tưởng nhớ Giáo sư Trần Phương (1927 - 2025) / CLB Văn Thơ HUBT, Trần Anh Thơ, Vũ Trần An... - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 76 tr. ; 30 cm. - 150b  
 Đầu bìa sách ghi: Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội. Trung tâm Truyền thông - CLB Văn Thơ HUBT s627759
1957. Nhan Lương Vũ. Hot search trời giáng : Tiểu thuyết / Nhan Lương Vũ ; Lăng Linh dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 21 cm. - 189000đ. - 5000b T.3. - 2025. - 510 tr. s627167
1958. Nhan Lương Vũ. Hot search trời giáng : Tiểu thuyết / Nhan Lương Vũ ; Lăng Linh dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 21 cm. - 189000đ. - 3000b T.4. - 2025. - 485 tr. s627168
1959. Nhật kí nơi xứ lạ : Truyện tranh / Tomoko Yamashita ; Anh Huỳnh dịch. - H. : Dân trí. - 18 cm. - 75000đ. - 3000b T.6. - 2025. - 185 tr. : tranh vẽ s628690

1960. Nhật ký ngày chung đôi : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 18+ / Usui Shio ; Chu Tuyết Sa dịch. - H. : Dân trí. - 18 cm. - 85000đ. - 2000b  
T.3. - 2025. - 186 tr. : tranh vẽ s628670
1961. Nhóc Miko! - Cô bé nhí nhảnh : Truyện tranh : 6+ / Ono Eriko ; Hải Thọ dịch. - In lần thứ 5. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 25000đ. - 10000b  
T.38. - 2025. - 167 tr. : tranh vẽ s628580
1962. Nhóc Miko! - Cô bé nhí nhảnh : Special edition : Truyện tranh : 6+ / Ono Eriko ; Hải Thọ dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 100000đ. - 7000b  
T.39. - 2025. - 167 tr. : tranh vẽ s628575
1963. Nhóc Miko! - Cô bé nhí nhảnh : Truyện tranh : 6+ / Ono Eriko ; Hải Thọ dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 35000đ. - 30000b  
T.39. - 2026. - 167 tr. : tranh vẽ s628574
1964. Nhóc Miko! - Cô bé nhí nhảnh : Truyện tranh : 6+ / Ono Eriko ; Hải Thọ dịch. - In lần thứ 2. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 35000đ. - 10000b  
T.39. - 2025. - 167 tr. : tranh vẽ s628581
1965. Nhóc Miko! - Cô bé nhí nhảnh : Truyện tranh : 6+ / Ono Eriko ; Hải Thọ dịch. - In lần thứ 3. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 35000đ. - 10000b  
T.39. - 2026. - 167 tr. : tranh vẽ s628582
1966. Nhóc Miko! - Cô bé nhí nhảnh : Truyện tranh : 6+ / Ono Eriko ; Hải Thọ dịch. - In lần thứ 4. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 35000đ. - 10000b  
T.39. - 2026. - 167 tr. : tranh vẽ s628583
1967. Nhức ối là nhức : Truyện tranh : Dành cho trẻ từ 2 - 6 tuổi / Lời: Quỳnh Hương ; Tranh: Thùy Phan. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Lao động, 2025. - 28 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Bộ sách Chăm sóc răng miệng đầu đời). - 500b s627627
1968. Những bài văn đạt điểm cao của học sinh giỏi 7 : Tự sự - Biểu cảm - Nghị luận xã hội... / S.t., b.s.: Tạ Đức Hiền (ch.b.), Nguyễn Ngọc Hà, Nguyễn Kim Sa... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 182 tr. ; 24 cm. - 82000đ. - 1000b s628185
1969. Những bài văn đạt giải học sinh giỏi cấp tỉnh - thành phố toàn quốc : Dành cho học sinh THCS. Dùng chung cho các bộ SGK hiện hành / Phạm Ngọc Thắm s.t., tuyển chọn. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 196 tr. ; 24 cm. - 80000đ. - 1000b s628183
1970. Những chú yêu tinh của ông già Noel / Khánh Vân dịch. - H. : Văn học, 2025. - 13 tr. : tranh màu ; 9 cm. - 2000b s628369
1971. Nodame Cantabile - Khúc ngẫu hứng của Nodame : Truyện tranh : 13+ / Tomoko Ninomiya ; Vương Hải Yên dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 18 cm. - 115000đ. - 5000b  
T.11. - 2025. - 366 tr. : tranh vẽ s628424
1972. Nói cảm ơn thật dễ = Saying thank you is easy : Truyện tranh : Song ngữ Việt - Anh / Lời: Minh Phương ; Minh họa: Minh Nghĩa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 24 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Tủ sách Kỹ năng giao tiếp cho bé 2+)(Cùng con khôn lớn). - 39000đ. - 10000b s627313
1973. Notebook Ngữ văn 7 : Bám sát SGK Kết nối tri thức với cuộc sống / Kiều Bắc, Nguyễn Quốc Khánh, Nguyễn Thị Hoa. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 63 tr. : bảng, tranh vẽ ; 21 cm. - 68000đ. - 1000b s628157

1974. Nội san: Tiếng gọi hè / Vũ Anh Văn, Trần Vân Anh, Văn Vũ... - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 94 tr. ; 30 cm. - 150b  
 Đầu bìa sách ghi: Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội. Trung tâm Truyền thông - CLB Văn Thơ HUBT s627758
1975. Nữ binh thần tốc : Truyện tranh : 16+ / Kozueko Morimoto ; Hoàng Mai dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 45000đ. - 3000b  
 T.3. - 2025. - 183 tr. : tranh vẽ s628472
1976. Nữ binh thần tốc : Truyện tranh : 16+ / Kozueko Morimoto ; Hoàng Mai dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 45000đ. - 3000b  
 T.4. - 2025. - 183 tr. : tranh vẽ s628473
1977. Nữ binh thần tốc : Truyện tranh : 16+ / Kozueko Morimoto ; Hoàng Mai dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 45000đ. - 2200b  
 T.5. - 2025. - 183 tr. : tranh vẽ s628474
1978. Nữ binh thần tốc : Truyện tranh : 16+ / Kozueko Morimoto ; Hoàng Mai dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 45000đ. - 2200b  
 T.6. - 2025. - 183 tr. : tranh vẽ s628475
1979. Nữ binh thần tốc : Truyện tranh : 16+ / Kozueko Morimoto ; Hoàng Mai dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 45000đ. - 2000b  
 T.7. - 2025. - 183 tr. : tranh vẽ s628476
1980. Nữ binh thần tốc : Truyện tranh : 16+ / Kozueko Morimoto ; Hoàng Mai dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 45000đ. - 2000b  
 T.8. - 2025. - 177 tr. : tranh vẽ s628477
1981. Nữ binh thần tốc : Truyện tranh : 16+ / Kozueko Morimoto ; Hoàng Mai dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 45000đ. - 2000b  
 T.9. - 2026. - 185 tr. : tranh vẽ s628478
1982. Nữ binh thần tốc : Truyện tranh : 16+ / Kozueko Morimoto ; Hoàng Mai dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 45000đ. - 2000b  
 T.10. - 2025. - 185 tr. : tranh vẽ s628479
1983. Nữ binh thần tốc : Truyện tranh : 16+ / Kozueko Morimoto ; Hoàng Mai dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 45000đ. - 2200b  
 T.11. - 2026. - 185 tr. : tranh vẽ s628539
1984. Ốm chỉ là chuyện nhỏ = Being sick is no big deal : Truyện tranh : Song ngữ Việt - Anh / Lời: Minh Phương ; Minh họa: Minh Nghĩa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 24 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Tủ sách Kỹ năng giao tiếp cho bé 2+)(Cùng con khôn lớn). - 39000đ. - 10000b s627304
1985. Ôn luyện thi tốt nghiệp trung học phổ thông môn Ngữ văn / Phạm Thị Thu Hương (ch.b.), Đỗ Thu Hà, Phạm Thị Thu Hiền... - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 211 tr. : bảng ; 24 cm. - 68000đ. - 3000b s626861
1986. Ôn tập thi tuyển sinh vào lớp 10 môn Ngữ văn : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Phạm Thị Thu Hương (ch.b.), Trần Hiếu Hải, Nguyễn Thị Thanh Huyền... - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 179 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 60000đ. - 1000b s628251
1987. Ôn thi vào lớp 10 trung học phổ thông môn Ngữ văn : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Lê Thị Phương Lan (ch.b.), Trần Thị Anh Đào, Lê Thị Huệ... - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 187 tr. : ảnh, bảng ; 24 cm. - 52000đ. - 5000b s628244

1988. Ông bố Khủng Long Bạo Chúa : Truyện tranh: 3+ / Miyanishi Tatsuya ; Phạm Anh Tuấn dịch ; H.đ: Tazaki Hirono, Hanna. - H. : Thế giới, 2025. - 39 tr. : tranh màu ; 27 cm. - (Tranh truyện Ehon Nhật Bản). - 80000đ. - 3000b s627787

1989. Ông chú nhà quê trở thành Kiếm thánh : Đám đê tử thành danh không cho tôi yên ổn dạy kiếm dưới quê : Truyện tranh : 17+ / Nguyên tác: Shigeru Sagazaki, Tetsuhiro Nabeshima ; Minh họa: Kazuki Sato ; Tuyệt Mai dịch. - H. : Văn học. - 18 cm. - 55000đ. - 5000b

T.2. - 2025. - 160 tr. : tranh vẽ s628367

1990. Ông chú nhà quê trở thành Kiếm thánh : Đám đê tử thành danh không cho tôi yên ổn dạy kiếm dưới quê : Truyện tranh : 17+ / Nguyên tác: Shigeru Sagazaki, Tetsuhiro Nabeshima ; Minh họa: Kazuki Sato ; Tuyệt Mai dịch. - H. : Văn học. - 18 cm. - 55000đ. - 5000b

T.3. - 2025. - 160 tr. : tranh vẽ s628368

1991. Ông Trăng tròn : Truyện tranh : 0+ / Tranh: Shoichi Nejime ; Lời: Shinobu Saito ; Lê Hiền dịch ; Tống Linh h.đ. - H. : Thế giới, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 16 cm. - (Truyện tranh Ehon Nhật Bản). - 48000đ. - 5000b s628724

1992. P.H.A.O Ngữ văn = Pro hacks for academic overload : Ôn luyện thi tốt nghiệp THPT ĐGNL / Trần Lan Hương, Nguyễn Hải Anh, Trần Thị Hương Ly. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Dân trí, 2025. - 103 tr. : minh họa ; 13 cm. - 65000đ. - 1000b s628646

1993. Paz, Marcela. Papelucho - Nhật kí bí mật / Marcela Paz ; Dịch, h.đ.: Nguyễn Thị Kim Dung... ; Minh họa: Rommy Rivera. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 152 tr. : bảng, tranh vẽ ; 19 cm. - 59000đ. - 5000b

Dịch từ nguyên bản tiếng Tây Ban Nha: Papelucho historiador s628335

1994. Paz, Marcela. Papelucho nhà sử học / Marcela Paz ; Dịch, h.đ.: Nguyễn Hà My... ; Minh họa: Rommy Rivera. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 136 tr. : bảng, tranh vẽ ; 19 cm. - 59000đ. - 5000b

Dịch từ nguyên bản tiếng Tây Ban Nha: Papelucho historiador s628337

1995. Paz, Marcela. Papelucho như mồ côi / Marcela Paz ; Dịch, h.đ.: Nguyễn Thùy Trang... ; Minh họa: Rommy Rivera. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 120 tr. : bảng, tranh vẽ ; 19 cm. - 59000đ. - 5000b

Dịch từ nguyên bản tiếng Tây Ban Nha: Papelucho casi huérfano s628336

1996. Pedersen, Thomas Bo. Những bóng ma trở lại / Thomas Bo Pedersen ; Hà Thủy Nguyên dịch. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 286 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 250000đ. - 700b s626647

1997. Phạm Cẩm Anh. Trà cũ vị xưa : Tản văn / Phạm Cẩm Anh. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 106 tr. ; 19 cm. - 100000đ. - 100b s628679

1998. Phạm Đức Long. Giữa hai phía cõi đời : Tiểu thuyết / Phạm Đức Long. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 223 tr. ; 21 cm. - 1000b

Tên thật tác giả: Phạm Văn Long s626702

1999. Phạm Học. Đường dây nội tuyến : Tiểu thuyết / Phạm Học. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 207 tr. ; 21 cm. - 1000b

Tên thật tác giả: Phạm Văn Học s626710

2000. Phạm Thanh Khương. Mệnh kim tiền : Tiểu thuyết / Phạm Thanh Khương. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 311 tr. ; 21 cm. - 1000b

Bút danh tác giả: Lù Pò Khương, Nguyễn Tâm s626688

2001. Phạm Thanh Nghị. Vai diễn hoàn hảo : Ký / Phạm Thanh Nghị. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 223 tr. ; 21 cm. - 1000b s626690
2002. Phạm Thử Chất. Mãi miền thương nhớ / Phạm Thử Chất. - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2025. - 85 tr. ; 19 cm. - 95000đ. - 300b s628333
2003. Phạm Thị Diễm. Gió xanh : Thơ / Phạm Thị Diễm. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 91 tr. ; 19 cm. - 60000đ. - 500b s628303
2004. Phạm Văn Thạch. Hương nắng : Tiểu thuyết / Phạm Văn Thạch. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 463 tr. ; 21 cm. - 1000b s627001
2005. Phạm Văn Thành. Câu thơ ở lại : Thơ / Phạm Văn Thành. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 203 tr. ; 21 cm. - 120000đ. - 500b s628300
2006. Phan Công Tuấn. Thơ chữ Hán - Hải thượng Lãn Ông = 海上懶翁 / Phan Công Tuấn s.t., b.s. - Huế : Nxb. Thuận Hóa, 2026. - 159 tr. ; 20 cm. - 100000đ. - 500b  
Phụ lục: tr. 138-156. - Thư mục: tr. 157 s628263
2007. Phan Hữu Cường. Trăng in sông Gấm : Thơ Đường luật / Phan Hữu Cường. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 167 tr. ; 21 cm. - 100000đ. - 200b s628282
2008. Phan Mai Hương. Con đồng quét ngang qua cửa sổ : Tiểu thuyết / Phan Mai Hương. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 311 tr. ; 21 cm. - 1000b s626697
2009. Phan Thanh Tâm. Mẹ ơi, mẹ đừng sợ nhé : Truyện thiếu nhi / Phan Thanh Tâm. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 77 tr. : truyện vẽ ; 18 cm. - 59000đ. - 1000b s628681
2010. Phát Dương. Nanh bướm hay cánh sói và nhộng voi : Tiểu thuyết / Phát Dương. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 423 tr. ; 24 cm. - 1000b s627011
2011. Phát triển năng lực tư duy phản biện cho học sinh trung học phổ thông trong dạy học đọc hiểu văn bản văn học / Lưu Thị Thanh Thùy (ch.b.), Nguyễn Thị Liên, Nguyễn Thị Hoa... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 250 tr. : bảng ; 24 cm. - 250000đ. - 80b  
ĐTTS ghi: Trường Đại học Hồng Đức. - Thư mục: tr. 245-250 s628138
2012. Phù Hoa. Núi của cô ấy, biển của cô ấy / Phù Hoa ; Tử Quân dịch. - H. : Lao động, 2026. - 438 tr. ; 24 cm. - 209000đ. - 2000b  
Tên sách tiếng Trung: 她的山, 她的海 s627605
2013. Phương Lưu. Lí luận văn học / Phương Lưu (ch.b.), La Khắc Hòa, Trần Mạnh Tiến. - H. : Đại học Sư phạm. - 21 cm. - 99000đ. - 3000b  
T.3: Tiến trình văn học. - 2026. - 343 tr. s627648
2014. Phương Việt. Hái dọc đường hoa : Thơ / Phương Việt. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 171 tr. ; 22 cm. - 95000đ. - 200b s628293
2015. Piero Karasu. Cuộc cách mạng ma thuật của công chúa chuyển sinh và tiểu thư thiên tài : Dành cho lứa tuổi 18+ / Piero Karasu ; Minh họa: Yuri Kisaragi ; Há cáo chiến xù dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 18 cm. - 165000đ. - 2000b  
T.1. - 2026. - 367 tr. : tranh vẽ s628411
2016. Quách Trọng Trà. Thư gửi cha từ xứ Bồi : Tiểu thuyết / Quách Trọng Trà. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 415 tr. ; 21 cm. - 1000b s626689
2017. Quý ngài hoàn mỹ : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 18+ / Ayumi Sakurakawa ; Takara dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 144 tr. : tranh vẽ ; 18 cm. - 119000đ. - 5000b s628625

2018. Quý tộc nhà nông : Truyện tranh : 12+ / Hiromu Arakawa ; Lady Nana dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 19 cm. - 65000đ. - 3000b  
T.1. - 2025. - 127 tr. : tranh vẽ s628521
2019. Quý tộc nhà nông : Truyện tranh : 12+ / Hiromu Arakawa ; Lady Nana dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 19 cm. - 65000đ. - 3000b  
T.2. - 2025. - 116 tr. : tranh vẽ s628522
2020. Quý tộc nhà nông : Truyện tranh : 12+ / Hiromu Arakawa ; Lady Nana dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 19 cm. - 65000đ. - 3000b  
T.3. - 2025. - 119 tr. : tranh vẽ s628523
2021. Quý tộc nhà nông : Truyện tranh : 12+ / Hiromu Arakawa ; Lady Nana dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 19 cm. - 65000đ. - 3000b  
T.4. - 2026. - 116 tr. : tranh vẽ s628524
2022. Quý tộc nhà nông : Truyện tranh : 12+ / Hiromu Arakawa ; Lady Nana dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 19 cm. - 65000đ. - 3000b  
T.5. - 2026. - 115 tr. : tranh vẽ s628525
2023. Quý tộc nhà nông : Truyện tranh : 12+ / Hiromu Arakawa ; Lady Nana dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 19 cm. - 65000đ. - 3000b  
T.6. - 2026. - 116 tr. : tranh vẽ s628526
2024. Quyết Biệt Từ. Mùa xuân và ánh trăng / Quyết Biệt Từ ; Minh Thúy dịch. - H. : Lao động, 2026. - 372 tr. ; 21 cm. - 189000đ. - 2000b  
Tên sách tiếng Trung: 春与月光 s627576
2025. Ra vườn tìm xem ai giấu cái gì : Truyện tranh : Ehon song ngữ Việt - Anh : 0 - 4 tuổi / Fuku Mitsu. - H. : Văn hóa dân tộc, 2026. - 25 tr. : tranh màu ; 20 cm. - 39000đ. - 5000b s626992
2026. Rắc rối đáng yêu : Truyện tranh : 12+ / Aya Nakahara ; Fiona dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 50000đ. - 3000b  
T.2. - 2025. - 177 tr. : tranh vẽ s628456
2027. Rắc rối đáng yêu : Truyện tranh : 12+ / Aya Nakahara ; Fiona dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 50000đ. - 3500b  
T.3. - 2025. - 171 tr. : tranh vẽ s628457
2028. Rắc rối đáng yêu : Truyện tranh : 12+ / Aya Nakahara ; Fiona dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 50000đ. - 3500b  
T.4. - 2025. - 171 tr. : tranh vẽ s628458
2029. Rắc rối đáng yêu : Truyện tranh : 12+ / Aya Nakahara ; Fiona dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 50000đ. - 3500b  
T.5. - 2025. - 179 tr. : tranh vẽ s628459
2030. Rắc rối đáng yêu : Truyện tranh : 12+ / Aya Nakahara ; Fiona dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 50000đ. - 3000b  
T.6. - 2025. - 177 tr. : tranh vẽ s628460
2031. Rắc rối đáng yêu : Truyện tranh : 12+ / Aya Nakahara ; Fiona dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 50000đ. - 3000b  
T.7. - 2025. - 175 tr. : tranh vẽ s628461
2032. Rắc rối đáng yêu : Truyện tranh : 12+ / Aya Nakahara ; Fiona dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 50000đ. - 3300b

- T.8. - 2026. - 181 tr. : tranh vẽ s628462
2033. Rắc rối đáng yêu : Lovely edition : Truyện tranh : 12+ / Aya Nakahara ; Fiona dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 110000đ. - 3000b
- T.9. - 2026. - 177 tr. : tranh vẽ s628538
2034. Rắc rối đáng yêu : Truyện tranh : 12+ / Aya Nakahara ; Fiona dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 50000đ. - 4000b
- T.9. - 2026. - 177 tr. : tranh vẽ s628537
2035. Răng nhỏ ơi, đi chơi thôi : Truyện tranh : Dành cho trẻ từ 2 - 6 tuổi / Lời: Quỳnh Hương ; Tranh: Thùy Phan. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Lao động, 2025. - 28 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Bộ sách Chăm sóc răng miệng đầu đời). - 500b s627626
2036. Rinko và chàng lang thang : Truyện tranh : 17+ / Hachi Nanase ; Takara dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 18 cm. - 80000đ. - 5000b
- T.1. - 2025. - 176 tr. : tranh vẽ s628420
2037. Rinko và chàng lang thang : Truyện tranh : 17+ / Hachi Nanase ; Takara dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 18 cm. - 80000đ. - 5000b
- T.2. - 2025. - 176 tr. : tranh vẽ s628421
2038. Rinko và chàng lang thang : Truyện tranh : 17+ / Hachi Nanase ; Takara dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 18 cm. - 80000đ. - 5000b
- T.3. - 2026. - 176 tr. : tranh vẽ s628422
2039. Rinko và chàng lang thang : Truyện tranh : 17+ / Hachi Nanase ; Takara dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 18 cm. - 80000đ. - 5000b
- T.4. - 2026. - 173 tr. : tranh vẽ s628423
2040. Rowell, Rainbow. Simon Snow 3 - Màn diễn cuối cùng / Rainbow Rowell ; Thảo Hương dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 895 tr. ; 24 cm. - 299000đ. - 2000b
- Tên sách tiếng Anh: Anyway the wind blows s627161
2041. Rồng và tắc kè hoa : Truyện tranh : 16+ / Ryo Ishiyama ; Tài Thịnh dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 19 cm. - 55000đ. - 3000b
- T.4. - 2025. - 176 tr. : tranh vẽ s628560
2042. Rồng và tắc kè hoa : Truyện tranh : 16+ / Ryo Ishiyama ; Tài Thịnh dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 19 cm. - 55000đ. - 2500b
- T.5. - 2025. - 175 tr. : tranh vẽ s628561
2043. Rồng và tắc kè hoa : Truyện tranh : 16+ / Ryo Ishiyama ; Tài Thịnh dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 19 cm. - 55000đ. - 2200b
- T.6. - 2025. - 159 tr. : tranh vẽ s628562
2044. Rồng và tắc kè hoa : Truyện tranh : 16+ / Ryo Ishiyama ; Tài Thịnh dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 19 cm. - 55000đ. - 2000b
- T.7. - 2025. - 165 tr. : tranh vẽ s628563
2045. Rồng và tắc kè hoa : Truyện tranh : 16+ / Ryo Ishiyama ; Tài Thịnh dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 19 cm. - 55000đ. - 2000b
- T.8. - 2026. - 181 tr. : tranh vẽ s628564
2046. Sách âm thanh - Âm thanh đường phố : Truyện tranh : Dành cho trẻ em từ 0 - 6 tuổi / Lời: Khánh Vân ; Minh họa: Moi Moi. - In lần thứ 5. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 9 tr. : tranh màu ; 19 cm. - (Tủ sách Tương tác). - 219000đ. - 2000b s628445

2047. Sách âm thanh - Bé ngoan học lễ phép : Truyện tranh : Dành cho trẻ em từ 0 - 6 tuổi / Lời: Khánh Vân ; Minh họa: Quỳnh Rùa. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 9 tr. : tranh màu ; 19 cm. - (Tủ sách Tương tác). - 229000đ. - 2000b s628446

2048. Sách âm thanh - Bé ngoan học thói quen tốt : Truyện tranh : Dành cho trẻ em từ 0 - 6 tuổi / Lời: Khánh Vân ; Minh họa: Quỳnh Rùa. - In lần thứ 3. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 9 tr. : tranh màu ; 19 cm. - (Tủ sách Tương tác). - 229000đ. - 2000b s628444

2049. Saint Exupéry, Antoine de. Hoàng tử bé = Le petit prince / Antoine de Saint Exupéry ; Trần Kim Thanh dịch. - H. : Văn học, 2025. - 156 tr. : tranh màu ; 19 cm. - 119000đ. - 2000b s628346

2050. Sakamoto days : Truyện tranh : 18+ / Yuto Suzuki ; Anh Huỳnh dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 45000đ. - 3000b

T.1: Sát thủ huyền thoại. - 2026. - 191 tr. : tranh vẽ s628504

2051. Sakamoto days : Truyện tranh : 18+ / Yuto Suzuki ; Anh Huỳnh dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 45000đ. - 3000b

T.2: Hard - boiled. - 2026. - 191 tr. : tranh vẽ s628505

2052. Sakamoto days : Truyện tranh : 18+ / Yuto Suzuki ; Anh Huỳnh dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 45000đ. - 3000b

T.3: Mashimo Heisuke. - 2026. - 191 tr. : tranh vẽ s628506

2053. Sakamoto days : Truyện tranh : 18+ / Yuto Suzuki ; Anh Huỳnh dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 45000đ. - 7000b

T.21: Vận số hôm nay. - 2025. - 199 tr. : tranh vẽ s628507

2054. Sakamoto days : Truyện tranh : 18+ / Yuto Suzuki ; Anh Huỳnh dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 155000đ. - 5000b

T.21: Vận số hôm nay. - 2025. - 197 tr. : tranh màu s628584

2055. Sakamoto days : Truyện tranh : 18+ / Yuto Suzuki ; Anh Huỳnh dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 45000đ. - 7000b

T.22: Tenkyu VS Shin. - 2025. - 191 tr. : tranh vẽ s628508

2056. Sakamoto days : Truyện tranh : 18+ / Yuto Suzuki ; Anh Huỳnh dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 45000đ. - 7000b

T.23: Tân sát đoàn. - 2025. - 183 tr. : tranh vẽ s628509

2057. Sándor, Márai. Lời cô cây : Bàn về thân phận con người trong cuộc sống / Márai Sándor ; Nguyễn Hồng Nhung dịch. - H. : Lao động, 2025. - 205 tr. ; 21 cm. - 99000đ. - 1200b  
Dịch từ nguyên bản tiếng Hungari: Fűves könyv s627202

2058. Sasaki và Miyano : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 17+ / Shou Harusono ; P Peach dịch. - H. : Dân trí. - 18 cm. - 85000đ. - 2000b

T.9. - 2025. - 130 tr. : tranh vẽ s628689

2059. Saunders, Margaret Marshall. Mèo mặt nhọ / Margaret Marshall Saunders ; Vũ Danh Tuấn dịch. - H. : Lao động. - 21 cm. - 160000đ. - 2000b

Dịch từ nguyên bản tiếng Anh: Pussy black-face

T.1. - 2026. - 138 tr. : tranh vẽ s627422

2060. Saunders, Margaret Marshall. Mèo mặt nhọ / Margaret Marshall Saunders ; Vũ Danh Tuấn dịch. - H. : Lao động. - 21 cm. - 160000đ. - 2000b

Dịch từ nguyên bản tiếng Anh: Pussy black-face

T.2. - 2026. - 134 tr. : tranh vẽ s627423

2061. Sắc hương xứ Nghệ : Tập thơ kỷ yếu chào mừng Đại hội lần thứ III, Câu lạc bộ Thơ Việt Nam tỉnh Nghệ An, nhiệm kỳ 2025 - 2030 / Trần Minh Hân, Hà Huy Minh, Ngô Trí Sinh... - Nghệ An : Nxb. Nghệ An. - 21 cm. - 15000đ. - 200b  
T.4: Thơ. - 2025. - 279 tr., 10 tr. ảnh s626947
2062. Sobotei - Dinh thự ma ám : Truyện tranh : 18+ / Kazuhiro Fujita ; Liên Vũ dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 45000đ. - 3000b  
T.9. - 2025. - 183 tr. : tranh vẽ s628463
2063. Sobotei - Dinh thự ma ám : Truyện tranh : 18+ / Kazuhiro Fujita ; Liên Vũ dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 45000đ. - 3000b  
T.10. - 2025. - 185 tr. : tranh vẽ s628464
2064. Sobotei - Dinh thự ma ám : Truyện tranh : 18+ / Kazuhiro Fujita ; Liên Vũ dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 45000đ. - 3000b  
T.11. - 2025. - 185 tr. : tranh vẽ s628465
2065. Sobotei - Dinh thự ma ám : Truyện tranh : 18+ / Kazuhiro Fujita ; Liên Vũ dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 45000đ. - 3000b  
T.12. - 2025. - 183 tr. : tranh vẽ s628466
2066. Sobotei - Dinh thự ma ám : Truyện tranh : 18+ / Kazuhiro Fujita ; Liên Vũ dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 45000đ. - 3000b  
T.13. - 2025. - 185 tr. : tranh vẽ s628467
2067. Sobotei - Dinh thự ma ám : Truyện tranh : 18+ / Kazuhiro Fujita ; Liên Vũ dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 45000đ. - 3000b  
T.14. - 2025. - 183 tr. : tranh vẽ s628468
2068. Sobotei - Dinh thự ma ám : Truyện tranh : 18+ / Kazuhiro Fujita ; Liên Vũ dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 45000đ. - 3000b  
T.15. - 2025. - 187 tr. : tranh vẽ s628469
2069. Sobotei - Dinh thự ma ám : Truyện tranh : 18+ / Kazuhiro Fujita ; Liên Vũ dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 45000đ. - 3000b  
T.16. - 2025. - 187 tr. : tranh vẽ s628470
2070. Sobotei - Dinh thự ma ám : Truyện tranh : 18+ / Kazuhiro Fujita ; Liên Vũ dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 45000đ. - 3000b  
T.17. - 2025. - 183 tr. : tranh vẽ s628471
2071. Sổ tay Sketchnote Vãn 6 : Kết nối / Hoàng Thị Hồng Châm b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 66 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 110000đ. - 10000b s627211
2072. Sơ thảo lịch sử văn học Việt Nam / Văn Tân, Nguyễn Hồng Phong, Nguyễn Đông Chi, Vũ Ngọc Phan. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật. - 24 cm. - 1000b  
Q.1: Phần ngữ ngôn văn tự và văn học truyền miệng. - 2025. - 314 tr. - Thư mục: tr. 310-312 s627090
2073. Sơ thảo lịch sử văn học Việt Nam / Văn Tân, Nguyễn Hồng Phong, Vũ Ngọc Phan, Nguyễn Đông Chi. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật. - 24 cm. - 1000b  
Q.5: Giai đoạn nửa đầu thế kỷ XIX. - 2025. - 211 tr. - Thư mục: tr. 207-208 s627094
2074. Sơn Tùng. Trái tim, quả đất / Sơn Tùng. - Xuất bản lần thứ 2. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 275 tr. ; 21 cm. - 132000đ. - 1000b  
Tên thật tác giả: Bùi Sơn Tùng s627074

2075. Takemachi. Spy room - Lớp học điệp viên / Takemachi ; Minh họa: Tomari ; Trần Anh Ly dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 19 cm. - 149000đ. - 1000b  
T.9: "Garakuta" Annette. - 2026. - 379 tr. : tranh vẽ s628412
2076. Tạm biệt Eri : Truyện tranh : 16+ / Tatsuki Fujimoto ; Ili Tenjou dịch. - In lần thứ 5. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 199 tr. : tranh vẽ ; 18 cm. - 50000đ. - 3000b s628600
2077. Thái Vĩnh. Mẹ là mùa xuân : Tập thơ / Thái Vĩnh. - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2025. - 210 tr. : hình vẽ ; 19 cm. - 68000đ. - 350b  
Tên thật tác giả: Thái Phước Hậu s628332
2078. Tham lam thật là xấu = Being greedy is bad : Truyện tranh : Song ngữ Việt - Anh / Lời: Minh Phương ; Minh họa: Minh Nghĩa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 24 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Tủ sách Kỹ năng giao tiếp cho bé 2+)(Cùng con khôn lớn). - 39000đ. - 10000b s627309
2079. Thanh âm đảo xa : Truyện tranh / Nakayama Kome ; Anon dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 18 cm. - 90000đ. - 2000b  
T.1. - 2026. - 186 tr. : tranh vẽ s628426
2080. Thanh âm đảo xa : Truyện tranh / Nakayama Kome ; Anon dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 18 cm. - 138000đ. - 2000b  
T.2. - 2026. - 254 tr. : tranh vẽ s628427
2081. Thanh Thảo. Bầu trời nâu của tôi : Thơ / Thanh Thảo. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 78 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 15 cm. - 500b  
Tên thật tác giả: Hồ Thành Công s628435
2082. Thánh địa khủng long : Truyện tranh : 12+ / Itaru Kinoshita ; Hồng Mỹ dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 19 cm. - 55000đ. - 2700b  
T.5. - 2025. - 191 tr. : tranh vẽ s628557
2083. Thánh địa khủng long : Truyện tranh : 12+ / Itaru Kinoshita ; Hồng Mỹ dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 19 cm. - 55000đ. - 2200b  
T.6. - 2025. - 191 tr. : tranh vẽ s628558
2084. Thánh địa khủng long : Truyện tranh : 12+ / Itaru Kinoshita ; Hồng Mỹ dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 19 cm. - 55000đ. - 2000b  
T.7. - 2025. - 190 tr. : tranh vẽ s628559
2085. Thế giới của ông già Noel / Khánh Vân dịch. - H. : Văn học, 2025. - 13 tr. : tranh màu ; 9 cm. - 10000b s628372
2086. Thế giới ô tô - Xe tắc-xi nhanh nhẹn : Truyện tranh : 0 - 5 tuổi / Huyền Trâm dịch. - Tái bản lần thứ 11. - H. : Kim Đông, 2026. - 40 tr. : tranh màu ; 17x19 cm. - 40000đ. - 3000b s628653
2087. Thôn Ngự. Đêm kinh hoàng cùng bộ xương : Hạnh phúc cùng nam chính trong truyện kinh dị : Tiểu thuyết / Thôn Ngự ; Amie dịch. - H. : Lao động, 2026. - 252 tr. ; 21 cm. - 159000đ. - 2000b  
Tên sách tiếng Trung: 和灵异故事男主he了 s627435
2088. Thơ cho bé học nói : Giúp bé phát triển khả năng ngôn ngữ, bồi dưỡng IQ, EQ : Dành cho trẻ em từ 0 - 6 tuổi / Châu An Khôi, Huyền Trần, Hà Trần, Thành Đạt ; Thành Đạt b.s. ; Minh họa: Phương Anh Ars. - H. : Hồng Đức, 2025. - 119 tr. : tranh màu ; 27 cm. - (Tủ sách Cùng con trưởng thành). - 96000đ. - 1500b s627770

2089. Thua cuộc có sao đâu = Losing is okay : Truyện tranh : Song ngữ Việt - Anh / Lời: Minh Phương ; Minh họa: Minh Nghĩa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 24 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Tủ sách Kỹ năng giao tiếp cho bé 2+)(Cùng con khôn lớn). - 39000đ. - 10000b s627303

2090. Thường Thư Hân. Đặc nhiệm chống lừa đảo : Bẫy trong bẫy / Thường Thư Hân ; Lục Hương dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 674 tr. ; 21 cm. - 330000đ. - 2000b

Dịch từ nguyên tác tiếng Trung: 反骗案中案 s627169

2091. Tiệm giặt là nhà Minato : Truyện tranh : 18+ / Minh họa: Kanzume Sawa ; Nguyên tác: Tsubaki Yuzu ; Hina dịch. - H. : Dân trí. - 18 cm. - 65000đ. - 1000b

T.1. - 2025. - 184 tr. : tranh vẽ s628686

2092. Tiệm giặt là nhà Minato : Truyện tranh : 18+ / Minh họa: Kanzume Sawa ; Nguyên tác: Tsubaki Yuzu ; Hina dịch. - H. : Dân trí. - 18 cm. - 65000đ. - 1000b

T.2. - 2025. - 184 tr. : tranh vẽ s628687

2093. Tiệm giặt là nhà Minato : Truyện tranh : 18+ / Minh họa: Kanzume Sawa ; Nguyên tác: Tsubaki Yuzu ; Hina dịch. - H. : Dân trí. - 18 cm. - 65000đ. - 1000b

T.3. - 2025. - 184 tr. : tranh vẽ s628688

2094. Tiến lên xe cứu hỏa : Truyện tranh / Lời, tranh: Naokata Mase ; Nguyễn Thị Thu dịch. - In lần 12. - H. : Lao động, 2025. - 26 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Ehon - Thực phẩm tâm hồn cho bé). - 65000đ. - 1500b s627632

2095. Tiếng vọng tầng lam : Giữa dòng thời gian vô tận : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 18+ / Syaky ; Lục Thiệu Đồ dịch. - H. : Dân trí. - 18 cm. - 96000đ. - 2000b

T.1. - 2025. - 182 tr. : tranh vẽ s628682

2096. Tiếng vọng tầng lam : Giữa dòng thời gian vô tận : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 18+ / Syaky ; Lục Thiệu Đồ dịch. - H. : Dân trí. - 18 cm. - 96000đ. - 2000b

T.2. - 2025. - 182 tr. : tranh vẽ s628683

2097. Tin xuân : Bình Ngô - 2026 / Bùi Văn Tiêng, Trần Văn Thọ, Nguyễn Nhã Tiên... ; B.s.: Nguyễn Hoàng Thọ... - Huế : Nxb. Thuận Hóa, 2026. - 123 tr. : ảnh ; 24 cm. - 250b

ĐTTS ghi: CLB Văn học nghệ thuật Liên Chiểu thành phố Đà Nẵng s628269

2098. Tình đầu nhạt phai : Truyện tranh : 16+ / Nguyên tác: Wataru Hinekure ; Minh họa: Aruko ; Đỗ Nguyên dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 18 cm. - 58000đ. - 1000b

T.7. - 2025. - 162 tr. : tranh vẽ s628450

2099. Tình yêu Lv.999 của Yamada và tôi : Truyện tranh : 13+ / Mashiro ; Vương Hải Yên dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 18 cm. - 60000đ. - 5000b

T.5. - 2025. - 172 tr. : tranh vẽ s628418

2100. Tình yêu nhân vật phụ : Truyện tranh : 18+ / Akane Tamura ; Lục Thảo dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 19 cm. - 45000đ. - 2000b

T.15. - 2025. - 159 tr. : tranh vẽ s628510

2101. Tình yêu nhân vật phụ : Truyện tranh : 18+ / Akane Tamura ; Lục Thảo dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 19 cm. - 45000đ. - 2000b

T.16. - 2025. - 158 tr. : tranh vẽ s628511

2102. Tình yêu nhân vật phụ : Truyện tranh : 18+ / Akane Tamura ; Lục Thảo dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 19 cm. - 45000đ. - 2000b

T.17. - 2025. - 159 tr. : tranh vẽ s628512

2103. Tình yêu nhân vật phụ : Truyện tranh : 18+ / Akane Tamura ; Lục Thảo dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 19 cm. - 45000đ. - 2000b

- T.18. - 2025. - 158 tr. : tranh vẽ s628513
2104. Tình yêu nhân vật phụ : Truyện tranh : 18+ / Akane Tamura ; Lục Thảo dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 19 cm. - 45000đ. - 2000b
- T.19. - 2025. - 158 tr. : tranh vẽ s628514
2105. Tình yêu nhân vật phụ : Truyện tranh : 18+ / Akane Tamura ; Lục Thảo dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 19 cm. - 45000đ. - 2000b
- T.20. - 2025. - 157 tr. : tranh vẽ s628515
2106. Tình yêu nhân vật phụ : Truyện tranh : 18+ / Akane Tamura ; Lục Thảo dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 19 cm. - 45000đ. - 2000b
- T.21. - 2026. - 159 tr. : tranh vẽ s628516
2107. Tình yêu nhân vật phụ : Truyện tranh : 18+ / Akane Tamura ; Lục Thảo dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 19 cm. - 45000đ. - 2000b
- T.22. - 2026. - 157 tr. : tranh vẽ s628517
2108. Tokarczuk, Olga. Hãy lái máy cày của mình qua xương những sinh linh chết : Tiểu thuyết / Olga Tokarczuk ; Nguyễn Thị Thanh Thư dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 307 tr. ; 20 cm. - 155000đ. - 1000b
- Tên sách tiếng Ba Lan: Prowadz swoj plug przez kosci umarlych s628224
2109. Toshikazu Kawaguchi. Khi lời nói dối còn chưa lộ diện = この嘘がばれないうちに : Tiểu thuyết / Toshikazu Kawaguchi ; Khuê Tú dịch. - In lần thứ 2. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 246 tr. ; 20 cm. - 120000đ. - 1000b s628614
2110. Toshikazu Kawaguchi. Khi tách cà phê còn chưa nguội = コーヒーが冷めないうちに : Tiểu thuyết / Toshikazu Kawaguchi ; Bảo Chương dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 319 tr. ; 20 cm. - 145000đ. - 1500b s626798
2111. Tô Giang. Nơi trăng không hắt bóng : Tiểu thuyết / Tô Giang. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 231 tr. ; 21 cm. - 1000b s626686
2112. Tố Quyên. Thành phố bầu trời xanh / Tố Quyên. - H. : Lao động. - 24 cm. - 150000đ. - 500b
- T.1: Món quà. - 2026. - 124 tr. : tranh vẽ s627522
2113. Tố Quyên. Thành phố bầu trời xanh / Tố Quyên. - H. : Lao động. - 24 cm. - 125000đ. - 500b
- T.3: Ước mơ. - 2026. - 82 tr. : tranh vẽ s627523
2114. Tôi là ai giữa đất trời? = Between the Earth and the Sky, who am I? / Trần Trọng Đoàn, Nguyễn Thái Sơn, Triền Lam... - H. : Thế giới, 2025. - 289 tr. : tranh màu ; 19 cm. - 199000đ. - 1000b s628722
2115. Tổng ôn lý thuyết trọng tâm theo định hướng đánh giá năng lực học sinh trung học phổ thông - Văn học & Ngôn ngữ / Đặng Ngọc Khương (ch.b.), Nguyễn Văn Ba, Trần Thị Diễm Hạnh... - H. : Hồng Đức, 2026. - 231 tr. : bìa ; 27 cm. - 2000b s627772
2116. Trầm Hương. Thuyền và bến : Truyện ký / Trầm Hương. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 287 tr. : ảnh ; 21 cm. - 1000b s626707
2117. Trần Đạt. 36 bài thơ Mộng - Hành trình tâm hồn của nhà thơ Trần Ái / Trần Đạt. - H. : Lao động, 2025. - 287 tr. ; 21 cm. - (Tác phẩm & dư luận). - 350000đ. - 500b s627548

2118. Trần Đăng Suyền. Nhà văn, hiện thực đời sống và cá tính sáng tạo : Tiểu luận - Phê bình / Trần Đăng Suyền. - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 342 tr. ; 21 cm. - 200000đ. - 1000b s627643
2119. Trần Hiệp. Học, dạy học / Trần Hiệp. - H. : Thế giới, 2026. - 451 tr. : ảnh ; 21 cm. - 200b s627681
2120. Trần Ngọc Dương. Đường chân trời : Tiểu thuyết / Trần Ngọc Dương. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 182 tr. ; 21 cm. - 1000b s626691
2121. Trần Ngọc Khánh Dư. Chiêm bao xanh : Thơ / Trần Ngọc Khánh Dư. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2024. - 145 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 100000đ. - 1000b  
Tên thật tác giả: Trần Ngọc Dung s626639
2122. Trần Ngọc Mai. Đất cháy : Tiểu thuyết / Trần Ngọc Mai. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 271 tr. ; 21 cm. - 1000b s627009
2123. Trần Ngưỡng. Tuyển thơ văn Trần Ngưỡng. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 527 tr. ; 24 cm. - 350000đ. - 500b s628285
2124. Trần Quốc Cường. Hiệp sỹ : Truyện dài / Trần Quốc Cường. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 311 tr. ; 21 cm. - 311b s627006
2125. Trần Quốc Khả. Vận dụng lí thuyết hồi ứng thâm nhập vào dạy học tác phẩm văn chương ở trường trung học phổ thông : Sách chuyên khảo / Trần Quốc Khả. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 170 tr. : minh họa ; 24 cm. - 160000đ. - 250b  
Thư mục: tr. 156-170 s626873
2126. Trần Tất Tiến. Thiên nhiên màu cỏ non : Thơ / Trần Tất Tiến. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2026. - 88 tr. ; 21 cm. - 110000đ. - 215b s626760
2127. Trí Dũng. Như chiếc lá gần rơi : Đồ chơi chữ / Trí Dũng. - H. : Văn học, 2025. - 222 tr. ; 14 cm. - 95000đ. - 2000b s628344
2128. Trích giảng văn học Trung Quốc = 中国文学作品选读 : Sách chuyên khảo / Võ Văn Quốc Huy, Trương Vũ Ngọc Linh, Lê Thị Như Thủy, Nguyễn Quốc Bảo. - H. : Thế giới, 2026. - 127 tr. : bảng ; 19 cm. - 129000đ. - 300b  
Thư mục: tr. 126-127 s628718
2129. Trịnh Quang Cưu. Hoàng hôn : Thơ / Trịnh Quang Cưu ; Minh họa: Lê Trí Dũng. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 138 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 125000đ. - 1000b s626638
2130. Trời đã sáng rồi thức dậy thôi nào! = It's morning, wake up! : Song ngữ Việt - Anh : Dành cho trẻ từ 0 - 6 tuổi / Suzuki Mika. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 24 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Bộ sách Nuôi dưỡng tâm hồn bé = The books to nourish children's soul)(Ehon). - 39000đ. - 10000b s627299
2131. Trúc Dĩ. Khi anh chạy về phía em / Trúc Dĩ ; Lan Phương dịch. - H. : Lao động, 2026. - 507 tr. ; 24 cm. - 219000đ. - 2000b  
Tên sách tiếng Trung: 她病得不轻 s627615
2132. Trương Tửu. Trương Tửu - Tuyển tập lý luận phê bình. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b  
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam  
T.2, Q.1: Chuyên luận. - 2025. - 463 tr. s626642
2133. Trương Văn Dân. Bài ca thể kỷ 21 : Thơ về thảm họa và các cuộc chiến tranh / Trương Văn Dân. - Huế : Nxb. Thuận Hóa, 2026. - 116 tr. ; 21 cm. - 150000đ. - 200b

Phụ lục: tr. 87-116 s628268

2134. Trường mẫu giáo của tớ : 3 - 6 tuổi / Misaki Kirimaru ; Tranh: Suchan ; Lời: Quỳnh Trang. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 26 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Ehon - Nuôi dưỡng tâm hồn cho bé)(Chúng mình lớn rồi). - 39000đ. - 1000b s627315

2135. Trường Thắng. Mùa trăng non : Thơ / Trường Thắng. - Huế : Nxb. Thuận Hóa, 2025. - 135 tr. ; 19 cm. - 99000đ. - 500b s628319

2136. Tùng...tùng... : Khám phá thế giới âm thanh của các bạn đồ vật xung quanh : Ehon cho trẻ 0 - 6 tuổi / Fuku Mitsu. - H. : Văn hóa dân tộc, 2026. - 25 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Âm thanh quanh bé). - 39000đ. - 5000b s626989

2137. Tuyển tập truyện Việt Nam thế kỷ X - XIX / Tuyển chọn, giới thiệu: Quang Liễn... - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam

T.4: Văn học trung đại. - 2025. - 383 tr. s626643

2138. Tuyển tập truyện Việt Nam thế kỷ X - XIX / Tuyển chọn, giới thiệu: Quang Liễn... - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam

T.5: Văn học trung đại. - 2025. - 383 tr. s626644

2139. Từ những điều bình dị / First News tổng hợp, thực hiện. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 151 tr. ; 21 cm. - (Hạt giống tâm hồn; T.3). - 76000đ. - 2000b s626789

2140. Tự tin thể hiện mình = Confidently show yourself : Truyện tranh : Song ngữ Việt - Anh / Lời: Minh Phương ; Minh họa: Minh Nghĩa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 24 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Tủ sách Kỹ năng giao tiếp cho bé 2+)(Cùng con khôn lớn). - 39000đ. - 10000b s627302

2141. Tường Vy. Một mình giữa giấc mơ / Tường Vy. - H. : Lao động, 2025. - 179 tr. ; 21 cm. - 145000đ. - 500b s627433

2142. Twentine. Chiếc bật lửa và váy công chúa / Twentine ; Hàn Vũ Phi dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 932 tr. ; 24 cm. - 999000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Trung: 打火机与公主裙: 荒草园 s627162

2143. Uẩn Tinh. Giữa bão giông ta tìm thấy chính mình / Uẩn Tinh. - Tái bản lần 2. - H. : Lao động, 2025. - 198 tr. ; 21 cm. - 159000đ. - 4000b s627563

2144. Uẩn Tinh. Giữa bão giông ta tìm thấy chính mình / Uẩn Tinh. - Tái bản lần 3. - H. : Lao động, 2026. - 198 tr. ; 21 cm. - 159000đ. - 3000b s627543

2145. Ủm...bò... : Khám phá thế giới âm thanh của các bạn động vật thân quen : Ehon cho trẻ 0 - 6 tuổi / Fuku Mitsu. - H. : Văn hóa dân tộc, 2026. - 25 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Âm thanh quanh bé). - 39000đ. - 5000b s626991

2146. Úm ba la hô biến ra "cô bạn" biết yêu : Truyện tranh : 18+ / Banjo Azusa ; Luci dịch. - H. : Dân trí. - 18 cm. - 60000đ. - 5000b

T.10. - 2025. - 168 tr. : tranh vẽ s628671

2147. Vang mãi những vần thơ / Nguyễn Văn Sô, Nguyễn An Chinh, Nguyễn An Quảng... - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 391 tr. : ảnh ; 21 cm. - 150000đ. - 400b

ĐTTS ghi: Hội làng Sỹ Tân s626935

2148. Vào rừng tìm xem ai giấu cái gì : Truyện tranh : Ehon song ngữ Việt - Anh : 0 - 4 tuổi / Fuku Mitsu. - H. : Văn hóa dân tộc, 2026. - 25 tr. : tranh màu ; 20 cm. - 39000đ. - 5000b s626994

2149. Văn phòng thám tử quái vật : Truyện tranh : 18+ / Sho Aimoto ; Tuyết Quỳnh dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 40000đ. - 7000b  
T.19. - 2026. - 199 tr. : tranh vẽ s628480

2150. Văn phòng thám tử quái vật : Truyện tranh : 18+ / Sho Aimoto ; Tuyết Quỳnh dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 40000đ. - 7000b  
T.20. - 2026. - 189 tr. : tranh vẽ s628540

2151. Văn Tân. Sơ thảo lịch sử văn học Việt Nam / Văn Tân, Nguyễn Hồng Phúc, Nguyễn Đồng Chi. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật. - 24 cm. - 1000b  
Q.2: Từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XVII. - 2025. - 362 tr. s627091

2152. Văn Tân. Sơ thảo lịch sử văn học Việt Nam / Văn Tân, Nguyễn Hồng Phong, Nguyễn Đồng Chi. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật. - 24 cm. - 1000b  
Q.3: Thế kỷ XVIII. - 2025. - 319 tr. s627092

2153. Văn Tân. Sơ thảo lịch sử văn học Việt Nam / Văn Tân, Hoài Thanh, Nguyễn Đồng Chi. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật. - 24 cm. - 1000b  
Q.4. - 2025. - 339 tr. s627093

2154. Văn và người : Tiểu luận, phê bình văn học / Đỗ Ngọc Dũng, Nguyễn Khắc Trường, Nguyễn Hữu Nhân ; Vũ Quốc Khánh b.s. - H. : Lao động, 2025. - 299 tr. ; 21 cm. - 228000đ. - 500b s627465

2155. Verne, Jules. Thuyền trưởng tuổi 15 = Un capitaine de quinze ans / Jules Verne ; Nhật Phi dịch. - H. : Văn học, 2025. - 633 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 245000đ. - 1500b s628405

2156. Vi Hợi. Dáng hình Pơ Mu : Tiểu thuyết lịch sử / Vi Hợi. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 455 tr., 8 tr. ảnh ; 24 cm. - 1900b s626941

2157. Viên Kiều Nga. Phía sau bóng tối : Tiểu thuyết / Viên Kiều Nga. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 215 tr. ; 21 cm. - 1000b s626701

2158. Viên Nguyệt Ái. Sự cứu chuộc : Tiểu thuyết / Viên Nguyệt Ái. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 367 tr. ; 24 cm. - 1000b s627013

2159. Vịt con xấu xí = The ugly duckling : Truyện tranh : Dành cho trẻ em từ 0 - 6 tuổi / Minh họa: Dean Grey ; Minh Trang dịch. - In lần thứ 3. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 8 tr. : tranh màu ; 17 cm. - (Tủ sách Tương tác)(Sách chuyển động). - 119000đ. - 1000b s628742

2160. Vitamin mèo và những câu chuyện bất tận : Truyện tranh / Kịch bản: Tường Minh, Trâm Anh ; Minh họa: Trâm Anh. - H. : Thế giới, 2026. - 150 tr. : ảnh, tranh màu ; 21 cm. - 129000đ. - 2000b s627662

2161. Võ Đình Duy. Thung ca vẫn chưa mưa! : Tiểu thuyết / Võ Đình Duy. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 207 tr. ; 21 cm. - 1000b s626703

2162. Vòng lặp mùa hè = Summer time render : Truyện tranh : 17+ / Yasuki Tanaka ; Anh Huỳnh dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 18 cm. - 58000đ. - 1000b  
T.4: Thù địch. - 2025. - 192 tr. : tranh vẽ s628416

2163. Vũ Nguyên Hanh. Đại Nam kỳ nhân liệt truyện / Vũ Nguyên Hanh ; Tô Linh Thảo dịch ; An Nhiên s.t, giới thiệu. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 179 tr. ; 20 cm. - (Bộ sách Cảo thơm). - 205000đ. - 1000b s628229

2164. Vũ Thị Thơm. Nếp nhà và hương quê : Thơ / Vũ Thị Thơm. - Tái bản lần 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2026. - 146 tr. : ảnh ; 19 cm. - 83000đ. - 200b s628408
2165. Vùng đất xa xăm : Truyện tranh : 12+ / Kyoko Hikawa ; An Nhiên dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 19 cm. - 90000đ. - 3000b  
T.5. - 2025. - 373 tr. : tranh vẽ s628534
2166. Vùng đất xa xăm : Truyện tranh : 12+ / Kyoko Hikawa ; An Nhiên dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 19 cm. - 90000đ. - 3000b  
T.6. - 2025. - 363 tr. : tranh vẽ s628535
2167. Vùng đất xa xăm : Truyện tranh : 12+ / Kyoko Hikawa ; An Nhiên dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 19 cm. - 90000đ. - 3000b  
T.7. - 2025. - 329 tr. : tranh vẽ s628536
2168. Vừ Mai Hương. Hà Giang - Cả trời thương nhớ : Tản văn / Vừ Mai Hương. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2026. - 89 tr. : tranh vẽ ; 17x18 cm. - 120000đ. - 1000b s628680
2169. Vương miện của Mặt Trời : Truyện tranh / Quỳnh Lê ; Minh họa: Hoàng Giang. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 36 tr. : tranh màu ; 27 cm. - 139000đ. - 1000b  
Top 100 bản thảo xuất sắc nhất của dPICTUS 2024 s627710
2170. Vương quốc thất tịch : Truyện tranh : 16+ / Hitoshi Iwaaki ; Nhi An dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 19 cm. - 58000đ. - 3000b  
T.1. - 2025. - 204 tr. : tranh vẽ s628553
2171. Vương quốc thất tịch : Truyện tranh : 16+ / Hitoshi Iwaaki ; Nhi An dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 19 cm. - 58000đ. - 3000b  
T.2. - 2025. - 225 tr. : tranh vẽ s628554
2172. Vương quốc thất tịch : Truyện tranh : 16+ / Hitoshi Iwaaki ; Nhi An dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 19 cm. - 58000đ. - 3000b  
T.3. - 2026. - 208 tr. : tranh vẽ s628555
2173. Vương quốc thất tịch : Truyện tranh : 16+ / Hitoshi Iwaaki ; Nhi An dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 19 cm. - 58000đ. - 3000b  
T.4. - 2026. - 231 tr. : tranh vẽ s628556
2174. Webster, Jean. Patty "ngầu đét" / Jean Webster ; Vũ Danh Tuấn dịch. - H. : Lao động. - 21 cm. - 160000đ. - 2000b  
Dịch từ nguyên bản tiếng Anh: Just Patty  
T.1. - 2025. - 250 tr. : tranh vẽ s627424
2175. Webster, Jean. Patty "ngầu đét" / Jean Webster ; Vũ Danh Tuấn dịch. - H. : Lao động. - 21 cm. - 160000đ. - 2000b  
Dịch từ nguyên bản tiếng Anh: When Patty went to college  
T.2. - 2025. - 185 tr. : tranh vẽ s627425
2176. Wild cats : Truyện tranh / Shimizu Reiko ; Ukato Mai dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 219 tr. : tranh vẽ ; 19 cm. - 135000đ. - 3000b s628585
2177. Wind breaker : Truyện tranh : 16+ / Satoru Nii ; Tuyết Linh dịch. - In lần thứ 3. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 45000đ. - 2000b  
T.1. - 2026. - 192 tr. : tranh vẽ s628499
2178. Wind breaker : Truyện tranh : 16+ / Satoru Nii ; Tuyết Linh dịch. - In lần thứ 2. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 45000đ. - 2000b  
T.2. - 2026. - 189 tr. : tranh vẽ s628500

2179. Wind breaker : Truyện tranh : 16+ / Satoru Nii ; Tuyết Linh dịch. - In lần thứ 2. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 45000đ. - 2000b  
T.3. - 2026. - 189 tr. : tranh vẽ s628501
2180. Wind breaker : Truyện tranh : 16+ / Satoru Nii ; Tatsuhiko dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 45000đ. - 5000b  
T.23. - 2025. - 190 tr. : tranh vẽ s628502
2181. Wind breaker : Truyện tranh : 16+ / Satoru Nii ; Tatsuhiko dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 45000đ. - 5500b  
T.24. - 2026. - 190 tr. : tranh vẽ s628503
2182. Worldend: Debugger : Truyện tranh : 18+ / Ritsuhiro Mikami ; Hoàng Duy Khang dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 19 cm. - 3000b  
T.1. - 2026. - 207 tr. : tranh vẽ s628531
2183. Worldend: Debugger : Truyện tranh : 18+ / Ritsuhiro Mikami ; Hoàng Duy Khang dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 19 cm. - 3000b  
T.2. - 2026. - 173 tr. : tranh vẽ s628532
2184. Worldend: Debugger : Truyện tranh : 18+ / Ritsuhiro Mikami ; Hoàng Duy Khang dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 19 cm. - 3000b  
T.3. - 2026. - 193 tr. : tranh vẽ s628533
2185. Xem mắt không thành, nhưng duyên mình chưa hết : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 18+ / Mizushima Raika ; Ngọc Trâm dịch. - H. : Văn học. - 18 cm. - 90000đ. - 2000b  
T.1. - 2025. - 161 tr. : tranh vẽ s628365
2186. Xem mắt không thành, nhưng duyên mình chưa hết : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 18+ / Mizushima Raika ; Ngọc Trâm dịch. - H. : Văn học. - 18 cm. - 90000đ. - 2000b  
T.2. - 2025. - 160 tr. : tranh vẽ s628366
2187. Xin lỗi không bối rối = Apologize without confusion : Truyện tranh : Song ngữ Việt - Anh / Lời: Minh Phương ; Minh họa: Minh Nghĩa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 24 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Tủ sách Kỹ năng giao tiếp cho bé 2+)(Cùng con khôn lớn). - 39000đ. - 10000b s627308
2188. Xuân Lan. Tia nắng rực rỡ : Tiểu thuyết / Xuân Lan. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 247 tr. ; 21 cm. - 1000b  
Tên thật tác giả: Nguyễn Thị Lan s626687
2189. Xuống biển tìm xem ai giấu cái gì : Truyện tranh : Ehon song ngữ Việt - Anh : 0 - 4 tuổi / Fuku Mitsui. - H. : Văn hóa dân tộc, 2026. - 25 tr. : tranh màu ; 20 cm. - 39000đ. - 5000b s626993
2190. Yên Tử (Yan Zi). Có một mùa Xuân trong rừng thẳm / Yên Tử (Yan Zi) ; Minh Anh dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 325 tr. : ảnh màu ; 20 cm. - 208000đ. - 2000b  
Tên sách tiếng Trung: 住进森林里的日子 s627164
2191. Yêu đi thôi những thiên thần giả dối : Truyện tranh : 13+ / Coco Uzuki ; Hina dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 18 cm. - 58000đ. - 5000b  
T.5. - 2025. - 183 tr. : tranh vẽ s628417
2192. Yêu ôi là "eo" : Truyện tranh : 16+ / Mogusu ; Quý Chi dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 19 cm. - 50000đ. - 2000b  
T.6. - 2025. - 137 tr. : tranh vẽ s628565

2193. Yêu ôi là "eo" : Truyện tranh : 16+ / Mogusu ; Quý Chi dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 19 cm. - 50000đ. - 2000b  
T.7. - 2025. - 137 tr. : tranh vẽ s628566

2194. Yêu ôi là "eo" : Truyện tranh : 16+ / Mogusu ; Quý Chi dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 19 cm. - 50000đ. - 2000b  
T.8. - 2025. - 161 tr. : tranh vẽ s628567

## LỊCH SỬ

2195. Ahern, Thomas L. Cách chúng tôi làm: Chương trình bí mật xâm nhập miền Bắc Việt Nam 1961 - 1964 / Thomas L. Ahern, Jr ; Nguyễn Văn Cương dịch ; Nguyễn Văn Tuấn h.đ. - Xuất bản lần thứ 2. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 130 tr. ; 21 cm. - 66000đ. - 3000b

Dịch từ nguyên tác: The way we do things: Black entry operations into North Vietnam, 1961-1964 s627043

2196. Chu Đức Tính. Bác Hồ - Những câu chuyện và bài học / Chu Đức Tính. - Xuất bản lần thứ 5. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 159 tr. ; 15 cm. - 47000đ. - 1000b s628765

2197. Cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của đồng chí Nguyễn Thị Định : Kỷ yếu hội thảo khoa học cấp Bộ / Lê Thị Thu Hồng, Võ Thị Kiều Tiên, Tỉnh ủy Bình Phước... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 1022 tr. : ảnh ; 24 cm. - 400b

ĐTTS ghi: Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương... - Phụ lục cuối chính văn s627130

2198. Di tích lịch sử Khu căn cứ kháng chiến của Thành Đoàn 1954 - 1975 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm 2025 / Trần Bạch Đằng, Nguyễn Văn Kết, Tăng Anh Dũng... ; B.s.: Ngô Minh Hải... - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 299 tr. : ảnh, bảng ; 20 cm. - 80000đ. - 1000b

Kỷ niệm 95 năm Ngày thành lập Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh 26/3/1931-26/3/2026 s628228

2199. Diệu Ân. Người biết lo xa / Diệu Ân. - H. : Hồng Đức, 2026. - 262 tr. : ảnh ; 21 cm. - 180000đ. - 500b s627349

2200. Đào Khang. Quá trình hình thành làng ở tỉnh Nghệ An / Đào Khang. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 391 tr. : minh họa ; 24 cm. - 1800b  
Phụ lục: tr. 337-377. - Thư mục: tr. 378-387 s628288

2201. Địa chí Văn Lâm / B.s.: Nguyễn Ngọc Hà (tổng ch.b.), Nguyễn Phú Lợi, Ngô Tuấn Nghĩa... ; S.t.: Nguyễn Hoàng Linh... - H. : Thông tấn, 2025. - 927 tr. : minh họa ; 30 cm. - 700b  
ĐTTS ghi: Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Văn Lâm. - Phụ lục: tr. 863-916. - Thư mục: tr. 917-925 s626620

2202. Điện Biên - Trang sử mới của kiến tạo và đồng hành = Điện Biên - New chapter of supportive and collaborative governance / Hà Thành, Ngô San, Thái Dương... - H. : Lao động, 2025. - 204 tr. ; 28 cm. - 1000b s627784

2203. Đinh Văn Viễn. Một số vấn đề về văn minh trong lịch sử Việt Nam : Dùng cho đào tạo trình độ đại học ngành Sư phạm Lịch sử - Địa lí / Đinh Văn Viễn (ch.b.), Lê Thị Huệ. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 115 tr. : bảng ; 24 cm. - 138000đ. - 120b  
ĐTTS ghi: Trường Đại học Hoa Lư. - Thư mục cuối mỗi chương s628126

2204. Đoàn Nguyệt Linh. Phương pháp dạy học Lịch sử / Đoàn Nguyệt Linh (ch.b.), Nguyễn Thị Bích, Nguyễn Phùng Tâm. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2026. - 310 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Tủ sách Khoa học). - 120000đ. - 300b

Thư mục: tr. 300-310 s628128

2205. Đỗ Hoàng Linh. Hồ Chí Minh - Biên niên sự kiện (1945 - 1969) = Ho Chi Minh - Chronicle of events (1945 - 1969) / Đỗ Hoàng Linh s.t., b.s. ; Lê Thị Thu Ngọc dịch ; Đinh Trọng Minh h.đ. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 695 tr. : ảnh ; 23x25 cm. - 1000b  
Thư mục: tr. 692-693 s627127

2206. Franklin, Benjamin. Tự truyện Benjamin Franklin (1706 đến 1757) / Nguyễn Thụy Khánh Chương dịch. - H. : Lao động, 2025. - 237 tr. ; 24 cm. - (Tủ sách Nhân vật). - 109000đ. - 1500b

Tên sách tiếng Anh: The autobiography of Benjamin Franklin s627610

2207. Gia phá họ Nguyễn Duy làng Đa Phúc, Nghi Công, Nghi Lộc, Nghệ An / B.s.: Nguyễn Duy Trường, Nguyễn Duy Viêm, Nguyễn Quang Phúc... - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2026. - 291 tr. : ảnh ; 27 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Hội đồng Gia tộc họ Nguyễn Duy. - Thư mục: tr. 288 s627931

2208. Giải thưởng sáng tạo Thành phố Hồ Chí Minh lần 4 - 2025 / Sở Du Lịch, Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn, Lê Thanh... - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 143 tr. : ảnh ; 25 cm. - 200b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh s626786

2209. Hart, B. H. Liddell. Scipio Africanus: Vĩ đại hơn cả Napoleon / B. H. Liddell Hart ; Trần Phương Thảo dịch. - H. : Tài chính, 2025. - 237 tr. ; 24 cm. - 180000đ. - 3000b

Thư mục: tr. 237 s627147

2210. Hiệp định Pari - Dấu ấn phong cách ngoại giao Hồ Chí Minh / B.s.: Vũ Mạnh Hà, Phạm Thị Thanh Mai, Trần Thị Phương Lan... - Xuất bản lần thứ 2, có sửa chữa, bổ sung. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 179 tr. : ảnh ; 20 cm. - 199000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Bảo tàng Hồ Chí Minh. - Thư mục: tr. 177-178 s627124

2211. Hoàng Kiên. Tây Trường Sơn tình sâu nghĩa nặng : Hồi kí / Hoàng Kiên. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 227 tr. ; 21 cm. - 1000b s627063

2212. Hoàng Lại Giang. Võ Văn Kiệt - Trí tuệ và sáng tạo / Hoàng Lại Giang. - Xuất bản lần thứ 2, có chỉnh sửa. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 664 tr. ; 24 cm. - 382000đ. - 2000b s627108

2213. Hoàng Nguyên. Hội nghị Genève về Đông Dương năm 1954 / Hoàng Nguyên. - Xuất bản lần thứ 2. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 195 tr. ; 20 cm. - 91000đ. - 1000b  
Phụ lục: tr. 135-192. - Thư mục: tr. 193 s627044

2214. Hồ Bách Khoa. Khu lưu niệm Đại thi hào Nguyễn Du - Di tích Quốc gia đặc biệt / Hồ Bách Khoa, Trần Thị Vinh. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 135 tr. : ảnh ; 21 cm. - 1000b

ĐTTS ghi: Ban Quản lý di tích Nguyễn Du. - Thư mục: tr. 134 s628299

2215. Hồ Chí Minh. Lịch sử nước ta / Hồ Chí Minh. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 27 tr. ; 15 cm. - 18000đ. - 1000b s628769

2216. Hồ Chí Minh. Nam Bộ là thành đồng của Tổ quốc / Hồ Chí Minh. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 215 tr. ; 18 cm. - 67000đ. - 1000b s628772

2217. Hướng dẫn luyện thi THPT Quốc gia môn Lịch sử : Theo cấu trúc đề thi trắc nghiệm THPT Quốc gia / Trương Ngọc Thôi. - Tái bản lần 2. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2026. - 200 tr. ; 24 cm. - 90000đ. - 1000b s628176

2218. Hướng dẫn ôn thi bồi dưỡng học sinh giỏi trung học phổ thông chuyên đề Lịch sử :  
Dành cho học sinh lớp 10, 11, 12 và giáo viên... / Trần Huy Đoàn, Trần Thùy Chi. - Tái bản lần  
thứ 4. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2023. - 414 tr. : bìa ; 24 cm. - 140000đ. - 500b s628158

2219. Khởi nghĩa Tiên Động - Kỳ yếu Hội thảo khoa học quốc gia "Khởi nghĩa Tiên Động  
và tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử" / Văn Tạo, Trần Văn Phác, Charles Fourniau... - H. : Thế giới,  
2026. - 260 tr. ; 24 cm. - 70b

ĐTTS ghi: Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam s627697

2220. Kinh thành cổ Việt Nam = Vietnam ancient capitals / Bùi Minh Trí (ch.b.), Trương  
Huyền Sa, Bùi Hữu Ngọc... ; Đỗ Trường Giang biên dịch ; Ảnh: Bùi Minh Trí... - H. : Khoa  
học xã hội, 2025. - 279 tr. : minh họa ; 29 cm. - 485000đ. - 250b

Đầu bìa sách ghi: Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Viện Khảo cổ học. - Thư  
mục: tr. 278-279 s627877

2221. Kỳ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: 80 năm Nam Bộ cùng cả nước xây dựng, bảo  
vệ, phát triển và hội nhập quốc tế (1945 - 2025) / Lê Đình Trọng, Trần Chúc Lam, Ngô Hồ  
Khánh Bằng... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - x, 745 tr. ; 24  
cm. - 100b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Trường Đại học Khoa học Xã hội  
và Nhân văn. - Thư mục cuối mỗi chương s626883

2222. Kỳ yếu Hội thảo Tây Ninh - 50 năm giải phóng và phát triển / Trương Văn Thành,  
Trần Thanh Phong, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Tây Ninh... - H. : Lao động, 2025. - 590 tr. : ảnh ;  
21 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Tỉnh ủy Tây Ninh. Trường Chính trị. - Tài liệu lưu hành nội bộ. - Thư mục  
trong chính văn s627582

2223. Lam Giang. Bác Hồ - Người Việt Nam đẹp nhất : Đoàn kết - Trí tuệ / Lam Giang  
b.s., tuyển chọn. - H. : Văn học, 2025. - 99 tr. ; 19 cm. - 34000đ. - 3000b

Thư mục: tr. 96-98 s628352

2224. Lam Giang. Bác Hồ - Người Việt Nam đẹp nhất : Khiêm tốn / Lam Giang b.s., tuyển  
chọn. - H. : Văn học, 2025. - 99 tr. ; 19 cm. - 34000đ. - 3000b

Thư mục: tr. 95-97 s628347

2225. Lam Giang. Bác Hồ - Người Việt Nam đẹp nhất: Cần kiệm - Liêm chính / Lam  
Giang b.s., tuyển chọn. - H. : Văn học, 2025. - 99 tr. ; 19 cm. - 34000đ. - 3000b

Thư mục: tr. 96-98 s628348

2226. Lam Giang. Bác Hồ - Người Việt Nam đẹp nhất: Đạo đức / Lam Giang b.s., tuyển  
chọn. - H. : Văn học, 2025. - 99 tr. ; 19 cm. - 34000đ. - 3000b

Thư mục: tr. 96-98 s628351

2227. Lam Giang. Bác Hồ - Người Việt Nam đẹp nhất: Giản dị - thật thà / Lam Giang b.s.,  
tuyển chọn. - H. : Văn học, 2025. - 99 tr. ; 19 cm. - 34000đ. - 3000b

Thư mục: tr. 96-98 s628356

2228. Lam Giang. Bác Hồ - Người Việt Nam đẹp nhất: Khoan dung / Lam Giang b.s.,  
tuyển chọn. - H. : Văn học, 2025. - 99 tr. ; 19 cm. - 34000đ. - 3000b

Thư mục: tr. 96-98 s628353

2229. Lam Giang. Bác Hồ - Người Việt Nam đẹp nhất: Kiên cường - Dũng cảm / Lam  
Giang b.s., tuyển chọn. - H. : Văn học, 2025. - 99 tr. ; 19 cm. - 34000đ. - 3000b

Thư mục: tr. 96-98 s628354

2230. Lam Giang. Bác Hồ - Người Việt Nam đẹp nhất: Lạc quan / Lam Giang b.s., tuyển chọn. - H. : Văn học, 2025. - 99 tr. : ảnh ; 19 cm. - 34000đ. - 3000b  
Thư mục: tr. 97-98 s628350
2231. Lam Giang. Bác Hồ - Người Việt Nam đẹp nhất: Nghị lực / Lam Giang b.s., tuyển chọn. - H. : Văn học, 2025. - 99 tr. ; 19 cm. - 34000đ. - 3000b  
Thư mục: tr. 96-98 s628355
2232. Lam Giang. Bác Hồ - Người Việt Nam đẹp nhất: Yêu thương / Lam Giang b.s., tuyển chọn. - H. : Văn học, 2025. - 99 tr. ; 19 cm. - 34000đ. - 3000b  
Thư mục: tr. 95-97 s628349
2233. Lê Quang Lâm. Tình đất tình người Thanh Xuân / Lê Quang Lâm. - H. : Lao động, 2025. - 191 tr. : ảnh, băng ; 21 cm. - 85000đ. - 1000b  
Bút danh tác giả: Đình Vân, Quỳnh Hoa. - Phụ lục: tr. 158-189 s627545
2234. Lê Quý Đôn. Đại Việt thông sử / Lê Quý Đôn ; Ngô Thế Long dịch ; Vũ Thị Thanh s.t., giới thiệu. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 743 tr. ; 20 cm. - (Bộ sách Cảo thơm). - 430000đ. - 1000b  
Phụ lục: tr. 449-743 s628230
2235. Lịch sử, văn hóa và xã hội Indonesia đương đại = Contemporary Indonesian history, culture and society / Nguyễn Ngọc Dung, Văn Kim Hoàng Hà, Nguyễn Cảnh Huệ... ; Nguyễn Thanh Tuấn ch.b. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 344 tr. : minh họa ; 27 cm. - 50b  
ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Trường Đại học Xã hội và Nhân văn. Khoa Đông Phương học. - Thư mục cuối mỗi bài s627910
2236. Luyện thi cấp tốc môn Lịch sử : Ôn thi THPT Quốc gia : Dùng chung cho các Bộ SGK hiện hành / Trương Ngọc Thơi. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 167 tr. : băng ; 24 cm. - 75000đ. - 1000b s628175
2237. Matyszak, Philip. 24 giờ ở Athens cổ đại : Khám phá ngày bình thường ở một nền văn minh vĩ đại / Philip Matyszak ; Hồng Trà dịch. - H. : Thế giới, 2026. - 323 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (Nhà khoa học kể chuyện). - 119000đ. - 1500b  
Tên sách tiếng Anh: 24 hours in ancient Athens. - Thư mục: tr. 319-323 s627658
2238. Matyszak, Philip. 24 giờ ở Rome cổ đại : Khám phá ngày bình thường ở một nền văn minh vĩ đại / Philip Matyszak ; Dương Thu Hương dịch. - H. : Thế giới, 2026. - 315 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 21 cm. - (Nhà khoa học kể chuyện). - 119000đ. - 1500b  
Tên sách tiếng Anh: 24 hours in ancient Rome s627656
2239. Mỗi kỷ vật, một câu chuyện / B.s.: Vũ Mạnh Hà, Phạm Thị Thanh Mai, Trần Thị Phương Lan... - Xuất bản lần thứ 2, có sửa chữa, bổ sung. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 236 tr. ; 21 cm. - 115000đ. - 1000b  
ĐTTS ghi: Bảo tàng Hồ Chí Minh s627064
2240. Ngày xuân xem chuyện lạ về đế vương nước Việt / B.s.: Lê Thái Dũng, Hoàng Ngọc Tuy, Trần Ngọc Thoan... - H. : Lao động, 2026. - 179 tr. : hình vẽ, ảnh ; 21 cm. - 155000đ. - 1500b  
Thư mục: tr. 173-177 s627476
2241. Nguyễn Khắc Nho. Hồ Chí Minh - Đỉnh cao truyền thống nhân trí dũng Việt Nam / Nguyễn Khắc Nho. - Xuất bản lần thứ 3. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 231 tr. ; 21 cm. - 124000đ. - 1000b s627051

2242. Nguyễn Ngọc Lâm. Những Bà mẹ Việt Nam anh hùng và những người con bắt tù trên quê hương Huống Thượng / Nguyễn Ngọc Lâm ch.b. - H. : Lao động, 2025. - 237 tr. : ảnh, bảng ; 21 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Thành phố Thái Nguyên. Ủy ban nhân dân xã Huống Thượng. - Phụ lục: tr. 224-233. - Thư mục: tr. 234 s627485

2243. Nguyễn Quang Bích - Nhà tri thức yêu nước, thủ lĩnh phong trào kháng Pháp cuối thế kỷ XIX / Ngô Quang Đoan, Ngô Quang Nam, Ngô Quang Yên... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 786 tr. ; 27 cm. - 1000b s627853

2244. Nguyễn Tùng Linh. Bia Quan Thượng (Bia Trị Thủy) / B.s.: Nguyễn Tùng Linh, Trương Quốc Thành. - Tái bản lần thứ 1, có chỉnh sửa, bổ sung. - H. : Khoa học xã hội, 2026. - 158 tr., 16 tr. ảnh ; 24 cm. - 239000đ. - 500b

Thư mục: tr. 157-158 s627641

2245. Người xứ Nghệ / Nguyễn Như Khôi, Nguyễn Sĩ Đại, Nguyễn Thế Kỳ... ; B.s.: Nguyễn Như Khôi (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 3, có bổ sung. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An. - 24 cm. - 390000đ. - 300b

Q.1. - 2025. - 638 tr. : ảnh màu s628290

2246. Những hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh giai đoạn 1954 - 1969. - Xuất bản lần thứ 2. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật. - 24 cm. - 241000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Khu Di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch

T.1: 1954 - 1958. - 2025. - 491 tr. s627131

2247. Những hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh giai đoạn 1954 - 1969. - Xuất bản lần thứ 2. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật. - 24 cm. - 337000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Khu Di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch

T.2: 1959 - 1964. - 2025. - 691 tr. s627132

2248. Những hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh giai đoạn 1954 - 1969. - Xuất bản lần thứ 2. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật. - 24 cm. - 282000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Khu Di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch

T.3: 1965 - 1969. - 2025. - 534 tr. s627133

2249. Những tên gọi bí danh, bút danh của Chủ tịch Hồ Chí Minh / B.s.: Nguyễn Thị Tình, Chu Đức Tính, Hoàng Thị Nữ... - Xuất bản lần thứ 8, có sửa chữa, bổ sung. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 168 tr. : bảng ; 15 cm. - 41000đ. - 2000b

ĐTTS ghi: Bảo tàng Hồ Chí Minh. - Thư mục: tr. 164-166 s628766

2250. Oliveira, Pedro de. Hồ Chí Minh: Cuộc đời và sự nghiệp của vị lãnh tụ giải phóng dân tộc Việt Nam / Pedro de Oliveira ; Dịch: Nguyễn Vũ Thu Hà... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 423 tr. : minh họa ; 24 cm. - 1000b

Phụ lục: tr. 396-418. - Thư mục: tr. 419-420 s627111

2251. Pankaj Mishra. Thời đại cuồng nộ : Lịch sử về thời hiện đại : Sách tham khảo / Pankaj Mishra ; Nguyệt Anh dịch. - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2025. - 431 tr. ; 24 cm. - 342000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Anh: Age of anger : A history of the present s626957

2252. Phạm Văn Đồng. Hồ Chí Minh - Một con người, một dân tộc, một thời đại, một sự nghiệp / Phạm Văn Đồng. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 110 tr. : ảnh ; 19 cm. - 50000đ. - 1000b s628813

2253. Phạm Văn Đồng. Hồ Chí Minh - Quá khứ, hiện tại và tương lai / Phạm Văn Đồng. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 211 tr. ; 19 cm. - 89000đ. - 1000b s628304

2254. Phạm Văn Lợi. Việt Nam học định hướng liên ngành và Khu vực học: Nhận thức & ứng dụng : Sách chuyên khảo / Phạm Văn Lợi. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 326 tr. ; 24 cm. - 270000đ. - 370b  
ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Hà Nội. Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển s628136
2255. Phan Trung Thành. Giai thoại & chuyện kể nhân vật Hà Tĩnh / Phan Trung Thành s.t., b.s. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 896 tr. ; 24 cm. - 250b  
ĐTTS ghi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Hà Tĩnh. - Thư mục: tr. 883-886 s628289
2256. Pollack, Pam. Nelson Mandela là ai? / Pam Pollack, Meg Belviso, Stephen Marchesi ; Nguyệt Minh dịch. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Dân trí, 2025. - 107 tr. : tranh vẽ ; 19 cm. - (Bộ sách Chân dung những người thay đổi thế giới). - 59000đ. - 1000b  
Tên sách tiếng Anh: Who was Nelson Mandela? s628659
2257. Quách Ngọc Dũng. Di tích quốc gia trên địa bàn tỉnh Hưng Yên / Quách Ngọc Dũng. - H. : Lao động, 2025. - 319 tr. : ảnh màu ; 24 cm. - 1000b  
Thư mục: tr. 319 s627542
2258. Ryan, Donald P. 24 giờ ở Ai Cập cổ đại : Khám phá ngày bình thường ở một nền văn minh vĩ đại / Donald P. Ryan ; Dương Thu Hương dịch. - H. : Thế giới, 2026. - 272 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (Nhà khoa học kể chuyện). - 119000đ. - 1500b  
Tên sách tiếng Anh: 24 hours in ancient Egypt. - Thư mục: tr. 269-272 s627657
2259. Sổ tay kiến thức Khoa học xã hội: Lịch sử - Địa lí lớp 8 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Nguyễn Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Hằng. - H. : Dân trí, 2025. - 283 tr. ; 17 cm. - 99000đ. - 2000b s628668
2260. Sơn Nam. Giới thiệu Sài Gòn xưa. Ấn tượng 300 năm. Tiếp cận với đồng bằng sông Cửu Long : Bút ký / Sơn Nam. - In lần thứ 6. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 321 tr. ; 20 cm. - 115000đ. - 1000b  
Tên thật tác giả: Phạm Minh Tày (Tài) s626838
2261. Sơn Nam. Nói về miền Nam - Cá tính miền Nam - Thuần phong mỹ tục Việt Nam : Biên khảo / Sơn Nam. - In lần thứ 8. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 380 tr. ; 20 cm. - 130000đ. - 1000b  
Tên thật tác giả: Phạm Minh Tày (Tài). - Phụ lục: tr. 206-212, 365-380 s626839
2262. Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng trong lòng nhân dân Việt Nam và bạn bè quốc tế / Tô Lâm, Phạm Minh Chính, Trần Thanh Mẫn... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 919 tr. : minh họa ; 24 cm. - 1000b  
ĐTTS ghi: Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương s627121
2263. Trang Dịch Kiệt. 24 giờ ở Trung Hoa cổ đại : Khám phá ngày bình thường ở một nền văn minh vĩ đại / Trang Dịch Kiệt ; Hồng Trà dịch. - H. : Thế giới, 2026. - 307 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 21 cm. - (Nhà khoa học kể chuyện). - 119000đ. - 1500b  
Tên sách tiếng Anh: 24 hours in ancient China s627655
2264. Trần Quốc Cường. Khát vọng vươn lên trong kỷ nguyên mới / Trần Quốc Cường. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 650 tr. ; 24 cm. - 500b s627134
2265. Trần Văn Giàu. Hồ Chí Minh - Vĩ đại một con người / Trần Văn Giàu. - Tái bản, có chỉnh sửa. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 239 tr. ; 21 cm. - 119000đ. - 1000b s627050
2266. Trần Việt Hoàn. Nhớ mãi ngày sinh Bác Hồ / Trần Việt Hoàn. - Xuất bản lần thứ 3. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 94 tr. ; 19 cm. - 38000đ. - 1000b s628776

2267. Trịnh Văn Khoa. Di tích đền vua Lê và Hoàng đế Lê Chiêu Tông : Thôn Đồi Vua, xã Đoài Phương, TP. Hà Nội / Trịnh Văn Khoa, Lê Thái Dũng. - H. : Lao động, 2026. - 155 tr. : ảnh ; 15 cm. - 2000b  
ĐTTS ghi: Viện Nghiên cứu Văn hóa tín ngưỡng Việt Nam. - Phụ lục: tr. 98-121. - Thư mục: tr. 150-152 s628832
2268. Trương Quốc Bình. Di sản và văn hóa : Sách tham khảo / Trương Quốc Bình. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 347 tr. ; 24 cm. - 190000đ. - 1000b  
Thư mục: tr. 339-344 s627089
2269. Văn Tiến Dũng. Đi theo con đường của Bác : Hồi ký / Văn Tiến Dũng. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 232 tr. ; 19 cm. - 77000đ. - 1000b s628773
2270. Về đại thắng mùa Xuân năm 1975 qua tài liệu của chính quyền Sài Gòn : Sách tham khảo / B.s.: Phạm Thị Huệ, Hà Kim Phương, Phạm Ngọc Hưng... - Xuất bản lần thứ 4, có sửa chữa, bổ sung. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 355 tr. : ảnh, bản đồ ; 24 cm. - 176000đ. - 2500b  
ĐTTS ghi: Bộ Nội vụ. Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II s627069
2271. Việt Nam - Kỷ nguyên vươn mình / Phạm Thị Thanh Trà, Trần Văn Phòng, Nguyễn Thị Hạnh... ; B.s.: Phan Thanh Long (ch.b.)... - H. : Công Thương, 2025. - 539 tr. : ảnh màu ; 27 cm. - 1000000đ. - 10000b  
ĐTTS ghi: Bộ Nội vụ. Tạp chí Tổ chức Nhà nước và Lao động s626615
2272. Việt Nam 80 năm hành trình rực rỡ / Tô Lâm, Trần Quốc Toàn, Vũ Văn Phúc... ; B.s.: Viêt Anh Đức (ch.b.)... - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 517 tr. : ảnh màu ; 28 cm. - 1000000đ. - 5000b  
ĐTTS ghi: Tạp chí Tổ chức nhà nước và Lao động; Công ty Cổ phần Thông tin và Phát hành Báo chí Quốc gia s626586
2273. Việt Nam ngàn năm văn hiến = Viet Nam's thousand-years civilization / B.s.: Vũ Trọng Lâm (ch.b.), Nguyễn Thái Bình, Phạm Thị Ngọc Bích... ; Dịch: Lê Thị Thu Ngọc, Đinh Trọng Minh ; H.đ.: Trương Quốc Bình... - Xuất bản lần thứ 3, có sửa chữa, bổ sung. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 695 tr. : ảnh màu ; 25 cm. - 1000b  
ĐTTS ghi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật s627128
2274. Việt Nam trong tôi - Tô màu Tổ quốc / Be Chan. - H. : Lao động, 2026. - 54 tr. : tranh vẽ ; 19x24 cm. - 79000đ. - 3000b s628664
2275. Vinh - Thời bao cấp / Hồng Sơn, Nguyễn Dương Tuệ, Ky Nguyen Van... ; Phạm Xuân Cầm ch.b. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 291 tr. : ảnh ; 24 cm. - 1900b s626942
2276. Võ Văn Sung. Chiến dịch Hồ Chí Minh giữa lòng Paris / Võ Văn Sung. - Xuất bản lần thứ 2. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 258 tr. : ảnh ; 19 cm. - 91000đ. - 1000b  
Phụ lục: tr. 207-256 s628774
2277. Vũ Kỳ. Bác Hồ viết Di chúc : Hồi ký / Vũ Kỳ ; Thế Kỷ ghi. - Xuất bản lần thứ 8. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 192 tr. ; 15 cm. - 70000đ. - 1000b s628817
2278. Vũ Kỳ. Truyện kể về Bác Hồ - Những chặng đường trường kỳ kháng chiến / Vũ Kỳ kể ; Ghi: Huyền Tím, Từ Nền. - Xuất bản lần thứ 4. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 115 tr. ; 21 cm. - 48000đ. - 2000b s627041
2279. Vũ Ngọc Khánh. Nguyễn Công Trứ / Vũ Ngọc Khánh. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 430 tr. ; 19 cm. - 180000đ. - 2000b

Phụ lục: tr. 375-430 s628816

## ĐỊA LÝ VÀ DU HÀNH

2280. Bài tập Tiếng Anh chuyên ngành Địa lí = Workbook English for Geography / Phạm Thị Bình (ch.b.), Hà Văn Thắng, Trần Thị Phương Hồng... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 63 tr. : minh họa ; 24 cm. - 80000đ. - 200b

Phụ lục: tr. 61-62. - Thư mục: tr. 63 s626819

2281. Giáo trình Địa lí tự nhiên Việt Nam 2 : Phần Khu vực / Đặng Duy Lợi (ch.b.), Nguyễn Thị Kim Chương, Đặng Văn Hương, Nguyễn Thục Nhu. - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 168 tr. : minh họa ; 24 cm. - 90000đ. - 500b

Thư mục: tr. 166-168 s627651

2282. Hồng Đức bản đồ = 洪德版圖 / Dịch, chú giải, giới thiệu: Bửu Cầm... - Huế : Nxb. Thuận Hóa, 2026. - 278 tr. ; 21x27 cm. - 205000đ. - 500b

Phụ lục: tr. 189-278 s628267

2283. Kế hoạch bài dạy Địa lí 6 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / B.s.: Phạm Thị Bình, Võ Thị Kim Hiệp (ch.b.), Trần Hải Đăng... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 275 tr. : minh họa ; 27 cm. - 150000đ. - 15000b

Thư mục: tr. 275 s627894

2284. Nguyễn Mạnh Duy. Himalaya - Đất Nước Lửa Khí Không / Nguyễn Mạnh Duy (Pema Tenzin). - H. : Thế giới, 2026. - 489 tr. : ảnh màu ; 27x29 cm. - 1800000đ. - 1000b s627938

2285. Nikita Huyền. Mỗi chuyến đi là một lần trưởng thành : Phương Đông 10 năm rong ruổi / Nikita Huyền. - H. : Công Thương, 2026. - 155 tr. : ảnh màu ; 19 cm. - 149000đ. - 500b

Tên thật tác giả: Nguyễn Thị Huyền s628323